# NAM TRUNG BỘ

## vùng đất, con người

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

# NAM TRUNG BỘ

*VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI*

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

9+37(V22)
1128- 2009
QĐND - 2010

# NAM TRUNG BỘ

## VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
*Hà Nội - 2010*

**TỔ CHỨC BẢN THẢO:**

Thượng tá, Thạc sỹ ĐINH VĂN THIÊN
Trung úy HOÀNG THẾ LONG
Cử nhân NGUYỄN TRUNG MINH

# LỜI NÓI ĐẦU

*Đất nước Việt Nam luôn được nhân loại biết đến như một đất nước anh hùng với những chiến công chói lọi trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Ngày nay, bên cạnh quá khứ hào hùng đó, đất nước ta ngày càng được bạn bè chọn làm điểm đến để tìm hiểu, khám phá bởi cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ tươi đẹp, rực rỡ sắc màu; bởi khí hậu chan hòa ánh nắng, quanh năm tươi xanh và bởi vẻ đẹp của những con người bình dị cần cù, chân thành mến khách. Trải dọc chiều dài đất nước, qua từng vùng miền du khách càng thêm ngỡ ngàng khi hòa mình vào bầu không khí sôi động đầy nắng gió của miền Nam hay cổ kính trầm mặc của miền Bắc hoặc nhẹ nhàng sâu lắng của miền Trung. Đời sống tinh thần với những nét đặc sắc, tinh tế trong phong tục lễ hội, văn hóa ẩm thực cùng với các di tích thắng cảnh trở thành những "vẻ đẹp tiềm ẩn" mà chúng ta đang tập trung gìn giữ, khai thác, phát triển trong quá trình hội nhập vươn mình ra thế giới.*

*Cuốn sách* ***"Nam Trung Bộ - vùng đất, con người"*** *nằm trong bộ sách* ***"Văn hóa các vùng miền"*** *của Nhà xuất bản Quân đội nhân dân. Nhằm cung cấp cho bạn đọc hiểu sâu hơn về thiên nhiên, văn hóa, con người, phong tục tập quán và những di tích danh thắng của Nam Trung Bộ.*

*Cuốn sách được sưu tầm, biên soạn dựa trên nguồn tư liệu tại trang thông tin của các tỉnh vùng Nam Trung Bộ, website của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch... và có sự kế thừa kết quả nghiên cứu về văn hóa, lịch sử của những tập thể và cá nhân đã được công bố trong những năm gần đây.*

*Mặc dù đã có nhiều cố gắng song chắc chắn cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót. Mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.*

*Trân trọng giới thiệu!*

**NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN**

Phần thứ nhất

# ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÁC DI TÍCH, DANH THẮNG NAM TRUNG BỘ

# I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Nam Trung Bộ là dải đất kéo dài từ $10^0$35'B - $16^0$12'B và $107^0$12'Đ - $109^0$20'Đ. Bao gồm: Thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.

Theo kết quả điều tra năm 2009 của Tổng cục Thống kê tổng dân số của cả vùng là 9.025,1 nghìn người, tổng diện tích (diện tích tính đến 01-01-2008 theo Quyết định số 1682/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) 44.360,7 $km^2$.

Phía bắc Nam Trung Bộ giáp với Bắc Trung Bộ, phía nam giáp với Đông Nam Bộ, phía tây giáp với Lào và Tây Nguyên, phía đông giáp Biển Đông.

Nam Trung Bộ có một vị trí thuận lợi trong giao lưu kinh tế, văn hóa với các tỉnh trong cả nước, quốc tế bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên. Chạy qua khu vực có các trục giao thông Bắc - Nam về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không đóng vai trò là các trục đường huyết mạch trong mạng lưới giao thông của cả nước và các khu vực phụ cận. Vị trí này là lợi thế quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho vùng mở rộng giao lưu kinh tế với Lào, các tỉnh Tây Nguyên và trong cả nước; kích thích và lôi kéo các ngành kinh tế của các tỉnh trong vùng phát triển. Đặc biệt

trong bối cảnh Việt Nam đã gia nhập WTO thì vị trí địa lý của vùng sẽ là một lợi thế quan trọng, đảm nhận chức năng đầu mối trung chuyển Bắc - Nam và Đông - Tây phát triển, cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên và các nước láng giềng phía tây đến các nước vùng Đông Bắc Á.

Hầu hết các tỉnh trong vùng đều giáp biển, ở phía đông có đồng bằng nhỏ hẹp còn phía tây là miền núi, trung du. Mặt khác đây cũng là đặc điểm cho thấy sự đa dạng về các điều kiện tự nhiên, khí hậu, văn hóa để các tỉnh có điều kiện phát triển cả kinh tế biển và kinh tế đất liền.

Đồng bằng ven biển của vùng là nơi tập trung đông dân cư, có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế biển: đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản. Nam Trung Bộ có 2 di sản được UNESCO công nhận là di sản thế giới: Đô thị cổ Hội An, Di tích Mỹ Sơn. Trong vùng có nhiều bãi biển đẹp, nhiều danh lam thắng cảnh. Đó là những tiềm năng du lịch biển, du lịch núi, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, tín ngưỡng... tạo cho Nam Trung Bộ trở thành một vùng du lịch độc đáo, hấp dẫn du khách và đưa ngành du lịch đang dần trở thành một ngành có ý nghĩa mũi nhọn.

Nam Trung Bộ có khí hậu nhiệt đới gió mùa, có sự phân hóa sâu sắc trên phạm vi lãnh thổ theo vĩ độ, địa hình và theo mức độ cách xa biển. Ở đây cũng xuất hiện thời kỳ khô nóng vào đầu hạ, có liên quan đến gió Tây Nam và chịu ảnh hưởng trực tiếp nặng nề của bão, kéo theo lũ lụt và úng ngập. Trong mấy năm gần đây, số lượng bão và thiệt hại do bão ngày càng tăng.

Nhiệt độ trung bình năm của vùng ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc, nhiệt độ trung bình năm khoảng

25,1 - 25,9$^0$C ở vùng đồng bằng, giảm xuống 23 - 24$^0$C ở độ cao 400 - 500m và 20 - 22$^0$C ở độ cao trên 1.000m.

Lượng mưa trung bình của vùng khoảng 2.000 - 2.500mm ở đồng bằng và trên 2.500mm ở vùng núi. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5, kết thúc vào khoảng tháng 10 - 11. Lượng mưa tập trung nhiều nhất vào các tháng 8, 9, 10 chiếm hơn 60% tổng lượng mưa cả năm, trong đó tháng 9 là tháng gây ngập úng ở hầu hết các tỉnh. Mùa khô từ tháng 11, 12 năm trước đến tháng 4 năm sau, lượng mưa trong mùa khô thấp 40 - 50mm/tháng, gây hạn hán nghiêm trọng cho cây trồng. Độ ẩm trung bình năm ở đồng bằng là 85%, miền núi là 90%, và biến đổi theo mùa.

Đây là một vùng chịu nhiều thiên tai, bão lũ, hạn hán, mưa đá... là những bất lợi rõ ràng cho nông nghiệp, ảnh hưởng đến năng suất và thu hoạch.

Hệ thống sông ngòi của vùng khá phong phú, đa số sông dốc, ngắn, mật độ sông suối khá lớn với các sông lớn: hệ thống sông Thu Bồn - Vu Gia ở Đà Nẵng, Quảng Nam, sông Trà Khúc, Trà Bồng ở Quảng Ngãi, sông Kôn ở Bình Định, sông Ba (Đà Rằng) ở Phú Yên, sông Cái và một số sông khác ở Ninh Thuận và Bình Thuận. Đây là nơi cung cấp nước tưới tiêu cho trồng trọt.

Đất đai của vùng ít màu mỡ hơn so với các vùng đồng bằng khác, gồm các nhóm đất: đất cồn cát, bãi cát; nhóm đất phèn mặn; đất phù sa (với các loại đất phù sa được bồi hàng năm, đất phù sa không được bồi đắp, đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng, đất phù sa úng nước, đất phù sa ngòi suối và đất lầy); nhóm đất xám; nhóm đất đen; nhóm đất đỏ vàng.

Nam Trung Bộ có các kiểu rừng nhiệt đới ẩm thường xanh quanh năm; rừng non tái sinh, rừng hỗn giao tre, gỗ; rừng cây bụi và rừng trồng. Rừng sản xuất của một số tỉnh như Quảng Ngãi, Bình Định còn nhiều loại cây dược liệu có giá trị: sa nhân, hà thủ ô, ngũ gia bì, sâm, thiên niên kiện, bách hộ, thổ phục linh... trong đó, đặc biệt có quế là đặc sản nổi tiếng, tập trung ở Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi, hàng năm khai thác từ 350 - 400 tấn. Trong rừng có nhiều loài động vật quý: hổ, báo, gấu, bò rừng, khỉ,.. và nhiều loài chim: công, đại bàng, gà lôi, bìm bịp, chim yến... Ngoài ra, còn có một số loài chim nước, chim di cư, chim biển và các loại bò sát.

Nam Trung Bộ có nguồn tài nguyên thiên nhiên khá phong phú: graphít, thạch anh, than (tương ứng là 60%, 50%, 10% trữ lượng cả nước). Ngoài ra còn có thiếc, vàng, chì, kẽm... nhưng trữ lượng ít, phân tán, khó khăn cho việc khai thác. Cát ở đây được sử dụng để sản xuất và tinh luyện các loại thủy tinh, sử dụng cho công nghiệp và xây dựng. Ngoài ra, dọc ven biển còn có titan với trữ lượng khá lớn, có giá trị công nghiệp.

## II. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ – XÃ HỘI

Miền Trung Việt Nam không chỉ có "biển xanh, cát trắng, nắng vàng" với những di sản văn hóa thế giới nổi tiếng mà còn có đóng góp không nhỏ vào sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc gia. Số liệu thống kê cho tổng cộng

hai vùng Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ (Trung Bộ) nhận thấy Trung Bộ đã đạt được một số thành tựu: Mức tăng trưởng GDP bình quân hàng năm thời kì 2001-2005 đạt trên 10%, trong đó mức tăng trung bình của công nghiệp là 14%; của nông, lâm, ngư nghiệp là 5,1%, của dịch vụ là 10%, GDP bình quân đầu người từ 232 USD năm tăng lên 405 USD năm 2005 (tăng 1,75 lần). Cơ cấu kinh tế ngành, lĩnh vực và thành phần chuyển dịch theo xu thế chung của cả nước, phản ánh trình độ phát triển của vùng. Năm 2005, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng đạt 32,4% tăng 6% so với năm 2000; dịch vụ đạt 38%, tăng 2,2% so với năm 2000; tương ứng nông nghiệp giảm từ 36,8% năm 2000 xuống còn 29,6% vào năm 2005. Cơ cấu lao động có bước chuyển dịch theo hướng lành mạnh, phản ánh sự phát triển của các ngành, lĩnh vực. Năm 2005, lao động nông nghiệp còn 59,2% trong tổng số lao động; tỷ trọng lao động công nghiệp và dịch vụ tương ứng là 17,8% và 23%.

Công nghiệp vùng Nam Trung Bộ đã có bước phát triển khá từ năm 2000 tới nay. Qua quá trình phát triển, trên địa bàn vùng đã và đang hình thành một số ngành công nghiệp quan trọng có ý nghĩa lớn với vùng và cả nước như thủy điện ở Bình Định, Phú Yên; kéo cán thép ở Đà Nẵng, Quảng Ngãi; lắp ráp ô tô ở một số tỉnh trong vùng; sản xuất xi măng; sản xuất gạch ốp lát, sứ vệ sinh và khai thác đá granit làm đá ốp lát; Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản khá phát triển tập trung ở Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi; Ngành nghề chế biến thủy sản truyền thống là nước mắm, mắm cá, cá khô, tôm khô, bột cá chăn nuôi; Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng với các

ngành dệt kim, công nghiệp may, da - giầy ở Đà Nẵng, Nha Trang và một số tỉnh; Ngành may, kéo sợi và công nghiệp giấy cũng được chú ý phát triển.

Thương mại, dịch vụ vùng Nam Trung Bộ có các hoạt động phát triển khá nhanh. Ngành du lịch đã và đang trở thành mũi nhọn phát triển của vùng. Vì nơi đây là nơi tập trung phần lớn các di sản văn hóa và di sản thiên nhiên thế giới của cả nước và nhiều di tích lịch sử văn hóa. Đây là một vùng đất có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp như Núi Chúa, Ngũ Hành Sơn..., các bãi tắm nổi tiếng như Mỹ Khê, Non Nước, Cà Ná,... các khu du lịch như Thác Tiên, Tháp Chàm Pôklông Grai (Tháp Chàm),... Đặc biệt nơi đây có vịnh Nha Trang nổi tiếng là một trong những vịnh đẹp nhất thế giới, bờ biển Nha Trang có nhiều bãi tắm đẹp đã và đang tạo thành những khu vui chơi, giải trí hấp dẫn.

Cơ cấu ngành trong nông nghiệp bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng cây công nghiệp và chăn nuôi. Ngoài cây lúa được coi là cây quan trọng để đảm bảo an ninh lương thực, Nam Trung Bộ có tiềm năng sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thực phẩm và hàng xuất khẩu như lạc, vừng, mía, cà phê, chè,...

Sản xuất thủy sản được phát triển và đang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của các tỉnh trong vùng, tập trung nhiều ở các tỉnh có bờ biển dài và nhiều cửa lạch lớn nhỏ như ở các tỉnh Bình Định, Bình Thuận, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa. Các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao được nuôi chủ yếu là cá thu, cá ngừ, cá hồng, cá mú, mực, tôm, cua... Tỉnh có sản lượng hải sản khai thác hàng năm lớn nhất là Bình Thuận, khả năng khai thác có thể

đạt 150 nghìn tấn/năm, Bình Định là 110-120 nghìn tấn/năm, Quảng Ngãi là 90 nghìn tấn/năm.

Với đặc điểm về địa lý, địa hình là hẹp về chiều ngang, núi dốc và có đường bờ biển kéo dài, rừng có vai trò rất quan trọng trong việc ngăn lũ từ thượng nguồn và giảm thiệt hại do mưa bão gây ra; ngoài ra, rừng là nguồn cung cấp gỗ rất lớn với nhiều loại gỗ khác nhau: lim, trám, thông, trầm, quế, keo, phi lao... Nam Trung Bộ nằm trong vùng đạt sản lượng gỗ khai thác cao nhất trong cả nước.

Với các thế mạnh của mình Nam Trung Bộ đang tiến những bước vững chắc, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển của đất nước.

## III. ĐẶC ĐIỂM DÂN TỘC, TÔN GIÁO

Quá trình hình thành lâu dài trong lịch sử đã tạo cho cư dân Nam Trung Bộ có nhiều sắc thái riêng so với các lãnh thổ khác của đất nước về nhiều mặt, trong nếp sống, truyền thống địa phương và phương thức lao động sản xuất. Đây là nơi diễn ra sự hội nhập của hai nền văn hóa Việt và Chăm. Những phong tục, tập quán lễ hội... của văn hóa Chăm thể hiện khá rõ nét ở miền Trung. Bên cạnh tính bản địa (Việt - Chăm), miền Trung còn là nơi chịu ảnh hưởng của hai nền văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ. Nền văn hóa của vùng vẫn còn bảo tồn được các kiến trúc cổ như các di tích văn hóa Chăm (đền, tháp, mộ, thành...), khu đô thị cổ Hội An, di tích Mỹ Sơn... Những công trình kiến trúc, di tích lịch sử này rất có giá trị về truyền thống.

Trong vùng có 41 dân tộc trong tổng số 54 dân tộc cả nước, trong đó dân tộc Kinh chiếm số lượng lớn nhất trên 90% tổng dân số. Và các dân tộc thiểu số khác: Chăm, Hrê, Cơ Tu,...

Mỗi một dân tộc có nét đặc sắc văn hóa riêng, tuy vậy tầm ảnh hưởng văn hóa của mỗi dân tộc đến văn hóa chung của cả vùng là khác nhau. Chúng ta phải kể đến văn hóa của người Kinh và người Chăm.

## 1. Người Chăm

Theo truyền thuyết thì người Chăm xa xưa gồm hai thị tộc: thị tộc Cau về sau đại diện cho tầng lớp bình dân, sống ở trên núi cao và thị tộc Dừa đại diện cho tầng lớp quý tộc, về sau sống ở đồng bằng, ven biển.

Người Chăm sống bằng nông nghiệp, ruộng nước kết hợp nghề thủ công. Do sống ở vùng biển có nhiều vũng, vịnh nên người Chăm rất giỏi đánh cá và đi buôn trên biển, kỹ thuật đóng thuyền đi biển khá cao. Cơ sở ban đầu của nghề đánh cá và buôn bán trên biển là văn hóa ghe bầu (bắt nguồn từ chữ "brâu" - thuyền và thuyền buồm, thường là thuyền hai đầu nhọn, lái và mũi đều cong, cao gắn với buồm hình tứ giác lệch hoặc tam giác). Đây là yếu tố của cư dân Mã Lai - Nam Đảo, gắn với các hoạt động thương nghiệp trên biển và dọc biển.

Về xã hội người Chăm theo chế độ mẫu hệ. Con cái đều theo họ mẹ và họ mẹ là họ nội, họ bố là họ ngoại. Phụ nữ chủ động việc hôn nhân, lo thờ cúng tổ tiên (thị tộc mẫu hệ), được hưởng quyền thừa kế nên người nào không có con gái coi là tuyệt tự. Hôn nhân con chú con bác, con cô con cậu được coi

là phù hợp nhất và tốt (trừ trường hợp con gái cô lấy con trai cậu), cấm ngặt con dì con già lấy nhau. Mỗi dòng họ do một phụ nữ đứng đầu, có kiêng kỵ riêng, nghĩa địa riêng.

Tuy chế độ gia đình là mẫu hệ, nhưng người Chăm sớm xây dựng được nhà nước Chăm Pa hùng mạnh, tồn tại một thời gian khá dài (từ đầu Công nguyên đến thế kỷ XVI). Đơn vị xã hội cơ sở là làng.

Trong quá trình tiếp thu với các tôn giáo và các nền văn hóa, cộng đồng người Chăm đã chia thành hai bộ phận:

- Bộ phận theo Bà La môn (Ấn Độ giáo) hay còn gọi là Chăm Ka phi a (hay Chăm Chuh), chiếm khoảng hai phần ba người Chăm vùng Trung và Nam Bộ.

- Bộ phận theo đạo Hồi (còn gọi là Chăm Bà ni). Bộ phận này về sau lại chia thành hai nhóm: nhóm theo Hồi giáo Bà ni (Hồi giáo cũ, ở vùng Ninh Thuận, Bình Thuận) có tổ chức xã hội không khác mấy so với nhóm Phật giáo; nhóm kia theo Hồi giáo Ixlam (vùng Nam Bộ, xuất hiện vào thời Mỹ – Ngụy) có xu hướng gắn với cư dân Ả rập, có những đặc điểm khác biệt về cơ cấu xã hội (gia đình phụ hệ thay thế mẫu hệ), về sinh hoạt kinh tế, văn hóa, thậm chí cả việc sử dụng tiếng nói và chữ viết thông thường, hình thức kiến trúc của thánh đường, các tín ngưỡng dân gian bị lu mờ dần.

Các tôn giáo này có vị trí quan trọng, chi phối đời sống cộng đồng người Chăm, tạo nên các sắc thái văn hóa khác nhau trong nội bộ tộc người. Ý thức về tộc người của người Chăm rất cao và ý thức về cộng đồng tôn giáo cũng rất rõ nét, nhiều khi tạo ra cả những khác biệt, dẫn đến những mâu thuẫn về chính trị - xã hội giữa các nhóm theo các tôn

giáo khác nhau. Trong thời gian từ 1954 đến tháng 4 năm 1975, đế quốc Mỹ đã lợi dụng sự khác biệt này để chia rẽ cộng đồng người Chăm.

Trong đời sống người Chăm ở tất cả các nhóm theo các tôn giáo khác nhau, tầng lớp tu sĩ có vai trò và ảnh hưởng rất lớn.

Trong quá trình sinh sống, người Chăm tạo ra nền văn hóa độc đáo của riêng mình. Trước hết, về văn hóa vật chất, nét độc đáo của các tháp Chăm, tập trung nhiều ở các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận (các tháp Chăm ở Mỹ Sơn - Quảng Nam đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới). Nguồn thần thoại, truyền thuyết về vũ trụ, về con người, và nguồn gốc tộc người, ca dao, tục ngữ, dân ca (các điệu hò, lý) của người Chăm khá phong phú.

Là cư dân theo chế độ mẫu hệ, người Chăm coi trọng việc thờ nữ thần. Đó là Thiên Yana Thánh Mẫu (Pô Na ga) - Mẹ Xứ Sở là thần đã sáng tạo ra đất đai, câu cối rừng gỗ quý, lúa ngô và dạy người Chăm cách trồng trọt. Thần được thờ trong các lăng tháp. Là cư dân thạo nghề đi biển, người Chăm còn coi trọng việc thờ cá voi (hay cá Ông), hóa thân thành thần Pô Ryah (thần sóng biển) hoặc thành thiên nga, cứu giúp người đi biển. Người Chăm có nhiều lễ thức liên quan đến nghề đi biển như cúng thuyền, các kiêng cữ liên quan đến thuyền (ăn cá không lật ngược, không cho phụ nữ lạ bước lên thuyền...). Vùng Nam Trung Bộ, người Chăm còn thờ thần Pô Klông Garai (người xây đập nước ở Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận vào đầu thế kỷ XII) và Pôrômê (người có công xây dựng đập nước Marên - Bình Thuận giữa thế kỷ XVI).

## 2. Người Việt (Kinh)

Trong 54 tộc người ở Việt Nam, người Việt là tộc người đa số, chiếm số đông nhất, chiếm phần đông trong số dân cả nước, trong đó còn lại là các dân tộc khác.

Người Việt là tộc người duy nhất cư trú thành các cộng đồng đông đúc ở tất cả các tỉnh, thành trong cả nước, trên tất cả các địa bàn (đồng bằng, trung du, miền núi, ven biển, hải đảo), song tập trung đông đúc ở các đồng bằng (đây là quy luật phổ biến của các nước Đông Nam Á, giống như trường hợp người Thái ở Thái Lan, người Miên ở Mianma, người Khmer ở Campuchia...). Người Việt còn tập trung ở các thành phố, thị xã, thị trấn, các trục đường giao thông lớn trong cả nước.

Các tư liệu khảo cổ khọc cho phép khẳng định, tổ tiên của người Việt chính là nhóm Lạc Việt nằm trong khối Bách Việt cư trú trên một vùng rộng lớn ở bắc Việt Nam và nam Trung Quốc. Về mặt nhân chủng, người Lạc Việt là trung gian giữa chủng Mônggôlôít và Ôxtralôít. Trên vùng lãnh thổ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ hiện nay, cách ngày nay khoảng 3.500 - 4.000 năm, nhóm Lạc Việt đã trực tiếp tạo ra những nền văn hóa có tính liên tục, từ Phùng Nguyên, Gò Mun, Đồng Đậu và cuối cùng là nền Văn hóa Đông Sơn rực rỡ, với nghề trồng lúa nước, kết hợp các nghề thủ công, trong đó nghề độc đáo nhất là nghề đúc đồng với sản phẩm mang tính đặc trưng là trống đồng. Quá trình tạo lập các nền văn hóa này cũng là quá trình người Việt chuẩn bị các điều kiện để tiến tới lập Nhà nước đầu tiên - Nhà nước Văn Lang.

Cùng với việc thiết lập cơ sở kinh tế và thể chế chính trị đi đến phát triển như ngày nay, người Việt đã [illegible]

nền văn hóa vô cùng độc đáo. Có chữ viết và tiếng nói cho riêng mình. Văn hóa vật thể người Việt thể hiện trước hết ở truyền thống ẩm thực (các đồ ăn, thức uống, phong cách ăn uống) phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, miền. Về văn hóa ăn mặc, nét độc đáo nhất của người Việt là bộ quần áo dài của nữ giới, tôn thêm vẻ đẹp và duyên dáng của người phụ nữ, ở Nam Bộ là bộ quần áo bà ba gắn với chiếc khăn rằn. Kết cấu làng và nhà cửa của người Việt được trang trí hài hòa với khung cảnh thiên nhiên của từng vùng. Trong mỗi làng đều có các công trình thờ cúng (gắn với kiến trúc và điêu khắc của từng thời kỳ) như đình, chùa, đền, miếu...

Nét độc đáo nhất về tín ngưỡng của người Việt, nét nổi bật nhất là sự kết hợp giữa ba tôn giáo Nho - Phật - Đạo (Tam giáo đồng tôn) với các yếu tố của tín ngưỡng bản địa, như tín ngưỡng thờ tổ tiên, tín ngưỡng vật hữu tình, tín ngưỡng nông nghiệp ruộng nước...). Mỗi làng Việt đều có đình để thờ Thành hoàng (vị thần bảo vệ và che chở cho vận mệnh của cả làng, thường là các tướng lĩnh có công đánh giặc giữ nước, người có công khai phá đất đai, lập làng, người truyền nghề hay mở đường học hành khoa cử cho làng), có chùa để thờ Phật, có văn chỉ (hay văn tự) để thờ Khổng Tử (người sáng tạo ra đạo Nho) và những người đỗ đạt của làng. Trong làng còn có nhà thờ của các dòng họ, nhà thờ các danh nhân, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, biết ơn tổ tiên. Các làng ven biển từ Trung Trung Bộ trở vào đều có lăng thờ cá voi (hay cá Ông, nên còn gọi là lăng Ông).

Gắn với các công trình tín ngưỡng trên đây là các lễ thức thờ cúng, phát triển thành các hội. Chiếm phần lớn các hội là hội đình, một số là hội chùa, hội đền. Về nội

dung, có hội lịch sử, hội nông nghiệp, hội thi tài, hội văn nghệ giao duyên... Về quy mô, chiếm phần lớn là hội làng, một số hội là liên làng (liên kết của nhiều làng có quan hệ thân thuộc về lịch sử, điều kiện địa lý và văn hóa), một số ít là hội vùng (hội của một vùng rộng lớn). Hội của người Việt là một công đoạn của chu kỳ sản xuất nông nghiệp, kết thúc một chu kỳ sản xuất cũ, mở đầu một chu kỳ mới; đáp ứng yêu cầu đời sống tâm linh, thưởng thức các giá trị văn hóa cho người nông dân sau một mùa sản xuất. Hội phản ánh ước vọng của cư dân nông nghiệp (mưa thuận gió hòa, phong đăng hòa cốc, đông con nhiều cháu, nhân khang vật thịnh). Hội cũng phải ánh đặc điểm tín ngưỡng phong tục tập quán, sự phân tầng xã hội trong làng xã (thể hiện ở vai vế trong tế lễ, đám rước, chia phần biếu sau tế lễ). Cùng với đình làng, hội là kết tinh của tinh thần cộng đồng làng xã (thể hiện ở mọi người cùng lo việc hội, cùng thưởng thức hội). Hội là yếu tố lớn nhất của văn hóa phi vật thể góp phần làm phong phú văn hóa làng xã.

Văn hóa phi vật thể của người Việt còn thể hiện ở các lễ tiết trong năm (Tết Nguyên đán và các tết khác), ở các phong tục liên quan đến chu trình đời người (lễ cúng mụ, lễ vào giáp, cưới xin, khao vọng, lên lão, mừng thọ và tang lễ). Các phong tục này biểu hiện riêng biệt của từng vùng, miền. Thêm vào đó người Việt còn xây dựng được một kho tàng văn học dân gian (cổ tích, thơ, ca, hò, vè...) và văn học hiện đại rất đồ sộ (văn, thơ, tiểu thuyết...) dưới dạng chữ viết hoặc truyền miệng.

Người Việt sớm hình thành nền giáo dục dân gian, từ trong gia đình, dòng họ và làng xã, nhằm trao truyền các kỹ

năng lao động, các kinh nghiệm sản xuất dựa trên những nhận biết mang tính quy luật về sự biến chuyển của thời tiết, khí hậu từng mùa, sự thích ứng của các loại cây trồng với các điều kiện của thổ nhưỡng, nước và khí hậu. Nền giáo dục dân gian còn chú trọng dạy con người từ tấm bé nhận biết để có một thái độ ứng xử đúng với trong các mối quan hệ: quan hệ nam nữ, quan hệ huyết thống, quan hệ tuổi tác, quan hệ làm ăn... nhằm duy trì tôn ty trật tự từ trong gia đình ra ngoài làng, duy trì các phong tục tập quán, các sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng. Ngay từ đầu Công nguyên, người Việt đã tiếp thu nền giáo dục Hán học của người Trung Quốc. Chữ Hán được dùng làm phương tiện chủ yếu để dịch kinh, in sách Phật. Một số người Việt có học lực khá, thi đỗ cao có tiếng vang sang cả Trung Quốc, như Trương Trọng, Lý Tiến, Lý Cầm (đời Lý); đời nhà Đường có Khương Công Phụ đỗ Trạng nguyên, được giao chức vụ cao trong triều đình phong kiến Trung Quốc.

Sau khi giành quyền tự chủ (đầu thế kỷ X), yêu cầu xây dựng một nhà nước vững mạnh, vận dụng mô hình thể chế chính trị - xã hội dựa trên ý thức hệ Nho giáo của Trung Quốc để đủ sức đảm đương được nhiệm vụ bảo vệ nền độc lập của quốc gia đặt ra cấp thiết đã thúc đẩy nền giáo dục và khoa cử Nho học. Năm 1070, lập Văn Miếu để thờ Khổng Tử. Năm 1076, Quốc Tử Giám được thành lập để làm nơi học tập của Hoàng thái tử (con vua), về sau là cả con em quan lại cấp cao và con em dân thường nhưng có trình độ học lực tốt. Năm 1075, nhà Lý mở khoa thi Nho học đầu tiên - khoa *Minh Kinh bác học* và *Nho học tam trường*. Từ đó, các quy chế về khoa cử ngày càng được bổ

sung và hoàn thiện, các kỳ thi Nho học được tổ chức đều đặn để chọn lọc người tài. Theo sách *Đăng khoa lục*, từ khoa thi đầu tiên (năm Ất Mão đời vua Lý Nhân Tông, 1075) đến khoa cuối cùng (năm Kỷ Mùi đời vua Khải Định, 1919), có 183 khoa thi Hội được tổ chức, lấy đỗ 2.898 người, gồm 47 Trạng nguyên, 48 Bảng nhãn, 75 Thám hoa, 597 Hoàng giáp, 1.799 Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, 266 Phó bảng, 65 người thuộc hạng Đệ nhất giáp và 1 người thuộc hạng Đệ nhị giáp. Đây là nguồn bổ sung quan trọng và chính yếu nhất cho đội ngũ quan lại các cấp. Rất nhiều người trong số họ sau khi thi đỗ đã đem hết tài năng, đức độ đóng góp xây dựng triều chính và đất nước. Nhiều người là danh nhân văn hóa, trở thành niềm tự hào và là "biểu tượng" của làng quê, nơi họ xuất thân.

Văn hóa Việt có sức lan tỏa, ảnh hưởng lớn đến các tộc người khác nhưng văn hóa Việt cũng tiếp thu nhiều yếu tố văn hóa đặc sắc của nhiều tộc người khác. Một nét nổi bật của người Việt là tính thích ứng, thích nghi rất cao với điều kiện sống, với hoàn cảnh mới, trước môi trường sống mới. Đến với bất kỳ môi trường nào, người Việt cũng dễ dàng, nhanh chóng thích nghi và hòa đồng với cư dân sở tại, từ đó, tạo ra những nét mới trong văn hóa, trên cơ sở "nguyên mẫu" ban đầu. Các sắc thái văn hóa Việt ở Trung Bộ và Nam Bộ cho thấy điều đó.

Người Kinh nói chung và ở duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng cùng chung sống với cộng đồng các dân tộc anh em như Chăm, Cơ Tu, Hrê, Xơ Đăng... Trong quá trình cùng nhau hoạt động sản xuất, cùng nhau đoàn kết chống lại thiên tai, chống lại giặc xâm lược bảo vệ và giữ gìn quê

hương đất nước của mình, các nền văn hóa đã giao thoa, ảnh hưởng mạnh mẽ lẫn nhau. Trong hầu hết các lễ hội đặc sắc của các dân tộc thiểu số, đặc biệt là các lễ hội của người Chăm đó là những sinh hoạt văn hóa, hoạt động lễ hội có sức thu hút đông đảo mọi người tham gia, không chỉ có đồng bào dân tộc thiểu số, mà còn có đông đảo người Việt, và đồng bào các dân tộc trong khu vực phụ cận cùng hưởng ứng một cách nồng nhiệt. Qua mỗi một lễ hội, tình đoàn kết, gắn bó giữa cộng đồng các dân tộc ngày càng được củng cố, bền chặt, nền văn hóa chung ngày càng phong phú, đặc sắc. Không chỉ trong lễ hội, mà trong phong tục tập quán, đồng bào các dân tộc thiểu số, trong quá trình giao lưu với người Việt, đã dần bỏ đi các phong tục tập quán lạc hậu, cải cách theo lối sống mới văn minh và tiến bộ hơn trong đời sống và trong sản xuất. Người Kinh Nam Trung Bộ cũng đã tiếp thu rất nhiều những nét đặc sắc từ văn hóa của các dân tộc thiểu số khác, đặc biệt là của người Chăm. Nhờ vậy mà văn hóa người Việt ở Nam Trung Bộ ngày càng phong phú, thỏa mãn nhu cầu văn hóa của người dân.

### 3. Dân tộc Cơ Tu

Dân tộc Cơ Tu ở nước ta có gần 37.00 người, cư trú tại các huyện Hiên, Giằng (Quảng Nam), A Lưới, Nam Đông (Thừa Thiên Huế). Dân tộc này còn có những tên gọi khác: Ca Tu, Cao, Hạ, Phương, Ca Tang.

Tiếng nói của dân tộc Cơ Tu thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer. Đồng bào tin vào Giàng (thần) và cúng tế các Giàng.

Sinh sống trên vùng Trường Sơn hiểm trở, người Cơ Tu trồng cây lương thực theo lối phát rừng làm rẫy, chọc lỗ tra

hạt. Các hoạt động kinh tế khác gồm có chăn nuôi, dệt, đan lát, hái lượm, đánh cá, săn bắn và trao đổi hàng hoá theo cách vật đổi vật.

Trong làng người Cơ Tu, các nếp nhà sàn tạo dựng theo hình vành khuyên hoặc gần giống thế. Ngôi nhà rông cao, to, đẹp hơn cả là nơi tiếp khách chung, hội họp, cúng tế, tụ tập chuyện trò vui chơi.

Theo tập quán trang phục cổ truyền của dân tộc Cơ Tu, đàn ông đóng khố, cởi trần, đàn bà mặc váy áo. Mùa lạnh họ khoác tấm vải quanh mình. Đồ trang sức phổ biến là vòng tay, vòng cổ, khuyên tai. Các phong tục xăm mặt, xăm mình, cưa răng, đàn ông búi tóc sau gáy đã dần được loại bỏ.

Ở làng định cư của người Cơ Tu ở huyện Hiên, người Cơ Tu theo chế độ phụ hệ, con lấy họ theo cha, chỉ con trai mới được thừa hưởng gia tài. Mỗi dòng họ người Cơ Tu đều có tên gọi riêng, người trong họ phải kiêng cữ một điều nhất định. Có chuyện kể về lai lịch của dòng họ và sự kiêng cữ đó. Lúc sống, dòng họ có trách nhiệm cưu mang, giúp đỡ lẫn nhau, khi chết được chôn cất bên nhau trong bãi mộ chung của làng. Nhà mồ của người khá giả làm to và đẹp, được vẽ và chạm khắc tượng cầu kỳ. Đồng bào không có tục cúng giỗ, tảo mộ.

Theo tập tục Cơ Tu, khi người họ này lấy vợ họ kia, thì người họ kia không được lấy vợ họ này, mà phải tìm ở họ khác. Tập tục người Cơ Tu cho phép khi chồng chết, vợ có thể lấy anh em chồng, khi vợ chết, chồng có thể lấy em hay chị vợ. Việc kết hôn thường mang tính gả bán, và sau lễ cưới cô dâu đến ở nhà chồng. Chế độ một vợ một chồng phổ biến, nhưng cũng có một số người khá giả lấy hai vợ.

Hàng năm, người Cơ Tu có nhiều lễ cúng lớn, nhỏ nhằm cầu xin các thần linh phù họ mọi sự may mắn, tốt lành, nhất là đối với việc làm rẫy. Nhiều lễ cúng của từng gia đình, nhưng cũng có các lễ cúng của làng, tiêu biểu là lễ đâm trâu do cả làng thực hiện.

### 4. Dân tộc Hrê

Dân tộc có khoảng 95.000 người, cư trú chủ yếu ở miền tây tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định. Tiếng nói của người Hrê thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer, gần gũi với tiếng nói của người Xơ Đăng và Ba Na.

Người Hrê tin vào đa thần giáo, quan niệm có hệ thống siêu linh gồm nhiều loại thần khác nhau.

Người Hrê làm lúa nước từ lâu đời, kỹ thuật canh tác lúa nước của đồng bào tương tự như vùng đồng bằng Nam Trung bộ. Đồng bào chăn nuôi trước hết nhằm phục vụ các lễ cúng bái, riêng trâu còn được dùng để kéo cày, bừa. Nghề đan lát, dệt khá phát triển, nhưng nghề dệt đang bị mai một qua mấy chục năm gần đây.

Trước kia đàn ông Hrê đóng khố, mặc áo cánh ngắn đến thắt lưng hoặc ở trần, quấn khăn; đàn bà mặc váy hai tầng, áo 5 thân, chùm khăn. Nam, nữ đều búi tóc cài trâm hoặc lông chim. Ngày nay, người Hrê mặc quần áo như người Kinh, riêng cách quấn khăn, trùm khăn vải vẫn như xưa. Phần lớn nữ giới vẫn mặc váy, nhưng may bằng vải dệt công nghiệp. Người Hrê thích đeo trang sức bằng đồng, bạc, hạt cườm; nam nữ đều đeo vòng cổ, vòng tay, nữ có thêm vòng chân và hoa tai. Tục cà răng căng tai đã dần được xoá bỏ.

Người Hrê ở nhà sàn, mặt nhà sàn cao hơn mặt đất trung bình một mét, vách dựng nghiêng phía trên ra ngoài, hai đầu dốc có hình hai sừng thú. Mỗi đầu sàn nhà đều có một khoảng không gian ngăn cách với trong nhà, nếu ở đầu sàn này giành cho đàn ông tiếp khách thì ở đầu sàn kia giành cho phụ nữ.

Trong làng người Hrê, "già làng" có uy tín cao và đóng vai trò quan trọng. Dưới thời phong kiến, người Hrê nhất loạt đặt họ Đinh, gần đây người lấy họ Nguyễn, Hà, Phạm... Hình thức gia đình nhỏ rất phổ biến ở dân tộc Hrê.

Người Hrê cũng có lễ đâm trâu như phong tục chung ở Trường Sơn - Tây Nguyên. Người Hrê thích sáng tác thơ ca, ham mê ca hát và chơi các loại nhạc cụ. Ka-choi và Ka-lêu là làn điệu dân ca quen thuộc của đồng bào. Nhạc cụ của người Hrê gồm nhiều loại: đàn brook, ching ka-la, sáo ling la, ống tiêu ta-lia, đàn ống bơ-bút của nữ giới, khèn ra-vai, rà-ngói, pơ-pen, trống... Những nhạc cụ được đồng bào quý nhất là chiêng, cồng, thường dùng bộ 3 chiếc, hoặc 5 chiếc, với các nhịp điệu tấu khác nhau. Truyện cổ đề cập đến tình yêu chung thuỷ, cuộc đọ tài trí giữa thiện và ác, giàu và nghèo, rất hấp dẫn các thế hệ từ bao đời nay.

### 5. Dân tộc Xơ Đăng

Dân tộc Xơ Đăng có gần 97.000 người cư trú, tập trung ở tỉnh Kon Tum, một số ít là ở miền núi tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Quảng Nam. Dân tộc Xơ Đăng có các nhóm địa phương: Xơ-đeng (Hđang), Cà-dong, Tơ-đrá, Mơ-nâm, Hà-lăng. Tiếng Xơ Đăng thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer. Người Xơ Đăng tin ở vạn vật hữu linh, thờ nhiều thần liên quan đến sản xuất và sinh hoạt.

Người Xơ Đăng làm rẫy là chính, nhóm Mơ-nâm làm ruộng nước nhưng không cày bừa mà lại dùng sức trâu, sức người để giẫm nát đất. Đồng bào chăn nuôi gia súc, gia cầm, săn bắn, hái lượm, đánh bắt cá, đan lát, dệt, rèn. Nhóm Tơ-đrá vốn có nghề luyện từ quặng ra sắt và rèn rất phát triển và nổi tiếng.

Mỗi làng Xơ Đăng có máng nước chung, có bãi mộ chôn người chết... Nhà cửa của dân làng quây quần bên nhau, mọi người gắn bó giúp đỡ lẫn nhau. Người là "già làng" được trọng nể nhất, là người điều hành sinh hoạt chung trong làng và đại diện của dân làng.

Dân tộc Xơ Đăng, có nơi gia đình nhiều thế hệ ở trong nhà dài. Hiện nay, từng gia đình nhỏ tách ra làm ăn riêng, ở riêng đã phát triển. Tên của người Xơ Đăng không có họ kèm theo, nhưng có từ chỉ định giới tính: nam là A hay U, nữ là Y (ví dụ như A Nhong, Y Hên ). Trai gái lớn lên, sau khi cưa răng theo phong tục (ngày nay ít người còn theo phong tục này) được tìm hiểu, yêu nhau. Lễ cưới xin đơn giản. Sau lễ cưới, đôi vợ chồng ở luân chuyển với từng gia đình mỗi bên ít năm, rất ít trường hợp ở hẳn một bên.

Trong số các lễ cúng, lễ hội truyền thống của dân tộc Xơ Đăng, lễ đâm trâu được tổ chức long trọng nhất, đông vui nhất. Người Xơ Đăng thích hát múa, tấu chiêng cồng, chơi đàn, thổi sáo, kể chuyện cổ. Đàn ông không chỉ có tinh thần thượng võ mà còn có tài nghệ trong kiến trúc, điêu khắc và hội họa, tạo nên những sản phẩm đặc sắc, tiêu biểu là ngôi nhà rông và cây nêu trong lễ đâm trâu.

Mỗi làng người Xơ Đăng đều có nhà rông, nóc và mái nhà được tạo dáng như cánh buồm lớn hoặc lưỡi rìu khổng

lồ ngửa lên trời. Trên 2 đầu nóc và dọc nóc nhà được trang trí đẹp. Nhà rông được dân làng tạo dựng hoàn toàn bằng thảo mộc có sẵn ở các địa phương. Kỹ thuật xây dựng chỉ là lắp ghép hoặc chằng buộc, không hề dùng đến đinh sắt, dây thép...

Nhà rông thực sự là công trình kiến trúc, một sản phẩm văn hoá, là trụ sở câu lạc bộ trong làng của đồng bào Xơ Đăng.

## IV. DI TÍCH LỊCH SỬ

Nam Trung Bộ đã ghi lại biết bao sự tích anh hùng là một vùng đất đã trải qua bao mất mát cho độc lập dân tộc, nơi có rất nhiều Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Nơi đây đã tạo nên khí phách kiên cường, ý chí cách mạng, truyền thống hiếu học...

### *Đình Quá Giáng, Đà Nẵng

Đình Quá Giáng tọa lạc ở thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Tại đây thờ Quan Thánh và các vị tiền hiền của bốn tộc Đinh, Lê, Trần, Nguyễn - những người có công theo Chúa Nguyễn vào Nam khai phá đất đai lập nên làng Quá Giáng xưa bao gồm vùng Quá Giáng, Giáng Nam, Trà Kiểm, An Lưu và xóm Cồn Mong.

Nhà thờ được chia làm hai phần: phần tiền đường và phần chính điện. Nối nhà tiền đường và chính điện là hai dãy hành lang có mái che tạo nên một kiến trúc khép kín kiểu chữ nhật.

Tiền đường xây theo lối chồng rường giả thủ, chân giả thủ đều trang trí hình quả bí, phía trên được trang trí hình đài hoa sen.

Hai dãy cột chính mỗi dãy bốn cột cao 5m chống đỡ hai vì kèo và hai dãy cột quân thấp hơn chống đỡ hai mái phụ. Trên các thanh xà, kèo đều được trang trí cỏ cây, hoa lá, muông thú, bát bửu và các đường trang trí khác. Đuôi kèo được chạm khắc hình tượng cá chép hoá rồng.

Phần nhà thờ chính được xây dựng theo lối kéo tam đoạn (kéo chuyền) với ba gian bốn mái. Bốn cột chính cao 5m cùng 8 cột quân cao 3m và 16 cột con chống đỡ vì kèo. Đầu các thanh chính được khắc hình đầu rồng, giữa được trang trí chữ thọ và các đường nét trang trí hoa lá khác. Bộ cửa thượng song hạ bản cùng với bộ mắt cửa thể hiện rõ phong cách kiến trúc của Hội An với bàn tay tài hoa khéo léo của người thợ làng Kim Bồng nổi tiếng.

Mái nhà thờ lợp ngói âm dương với hình ảnh loan phụng hòa minh trên nóc. Hai bên là hai con rồng ngoái đầu lại nhìn nhau. Các con vật trong "tứ linh" cũng được đưa lên mái trước của tiền đường.

Hàng năm dân làng có hai kỳ Xuân Thu tế lễ vào các ngày 20 tháng 2 và 12 tháng 7 âm lịch để tưởng nhớ lại các vị tiền hiền đã mở mang vùng đất này.

Đình Quá Giáng được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích quốc gia năm 2000.

### *Đình Nại Nam, Đà Nẵng

Đình làng Nại Nam nay thuộc khối phố Nam Sơn, phường Hòa Cường, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đình được xây dựng năm Ất Tỵ (1905) từ công sức đóng góp của dân địa phương, thờ Thành hoàng bảo an chính trực, bổn xứ thổ thần và các vị tiền nhân của làng.

Đình ghi đậm dấu ấn văn hóa thời Nguyễn, mái lợp ngói âm dương, tường gạch, trên mái đình là lưỡng long chầu nguyệt, loan phụng hòa vinh, dơi ngậm đào, thể hiện qua nghệ thuật đắp ghép sành sứ công phu, đẹp mắt. Bên trong chia làm 3 gian, 2 chái, phần chính diện dài 11,7m, rộng 7,9m, hậu tẩm rộng 3,9m, dài 4,1m. Có 4 hàng cột bằng gỗ mít, gồm 20 cột, có chiều cao từ 2,5m - 4,5m. Kết cấu kèo theo "chồng rường - giả thủ". Phần đầu hồi chạm trổ khéo léo và tinh xảo qua bàn tay tài hoa của thợ chạm Kim Bồng (Hội An), thể hiện các đề tài: cá chép hóa long, bát bảo đạo nho, cùng các họa tiết hoa văn cây cỏ, hoa lá.

Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, đình là cơ sở, địa điểm để hoạt động cách mạng, có nhiều sự kiện lịch sử diễn ra ở đây như lễ kết nạp đảng viên, triển khai lực lượng chính trị và quân sự đánh vào thành phố, nhiều người con ưu tú của địa phương đã sống, chiến đấu và hy sinh anh dũng tại đình.

Di tích đình Nại Nam, ngoài giá trị của một di tích kiến trúc - nghệ thuật còn là một trong những đình làng cổ tiêu biểu còn lại khá nguyên vẹn trong nội thành Đà Nẵng. Đình làng Nại Nam được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích quốc gia năm 1999.

### *Đình Hải Châu, Đà Nẵng

Đình làng Hải Châu nằm trên đường Phan Chu Trinh, thuộc Tổ 6, phường Hải Châu 1, thành phố Đà Nẵng

Phía trước đình Hai Châu có hồ nước lớn, ở giữa sừng sững hòn non bộ rợp bóng cây bồ đề trên dưới trăm tuổi. Trên cổng Tam Quan vẫn còn rõ tên Hải Châu Chánh Xã bằng chữ Hán. Qua khoảng sân rộng là một quần thể kiến trúc chính gồm: Đình Hải Châu, Nhà thờ Tiền Hiền, nằm giữa hai nhà thờ tộc thành hình chữ "nhất". Nhà thờ bên trái của tộc Nguyễn Văn mới tách ra, còn nhà thờ bên phải gọi là Kinh An Tự thờ chung 42 bài vị của 42 tộc họ, 42 tộc họ này đều từ thôn Hiếu Hiền, xã Hải Châu, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, Thanh Hóa, theo vua Lê Thánh Tôn vào Nam từ năm Tân Mão (1471). Vua Lê đã lập ra ấp Hàn Giang và các tộc họ ấy đã quần tụ lại thành làng Hải Châu (theo tên xã cũ ở Thanh Hóa, bao gồm phần nội thành Đà Nẵng hiện nay), được triều Nguyễn phong sắc phong "chánh xã". Hơn 500 năm qua các tộc họ đầu tiên ấy đã đặt nền móng và không ngừng đóng góp công sức cho sự hình thành thành phố Đà Nẵng hiện nay.

Trên gác chuông đình Hải Châu hiện còn 1 chiếc chuông đồng, thân chuông có bài minh đắp nổi bằng chữ Hán. Tạm dịch: năm Minh Mạng thứ 5 (Giáp Thân - 1824) trùng tu chùa. Năm sau (1825) vua ban chỉ sắc tứ cho mang tên "Chùa Phước Hải". Năm Minh Mạng thứ 13 (Nhâm Thìn - 1832) nhằm ngày tốt, xã Hải Châu Chánh Đồng tạo lập chuông này. Các nhà sử học xác định Đình Hải Châu là Chùa Phước Hải, nơi Chúa Nguyễn Phúc Chu năm Kỷ Hợi - 1719 đã vào Quảng Nam và nghỉ lại, sau đó dân đã lập bàn thờ ông tại đây.

Đình làng Hải Châu được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử quốc gia vào năm 2001.

***Đình Bồ Bản, Đà Nẵng**

Đình Bồ Bản hiện ở tại thôn Bồ Bản, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang.

Đình được xây dựng vào những năm đầu của thế kỷ XIX bằng tranh tre tại gò miếu Tam Vị. Năm 1852, đình được dời về trung tâm làng. Tường xây gạch, mái lợp ngói âm dương. Đình chia làm 3 gian, 2 chái, dài 14,5m, rộng 9,7m. Có 36 cột bằng gỗ mít và kiền kiền, kết cấu kèo, cột cũng được thể hiện theo lối "chồng rường - giả thủ", đầu các xà chính chạm đầu rồng, các vì kèo chạm mai, trúc, tùng, lan. Ngoài ra, còn có các loài chim, thú như chim sẻ, khỉ (hầu) và các họa tiết hoa văn, được khắc chạm tinh tế, khéo léo và tỉ mỉ, tạo nên những tác phẩm điêu khắc độc đáo, giàu tính nghệ thuật, có giá trị khoa học. Đình Bồ Bản lập thờ Thành hoàng, các vị tiền hiền của làng và là nơi sinh hoạt lễ hội hàng năm.

Tháng 8 năm 1945, chuẩn bị giành chính quyền, nhân dân địa phương đã tập trung về đình để tổ chức biểu tình, buộc bọn quan lại, lý hương giao ấn triện, sổ sách. Đình Bồ Bản là nơi đặt hòm phiếu bầu cử Quốc hội tại địa phương. Đình còn là nơi hội họp ra chủ trương diệt ác, cướp súng đạn và các kho tàng của địch ở huyện Hòa Vang trong thời kỳ chống giặc ngoại xâm.

Đình Bồ Bản đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa năm 1999.

***Di tích K20, Đà Nẵng**

Khu Di tích lịch sử cách mạng K20 là tên gọi do Quận ủy quận III đặt để làm mật hiệu liên lạc thời chống Mỹ. Khu di tích nằm trên địa bàn Khối phố Đa Mặn, phường Bắc Mỹ An,

quận Ngũ Hành Sơn; trên tuyến đường từ trung tâm thành phố đến khu di tích Ngũ Hành Sơn và Đô thị cổ Hội An.

K20 là một trong những căn cứ cách mạng quan trọng của thành phố Đà Nẵng trong chiến tranh; rộng 3km$^2$, với hơn 3 nghìn dân. Sau khi chiếm giữ Đà Nẵng năm 1954, Mỹ ngụy đã xây dựng nhiều đồn bót quanh Đa Mặn, hình thành bộ máy kìm kẹp nhân dân, ngăn cản lực lượng cách mạng ngay từ bên ngoài vào thành phố.

Chính trong điều kiện đó chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân dân Đa Mặn đã được phát huy cao độ, trở thành bài học quý báu cho phong cách mạng địa phương. Trong đó, nhiều sự kiện, cột mốc lịch sử vẫn còn được lưu truyền sinh động trong nhân dân và đi vào sử sách. Năm 1962, nơi đây đã tổ chức được lực lượng du kích mạnh, làm nhiệm vụ "diệt ác phá kìm"; đến năm 1964 phát triển tới 27 đội viên, tiêu diệt 12 tên ác ôn, phá hủy nhiều ấp chiến lược... Hầu hết các gia đình ở Đa Mặn thời đó đều có hầm bí mật để nuôi giấu cán bộ.

Nhà truyền thống được xây dựng khang trang, hiện đang lưu giữ tương đối đầy đủ các hiện vật của một thời đấu tranh ngoan cường, bất khuất. Những địa chỉ đỏ, hầm bí mật, chiến hào xưa đang được đưa vào các chương trình tham quan, giáo dục truyền thống. Mỗi hiện vật, mỗi sự tích đều gắn liền những con người có thật, trong đó có người đang còn sống, đang xây dựng cuộc sống mới ngay tại mảnh đất lịch sử này.

### *Bia chùa An Long (Long Thủ), Đà Nẵng

Bia chùa Long Thủ được dựng trong khuôn viên chùa Long Thủ nay đổi tên là chùa An Long. Chùa tọa lạc trên

một khu đất nằm phía sau Bảo tàng Điêu khắc Chăm, thuộc địa bàn phường Bình Hiên, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bia chùa Long Thủ được dựng vào năm Thịnh Đức thứ 5, triều vua Lê Thần Tông (1658). Bia do ông Lê Gia Phước, pháp danh Pháp Giám, người làng Hải Châu viết. Nội dung bia nói về nguyên nhân xây dựng và tên gọi của chùa Long Thủ, tên họ những người đã đóng góp tiền của, đất đai để xây dựng chùa cùng danh sách những mảnh đất được cúng.

Theo nội dung bia thì ngày xưa ở vùng Nại Hiên, đức Phật thường cứu giúp những người bị hoạn nạn và hiện thân với đầu rồng, vì vậy các tín đồ Phật từ thường đến đây để cầu nguyện. Ông Trần Hữu Lễ là người trong làng đã dâng cúng một khu vườn để xây dựng ngôi chùa làm nơi thờ Phật, các tín đồ trong vùng đã đóng góp tiền của, ruộng đất để xây dựng ngôi chùa và đúc chuông, tạc tượng vào năm 1653. Theo lời kể của một số người già ở địa phương thì trước kia chùa có hai chiếc chuông lớn và nhiều tượng đẹp nhưng đã mất, và ngôi chùa cũng đã bị phá hủy trong thời chiến tranh Tây Sơn - Nguyễn Ánh. Còn tấm bia bị chôn vùi dưới đất, mãi đến năm 1903 mới tìm thấy và dựng lại bên cạnh cổng chùa. Năm 1961 giáo hội và tín đồ trong vùng đã xây dựng lại ngôi chùa như ngày nay theo kiểu dáng như những ngôi chùa cùng thời ở miền Nam, về mặt kiến trúc không có gì đặc sắc ngoại trừ cổng tam quan tương đối cũ (1903).

Bia được làm bằng sa thạch màu xám, kích thước 1,25m x 1,20m x 0,21m hình thang cân đỉnh tròn. Bia được điêu khắc cả hai mặt. Ở mặt trước có một bài khắc chữ Hán được đóng khung bằng các dải hoa văn trang trí, trên trán bia, ở

giữa chạm hình mặt trời có mây vờn quanh, hai bên trang trí hoa văn hình hoa dây buông thõng xuống, bên dưới là một dải hoa sen, ở hai đầu mút phía dưới có hình hai con nghê. Bài khắc gồm có 368 chữ Hán, 6 chữ lớn khắc theo đường ngang ở trên, đóng khung riêng từng chữ: "Lập Thạch Bi Thủ Long Tự", ở hai đầu có hai chữ Vạn nhỏ hơn, còn 360 chữ nhỏ ở giữa lòng bia được khắc lõm theo 18 hàng dọc từ phải sang trái, ở mặt sau tấm bia cũng trang trí hoa văn thành một khung bao quanh bia như mặt trước nhưng không có chữ và ở bên dưới thay dải hoa sen bằng một dải cúc dây, ở hai đầu mút không có hai con nghê.

Ngày nay, tuy ngôi chùa cũ không còn nữa, nhưng tấm bia này là một di tích quan trọng, minh chứng cho sự hiện hữu của ngôi chùa ngày xưa, đồng thời đây cũng là một trong những tấm bia cổ nhất ở Đà Nẵng, góp thêm tư liệu cho việc nghiên cứu lịch sử địa phương.

Bộ Văn hóa - Thông tin đã công nhận bia chùa Long Thủ là Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1992.

### Đình Túy Loan, Đà Nẵng

Đình Tuý Loan, hiện ở tại thôn Túy Loan, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Được xây dựng vào những năm cuối thế kỷ XVIII. Cũng như đình Nại Nam và Bồ Bàn, đình Túy Loan thờ Thành hoàng bổn xứ và các vị tiền hiền, hậu hiền của làng.

Ngày xưa, hàng năm nhân dân tổ chức lễ tế Xuân vào 14 - 15 tháng 2 âm lịch và tế Thu vào 14 - 15 tháng 8 âm lịch tại đình. Hiện nay, đình Túy Loan là ngôi đình duy nhất còn giữ được 15 sắc phong từ thời Minh Mạng đến Bảo Đại.

Đình có diện tích 110m$^2$, nằm trong khuôn viên rộng hơn 8.000m$^2$, thoáng đãng, hướng quay ra sông, nhìn về thế núi, sát đường lớn, dưới bóng cây đa cổ thụ cành lá xum xuê. Mái đình lợp ngói âm dương, tường xây bằng gạch, trên mái trang trí lưỡng long chầu nguyệt, hai đầu mái đắp hình rồng uốn lượn được ghép bằng sành sứ. Trong đình chia làm 3 gian, 2 chái, phần hậu tẩm rộng 2,4m, dài 2,7m gồm 4 hàng cột bằng gỗ mít, mỗi hàng có 6 cột cao từ 2,5 đến 4,5m. Kết cấu các vĩ kèo, cột theo kiểu "chồng rường giả thủ". Các giả thủ chạm khắc hình hoa lá cách điệu, chân giả thủ trang trí hình quả bí. Hai đầu các thanh chính chạm đầu rồng, cột kèo ở hai đầu hồi chạm đầu rồng và hoa văn mây cuộn, hoa cúc, hoa mẫu đơn... được thể hiện qua tài năng thợ Kim Bồng, có giá trị nghệ thuật.

Trong kháng chiến chống Pháp, đình Túy Loan là nơi nhân dân địa phương tập trung tổ chức biểu tình, phối hợp cùng nhân dân hai làng Bồ Bản và Cẩm Toại kéo về huyện đường Hòa Vang cướp chính quyền tháng 8 năm 1945.

Thời kỳ chống Mỹ (1957 - 1959) chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm lấy đình Túy Loan làm nơi cải huấn "tố cộng", "diệt cộng" vì thế cũng là nơi diễn ra nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân địa phương chống Mỹ - Diệm.

Đình đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa năm 1999.

### *Mộ Ông Ích Khiêm, Đà Nẵng

Lăng mộ danh nhân Ông Ích Khiêm hiện tọa lạc tại nghĩa trang xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Ích Khiêm, tự là Mục Chi. Ông sinh ngày 21

tháng 12 năm Mậu Tý (1829) tại làng Phong Lệ, tổng Thanh Quýt, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nay là làng Phong Lệ Bắc, xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang.

Ông thi đậu cử nhân năm Thiệu Trị thứ 7 (1847) và làm quan dưới triều vua Tự Đức. Nổi tiếng là người thông minh, chính trực, là một vị tướng khẳng khái và mưu lược, ông có công trong việc cầm quân bảo vệ Đà Nẵng khi thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, xâm lược nước ta vào ngày 01 tháng 9 năm 1858. Thời kỳ này ông ở dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Tri Phương, ông đã lo củng cố các đồn trại như đồn Nhất ở đèo Hải Vân, đồn Liên Trì, Phong Lệ và đắp lũy từ Hải Châu đến Phước Ninh...

Ông Ích Khiêm mất ngày 19 tháng 7 năm 1884 tại Bình Thuận. Con trai ông là Ông Ích Thiện đã đưa thi hài ông về quê và mai táng tại làng Phong Lệ. Đến năm Bảo Đại thứ 13 (1938) thi hài ông được cải táng về Gò Mô hiện nay.

Ngôi mộ ông được xây theo hình bát giác, có chiều dài từ cổng vào là 13,8m, chiều rộng 6,1m, tường bao xung quanh mộ cao 0,72m. Nấm mộ có chiều dài 4,75m, rộng 3,5m, cao 0,35m. Phía trước mộ có nhà bia, bên trong đặt một tấm bia bằng đá cẩm thạch, cao 0,83m, rộng 0,54m được trang trí hình rồng, phụng và hoa lá. Nội dung bia ghi: "*Hoàng Triều - Hiển tổ Binh bộ tả thị lang, tấn phong Kiên trung Nam linh mộ. Bảo Đại thập tam niên, tứ nguyệt, kiết nhật*". Nghĩa là: "*Triều Nguyễn - ông cha chức là Tả thị lang Binh bộ, tước là Kiên trung Nam. Năm Bảo Đại thứ 13, tháng 4 ngày tốt*".

Lăng mộ danh nhân Ông Ích Khiêm được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích quốc gia năm 2001.

***Nghĩa trang Khuê Trung, Đà Nẵng**

Nghĩa trang Khuê Trung (còn gọi là Nghĩa trang Hòa Vang) - mộ lớn của nghĩa sĩ lập tại Khuê Trung - Hòa Vang, theo sắc tứ vua ban để quy tụ hài cốt tướng sĩ vị quốc vong thân trong cuộc kháng chiến chống quân Pháp xâm lược năm 1858. Hòa Vang Nghĩa trang đầu tiên được lập ở trang bò làng Nghi An (Phước Tường). Khoảng năm 1920 Pháp mở sân bay Đà Nẵng, phải dời nghĩa trang về vườn Bá Khuê Trung. Đến 1962, quân đội Mỹ mở rộng sân bay về phía Nam, lại phải dời nghĩa trang đến chỗ hiện nay, khu vực Bình Hòa 1, phường Khuê Trung, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Nghĩa trang nằm quay mặt về hướng đông, được bài thiết theo mô hình tam ban: chính diện và tả hữu. Ngay cổng vào chính diện có tấm bia bằng đá sa thạch khắc 4 chữ Hán "Hòa Vang Nghĩa Trang" cùng với năm lập bia: Tự Đức Thập Cửu Niên (1866); và hai trụ đá cao khoảng 2m ghi câu đối:

*"Âm triêm thập cốt di truyền cổ*

*Thạch cập tàn hồn tái kiến kim"*

(Vua ban nhặt cốt truyền dấu cũ

Giữ được tàn hồn lợi thấy nay).

Sau tấm bia là tượng đài Chiến sĩ bằng xi măng cao khoảng 3m. Trung tâm nghĩa trang có một ngôi mộ lớn, trên bia xi măng cẩn hàng chữ tiền triều đại tướng quy công mộ. Có người cho rằng đây là mộ của ông Nguyễn Trọng Ân - tướng trấn giữa Đồn Tuyên Hóa (phường Hòa Cường hiện nay). Lại có người nói đó là mộ ông Lê Đình Lý, cũng là mộ tướng lĩnh tài ba dưới quyền chỉ huy của khâm sai đại thần Nguyễn Tri Phương.

Phía cuối nghĩa trang nhìn từ ngoài vào là các am thờ, các bàn hương án dùng cho việc cúng tế lễ. Hai bên tả hữu nghĩa trang có hơn 1.000 ngôi mộ cân phân ngay thẳng. Ngay sau lưng nghĩa trang là nhà thờ Tiền Hiền và miếu Bà. Hàng năm đến ngày 16 tháng 3 âm lịch người dân Khuê Trung thiết lễ tế tiền hiền để tưởng nhớ công đức hai vị tiền hiền Trần Kim Tương và Trần Kim Bảng. Nhà thờ làm theo lối kiến trúc xưa, hình chữ quốc, trên đòn đông có ghi năm trùng tu là Bảo Đại thứ 16 (1941).

Nghĩa trang Khuê Trung được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích quốc gia năm 1999.

### *Nghĩa trang Phước Ninh, Đà Nẵng

Nghĩa trang Phước Ninh là nơi quy tụ thi hài các chiến sĩ và đồng bào Quảng Nam - Đà Nẵng và các tỉnh Bình Trị Thiên, Quảng Ngãi, Bình Định chiến đấu ở mặt trận Đà Nẵng đã hi sinh trong buổi đầu chống Pháp (1858-1860).

Trong chiến đấu việc mai táng chỉ tạm thời, qua loa, sau này ông Nguyễn Quý Linh, làm chức Sung chánh thương biện Hải Phòng đã khởi xướng lập nên nghĩa trang này. Nhân dân địa phương đã hưởng ứng nhiệt tình, quy tập hơn 1.500 nấm mộ, táng theo hướng đông - nam, tây - bắc, có tấm bia bằng đá sa thạch, cao 1,20m, rộng 0,8m ghi công ơn của các anh hùng liệt sĩ, ngoài ra còn có 2 ngôi mộ của hai vị tướng. Chung quanh nghĩa trang xây thành đất bao bọc.

Di tích này được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận năm 1998.

### *Thành Điện Hải, Đà Nẵng

Thành Điện Hải trước là đồn Điện Hải, xây dựng năm 1813 (Gia Long thứ 12) gần cửa biển Đà Nẵng. Năm 1823 (Minh Mạng thứ 4) cho dời đồn Điện Hải vào bên trong đất liền, trên một gò đất cao. Đồn được xây bằng gạch. Năm 1835 (Minh Mạng thứ 16) đồn đổi tên là thành Điện Hải.

Năm 1840, Tham tri Bộ công Nguyễn Công Trứ vào xem xét hệ thống phòng thủ ở Đà Nẵng, sau đó có đề nghị tăng cường phòng thủ các thành Điện Hải, An Hải.

Năm 1847 (Thiệu Trị thứ 7), thành Điện Hải được mở rộng có chu vi 556m, thành cao hơn 5m, chung quanh là hào sâu 3m. Thành có 2 cửa, một cửa mở về phía Nam (cửa chính), một cửa mở về phía Đông. Trong thành có hành cung, có kỳ đài, các cơ sở chứa lương thực, đạn dược, thuốc súng và được trang bị 30 ụ súng đại bác cỡ lớn. Thành xây bằng gạch theo đề án thiết kế kiểu Vauban, hình vuông.

Hiện nay, di tích thành Điện Hải tọa lạc tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu. Tường thành phía Tây, Đông và các góc tương đối còn nguyên vẹn. Cửa thành phía Nam đã mất và phía Bắc đã hư hại. Gần đây, di tích thành Điện Hải được trùng tu, gia cố, phục hồi lại nguyên trạng.

Thành Điện Hải là một dấu ấn ghi nhớ truyền thống đấu tranh chống Pháp của nhân dân Đà Nẵng và nhân dân cả nước, quyết tâm giữ vững nền độc lập dân tộc, bảo vệ lãnh thổ. Đây cũng là đồn lũy quan trọng góp phần đánh bại cuộc tấn công của thực dân Pháp vào Đà Nẵng những năm 1858 - 1860. Một tượng đài uy nghi của Tướng quân Nguyễn Tri Phương đã được dựng tại đây, để ghi nhớ một giai đoạn lịch sử hào hùng của thành phố.

Thành Điện Hải đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là Di tích lịch sử quốc gia năm 1988.

***Khu phố cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam**

Từ thế kỷ XVI đến XIX, Hội An từng là trung tâm mậu dịch quốc tế trên hành trình thương mại Đông - Tây, một thương cảng phồn thịnh nhất của xứ Đàng Trong - Việt Nam trong triều đại các chúa Nguyễn bởi thương thuyền từ Nhật Bản, Trung Hoa, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan... thường đến đây để trao đổi, mua bán hàng hoá.

Trong lịch sử hình thành và phát triển, Hội An đã được thế giới biết đến dưới nhiều tên gọi khác nhau. Phổ biến nhất là: Faifo, Haisfo, Hoài phố, Ketchem, Cotam. Các di chỉ khảo cổ và các hiện vật, công trình kiến trúc còn lưu lại đã chứng minh Hội An là nơi hội tụ, giao thoa giữa nhiều nền văn hoá: Chăm, Việt, Trung Hoa, Nhật Bản... trong đó chịu sự ảnh hưởng nhiều nhất của văn hoá Việt và Trung. Đến nay, khu phố cổ Hội An vẫn bảo tồn gần như nguyên trạng một quần thể di tích kiến trúc cổ gồm nhiều công trình nhà ở, hội quán, đình chùa, miếu mạo, giếng cầu, nhà thờ tộc, bến cảng, chợ... và những con đường hẹp chạy ngang dọc tạo thành các ô vuông kiểu bàn cờ. Cảnh quan phố phường Hội An bao quát một màu rêu phong cổ kính. Sự tồn tại một đô thị như Hội An là trường hợp duy nhất ở Việt Nam và cũng hiếm thấy trên thế giới. Đây được xem như một bảo tàng sống về kiến trúc và lối sống đô thị.

Ngoài những giá trị văn hoá qua kiến trúc đa dạng, Hội An còn lưu giữ một nền tảng văn hoá phi vật thể khá

đồ sộ. Cuộc sống thường nhật của cư dân với những phong tục tập quán, sinh hoạt tín ngưỡng, nghệ thuật dân gian, lễ hội văn hoá đang được bảo tồn và phát huy cùng với cảnh quan thiên nhiên thơ mộng, các làng nghề truyền thống, các món ăn đặc sản... làm cho Hội An ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách thập phương.

Tháng 12 năm 1999, UNESCO đã công nhận khu phố cổ Hội An là Di sản văn hoá thế giới.

Theo tài liệu thống kê, đến nay Hội An có 1.360 di tích, danh thắng. Riêng các di tích được phân thành 11 loại gồm: 1.068 nhà cổ, 19 chùa, 43 miếu thờ thần linh, 23 đình, 38 nhà thờ tộc, 5 hội quán, 11 giếng nước cổ, 1 cầu, 44 ngôi mộ cổ. Trong khu vực đô thị cổ có hơn 1.100 di tích. Một số di tích tiêu biểu của đô thị cổ Hội An:

- *Chùa Cầu - Biểu tượng của Hội An,* nằm tiếp giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai và đường Trần Phú - Hội An, Chùa Cầu (hay còn gọi chùa Nhật Bản) là công trình kiến trúc do các thương gia Nhật Bản đến buôn bán tại Hội An xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ XVI. Do ảnh hưởng của thiên tại địch họa, Chùa Cầu đã qua nhiều lần trùng tu và dần mất đi các yếu tố kiến trúc Nhật Bản, thay vào đó là kiến trúc mang đậm phong cách Việt, Trung.

Chùa Cầu có dáng hình chữ Công, mặt cầu bằng ván gỗ cong vòng ở giữa, bắt qua con lạch thông ra sông Hoài. Cầu có mái che uốn cong mềm và được chạm trổ nhiều họa tiết tinh xảo. Trên cửa chính của Chùa Cầu có chạm nổi 3 chữ Hán là Lai Viễn Kiều (có nghĩa là cầu của những người bạn từ xa đến) - tên do chúa Nguyễn Phúc Chu đặt trong một lần viếng thăm Hội An vào năm 1719. Trên

sườn cầu có một ngôi miếu nhỏ thờ thần Bắc Đế Trấn Vũ - thần chuyên trấn trị phong ba, lũ lụt theo tín ngưỡng của người Trung Hoa. Ở hai đầu cầu có đặt hai nhóm tượng khỉ và chó bằng gỗ ngồi chầu. Lai lịch của Chùa Cầu gắn liền với truyền thuyết về con Cù - một loại thuỷ quái có đầu nằm ở Ấn Độ, mình ở Việt Nam và phần đuôi ở tận Nhật Bản và mỗi lần Cù cựa quậy là gây ra lũ lụt, động đất ở những nơi này. Vì vậy, ngoài việc xây cầu để phục vụ giao thông, người xưa còn có hàm ý trấn yểm loài thuỷ quái, giữ cho cuộc sống yên bình.

Chùa Cầu là tài sản vô giá và đã chính thức được chọn là biểu tượng của Hội An.

- *Nhà cổ Quân Thắng (Số 77, Trần Phú - Hội An),* là một trong những nhà cổ được đánh giá là đẹp nhất Hội An hiện nay. Ngôi nhà có niên đại hơn 150 năm, mang phong cách kiến trúc vùng Hoa Hạ Trung Hoa. Qua năm tháng, ngôi nhà vẫn được bảo tồn khá nguyên trạng về kiểu dáng kiến trúc và các bài trí nội thất, giúp ta hình dung được phần nào lối sống của các thế hệ chủ nhân, những người thuộc tầng lớp thương gia ở thương cảng Hội An trước đây. Được biết, toàn bộ phần kiến trúc và điêu khắc gỗ rất sinh động, tinh tế của ngôi nhà này đều do các nghệ nhân làng mộc Kim Bồng thực hiện.

Đây là một điểm tham quan chính trong hành trình khám phá di sản văn hoá thế giới Hội An của du khách.

- *Nhà cổ Tấn Ký (Số 10, Nguyễn Thái Học - Hội An)* được xây dựng cách đây gần 200 năm, nhà Tấn Ký có kiểu kiến trúc hình ống - đặc trưng của loại nhà phố Hội An, với nội thất chia làm nhiều gian, mỗi gian có chức năng riêng.

Mặt tiền nhà là nơi để mở cửa hiệu buôn bán, mặt sau thông với bến sông để làm nơi xuất, nhập hàng hoá. Vật liệu trang trí nội thất ngôi nhà chủ yếu là các loại gỗ quý và được chạm trổ, điêu khắc rất tinh xảo các hình về giao long, hoa quả, bát bửu, dải lụa... thể hiện sự sung túc của các thế hệ chủ nhân.

Ngày 17 tháng 2 năm 1990, nhà Tấn Ký đã được cấp bằng Di tích lịch sử văn hoá quốc gia.

- *Nhà cổ Phùng Hưng (Số 4, Nguyễn Thị Minh Khai - Hội An)*, với tuổi thọ hơn 100 năm, nhà Phùng Hưng có kết cấu độc đáo với phần gác cao bằng gỗ và các hành lang rộng bao quanh, thể hiện sự phát triển về kiến trúc và sự giao lưu giữa các phong cách kiến trúc Á Đông tại Hội An trong các thế kỷ trước đây. Ngôi nhà chứa đựng nhiều thông tin về lối sống của tầng lớp các thương nhân ở thương cảng Hội An xưa. Mặc dù cũng được thực hiện bằng chất liệu quý nhưng nhà Phùng Hưng không chạm trổ, điêu khắc cầu kỳ mà được giữ thô một cách cố ý.

Nhà Phùng Hưng được cấp bằng Di tích lịch sử văn hoá quốc gia vào ngày tháng 6 năm 1993.

- *Hội quán Phúc Kiến (Số 46, Trần Phú - Hội An)*, tương truyền, tiền thân của Hội quán là một gian miếu nhỏ thờ pho tượng Thiên Hậu Thánh Mẫu (bà chúa phù hộ cho thương nhân vượt sóng gió đại dương) vớt được tại bờ biển Hội An vào năm 1697. Qua nhiều lần trùng tu, với sự đóng góp chủ yếu của Hoa Kiều bang Phúc Kiến, hội quán càng mở nên rực rỡ, khang trang góp phần tô điểm diện mạo kiến trúc đô thị cổ Hội An. Thông qua cách bài trí thờ phụng các thần nhân: 6 vị tiền hiền (lục tánh), bà mụ,

thần tài... hội quán thể hiện sâu sắc triết lý Á Đông về hạnh phúc con người.

Hàng năm, vào các ngày Nguyên tiêu (15 tháng giêng âm lịch), vía Lục Tánh (16 tháng 2 âm lịch), vía Thiên Hậu (23 tháng 3 âm lịch)... tại hội quán Phúc Kiến diễn ra nhiều hoạt động lễ hội thu hút rất nhiều du khách trong và ngoài nước đến tham gia.

Hội quán Phúc Kiến đã được cấp bằng Di tích lịch sử văn hoá quốc gia ngày 17 tháng 2 năm 1990.

- *Hội quán Triều Châu (Số 157, Nguyễn Duy Hiệu - Hội An),* được Hoa Kiều bang Triều Châu xây dựng vào năm 1845 để thờ Phục Ba tướng quân Mã Viện - vị thần giỏi chế ngự sóng gió giúp cho việc đi lại buôn bán trên biển được thuận buồm xuôi gió, đắc lợi.

Hội quán có giá trị đặc biệt về kết cấu kiến trúc với bộ khung gỗ chạm trổ tinh xảo, cùng những họa tiết, hương án trang trí bằng gỗ và những tác phẩm đắp nổi bằng sành sứ tuyệt đẹp.

- *Hội quán Quảng Đông (Số 17, Trần Phú - Hội An),* được Hoa Kiều bang Quảng Đông xây dựng vào năm 1885, thoạt đầu để thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu và Đức Khổng Tử, sau năm 1911 chuyển sang thờ Quan Công và Tiền Hiền của bang.

Với nghệ thuật sử dụng hài hòa các chất liệu gỗ, đá trong kết cấu chịu lực và họa tiết trang trí đã đem lại cho hội quán vẻ đẹp đường bệ, riêng có. Hàng năm, vào ngày Nguyên tiêu (15 tháng giêng âm lịch), vía Quan Công (24 tháng 6 âm lịch) tại đây diễn ra lễ hội rất đình đình, thu hút nhiều người tham gia.

- *Hội quán Ngũ Bang (Số 64, Trần Phú - Hội An),* còn có tên là hội quán Dương Thương hay Trung Hoa hội quán, do các thương khách người Hoa gốc Phúc Kiến, Triều Châu, Quảng Đông, Hải Nam, Gia Ứng xây dựng vào năm 1741 để làm nơi thờ tự Thiên Hậu Ngũ Bang mang đậm phong cách kiến trúc Trung Hoa

- *Chùa Ông (Số 24, Trần Phú - Hội An*), được xây dựng năm 1653, đã qua 6 lần trùng tu vào các năm: 1753, 1783, 1827, 1864, 1904, 1906. Chùa Ông có kiến trúc uy nghi, hoành tráng, tại đây thờ tượng Quan Vân Trường (một biểu tượng về trung - tín - tiết - nghĩa) nên còn có tên gọi là Quan công Miếu. Chùa Ông đã từng là trung tâm tín ngưỡng của Quảng Nam xưa, đồng thời cũng là nơi các thương nhân thường lưu đến để cam kết trong việc vay nợ, buôn bán, làm ăn và xin xăm cầu may.

- *Quan âm Phật tự Minh Hương (Số 7, Nguyễn Huệ - Hội An)* là ngôi chùa thờ Phật duy nhất còn lại giữa khu phố cổ, có kiến trúc và cảnh quan xinh đẹp đồng thời còn lưu giữ gần như nguyên vẹn các tác phẩm điêu khắc gỗ đặc sản do các nghệ nhân làng mộc Kim Bồng thực hiện. Chùa thờ Phật Quan Thế Âm Bồ Tát và một số chư vị Phật, Bồ Tát khác, vì vậy trong những ngày lễ, ngày rằm thường có rất nhiều người đến khẩn cầu.

- *Nhà thờ tộc Trần (Số 21, Lê Lợi - Hội An),* do một vị quan họ Trần (một dòng họ lớn từ Trung Hoa di cư đến Hội An vào những năm 1700) xây dựng năm 1802 theo những nguyên tắc phong thuỷ truyền thống của người Trung Hoa và người Việt. Tọa lạc trên một khu đất rộng khoảng 1.500m$^2$, có nhiều hạng mục: nhà thờ tự ông bà và trưng

bày các di vật liên quan đến dòng họ, nhà ở... Đây là nơi tụ họp con cháu vào dịp lễ bái, tri ân tổ tiên và giải quyết những vấn đề trong dòng tộc. Nhà thờ tộc Trần là một trong những điểm tham quan được nhiều du khách quan tâm.

- *Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa,* được thành lập vào năm 1989, bảo tàng trưng bày 212 hiện vật gốc và tư liệu có giá trị bằng gốm, sứ, đồng sắt, giấy, gỗ,... phản ánh các giai đoạn phát triển của đô thị - thương cảng Hội An từ thời kỳ văn hoá Sa Huỳnh (từ thế kỷ thứ II sau Công Nguyên) đến thời kỳ văn hoá Chăm (từ thế kỷ II đến thế kỷ XV) và văn hoá Đại Việt, Đại Nam (từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX). Đến thăm Bảo tàng Lịch sử - Văn hoá Hội An, du khách sẽ có được cái nhìn tổng quát về tiến trình lịch sử cũng như bề dày văn hoá của đô thị cổ.

- *Bảo tàng gốm sứ Mậu Dịch (Số 80, Trần Phú - Hội An)* được xây dựng vào năm 1995, bảo tàng lưu giữ trên 430 hiện vật gốm sứ có niên đại từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XVIII. Hầu hết các hiện vật là gốm sứ mậu dịch có nguồn gốc từ Trung Cận Đông, Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, Thái Lan, Việt Nam... minh chứng cho vai trò quan trọng của thương cảng Hội An trong mạng lưới mậu dịch gốm sứ trên biển vào các thế kỷ trước, đồng thời cũng cho thấy quan hệ giao lưu văn hoá - kinh tế quốc tế đã từng diễn ra rất mạnh mẽ ở Hội An.

- *Bảo tàng văn hóa Sa Huỳnh (Số 149, Trần Phú - Hội An),* là nơi cung cấp những thông tin phong phú về cư dân cổ thuộc hệ văn hoá Sa Huỳnh - chủ nhân cảng thị Hội An sơ khai từng có quan hệ giao lưu Trung Hoa, Ấn Độ và các

quốc gia Đông Nam Á. Tại đây trưng bày 216 hiện vật văn hoá Sa Huỳnh có niên đại trên dưới 2000 năm được phát hiện qua các đợt khảo sát, khai quật khảo cổ học tại các địa điểm: Hậu Xá, Thanh Chiêm, An Bàng, Xuân Lâm,... từ năm 1989 đến năm 1994.

Các hiện vật tại bảo tàng được đánh giá là bộ sưu tập độc đáo nhất của Việt Nam hiện nay về văn hoá Sa Huỳnh.

### *Thánh địa Mỹ Sơn, Quảng Nam

Mỹ Sơn thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, là thánh địa Ấn Độ giáo của vương quốc Chămpa. Những đền thờ chính ở Mỹ Sơn thờ một bộ Linga hoặc hình tượng của thần Siva - Đấng bảo hộ của các dòng vua Chămpa.

Những dòng chữ ghi trên tấm bia sớm nhất ở Mỹ Sơn, có niên đại khoảng thế kỷ thứ IV cho biết vua Bhadresvara đã xây dựng một ngôi đền để dâng cúng vua thần Siva - Bhadravarman. Hơn hai thế kỷ sau đó, ngôi đền đầu tiên được xây dựng bằng gỗ đã bị thiêu huỷ trong một trận hỏa hoạn lớn.

Vào đầu thế kỷ thứ VII, vua Sambhuvarman đã xây dựng lại ngôi đền bằng những vật liệu bền vững hơn, còn tồn tại đến ngày nay. Các triều vua sau đó đều tu sửa các đền tháp cũ và xây dựng đền tháp mới để dâng lên các vị thần của họ. Với hơn 70 công trình kiến trúc bằng gạch đá, được xây dựng từ thế kỷ thứ IV đến thế kỷ XIII, Mỹ Sơn trở thành trung tâm kiến trúc quan trọng nhất của Vương quốc Chămpa. Vị thần được tôn thờ ở Mỹ Sơn là Bhadravarman, là vị vua đã sáng lập dòng vua đầu tiên của vùng

Amaravati vào cuối thế kỷ IV kết hợp với tên thần Siva, trở thành tín ngưỡng chính thờ thần - vua và tổ tiên hoàng tộc.

Vào năm 1898, di tích Mỹ Sơn được phát hiện bởi một học giả người Pháp tên là M.C Paris. Vào những năm đầu thế kỷ XX này, 2 nhà nghiên cứu của Viễn thông Pháp là L.Finot và L.de Lajonquière và nhà kiến trúc sư kiêm khảo cổ học H. Parmentier đã đến Mỹ Sơn để nghiên cứu văn bia và nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc Chăm. Cho đến những năm 1903 - 1904 những tài liệu cơ bản nhất về bia ký và nghệ thuật kiến trúc Mỹ Sơn đã được L.Finot chính thức công bố.

Tiền thân của quần thể kiến trúc Mỹ Sơn cổ kính này, theo văn bia để lại là một ngôi đền làm bằng gỗ để thờ thần Siva Bhadravarman. Nhưng đến khoảng cuối thế kỷ VI, một cơn hoả hoạn đã thiêu cháy ngôi đền gỗ. Bức màn lịch sử đã được các nhà khoa học vén dần lên thông qua những bia ký và lịch sử nhiều triều đại xưa cho ta thấy Mỹ Sơn là khu thánh địa quan trọng nhất của dân tộc Chăm suốt từ cuối thế kỷ IV đến thế kỷ XV. Bằng vật liệu gạch nung và đá sa thạch, trong nhiều thế kỷ người Chăm đã dựng lên một quần thể kiến trúc đền tháp độc đáo, liên hoàn: đền chính thờ Linga-Yoni biểu tượng của năng lực sáng tạo. Bên cạnh tháp chính (Kalan) là những tháp thờ nhiều vị thần khác hoặc thờ những vị vua đã mất. Mặc dù thời gian cùng chiến tranh đã biến nhiều khu tháp thành phế tích nhưng những hiện vật điêu khắc, kiến trúc còn lại cho đến ngày nay vẫn còn để lại những phong cách giai đoạn lịch sử mỹ thuật dân tộc Chăm, những kiệt tác đánh dấu một thời huy hoàng của văn hoá kiến trúc Chămpa cũng như của Đông Nam Á.

Mỗi thời kỳ lịch sử, kiến trúc mang phong cách riêng, cũng như mỗi đền tháp thờ những vị thần, những triều vua khác nhau tạo nên đường nét kiến trúc đầy dấu ấn, nhưng nhìn chung tháp Chàm đều được xây dựng trên một mặt bằng tứ giác, chia làm 3 phần: đế tháp biểu hiện thế giới trần gian, vững chắc, thân tháp tượng hình của thế giới thần linh, kỳ bí mê hoặc, phần trên cùng là hình người dâng hoa trái theo nghi lễ hoặc hình cây lá, chim muông, voi, sư tử... những loài động vật gần gũi với tôn giáo và cuộc sống con người.

Theo các nhà nghiên cứu tháp Chàm cổ, nghệ thuật kiến trúc tháp Chàm tại Mỹ Sơn hội tụ được nhiều phong cách; mang tính liên tục từ phong cách cổ thế kỷ VII đến thế kỷ VIII; phong cách Hoà Lai thế kỷ VIII đến thế kỷ thứ IX; phong cách Đồng Dương từ giữa thế kỷ IX; phong cách Mỹ Sơn và chuyển tiếp giữa Mỹ Sơn và Bình Định; phong cách Bình Định... Trong nhiều công trình kiến trúc còn lại khi phát hiện (1898) có tháp cao tới 24m, trong khu vực Tháp Chùa mà các sách khảo cổ, nghiên cứu về Mỹ Sơn có ký hiệu là tháp cổ Chămpa, có 2 cửa ra vào phía Đông và phía Tây. Thân tháp cao, thanh tú với một hệ thống cột ốp. Xung quanh có 6 tháp phụ, toàn bộ ngôi tháp 2 tầng toả ra như cánh sen. Tầng trên, chóp đá sa thạch được chạm hình voi, sư tử, tầng dưới, mặt tường là hình những người cưỡi voi, hình các thiên nữ thuỷ quái. Nhưng ngôi tháp giá trị này đã bị không lực Mỹ huỷ hoại trong chiến tranh năm 1969.

Sau khi phát hiện ra khu tháp cổ Mỹ Sơn, nhiều hiện vật tiêu biểu trong đó đặc biệt là những tượng vũ nữ, các thần linh thờ phượng của dân tộc Chăm, những con vật

thờ cũng như những cảnh sinh hoạt cộng đồng đã được đưa về thành phố Đà Nẵng đặt tại bảo tàng kiến trúc Chàm. Tuy không phải là nhiều, nhưng những hiện vật này là những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc tiêu biểu, nó có giá trị văn hoá của một dân tộc, nhưng hơn thế nữa, nó là những chứng tích sống động, xác thực lịch sử của một trong những dân tộc trong cộng đồng Việt Nam giàu truyền thống văn hoá.

Mỹ Sơn đã được trùng tu bởi E.F.E.O (Ecole Francaise d'Extreme Orient) trong thời gian từ 1937 đến 1944, nhưng khu vực này đã bị bom Mỹ tàn phá nặng nề trong chiến tranh. Đến năm 1975, trong số 32 di tích còn lại, chỉ có khoảng 20 đền, tháp còn giữ được dáng vẻ ban đầu. Từ năm 1981 đến 1991, Mỹ Sơn được bảo quản và tu sửa từng phần với sự giúp đỡ về chuyên môn của công ty P.K.Z (Ba Lan).

Phần lớn các tác phẩm điêu khắc ở Mỹ Sơn đã được người Pháp thu gom về Đà Nẵng vào những năm đầu thế kỷ XX và được trưng bày tại bảo tàng Chàm. Khu di tích Mỹ Sơn đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới năm 1999.

### *Kinh đô cổ của vương quốc Chămpa - Trà Kiệu, Quảng Nam

Nằm trên bờ sông Thu Bồn, cách thánh địa Mỹ Sơn không xa. Trong văn bia Chăm đã lưu danh Kinh thành này dưới cái tên Simhapura - tức Kinh thành Sư tử.

Simhapura ra đời dưới triều vua Bhadvarman trị vì Chămpa vào khoảng cuối thế kỷ thứ IV. Tiếc rằng đến nay chúng ta mới trùng tu phần nào về Mỹ Sơn, còn Trà Kiệu

hình bóng về kinh đô cổ xưa về Vương quốc Chămpa (hay còn gọi là Lâm Ấp) nằm trên bờ sông Thu Bồn chỉ còn những dấu tích chân móng tường thành cổ.

Năm 1927 - 1928 dưới sự chỉ đạo của nhà khảo cổ học J.Y Claeys, trường Viễn Đông Bác Cổ của Pháp ở Hà Nội đã tiến hành cuộc khai quật khảo cổ học lớn nhất gần mười tháng trời. Qua cuộc khai quật này, căn cứ vào nền móng phát hiện, Simhapura có chu vi khoảng 4km, thành phía tây dài 1.700m, thành phía tây bắc - đông nam dài 500m. Mặt trước tòa thành, hướng về đông có nhiều công trình kiến trúc ngự trên ngọn đồi cao 10m. Phía bắc thành, đoạn sông Bà Rén làm thành rào bảo vệ vòng ngoài. Ở điểm cao khoảng trên 20m là ngọn đồi Bửu Châu án ngữ. Xưa kia đường lên đồi là những bậc thềm lót đá được trang trí thêm nhiều tượng thú vật, nhiều nhất là tượng voi, sư tử đứng chầu. Các pho tượng này, ngày nay đã được đưa đến khuôn viên nhà thờ công giáo Trà Kiệu, một số được chuyển về Bảo tàng Chàm Đà Nẵng. Phía nam thành, dựa hẳn vào nhiều quả đồi sa thạch. Phía tây có suối đổ về, trên ngọn con suối này còn sót lại ngọn tháp đẹp có tên là tháp Chiêm Sơn. Tiếc thay ngọn tháp này cũng bị hủy hoại.

Về điêu khắc đá của Simhapura cổ xưa có thể tìm thấy hình bóng rực rỡ của nó qua phòng chính giữa của Bảo tàng Chàm Đà Nẵng. Đây là thời cực thịnh của Vương quốc Chămpa từ thế kỷ thứ IV đến thế kỷ thứ X - XII mà cả thành đô Mỹ Sơn và kinh đô Trà Kiệu đều là minh chứng lịch sử nổi bật nhất. Nói đến Simhapura, trước đây người ta thường nói đến ngôi đền chính trong Hoàng thành. Mỗi cạnh của nó dài tới 10m, chiều cao có thể lên tới 40m. Nếu

còn đến ngày nay, rõ ràng đây là ngôi tháp đồ sộ nhất trong kiến trúc Chămpa ở vùng Đông Nam Á. Trong đền tháp này có một bàn thờ lớn hình vuông, mỗi cạnh 3m, cao 1,50m. Trên đó tạo 12 vũ nữ Apsara đứng múa trước dài sen. Bàn thờ đó đã trở thành kiệt tác trong điêu khắc cổ xưa của thế giới còn lại tới hôm nay. Tất cả các đền thờ ở kinh đô Trà Kiệu đều thờ thần Siva và Visnu là hai chư thần bảo hộ cho các Vương triều Chămpa lúc bấy giờ. Chủ đề nổi bật của Trà Kiệu - Kinh thành Sư tử là các tượng đá Sư tử với nhiều tư thế sống động: đi, đứng, ngồi, nằm phủ phục, vươn mình, nhe nanh... mỗi tượng đều có bố cục độc đáo từ hình khối đến sắc thái biểu cảm trên đôi mắt, khối ngực, bước chân khỏe khoắn, dáng đứng oai vệ... Mặt khác đây là sự hóa thân công đức của Visnu, vì theo truyền thuyết có lần đấng tối thượng này hóa thành Sư tử để bảo vệ loài người, bảo vệ chư thần thoát khỏi nanh vuốt của quỷ dữ. Cũng qua những di chỉ tìm được trong các cuộc khai quật khảo cổ sau này, người ta đã hình dung được vẻ đẹp kỳ lạ của các kiến trúc Chăm về đền đài, cung điện, lâu đài, thành quách... đã làm cho kinh đô Trà Kiệu thêm hấp dẫn để trở thành trung tâm giao lưu kinh tế - văn hóa của Vương quốc Chămpa với các nước láng giềng như Campuchia, Inđônêxia hồi bấy giờ.

### *Hội quán Phước Kiến, Quảng Nam

Hội quán nằm tại số 46 đường Trần Phú, Hội An, tỉnh Quảng Nam. Hội quán Phước Kiến do nhóm người Phước Kiến (Trung Quốc) đến Hội An sinh sống tạo dựng vào năm 1759. Hội quán này là nơi thờ thần, Tiền hiền và hội họp đồng hương của những người Phước Kiến.

Đến tham quan di tích này, du khách hẳn sẽ ngạc nhiên về bàn tay khéo léo của người xưa đã tạo nên một công trình nguy nga tráng lệ, vừa tinh xảo, vừa sâu lắng. Hội quán có kiến trúc kiểu chữ "Tam" kéo dài từ đường Trần Phú tới đường Phan Chu Trinh (sâu 120m) theo các trật tự: cổng - sân - hồ nước - cây cảnh - hai dãy nhà đông và tây - chính diện - sân sau - và hậu diện. Chính điện thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu (nữ thần cứu người đi biển gặp nạn), Quan Thế Âm Bồ Tát, Thần Tài, ba Bà Chúa sanh thai và 12 bà mụ. Trong chùa còn có nhiều tượng thờ, trống đồng, chuông đồng, lư hương lớn, 14 bức hoành phi và nhiều hiện vật có giá trị khác.

Hội quán Phước Kiến là một di tích tôn giáo tín ngưỡng, là điểm tham quan thu hút rất nhiều du khách trong và ngoài nước.

### *Di tích cách mạng tỉnh Quảng Nam

Trong các cuộc kháng chiến vệ quốc của dân tộc, Quảng Nam là một trong những cái nôi của phong trào cách mạng và là vùng chiến trường vô cùng ác liệt. Những địa danh: Bồ Bồ, Cấm Dơi, Vĩnh Trinh, Chợ Được, Chu Lai, Hòn Tàu, địa đạo Kỳ Anh, đường mòn Hồ Chí Minh... đã đi vào lịch sử dân tộc, ngày nay trở thành điểm dừng chân của bao du khách.

- *Địa đạo Kỳ Anh,* thuộc xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ cách trung tâm thành phố khoảng 7km về phía Đông Bắc, có vị trí quan trọng trong chiến lược quân sự. Địa đạo dài 20km, dưới lớp đất cứng và chắc ở độ sâu từ 1-1,5m, được thực hiện trong hai năm 1965-1967 dạng bàn

cờ quanh co khúc khuỷu. Trong hầm địa đạo có hầm cứu thương, kho chứa lương thực, hầm cảnh giới, hầm tác chiến, lỗ thông hơi và hầm chỉ huy. Đây là căn cứ địa vững chắc và quan trọng cho cả vùng Đông Tam Kỳ. Từ địa đạo này lực lưỡng vũ trang và nhân dân địa phương đã gây cho địch nhiều tổn thất đáng kể.

Ngày nay, do tàn phá của chiến tranh và thiên tai, địa đạo bị hư hỏng nhiều, một số đoạn địa đạo còn lại nằm ở thôn Vĩnh Bình và Thạch Tân.

- *Khu di tích Nước Oa,* thuộc xã Trà Tân - Trà My, nằm trong vùng núi cách thị trấn Trà My 8km về phía Tây Nam, khu di tích gồm có: cơ quan Khu ủy, nhà ở và nhà làm việc của Đại tướng Chu Huy Mân (nguyên Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị); hầm trú ẩn giao thông hào, ao cá, vườn cam, nhà bếp và khu bảo vệ... Đây có thể xem là một trong những căn cứ địa đầu tiên của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 5. Vào dịp kỷ niệm Quốc khánh 2-9 năm 1996 khu di tích Nước Oa được tôn tạo lại một số hạng mục: tường rào và nhà làm việc, nhà trưng bày hiện vật.

- *Khu di tích Phước Trà*, là khu di tích cách mạng Khu ủy Khu 5 (1973-1975) gồm: hội trường, hệ thống hầm trú, hầm ở và làm việc của đồng chí bí thư Khu ủy. Tại đây Khu ủy đã đề ra kế hoạch cho Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 theo tinh thần của nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- *Rừng Dừa 7 Mẫu*, nằm giữa thôn hai và thôn ba xã Cẩm Thanh - Hội An. Với địa thế nằm ở vùng ven, gần sông nước, không gian rộng thuận lợi cho việc lập khu căn

cứ. Nhằm tiêu diệt khu căn cứ địa này, Mỹ đã cho quân tấn công kể cả dùng hóa chất làm trụi lá rừng dừa nhưng căn cứ vẫn tồn tại và phát huy. Ngày nay Rừng Dừa 7 Mẫu trở lại màu xanh tươi tốt và là một trong những điểm du lịch sinh thái khá lý tưởng.

- *Giếng Nhà Nhì (còn gọi là Ao 7 dũng sĩ Điện Ngọc,* thuộc thôn 5 - Điện Ngọc - Điện Bàn, cách thành phố Hội An 15km về phía bắc theo đường Hội An – Đà Nẵng. Đây là khu di tích ngoài trời gồm: một giếng cạn, xung quanh có bờ mương và hàng dương chạy dài bao bọc, gần bên là một tượng đài được xây dựng uy nghi tượng trưng cho khí thế cách mạng. Nơi đây đã diễn ra trận đánh không cân sức của 7 chiến sĩ đặc công với 2 đại đội biệt kích và 3 trung đội của Mỹ ngụy. Với lòng dũng cảm và mưu trí, các anh đã chiến đấu đến cùng, lập chiến công vang dội đến chiến trường miền Nam, được Đảng và Nhà nước phong tặng: Dũng sĩ Điện Ngọc. Khu di tích được công nhận là khu di tích quốc gia.

- *Tượng đài chiến thắng Núi Thành*, nằm trên một đồi cao 43m trong một cụm đồi ở xã Tam Nghĩa – Núi Thành. Nơi đây diễn ra trận đánh đế quốc Mỹ của quân và dân Quảng Nam. Vào ngày 25 tháng 5 năm 1965,Tiểu đoàn 70 tỉnh đội Quảng Nam đã tiến công đánh tan đại đội Mỹ, mở đầu cho phong trào "Tìm Mỹ mà đánh" trên toàn miền Nam, được Đảng và Bác Hồ khen tặng 8 chữ vàng "Trung dũng kiên cường đi đầu diệt Mỹ".

- *Tượng đài chiến thắng Cấm Dơi*, thuộc thị trấn Đông Phú - Quế Sơn. Nơi đây cơ thể được xem là một trong những địa bàn ác liệt nhất, là nơi tranh chấp sống còn giữa ta và

địch trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Lợi dụng địa thế hiểm trở, địch tiến hành cho xây các lô cốt hầm chỉ huy, hệ thống quân sự gồm nhiều đồn bót, cùng hàng chục tiểu đoàn, nhằm khống chế cả vùng Tây Nam quận lỵ Quế Sơn.

Ngày 17 tháng 8 năm 1972 bộ đội chủ lực và quân dân địa phương đã tiến đánh Cấm Dơi, phá hủy toàn bộ khu căn cứ, mở rộng vùng giải phóng góp phần cùng với quân và dân ta đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ ngụy trong ý đồ xâm lược miền Nam Việt Nam.

- *Khu di tích Chiến thắng Thượng Đức,* thuộc xã Đại Lãnh - Đại Lộc. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nơi đây đã được Mỹ ngụy biến thành một hệ thống quân sự hầm ngầm liên hoàn bê tông cốt thép kiên cố, được địch xem như là cánh cửa thép án ngữ Đà Nẵng, một trong những căn cứ quân sự lớn nhất ở miền Nam Việt Nam. Tại đây đã ghi dấu chiến công của Sư đoàn 304 cùng bộ đội địa phương trong trận chiến đấu giải phóng Thượng Đức (ngày 7 tháng 8 năm 1974) khẳng định khả năng đánh thắng toàn bộ quân ngụy trên khắp chiến trường, đánh tan cánh cửa thép bảo vệ vòng ngoài Đà Nẵng, làm bàn đạp tấn công vào sào huyệt cuối cùng của quân ngụy.

- *Căn cứ Hòn Tàu*, nằm ở cụm núi ranh giới giữa hai huyện Quế Sơn và Duy Xuyên, nơi đây đã từng là căn cứ địa vững chắc của phong trào chống ngoại xâm. Trong những năm chống Mỹ vùng căn cứ Hòn Tàu - Mặt Rạng là một trong những nơi đóng quân của các cơ quan Khu - Tỉnh ủy của Quảng Nam và đặc khu Quảng Đà.

- *Cứ điểm Ngok-ta-vak,* thuộc xã Phước Mỹ - Phước Sơn. Tại đây quân đội Mỹ đã xây dựng cứ điểm làm 3 khu:

trên đỉnh là khu trung tâm gồm có các bộ chỉ huy và trận địa pháo được bao bọc bởi hệ thống rào thép gai, phía Tây cứ điểm là khu sân bay trực thăng dã chiến, phía Đông Nam là khu ở của quân ngụy. Hiện nay, do tác động của thiên nhiên và thời gian nên di tích chỉ còn lại khu sân bay trực thăng.

- *Đường Hồ Chí Minh - Con đường huyền thoại,* trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đường mòn Hồ Chí Minh (còn gọi là đường Trường Sơn) là tuyến vận chuyển vũ khí, hàng hoá, lương thực, quân nhu... quan trọng nhất của hậu phương miền Bắc chi viện cho chiến trường miền Nam. Trong đó, đoạn đường Trường Sơn đi qua địa phận Quảng Nam với chiều dài gần 200km là một trong những đoạn hiểm trở nhất, cam go nhất với nhiều trận đánh vô cùng ác liệt. Những địa danh Trao, Bến Giằng, Làng Rô, Khâm Đức, Ngok-ta-vak, Đồi E... nằm trên hành lang tuyến đường này đã đi vào lịch sử và ký ức của mỗi người dân đất Quảng.

Cùng với sự chuyển mình đi lên của đất nước, ngày nay tuyến đường mòn Hồ Chí Minh đã được đầu tư xây dựng trở thành tuyến giao thông huyết mạch phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và du lịch. Tham gia tour du lịch "khám phá con đường huyền thoại Trường Sơn" tại Quảng Nam, du khách sẽ đến với các địa danh lịch sử quen thuộc, các bản làng đồng bào dân tộc ít người còn lưu giữ những nét văn hoá độc đáo, các khu rừng nguyên sinh, các danh thắng hữu tình như thác Tơ Mai, thác Grăng, cầu Thác Nước, hang động Đồng Răm, khu bảo tồn thiên nhiên sông Thanh.

*** Thành Châu Sa, Quảng Ngãi**

Thành Châu Sa thuộc thôn Phú Bình, xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Châu Sa là một thành cổ của người Chăm cổ xưa được đắp bằng đất.

Ở Quảng Ngãi có một thành cổ của người Chăm. Thành cổ này có tên là thành Đại La hay thành Châu Sa (vì nằm ở làng Châu Sa, nay là xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh) cách trung tâm thị xã khoảng chừng 7km về hướng đông bắc.

Nếu như Đồng Dương ở Quảng Nam là Kinh đô của người Chăm thế kỷ thứ IX, X thì Châu Sa là thành lũy kiên cố và cũng là trung tâm kinh tế của vùng phía nam. Hiện dấu tích chỉ còn 3km, bờ thành rộng 4m, chiều cao 6m, chu vi chừng 4km được đắp bằng đất. Theo các nhà nghiên cứu, Châu Sa là thành bằng đất duy nhất của người Chăm đã tìm thấy được.

Khuôn viên của thành được bao bọc bởi những bờ hào khá sâu. Thành còn có hai gọng thành (gọi là càng cua) nối thành nội với sông Trà (người Chăm rất giỏi thuỷ chiến nên thường xây dựng thành quách ở gần những con sông lớn). Châu Sa là địa điểm có nhiều ưu thế về phòng thủ nên được các nhà quân sự chọn làm điểm xây thành. Nơi đây vẫn còn sót lại những hào thành có hình bàn cờ nối với Cổ Lũy vốn là tiền đồn của người Chăm. Vào những đêm tối trời chỉ cần đốt lên một ngọn lửa ở đây là quan quân ở thành Châu Sa sẽ nhận ra tín hiệu cấp báo có quân giặc tới.

Ở gọng thành phía đông ngày xưa vốn là nơi sản xuất gốm. Qua khai quật người ta đã tìm thấy ở đây nhiều loại gốm với chủng loại văn hoá khác nhau. Ở vùng của biển Sa Kỳ và bến sông Vực Hồng vùng Thu Xà cũng tìm được

những mảnh gốm có cùng niên đại với Châu Sa. Điều đó đã nói lên sự giao thương mở rộng giữa thành cổ với khu vực phụ cận qua mạng lưới đường thuỷ. Năm 1988, qua một đợt khảo sát, các nhà nghiên cứu đã phát hiện thêm gọng phía tây của thành. Và Châu Sa không chỉ có thành nội mà còn có thành ngoại với phạm vi rất rộng.

Năm 1994, Bộ Văn hoá - Thông tin đã công nhận thành cổ Châu Sa là Di tích lịch sử văn hoá quốc gia.

### *Chứng tích lịch sử Sơn Mỹ, Quảng Ngãi

Sơn Mỹ thuộc tỉnh Quảng Ngãi, được nhà nước xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa quốc gia năm 1979, là khu di tích lịch sử, nơi ghi lại tội ác đế quốc Mỹ đối với nhân dân Việt Nam.

Di tích vụ thảm sát Sơn Mỹ nằm trên địa bàn xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, cách thành phố Quảng Ngãi 13km về phía đông bắc. Ngày 16 tháng 3 năm 1968, một cuộc hành quân huỷ diệt dã man chưa từng thấy, được đế quốc Mỹ mưu tính và thực hiện, đánh vào người dân Sơn Mỹ vô tội không một tấc sắt trong tay. Với chủ trương: đốt sạch, phá sạch, giết sạch, chúng đã biến nơi này thành vùng đất chết.

Lính của đế quốc Mỹ khi đó đã đổ bộ xuống phía tây xóm Thuận Yên, thôn Tư Cung và xóm Gò, thôn Cổ Lũy và cuộc thảm sát bắt đầu. Số người bị tàn sát ở thôn Tư Cung là 407 người, tại thôn Mỹ Hội là 97 người. Tổng số người bị tàn sát ở Sơn Mỹ là 504 người, trong đó có 182 phụ nữ, 173 trẻ em, 60 cụ già, 24 gia đình bị giết sạch, 247 ngôi nhà bị thiêu cháy. Vụ thảm sát Sơn Mỹ là đỉnh cao trong muôn vàn tội ác của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa, bị cả loài người lên án.

Khu di tích vụ thảm sát Sơn Mỹ là một tổng thể các địa điểm nơi ghi dấu tội ác của giặc Mỹ đối với đồng bào ta như: Cụm di tích ruộng ông Nhiều, tháp canh, gốc cây gòn nằm ở xóm Khê Thuận và điểm di tích vườn ông Phạm Minh (Khê Đông), Phạm Hội (Khê Tây); Điểm di tích hầm chống pháo của gia đình ông Lý Lệ, ông Ngô Mân tại xóm Mỹ Hội (thôn Cổ Lũy); Các điểm di tích mộ chôn chung các nạn nhân bị thảm sát.

Bên cạnh giá trị lịch sử, khu di tích Sơn Mỹ là nơi ghi tội ác điển hình của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, là nơi tưởng niệm 504 đồng bào ta đã ngã xuống. Sơn Mỹ còn có giá trị về du lịch: nó nằm trong tuyến du lịch Thiên Ấn (khu mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng) - Châu Sa - Sơn Mỹ - Mỹ Khê - Dung Quất. Hàng năm có hơn 5 vạn người đến Sơn Mỹ tham quan. Hiện nay, mỗi tháng có gần 3.300 lượt khách đến tham quan.

Đến Sơn Mỹ hôm nay, du khách có thể dừng lại trước bức tượng để cảm nhận nỗi đau tột cùng của nạn nhân Sơn Mỹ ngày ấy. Bên trong nội thất Nhà Chứng tích, du khách có thể xem nhiều hiện vật còn được lưu giữ: chiếc mâm thau cũ còn lỗ chỗ vết đạn, các loại chén đĩa, xoong chảo bị bắn thủng vỡ,....

Bên ngoài khuôn viên chứng tích, rải rác đó đây trong các xóm thôn là những tấm bia dựng lên ở các địa điểm đã xảy ra các cuộc bắn giết. Đây là tháp canh ở rìa làng, bên con đường đất nhỏ xóm Thuận Yên với 102 người bị bắn chết. Kia là cây gòn nơi 15 phụ nữ và trẻ em bị sát hại...

Ở xã Tịnh Khê, bây giờ bóng dừa đã vươn cao, ngoài kia biển xanh vẫn xua những đợt sóng bạc đầu vào bãi cát vàng sạch sẽ, duyên dáng, một khung cảnh đẹp thường

thấy ở các miền quê ven biển của Việt Nam. Ai có thể ngờ được rằng ẩn trong nó thủa ấy là một quá khứ đau thương, mất mát mà đế quốc Mỹ đã gây ra cho nhân dân nơi này.

### *Đền thờ Thiên Yana, Quảng Ngãi

Đền thờ Thiên Yana hay còn gọi là Dinh Bà, thuộc xóm Trung Yên, xã An Hải. Xung quanh dinh Bà hiện nay vẫn còn tồn tại một số di tích của người Chămpa như: Giếng nước, miếu con Bò (hay còn gọi là miếu Bà chúa Lồi). Dinh Bà được xây dựng từ thời gian nào đến nay vẫn chưa có tài liệu nào ghi chép. Tuy nhiên, căn cứ vào những đặc điểm di tích có thể khẳng định đây là một di tích thờ thần của người Chămpa, sau đó người Việt tu bổ, xây dựng có quy mô như hiện nay.

Dinh có kiến trúc hình chữ Tam chia làm 3 tòa: Tiền đường, chánh diện, hậu cung. Hậu cung là nơi thờ Thiên Yana được xây bằng chất liệu vôi vữa tam hợp. Kiến trúc bên ngoài của dinh là kiểu kiến trúc thời Nguyễn, thế kỷ XIX. Nhà hậu cung có các đầu đao trang trí rồng, diềm mái lợp ngói ống, phần trên cắt cổ diềm thành 4 mái, chia làm 4 mặt, mỗi mặt trang trí theo chủ đề: đôi sóc vui đùa, đôi chim sẻ trên cành trúc, cành mai, quả đào tiên. Diềm của các ô hộc trang trí văn kỷ hà, đặc biệt nóc mái của cổ diềm được làm cong như một chiếc thuyền, ở 2 đầu mũi thuyền là 2 con rồng đang uốn mình bay lên (điểm giữa chiếc thuyền, trên đỉnh nóc cổ diêm, trang trí phụng đắp nổi, 2 bên là 2 con cá chép theo kiểu song ngư, đỉnh nóc cổ diềm trang trí "lưỡng long tranh châu". Đây là mô típ trang trí phổ biến trong kiến trúc thời Nguyễn. Trước dinh có bình phong, trụ biểu, trên 2 trụ biểu có 2 con kỳ lân. Bình phong được đắp

nối 2 mặt: mặt ngoài là hổ, mặt bên trong là long mã. Ngoài ra trước dinh còn có một con nghê đá - đây là 1 trong 2 con nghê đá có niên đại thời Minh (Trung Quốc) hiện có tại đảo Lý Sơn. Theo lời kể của các cụ cao niên trong làng thì con nghê đá được dân làng An Hải tìm thấy ngoài biển do thuyền buôn chuyên chở và bị sóng đánh chìm ở gần đảo, gồm một đôi nghê đực và cái nhưng không có thuyền để trục vớt nên phải nhờ dân làng An Vĩnh hỗ trợ. Sau khi trục vớt được đôi nghê, làng An Hải được giữ con nghê đực và làng An Vĩnh giữ con nghê cái. Hiện nay con nghê cái của làng An Vĩnh được đặt tại chùa Vĩnh Ân và cùng con nghê tại dinh Thiên Yana làng An Hải là đôi lân cổ có giá trị về điêu khắc, tạo hình hết sức sinh động.

Bên trong dinh được bố trí thờ phụng như sau: Tại hậu cung thờ tượng Bà ở giữa, 2 bên là tượng cô và cậu - đây là mô típ thờ thần Thiên Yana của đảo Lý Sơn và nhiều nơi khác. Tương truyền tượng bà Thiên Yana và tượng cô, cậu được làm bằng gỗ mít. Cây mít được một người dân ở Lý Sơn sau một thời gian tìm kiếm khắp nơi nhưng không tìm thấy đã được Bà báo mộng và tìm được ở xã Bình Hải (huyện Bình Sơn) mang về Lý Sơn và thuê thợ tạc tượng ở làng Kim Bồng (Hội An) tạo nên. Tượng Bà cao khoảng 0,5m, dáng ngồi và được đặt trên ngai thờ, đầu đội khăn xanh. Toàn bộ tượng Bà toát lên vẻ phúc hậu của một người phụ nữ Việt Nam. Trước tượng Bà có linh vị khắc chữ Hán: "Sắc hoằng huệ phổ tuế linh mặc tướng trang uy dực bảo trung hưng Thiên Yana diễn ngọc phi thượng đẳng thần". Ngăn cách giữa chánh điện và hậu cung là hệ thống cửa gỗ, được trang trí chạm thủng với các chủ đề "lưỡng long tranh châu" và đôi voi. Đây là mô típ

trang trí của người Chăm vì theo truyền thuyết Thiên Yana thường cưỡi voi.

Tại gian giữa chánh điện có bàn thờ và ngai thờ Bà, 2 bên là 2 ban thờ tiền hiền, hậu hiền; tại tiền đường các ban thờ được phân chia: giữa là ban thờ Bà, 2 bên đặt 2 con ngựa gỗ với đầy đủ yên cương và 2 bộ lỗ bộ gắn thập bát ban võ nghệ, 2 bên đặt các ban thờ tiền văng, hậu văng, cô hồn. Mỗi ban thờ đều có đầy đủ đồ thờ tự như: bình phong, bộ tam đồng. Đặc biệt trong dinh có rất nhiều bức hoành phi và liễn đối.

Hàng năm tại đền Thiên Yana đều có tổ chức các lễ chính như Lễ vía Bà, tổ chức tế xuân, tế thu và đặc biệt là sinh hoạt tế lễ trong những ngày Tết Nguyên đán được Ban tế tự của làng tổ chức trang trọng, thể hiện nét sinh hoạt văn hoá tâm linh và sự cố kết cộng đồng bền chặt.

Dinh thờ Thiên Yana thuộc xóm Trung Yên là một trong những dinh thờ thần Thiên Yana tiêu biểu nhất trên đảo Lý Sơn. Căn cứ địa điểm và không gian quanh dinh, cũng như những mô típ trang trí có thể khẳng định dinh Thiên Yana là di tích kiến trúc tín ngưỡng thể hiện sự giao thoa, tiếp biến văn hoá giữa văn hoá Chămpa và Việt tiêu biểu trên đảo Lý Sơn.

### *Di tích đình làng và nhà thờ tiền hiền Lý Hải, Quảng Ngãi

Di tích nằm ở xã Lý Hải, huyện đảo Lý Sơn. Đình làng và nhà thờ được xây dựng từ năm 1820, năm đầu tiên dưới triều vua Minh Mạng. Di tích đình làng và nhà thờ tiền hiền Lý Hải thuộc loại hình kiến trúc nghệ thuật tôn giáo, mang phong cách kiến trúc nghệ thuật thời Nguyễn, thể

hiện qua kỹ thuật chạm khắc gỗ độc đáo ở án thờ, các vì kèo, cột, trụ, đỉnh cửa... kỹ thuật đắp nổi qua các ô trang trí cổ diềm với các kiểu cách: mai điểu, ngư điểu, ở bề mái với kiểu cách lưỡng long triều nhật, long phụng triều quy, ở mặt tiền với kiểu cách cặp nghê chầu đỡ cột đình. Hiện đình làng và nhà thờ còn lưu giữ được các bức hoành phi, ngai thờ, liễn đối cẩn xà cừ có giá trị về lịch sử, văn hoá, bên cạnh giá trị về mặt tâm linh đối với cư dân trên đảo Lý Sơn.

Di tích đình làng Lý Hải là một trong số rất ít đình làng ở Quảng Ngãi không bị chiến tranh tàn phá và còn tương đối nguyên vẹn. Đình làng và nhà thờ làm bằng chất liệu gỗ, bởi vậy, trải thời gian gần hai thế kỷ, không khỏi có sự xuống cấp, các hoa văn, chạm khắc có phần bị mờ, do quá trình bào mòn của nắng mưa, độ ẩm và gió biển. Gần đây di tích đã được kịp thời tôn tạo.

Di tích đình làng và nhà thờ tiền hiền Lý Hải đã được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là Di tích quốc gia năm 1997.

### *Bảo tàng Quang Trung, Bình Định

Bảo tàng Quang Trung thuộc làng Kiên Mỹ, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, cách trung tâm thành phố Quy Nhơn khoảng 45km về phía tây bắc.

Bảo tàng Quang Trung lưu giữ các hiện vật về những chiến tích của vua Quang Trung và trình diễn Nhạc võ Tây Sơn - một môn võ truyền thống của Bình Định. Từ thành phố Quy Nhơn, đi theo Quốc lộ 19 khoảng 45km, du khách sẽ đến bảo tàng Quang Trung ở thị trấn Phú Phong, mảnh đất quê hương của ba anh em nhà Tây Sơn là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ.

Được khởi công xây dựng năm 1978 trên một khuôn viên rộng 95.000m$^2$ với lối kiến trúc vừa cổ kính, vừa hiện đại, Bảo tàng Quang Trung là một không gian văn hoá bao gồm: khu vực bảo tàng, điện thờ Tây Sơn Tam kiệt, tượng đài Hoàng đế Quang Trung, nhà biểu diễn nhạc võ Tây Sơn, nhà rông văn hoá các dân tộc Tây Nguyên...

Khu vực bảo tàng bao gồm 9 phòng trưng bày với những chủ đề khác nhau, lưu giữ nhiều tư liệu, hiện vật quý xuyên suốt qua các thời kỳ phát triển của phong trào khởi nghĩa Tây Sơn và Hoàng đế Quang Trung. Nguyễn Huệ là một anh hùng dân tộc có công dẹp loạn trong nước và đánh đuổi quân xâm lược. Năm 1788, ông thống lĩnh đại quân từ Phú Xuân (Huế) hành quân 35 ngày đêm ra Bắc đánh tan 29 vạn quân Thanh xâm lược, giải phóng Thăng Long (nay là Hà Nội). Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế hiệu là Quang Trung. Đến với bảo tàng Quang Trung, du khách sẽ được nghe thuyết minh, giới thiệu về những chiến tích lẫy lừng và chiêm ngưỡng những hiện vật quan trọng in đậm chiến công hiển hách của các vị anh hùng áo vải như trống trận, cồng chiêng, ấn tín hay các loại binh khí thô sơ giúp nghĩa quân Tây Sơn đi từ chiến thắng 5 vạn quân Xiêm trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút đến trận đánh 29 vạn quân Thanh. Trên các bức tường còn khắc ghi tên, tuổi, quê quán của các quan văn, quan võ dưới triều đại Tây Sơn. Ngoài ra du khách còn được ngắm sắc phục đã được lưu giữ hàng trăm năm qua của các vị quan này.

Sau khi vượt qua cầu Cảnh, du khách sẽ đến điện thờ Tây Sơn Tam kiệt và các văn thần võ tướng nhà Tây Sơn được xây dựng trên chính ngôi nhà thuở sinh thời của ba

anh hùng áo vải. Nơi đây ba anh em nhà Tây Sơn cất tiếng khóc chào đời, lớn lên và trở thành những lãnh tụ kiệt xuất của phong trào Tây Sơn. Đây cũng chính là nơi thờ thân sinh của ba anh em nhà Tây Sơn là ông Hồ Phi Phúc và bà Nguyễn Thị Đồng. Điện Tây Sơn tuy nhỏ nhưng trang nghiêm. Trước sân rộng có cổng tam quan, tiếp đó là nhà bia ghi công lao của Quang Trung - Nguyễn Huệ viết bằng chữ quốc ngữ. Chính điện gồm ba gian, gian giữa thờ Quang Trung - Nguyễn Huệ, có bức tranh ông cưỡi ngựa đặt trong khung kính, gian bên trái thờ Nguyễn Nhạc, gian bên phải thờ Nguyễn Lữ. Hai đầu hồi là ban thờ các văn thần võ tướng nhà Tây Sơn như: Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Võ Văn Dũng, Ngô Thì Nhậm, Ngô Văn Sở, Trần Văn Kỷ... Hiện nay trong khu vườn cũ của gia đình anh em Tây Sơn vẫn còn lại hai di tích cực kỳ quý giá là cây me cổ thụ và giếng nước xưa, tương truyền có từ thời Hồ Phi Phúc. Cây me cổ thụ nằm bên trái điện Tây Sơn cành lá xum xuê che mát cả một góc vườn, có chu vi gốc cây tới 3,5m. Bên phải điện Tây Sơn là giếng nước, đường kính 0,9m, trước đây xây bằng đá ong và không sâu như bây giờ. Sau này dân làng vét sâu thêm và xây thành giếng cao hơn mặt đất 0,8m để làm giếng chung cho cả làng. Tới đây, du khách có thể ngồi nghỉ dưới gốc cây me, múc nước giếng mát uống để tăng thêm nhuệ khí hào hùng như những người anh hùng thuở trước.

Một điều mà du khách không thể bỏ qua khi đến với Bảo tàng Quang Trung là thưởng thức nhạc võ Tây Sơn với một bộ 12 trống tượng trưng cho 12 con giáp. Một bài trống gồm ba hồi: xuất quân xung trận, hãm thành và ca khúc

khải hoàn. Khi nghe bài trống này, du khách sẽ cảm thấy cảnh mưa rào thác đổ, khi nhặt khi khoan, khi dồn dập bức tim, khi hào hùng phấn chấn. Tương truyền ngày xưa, nhạc võ được đánh để kích thích tinh thần của nghĩa quân Tây Sơn. Ngoài ra, du khách còn được xem những màn biểu diễn võ cổ truyền độc đáo, thưởng thức văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên với nhiều tiết mục múa đặc sắc, gợi nhớ lại những ngày đầu anh em nhà Tây Sơn khởi nghiệp từ vùng thượng đạo An Khê (Gia Lai).

Về thăm Bảo tàng Quang Trung, du khách sẽ như được ngược dòng lịch sử để sống với tinh thần thượng võ, anh hùng, nghĩa hiệp, ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất, giữ gìn quê hương, đất nước qua lịch sử oai hùng của phong trào khởi nghĩa Tây Sơn và những chiến công hiển hách, lừng lẫy của Quang Trung - Nguyễn Huệ.

Hàng năm cứ vào ngày 5 tháng 1 âm lịch, nhân dân quanh vùng lại tụ hội về bảo tàng để làm lễ tưởng niệm người anh hùng dân tộc Quang Trung (hay còn gọi là ngày lễ Đống Đa).

### *Chùa Nhạn Sơn, Bình Định

Chùa có quy mô nhỏ với cấu trúc kiểu chữ *khẩu* thông thường như bao ngôi chùa làng ở người Việt. Đây là một trong năm ngôi chùa của Bình Định được sách Đại Nam nhất thống chí nhắc đến. Bên trong chính diện chùa thờ hai pho tượng đá khổng lồ, một sơn đen, một sơn đỏ. Vì thế nhân dân địa phương còn gọi đó là chùa Ông Đen Ông Đỏ hay chùa Ông Đá. Điều này phù hợp với điều ghi chép trong sách Đại Nam nhất thống chí, duy chỉ có tên gọi là trong sách này lại là Mạn Sơn Tự (chùa rìa núi). Sách chép

rằng: "Chùa Mạn Sơn tục gọi chùa Ông Đá, ở thôn nhạn tháp huyện Tuy Viễn, về phía Nam thành Chà Bàn. Trong chùa có hai tượng đá, đứng hai bên nhìn nhau dưới viên đá vàng, mình cao hơn 6 thước, lưng rộng hơn 5 thước, một pho sơn son, một pho sơn đen, thầy chùa chế áo xiêm, mũ đai bằng vẽ hình mây rồng mặc vào, trông như hình người còn sống. Tương truyền tượng ấy là tượng phật của người Chiêm Thành. Cầu đảo thường ứng nghiệm".

Di tích chùa Nhạn Sơn hiện nay thuộc địa phận thôn Nam Nhạn Tháp, xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Chùa nằm dưới bóng một vườn xoài xanh mướt, tựa lưng vào núi Long Cốt, trước mặt là một hồ sen, cảnh trí thật thơ mộng.

### *Chùa Thập Tháp, Bình Định

Thập Tháp Di Đà tự hay chùa Thập Tháp là một trong năm ngôi chùa của tỉnh Bình Định với lời đánh giá: "Chùa này cùng chùa Linh Phong đều nổi tiếng là danh thắng". Ca dao địa phương có câu:

*"An Nhơn có núi Mò O*
*Có chùa Thập Tháp có đò Trường Thi"*

Chùa Thập Tháp nằm ở phía Bắc thành Đồ Bàn, nay thuộc địa phận thôn Vạn Thuận, xã Nhơn Thành huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Con đường tương đối rộng nối từ chùa ra quốc lộ 1 đoạn giữa Đập Đá và Nhơn Thành, nơi có cầu Vạn Thuận hay còn gọi là cầu Chùa chính là một đoạn phế tích bờ bắc thành Đồ Bàn xưa.

Chùa được xây dựng trên một gò tương đối rộng hình mai rùa có chu vi gần 1km gọi là gò Thập Tháp. Tên gọi

này bắt nguồn từ chỗ nơi đây xưa kia có mười ngọn tháp do người Chàm xây để "yểm hậu" cho thành Vijaya. Chùa quay hướng đông, trước cổng tam quan là một ao sen rộng chừng nửa mẫu có bờ xây bằng đá ong không bao giờ cạn nước, xa xa là ngọn Tiên Đỉnh Sơn (Núi Mò O) quanh năm lãng đãng sương mây. Phía Nam là thành Đồ Bàn có tháp Cánh Tiên sừng sững. Vây bọc sau lưng, bên trái rồi lượn về phía đông là một nhánh sông Quai Vạc, một chi lưu của sông Kôn, cảnh vật thật sơn thủy hữu tình.

Trong chùa đến nay vẫn còn giữ được nhiều di vật quý. Đó là đôi câu liễn sơn thếp cao 2,5m ghi bài ngự đề của chúa Nguyễn Phúc Chu, đạo hiệu từ Đế Đại Nhân cúng cho chùa vào năm Tân Tỵ, hiện để chính diện. Một tấm hoành phi sơn son thếp vàng kích thước 0,9m x 5m đề "Thập tháp Di Đà tự" do Hòa thượng Mật Hoằng trụ trì chùa Thiên Mụ phụng tạo vào năm Minh Mệnh nguyên niên hiện được treo ở trước chính điện. Ngoài ra còn phải kể đến tấm hoành phi nội dung bài kệ của Hòa thượng Minh Lý cung tạo năm 1874 và đặc biệt trong chùa hiện còn lưu trữ được nhiều tạng kinh khắc gỗ và in giấy. Số tạng kinh gỗ có tới trên 1.500 bảng, còn kinh bao gồm 389 bộ.

Hơn ba trăm năm tồn tại Thập Tháp Di Đà đã từng chứng kiến biết bao sự kiện lịch sử gắn liền với những bước ngoặt lớn lao của đất nước, của dân tộc. Ngày nay đứng trước tam quan, bên hồ sen lung linh, nhìn xa xăm bên ngọn núi phía đông lòng ta trào dâng bao cảm xúc.

Năm 1990, chùa Thập Tháp Di Đà được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia.

### *Chùa Long Khánh, Bình Định

Long Khánh là tên một ngôi chùa lớn nằm ở trung tâm thành phố Quy Nhơn. Chùa Long Khánh là một trong những trung tâm phật giáo lớn của Bình Định, là nơi sinh hoạt, lễ bái của giới tăng ni phật tử và là điểm tham quan du lịch hấp dẫn cho du khách gần xa có dịp đến thành phố biển Quy Nhơn.

Chùa được kiến trúc theo hình chữ *khẩu*, phía trước có chánh điện gồm thượng điện và hậu điện, hậu điện thờ phật cổ Thích Ca. Hai bên có Đông phòng và Tây phòng. Hai dãy này là chỗ dành riêng cho tăng ni. Phía sau là Tổ đình, thờ các vị khai sơn phá thạch.

Kiến trúc nguyên thủy của chùa không còn nữa. Ngôi chùa hiện nay về cơ bản được xây dựng 1956 và hoàn thiện vào năm 1972. Phong cách kiến trúc này mang dáng dấp của chùa của dân cư miền nam Trung Hoa.

Chùa Long khánh được xây dựng trên đất làng Vĩnh Khánh phủ Quy Ninh vào khoảng năm 1715. Giữa thế kỷ XVIII phủ Quy Ninh đổi thành Quy Nhơn, đến cuối thế kỷ XIX làng Vĩnh Khang đổi thành làng Cẩm Thượng thuộc huyện Tuy Phước, Phủ Quy Nhơn đổi thành tỉnh Bình Định.

Mặc dù đã qua bao lần trùng tu, tái tạo, chùa Long Khánh vẫn là một di tích lịch sử - văn hóa có giá trị. Đó là một trong hai ngôi chùa có niên đại cổ kính của Bình Định. Ngày nay, du khách gần xa khi đến chùa sẽ có cảm giác tĩnh mịch, tôn nghiêm, sâu lắng.

### *Hệ thống tháp Chăm, Bình Định

*Tháp Cánh Tiên*, tháp là loại hình kiến trúc phổ biến của văn hóa Chămpa. Trong tiếng Chăm có một từ chỉ

chung cho loại hình kiến trúc này là Kalan (đền thờ). Chức năng chủ yếu của Kalan, như ý nghĩa của từ, là phục vụ đời sống tâm linh và các lễ nghi tôn giáo. Tuy nhiên, kiến trúc tháp mang đậm tính nghệ thuật, là những tác phẩm mà các nghệ nhân thể hiện tài năng và trí sáng tạo của mình nên ít chịu sự gò ép của những lễ nghi tôn giáo. Trong số ấy, Cánh Tiên là một ngôi tháp đẹp, được tạo dáng độc đáo, thanh thoát với bố cục hết sức hợp lý.

Đế tháp xây cao, bề thế trên một bình diện gần vuông, mỗi bề dài khoảng gần 10m với các đường giật cấp so le. Toàn tháp cao khoảng 20m, bốn mặt quanh thân tháp đều trang trí các trụ cột ốp tường, nhô ra theo tỷ lệ hài hòa với tổng thể kiến trúc. Các gốc thân tháp được bó bằng các khối đá có kích thước lớn nên khá vững chắc. Về hình thức, tháp có bốn cửa vòm nhọn vút lên mở ra bốn hướng, nhưng chỉ có cửa chính hướng đông là ăn thông với lòng tháp, còn lại là ba cửa giả. Bộ diềm hơi nhô ra tạo thành bộ đỡ cho các gốc tháp bên trên. Các hình chạm khắc trang trí chủ yếu tập trung trên bộ mái. Với bốn tầng hiện còn, tầng có bốn tháp gốc trang trí, mỗi góc có một tầng nhỏ, tạo dáng lá nhỏ dần về phía trên tạo cảm giác như những cánh chim đang bay. Có lẽ do chính dáng vẽ này mà người đời thả trí tưởng tượng, gắn với hình tượng thần tiên mà đặt cho tháp là Cánh Tiên. Những tảng đá chạm khắc hình đuôi phượng gắn trên các tầng tháp giả và hình Makara, một thần quỷ quái trong thần thoại Ấn Độ với nanh nhọn, vòi dài, trang trí ở các góc đầu tường đã tạo cho tháp Cánh Tiên một vẻ đẹp huyền bí. Khác với nhiều tháp Chàm, trang trí tháp Cánh Tiên cầu kỳ đến độ hoàn mỹ. Từ hệ thống vòm cửa với

những dải hoa văn hình xoắn xếp lớp đối xứng nhau uyển chuyển đến các khối đá ốp cạnh được chạm khắc tinh tế tạo thành những hoa văn nối kết đều toát lên vẻ đẹp vừa thanh thoát, trang nhã, vừa uy nghi bề thế.

Theo đoán định của các nhà chuyên môn, trong toàn bộ loại hình các kiến trúc tháp Chàm còn lại, Bình Định được cho là một trong bảy phong cách một giai đoạn phát triển. Cánh Tiên được coi là một trong những ngôi tháp tiêu biểu cho phong cách này. Theo đó, tháp Cánh Tiên có thể đã xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ XII.

*Tháp Phú Lốc*, tháp được xây dựng trên một quả đồi cao chừng 80m so với mực nước biển. Đi dọc trên đường quốc lộ số 1, ngang qua địa phận thôn Châu Thành xã Nhơn Thành có thể nhìn thấy rõ. Từ trước tới nay nhân dân vẫn thường gọi tháp là Thốc Lốc, Phốc Lốc, Phú Lốc, Phú Lộc mà không hiểu nghĩa của những tên tháp này. Trong các thư tịch cổ, tên tháp còn được chép là Phước Lộc. Người Pháp, trong các công trình nghiên cứu của họ gọi là Tour d'Or (Tháp Vàng). Phân tích phong cách kiến trúc, các nhà chuyên môn đoán định rằng tháp có niên đại tương đương với tháp Cánh Tiên. Quy mô tháp không lớn. Bình đồ tháp hình vuông mỗi chiều đo được 9,7m. Toàn tháp cao khoảng 15m, nhưng vì được xây dựng trên đồi cao nên trông có vẻ ngạo nghễ.

Các cột đá ốp xung quanh thân tháp thẳng trơn. Giống như mọi tháp Chămpa, Phú Lốc cũng có ba cửa giả và một cửa chính hướng về phía Đông. Vòm cửa hình lưỡi mác vút lên cao tới 6m. Phần trang trí chủ yếu được thể hiện trên các cửa giả. Bao quanh phần trên mỗi vòm của là các phù

điêu trang trí. Cửa giả có tới ba tầng, nhỏ dần về phía trên, tạo thành một hình khối giống như 3 lưỡi mác nhọn xếp nối nhau vút lên sát diềm mái. Mái tháp có ba tầng, ngăn cách với phần thân bởi một diềm đá để trơn không trang trí. Tầng mái không còn được nguyên vẹn, được tạo dáng thu nhỏ dần lên phía trên với các tường được chạm khắc. Hình dáng lớp mái nhà là hình ảnh thu nhỏ của tháp chính nhưng các hàng cột ốp dọc có hoa văn xoắn kết dài. Các cửa trên mái tháp trông giống như những khám thờ, bao quanh phía trên vòm cửa nhọn được trang trí hoa văn lá lật xoắn đối xứng.

Tháp đứng trên đồi cao trông có vẻ trơ trọi, đìu hiu, nhưng lên tới chân tháp, phóng tầm mắt ra bốn hướng thì thấy cảnh trí xung quanh thật kỳ vĩ. Tại đây có thể nhìn thấy cả vùng đồng bằng rộng lớn của hai huyện An Nhơn và Phù Cát.

Tháp Bình Lâm, tháp nằm trên địa phận xóm Long Mai, thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Trong một số thư tịch cổ pháp có tên Thanh Trúc, nhưng trong các công trình nghiên cứu sau này và trong dân gian đều gọi là tháp Bình Lâm. Trên một gò đất cao, tháp có bình đồ vuông, mỗi cạnh chừng 10m. Thủa nguyên sơ, toàn tháp cao khoảng 20m, chia thành 3 tầng rõ rệt. Đế tháp xây bề thế, vững chãi tạo bởi một hệ gạch đồ sộ, hơi thắt ở lưng chừng. Xung quanh có các gờ so le nhô ra làm thành những khung trang trí chữ nhật cân đối. Làm nền cho thân tháp vươn lên là đường gạch với những chỗ uốn tròn giống như những cánh hoa mềm mại phủ xuống. Thân tháp khối vuông hình trụ. Dọc

thân tháp là những cột hẹp nhô ra và những ô chữ nhật lõm vào thân tường, trang trí hoa văn cánh sen uốn ngửa liên kết với nhau. Cửa chính mở về phía Đông, rộng khoảng 1,8m. Các cửa giả ở mặt tường phía Bắc, Nam và Tây đứng nhô ra khỏi mặt tường có chỗ đến 1,5m. Các cửa đều tạo vòm nhọn vút lên khiến cho tháp có dáng vẻ thanh thoát, bay bổng.

Mái tháp có 4 tầng, nhỏ dần về phía trên. Mỗi tầng là hình ảnh thu nhỏ của thân tháp nhưng được trang trí bởi các hoa văn khắc tạc tinh tế. Đặc biệt đường diềm ngăn cách thân và mái được trang trí khá lộng lẫy bằng hoa văn cánh sen cách điệu, uốn lượn liên hoàn. Ở mặt tường mỗi tầng mái đều có phù điêu trang trí và bốn góc được gắn những ngọn tháp nhỏ. Mặt tường mái phía Tây hiện còn thấy rất rõ một bức phù điêu chim thần Garuda.

Dãi dầu qua năm tháng, tháp Bình Lâm đã bị hư hại nhiều, nhất là tầng mái. Do sập lở, tháp hiện chỉ còn cao khoảng 15m. Xung quanh cây cối mọc um tùm. Vòm của chính phía Đông và cửa giả phía Bắc đã bị sập. Tuy nhiên vẫn có thể dễ dàng nhận thấy tháp Bình Lâm là một kiến trúc hài hòa với những đường nét trang trí chỉnh trang vừa thanh tú vừa khỏe khoắn. Theo ý kiến các chuyên gia, đây là ngôi tháp có giá trị về nhiều mặt và có thể được coi là tháp đẹp nhất và cổ nhất ở Bình Định. Theo nhà học giả Pháp H. Parmentier thì thế kỷ X có thể dùng làm mốc thời gian phân chia văn hóa Chămpa thành hai giai đoạn phát triển. Giai đoạn trước có hai trào lưu nghệ thuật: Nguyên khai và Lập thể. Sau thế kỷ X là giai đoạn có hai trào lưu nghệ thuật: Cổ điển và Dẫn xuất. Tháp Bình Lâm tiêu

biểu cho phong cách nghệ thuật cổ điển, là sự phục hưng của nghệ thuật nguyên khai. Theo đó, tháp Bình Lâm có niên đại tương đối sớm, vào cuối thế kỷ X - đầu thế kỷ XI.

*Tháp Bánh ít*, tháp được xây dựng trên một quả đồi thuộc địa phận thôn Đại Lộc, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước. Quả đồi không lớn, cao chừng hơn 100m nhưng nằm gần đường Quốc lộ số 1 nên du khách có thể chiêm ngưỡng vẻ uy nghi mà duyên dáng của khu tháp ngay trên đường đi. Dân địa phương từ lâu đã quen gọi tên tháp này là tháp Bánh ít. Quả thực, bốn ngọn tháp đứng gần nhau, một lớn ở trên cao và ba nhỏ ở dưới thấp, trông xa dễ làm người ta liên tưởng đến một mâm bánh ít đã bóc lá. Đối với người Pháp, chẳng hiểu vì lý do gì, khi nghiên cứu quần thể kiến trúc này, họ lại đặt là Tour d'Argent (Tháp Bạc). Trong một số tài liệu, tháp còn được gọi là tên thôn: tháp Đại Lộc.

Quả đồi dốc thoai thoải về phía Đông. Trên đường đi tới tháp chính, ngang qua những đống gạch vỡ ngổn ngang và dấu vết của hai lớp tường xây bằng gạch, đá ong là tháp cổng. Đây chính là cổng chính dẫn vào quần thể di tích. Tháp cổng không lớn, cao chừng 13m, xây trên bình đồ hình vuông, mỗi chiều 7m. Tháp mở hai cửa thông nhau đi hướng Đông-Tây, cùng nằm trên một trục thẳng với cửa tháp chính trên đỉnh đồi. Vòm cửa giống như hình mũi lao có nhiều lớp liên tiếp vút lên trên. Hai mặt còn lại của tháp là hai cửa giả, không thông với lòng tháp nhưng vòm được tạo dáng giống như cửa thật. Mặc dù đã bị hư hại nhiều, tháp cổng không còn khá vững chãi. Quanh thân tháp có các trụ đá ốp để trơn không trang trí. Diềm mái tháp hơi nhô ra nâng toàn bộ ba tầng mái trang trí đơn giản nhưng khỏe khoắn.

Tháp chính nằm trên đỉnh đồi. Tháp cao tới 20m, xây trên bình đồ vuông, mỗi chiều đo được 11m. Trên mọi bộ phận, tháp được trang trí khá đẹp. Phần chuyển tiếp giữa đế và thân là các hàng gạch nhô ra được gọt đẽo công phu, tạo thành những đường cong uốn lượn nhẹ nhàng như cánh hoa xoải xuôi. Thân tháp có 5 cột dọc rãnh kép vừa làm cho tường vững vàng vừa tạo dáng thanh thoát. Trang trí thân tháp tập trung chủ yếu ở phần cửa. Cửa chính về phía Đông, nhô ra khỏi mặt tường khoảng 2m. Vòm cửa được tạo dáng hình mũi lao hai lớp thu nhỏ về phía trên với các hoa văn hình xoắn nối kết nhau. Chính giữa vòm cửa có phù điêu mặt Kala. Cửa chính còn được trang trí diềm phù điêu khắc tạc hình Ganesa (người đầu voi, thần hạnh phúc và may mắn, con trai của thần Siva và thần nữ Parvanti), hình hamuman (khỉ thần, theo truyền thuyết là con tri thần Gió Vayu, đã giúp hoàng tử Rama đánh thắng quỷ vương Ravana, cứu được công chúa Sita). Những tượng này đều được thể hiện trong tư thế đang nhảy múa rất sống động. Các cửa giả ở ba mặt còn lại đều mô phỏng cấu trúc và trang trí của cửa chính nhưng phần đắp nhô ra chỉ bằng 1 nửa cửa chính. Các phù điêu trang trí trên các cửa giả chỉ có hình Ganesa mà không thấy hình bóng của Hanuman như ở cửa chính.

Bộ diềm mái ngăn cách với thân được ốp bằng khối đá sa thạch khắc tạc hoa văn xoắn kết thành dải vây xung quanh. Bộ mái có ba tầng, mô phỏng thân tháp như nhỏ dần về phía trên. Ở các tầng mái, ngoài hệ thống cột và cửa giả còn có các bức trang trí. Tầng thứ nhất mái tháp phía Nam tác hình sư tử, phía Tây và phía Đông trang trí

bò Nadin (Bò thần, vật cưỡi của thần Siva), phía Bắc thể hiện mặt Kala nhìn thẳng.

Theo ý kiến các nhà chuyên môn, cùng với tháp Cánh Tiên, Thốc Lốc, quần thể tháp Bánh ít có thể được xây dựng trong khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XII, dưới thời trị vì của hai vị vương quốc Harivarman IV và V. Về phương tiện nghệ thuật, trong toàn bộ di tích Tháp Chàm còn lại trên đất nước Việt Nam, Bánh ít là quần thể bánh ít độc đáo với nhiều dáng vẻ kiến trúc đa dạng, trang trí đẹp, một khu di tích kiến trúc có giá trị nghệ thuật cao.

*Tháp Thủ Thiện*, khác hẳn với các tháp Chămpa khác thường đứng trên đồi hoặc gò cao, tháp Thủ Thiện lại được xây cất trên một vùng đất tương đối thấp, trên bờ nam sông Kôn, cách bờ sông chưa đầy 1km, thuộc địa phận thôn Thủ Thiện, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, xung quanh là ruộng nương, làng mạc. Vào thế kỷ XIX, thôn Thủ Thiện gọi là Thủ Hương nên trong sách Đại Nam nhất thống chí, tháp này được gọi là Thủ Hương cổ tháp. Các tài liệu của người Pháp, họ gọi là Tour de Bronze (Tháp Thau).

Tháp được xây dựng trên một bình đồ hình vuông, mỗi chiều đo được 8,5m. Đế tháp cao, hơi thóp ở phần giữa, tạo dáng choãi rộng ở phía nền, phình ra trên mặt, nâng toàn bộ thân tháp. Thân tháp là khối trụ vuông, cửa chính mở về phía Đông. Vòm cửa đã bị sập nhưng có thể hình dung được nhờ cấu trúc ba cửa giả vẫn còn tương đối nguyên vẹn với chòm nhọn hình mũi lao xếp thành nhiều lớp. Phần trên mỗi cửa được tạo dáng thành các ô giống như khám thờ. Chắc hẳn khi xưa mỗi khám thờ này đều có gắn một

bức phù điêu hay tượng thần nhưng đến nay không còn nữa.

Bên trong lòng tháp có rất nhiều vết gắn phù điêu, nơi đặt tượng thờ. Đó là điểm khác biệt của tháp Thủ Thiện với các tháp còn lại ở Bình Định.

Tháp có quy mô nhỏ nhưng lại là công trình kiến trúc có kiểu dáng và mang đầy đủ nhất những yếu tố đặc trưng cho phong cách Bình Định. Đó là các vòm cửa hình mũi lao cao vút lên, các cột ốp để trơn không trang trí, các tháp gốc xếp tầng sít nhau. Nếu ở các tháp khác, sự cầu kỳ, tinh tế làm nên vẻ đẹp ở tháp Thủ Thiện, sự giản lược trang trí lại tạo ra vẻ đẹp trang nhã, thanh thoát.

*Khu tháp Dương Long*, là cả một quần thể ba ngọn tháp nằm gần nhau, dóng thẳng hàng theo trục Bắc - Nam. Các cửa chính đều quay về hướng Đông. Hiện nay tháp nằm trên địa phận hai thôn Vân Tường, xã Bình Hòa và An Chánh, xã Tây Bình, huyện Tây Sơn cách huyện lỵ chừng 12km về hướng Đông. Tháp có nhiều tên gọi. Ngoài tên tháp phổ biến là Dương Long, đôi khi tháp còn được gọi theo địa danh: tháp Bình An, tháp An Chánh hay tháp Vân Tường. Người Pháp gọi di tích này là Tour d' Ivoire (Tháp Ngà). Theo sách Đại Nam nhất thống chí thì ba tòa cổ tháp này được xây cất trên một gò cao có tên là Dương Long, nằm ở phía Nam núi Trà Sơn.

Tháp Bắc hiện đã bị hư hại nhiều nhưng vẫn còn rõ hình hài và cấu trúc. Khác với tháp còn lại ở Bình Định, nền móng của tháp có bình đồ hình vuông, mỗi cạnh rộng chừng 12m, nhưng được tạo bởi nhiều đường gấp khúc nên giống như một hình đa giác. Tháp cao tới 30m, chia làm ba

phần rõ rệt. Đế tháp cao vững chắc, thân tháp cao vút, trên mặt tường trang trí các trụ ốp để trơn nâng toàn bộ mái tháp. Cửa chính tuy đã bị sạt lở nhưng căn cứ vào dấu vết còn lại và những tư liệu gián tiếp có thể thấy vòm cửa được tạo dáng hình mũi lao vút lên phía trên với nhiều lớp liên tiếp chồng xếp lên nhau. Hai trụ cửa làm bằng đá trên đầu được trang trí tượng chim thần Garuda chân quắp hai đầu rắn. Các cửa giả mô phỏng cửa chính nhưng nhỏ hơn và mức độ nhô ra khỏi thân tháp cũng ít hơn. Thay vì hình Garuda, trên đỉnh trụ trang trí hình lá nhĩ, vòng ngoài là thân rắn uống quanh, bên trong là mặt Kala dữ tợn, miệng khạc ra rắn bảy đầu uốn lượn rất sinh động. Diềm đá ngăn cách thân và mái được chạm khắc tinh vi thể hiện hình voi và sư tử mỗi con một tư thế như vừa chạy vừa đùa giỡn kết thành dải chạy vòng quanh. Đường chạm khắc mềm mại, uyển chuyển nhịp nhàng trong rất sống động. Bộ mái có cấu trúc bốn tầng nhỏ dần về phía trên và kết thúc bằng một búp sen lớn trên đỉnh tháp. Diềm ngăn cách giữa các tầng và ô khám chính của mỗi tầng đều được ghép bằng đá nguyên khối.

So với tháp Bắc, tháp Nam còn tương đối nguyên vẹn. Kích thước gần như tương đương với tháp Bắc. Hai tháp tạo thành thế đối xứng xuyên qua tháp chính. Về cấu trúc, tháp Nam cũng không khác mấy so với tháp Bắc. Duy có mô típ trang trí thì hầu như ít lặp lại những chủ thể đã thể hiện ở tháp Bắc.

Lớn hơn cả và giữ vị trí trung tâm của quần thể kiến trúc là tháp Giữa. Về cấu trúc, tháp không khác hai tháp nhỏ nhưng cao vượt hẳn lên. Theo số liệu của học giả người

Pháp H.Parmentier thì cao tới 39m, nhưng hiện trạng đo được 36m. Là tháp chính và có kích thước lớn nhưng tháp Giữa trang trí không cầu kỳ như hai tháp nhỏ.

Căn cứ vào mặt bằng đế tháp và phong cách nghệ thuật, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng tháp Dương Long tuy vẫn còn mang nhiều đặc trưng của tháp Chămpa nhưng đã chịu ảnh hưởng khá đậm ảnh hưởng của nghệ thuật Khmer. Nhìn trong bố cục tổng thể cũng như xem xét chi tiết từng tháp, cụm tháp Dương Long là một quần thể kiến trúc bề thế và có thể nói là đẹp trong số các tháp Chămpa còn lại ở miền Trung. Vẻ đẹp của di tích càng được tôn lên nhờ cảnh quan xung quanh.

*Tháp Đôi*, trong số các tháp Chămpa còn lại trên đất Bình Định, có một quần thể di tích khá độc đáo nằm ngay trên địa phận phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn. Đó là tháp Hưng Thạnh. Đại Nam nhất thống chí chép Hưng Thạnh cổ tháp ở thôn Hưng Thạnh, huyện Tuy Phước có hai tháp nên tên còn được gọi là Tháp Đôi. Trong các tác phẩm nghiên cứu cho thấy kiến trúc và nghệ thuật khu tháp này đã tiếp thu không ít ảnh hưởng của nghệ thuật Khmer. Xét về phong cách, tháp Đôi có nhiều nét tương đồng với khu tháp Dương Long, đều là những công trình kiến trúc được xây dựng vào khoảng những thập niên đầu thế kỷ XIII. Di tích hiện còn là hai ngọn tháp không cao lắm nằm cạnh nhau theo trục Bắc - Nam. Tháp Bắc cao chừng 16m, tháp Nam thấp và nhỏ hơn một chút. Có lẽ chính vì vậy nên trong dân gian đã gọi bằng một cái tên giản dị - Tháp Đôi.

Tháp Bắc xây trên bình đồ hình vuông được tạo dáng khá cân đối. Phần ngăn cách giữa đế với thân, thân với mái đều được xử lý tinh tế bằng những đường diềm hơi thắt lại làm cho bố cục kiến trúc thêm chặt chẽ. Thân tháp hình trụ vuông, mỗi mặt tường đều có trụ ốp trơn. Giống như tất cả các tháp Chămpa, cửa chính của tháp hướng về phía Đông. Cửa nhô ra phía trước bởi bốn lớp trụ, thu nhỏ vào ở phía lối vào. Tương ứng với bốn lớp trụ là bốn lớp vòm mái hình mũi lao nhọn, hai bên trang trí hoa văn đối xứng. Ba mặt tường còn lại là ba cửa giả, lặp lại các mô típ trang trí như cửa chính nhưng có kích cỡ hơi nhỏ hơn. Mái tháp có cấu tạo nhiều tầng, nhỏ dần phía trên. Bốn góc diềm đều được gắn tượng chim thần Garuda xòe cánh bay lên tạo cảm giác bớt nặng nề cho toàn bộ bảy tầng mái. Vòng quanh diềm mái là 21 hình vũ nữ được chạm khắc tinh tế với những tư thế khác nhau trông rất sống động. Chính giữa phần thu nhỏ ngăn cách mái và thân tháp được trang trí bằng hình tu sĩ ngồi thiền, hai bên có voi chầu đối xứng.

Tháp Nam có cấu trúc tương tự như tháp Bắc, nhưng ở phần diềm mái, thay vì các hình vũ nữ, hình khắc trang trí lại thể hiện một đàn hươu 13 con với những dáng vẻ rất khác nhau trông rất tinh nghịch và sống động.

Các di tích Chămpa hiện còn là những di sản văn hóa độc đáo không chỉ lôi cuốn các nhà nghiên cứu mà còn hấp dẫn mọi du khách có dịp ghé thăm Bình Định. Đến nơi đây để chiêm ngưỡng những công trình kiến trúc nghệ thuật đã được các nghệ nhân tài hoa dựng nên từ nhiều thế kỷ trước, khách tham quan hồi tưởng lại một thời văn minh trong thế giới Đại Châu.

***Chùa Hang, Bình Thuận**

Chùa Hang tên chữ là Cổ Thạch Tự xây dựng từ nửa đầu thế kỷ XIX, tọa lạc trong hang động trên đồi núi Cổ Thạch ở độ cao trên 64m thuộc địa bàn xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Cổ Thạch là một vùng núi đá rộng, gồm hàng ngàn hàng vạn tảng đá lớn nhỏ, có tảng đá còn nguyên khối to như những ngôi nhà, có tảng giống như bàn thạch, có những tảng đá chồng lên nhau, úp vào nhau như có bàn tay người sắp đặt, bố trí, có những tảng đá có hình thù kỳ lạ đầy tính cách huyền bí và chứa đựng vẻ đẹp nguyên sơ độc đáo với nhiều hang động nguyên sinh luồn sâu vào trong núi.

Phong cảnh thiên nhiên yên tĩnh có nhiều hang động, cây rậm là điều kiện cho muông thú sinh sống từ bao đời, cũng là nơi phù hợp với việc lập chùa và tu hành của những thế hệ tu sĩ từ những thế kỷ trước. Việc chọn điểm, lập am, dựng chùa của các nhà sư xưa kia thật tuyệt diệu. Hàng chục công trình kiến trúc nối tiếp nhau trải rộng trên khu đồi núi đá rộng chừng 4ha với cổng tam quan là điểm đặt chân đến đầu tiên ở Cổ Thạch Tự. Khu chính điện xen kẽ với những phiến đá lớn cao vút của thiên nhiên. Tiếp đến là các nhà tổ, gác chuông, lầu trống, nhà thiền, từ đường... cùng hàng chục hang cốc ăn sâu vào núi, cuốn hút du khách trên một hành trình không biết mệt mỏi vì những điều kỳ diệu của thiên nhiên.

Mỗi hang động có một vị trí, chức năng riêng do những thế hệ nhà sư trước đây quy định. Hang thờ Tổ khai lập Cổ Thạch Tự là nhà sư Bảo Tạng, có tượng nhà sư và nhiều

bài vị của các nhà sư khác có công lao xây dựng chùa đã viên tịch. Hang thờ Phật Chuẩn Đề là một hang động bên trong tượng Phật có 8 tay và nhiều tượng cổ. Hang Tam Bảo thờ 23 pho tượng Phật cổ với nhiều kích thước và niên đại khác nhau, các hang động khác cũng được kiến tạo phù hợp với điều kiện thờ phụng. Bước vào những hang động chính trong khu vực để chiêm bái, lễ Phật để tận hưởng vẻ đẹp của thiên nhiên, du khách có cảm giác như đang lạc vào những hang Phật, cửa tiên.

Cổ Thạch Tự ngoài vẻ đẹp tự nhiên của hang động kết hợp với sự sáng tạo của con người, ở đây còn lưu giữ nhiều di sản văn hoá lịch sử quý hiếm, nhiều di sản văn hoá Hán Nôm, liên, đối, hoành phi và những tài liệu có từ ngày tạo lập chùa. Một số cổ vật có giá trị lịch sử văn hoá khác như Đại hồng chung, trống sấm đều có niên đại từ nửa đầu thế kỷ XIX.

Cổ Thạch Tự hàng chục năm nay do Hoà thượng Thích Minh Đức trụ trì là điểm du lịch chính của Bình Thuận, hàng chục vạn du khách từ mọi miền đất nước đến đây hàng năm để chiêm bài, lễ Phật và tham quan danh lam thắng cảnh độc đáo hiếm có ở đây.

Cổ Thạch Tự đã được xếp hạng Di tích thắng cảnh cấp quốc gia năm 1993.

### *Đền thờ vua Chăm Pô Nít, Bình Thuận

Đền thờ vua Chăm Pô Nít được người Chăm xây dựng giữa thế kỷ XVII với lòng kính trọng và biết ơn vua có nhiều cống hiến cho đất nước. Đền thờ tọa lạc trên ngọn một đồi cát cạnh dòng sông Cái (đoạn nối dài của sông

Lũy) đền thờ có dạng như đền thờ Pôklông MơhNai. Do chiến tranh ác liệt và để tiện việc thờ cúng Ngài, trong kháng chiến chống Mỹ, đền thờ được dời về vị trí hiện nay thuộc làng Thanh Hiếu, xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình, cách thành phố Phan Thiết 68km về phía bắc.

Đền thờ xây dựng để thờ Vua Pô Nít và hai Bà Hoàng Hậu Việt - Chăm, một gian khác thờ một vị tướng, còn bên ngoài thờ hai dãy tượng Kút lớn ở về bên Tả và bên Hữu của đền thờ.

Vua Pô Nít lên ngôi từ 1603-1613 sau đó nhường ngôi cho em trai là Pô Chài Pran. Tổng thể ngôi đền giống như ngôi chùa người Việt. Gian thờ trung tâm đặt tượng Vua Pô Nít - do xuất thân từ một vị tướng nên pho tượng thể hiện tính oai phong cứng rắn, pho tượng lớn như tượng Pôklông MơhNai, ngồi trên một bệ đá có lưng tựa vào một bệ đá được chạm trổ điêu khắc tỉ mỉ, đường nét của pho tượng và những bộ phận hợp thành tạo nên tác phẩm điêu khắc, độ thẩm mỹ cao. Trên thực tế là bệ thờ Linga - Yoni cách điệu (trừ phần thân và đầu của pho tượng).

Gian thờ bên cạnh có cửa trổ thông với gian thờ nhà Vua, là nơi đặt tượng Bà Hoàng Hậu người Chăm Pô Mứk Chà, tượng bà Hoàng Hậu người Việt (con của một vị chúa Nguyễn) cùng một số tượng Kút khác tượng trưng cho người đã khuất trong Hoàng tộc. Có một gian thờ tách biệt để thờ một phiến đá tượng trưng cho vị tướng tài Pô Kay Mách người Hồi giáo.

Bên ngoài có nhiều tượng Kút lớn bằng đá tượng trưng cho những người trong Hoàng tộc với những chi tiết, hình dạng khác nhau của những người được thờ phụng, nhưng

tất cả đều là những tác phẩm điêu khắc có giá trị lịch sử - nghệ thuật.

Đền thờ Pô Nít nhìn dưới góc độ kiến trúc thì giống như ngôi chùa, nhưng đối lập với kiến trúc, bên trong nội dung thờ phụng, tượng thờ, nghi thức không kém gì về nội dung của những thời kỳ hưng thịnh của người Chăm trước kia.

Rất nhiều nghi thức, lễ hội được tổ chức quanh năm tại đền thờ. Đáng chú ý là tết Katê vào đầu tháng 7 Chăm lịch, ngày đầu năm mới dân làng tập trung làm lễ dưới sự điều hành, chủ trì của những người có uy tín trong giới chức sắc tôn giáo, để từ điểm xuất phát này, người ta rước y phục của nhà vua, cùng những báu vật của nhà vua để lại và một số sắc phong của các vua Nguyễn ban tặng ra đền thờ. Đoàn rước có một đội múa với trang phục rực rỡ, đặc sắc của lễ hội, vừa đi các thiếu nữ vừa hát, múa điệu múa dân gian truyền thống. Tại đền thờ tất cả các pho tượng được tắm rửa, mặc áo quần và sau đó là các nghi thức lễ quan trọng diễn ra do các vị chức sắc chủ trì thực hiện, trong đó có những nghi lễ thuộc về văn hóa phi vật thể có nhiều giá trị được lưu giữ từ hàng trăm năm trước.

Đền thờ đã được xếp hạng Di tích lịch sử - nghệ thuật cấp quốc gia vào năm 2000.

### *Đền thờ Vua Chăm Pôklông MơhNai

Khác với đền tháp Chăm được xây dựng bằng kỹ thuật và chất kết dính đặc biệt mà hơn cả ngàn năm sau và đến nay vẫn làm đau đầu các nhà nghiên cứu cùng với những giá trị nghệ thuật của một nền nghệ thuật và điêu khắc.

Đền thờ Vua Chăm Pôklông MơhNai được người Chăm xây dựng trên đỉnh đồi cát thuộc thôn Lương Bình, xã Lương Sơn ở về phía nam và cách huyện lỵ Bắc Bình 15km, cách Phan Thiết gần 50km về hướng bắc. Đền thờ được xây dựng để thờ Vua Chăm Pôklông MơhNai - một trong những vị vua cuối cùng của Vương quốc Chămpa trước khi Vương quốc này tan rã. Theo biên niên sử Chăm, ông được lên ngôi vào đầu thế kỷ XVII và đến năm 1627 nhường ngôi lại cho con rể là Pôklông GaHul.

Đền thờ gồm có 5 gian thờ mà các nhà khảo cổ Pháp khi nghiên cứu lịch sử Chămpa ở thế kỷ XIX gọi là điện thờ. Năm gian đền thờ xây dựng theo hình chữ T. Dãy nhà 3 gian dùng để thờ phụng: Gian giữa thờ tượng Vua Pôklông MơhNai, gian bên phải thờ tượng Bà Thứ phi người Việt (Con gái của một vị Chúa Nguyễn) cùng một số tượng Kút con của bà. Bên trái là gian thờ bà Hoàng hậu Chăm Pô Bia Sơm, vợ cả của vua cùng một số tượng Kút chạm khắc đẹp là con của bà. Dãy nhà trước gồm 2 gian lớn để trống dùng làm nơi chờ đợi và thực hiện nghi lễ bên ngoài trước lúc vào đền thờ.

Tượng vua Pôklông MơhNai được các nghệ nhân Chăm tạc vào một khối đá xanh xám với nghệ thuật điêu khắc tinh tế, pho tượng tả cảnh nhà vua đang ngự ở triều đình, đầu đội vương miện oai nghiêm. Đây là một trong những pho tượng Chăm có kích thước lớn còn tồn tại nguyên vẹn đến ngày nay. Hai gian thờ ở bên Tả và bên Hữu gian thờ tượng vua là gian thờ tượng Hoàng hậu người Chăm Pô Bia Sơm và tượng Thứ phi người Việt đã bị kẻ gian đập phá mất phần đầu, một phần thân, hiện nay chúng ta thấy còn nguyên vẹn là những phần làm lại sau này.

Hàng năm gia đình, dòng tộc hậu duệ nhà vua cùng đồng bào Chăm tổ chức nhiều nghi lễ tại đền thờ. Lớn nhất là dịp lễ hội Katê tổ chức vào tháng 7 Chăm lịch với quy mô và giá trị lịch sử văn hóa của nó. Vào dịp lễ hội này ở di tích tổ chức nhiều nghi lễ, phong tục theo tập quán của người Chăm, trong đó có phần lễ nghi thuộc văn hóa phi vật thể diễn ra một cách tự nhiên, sinh động. Dịp này tượng vua được đội vương miện thật bằng vàng, được mặc áo đại lễ, tượng hoàng hậu và thứ phi cũng được tắm rửa mặc áo, đội mũ. Đền thờ Vua Chăm Pôklông MơhNai đã bị cháy vào cuối thế kỷ XIX, sau đó người Chăm tiếp tục tu sửa lại để thờ phụng. Năm 2001 tỉnh Bình Thuận đã có dự án trùng tu tôn tạo lại toàn bộ các hạng mục của di tích nhằm giữ gìn những giá trị lịch sử văn hóa nghệ thuật trong những ngôi đền thờ.

Đền thờ đã được xếp hạng Di tích lịch sử nghệ thuật cấp quốc gia vào năm 1991.

***Đình Bình An, Bình Thuận**

Đình Bình An (Miếu Bình Thạnh) do nhân dân làng Bình An xây dựng từ cuối thế kỷ XVIII đến năm Tự Đức thứ 13 (Nhâm Thìn 1832) đình làng mới xây dựng lại kiến cố và giữ nguyên đến ngày nay. Hiện nay đình Bình An thuộc xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, Bình Thuận, cách thành phố Phan Thiết khoảng 110km về hướng đông bắc.

Để xây dựng đình làng vững chãi và có vị trí tốt, theo quan niệm phong thủy xưa, các nhà địa lý dân gian đã tìm được cuộc đất tốt, nơi địa hình có dáng hình "Phượng Hoàng ẩm thủy" (chim phượng hoàng uống nước) lưng

dựa vào động cát, mặt trông ra hướng biển và cách biển chừng 60m.

Đình có tất cả 11 nóc liên kết và tạo thành một tổng thể rộng lớn, mỗi công trình có một chức năng riêng biệt, nằm trên một diện tích 1.400m$^2$ được bao bọc bởi tường đá dày. Trung tâm là đình chính, tiếp đến là toà trung đình, toà đại bái, tả mạc, hữu mạc, cổng tam quan, nhà thờ tiền hiền, miếu thờ binh sĩ, Hàm Tụy môn, Hằng Thái môn.

Đình chính thờ Thành Hoàng làng cùng các bậc tiền bối có công khẩn hoang xây dựng làng mạc, di dân. Cư dân ngày nay của làng Bình An và một số làng khác ở Bình Thạnh đều có xuất xứ từ bốn họ lớn Lê, Huỳnh, Nguyễn, Phan từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung di cư đến từ thế kỷ XVII.

Đình Bình An từ ngoại thất, nội thất mặc dầu có trùng tu mấy lần nhưng vẫn giữ nguyên được kết cấu kiến trúc vẻ trang trí nghệ thuật thuở mới khởi dựng. Đặc biệt hệ thống cột kèo chính, cột trống, trần thừa lưu được các nghệ nhân xưa chạm trổ rất công phu, mô tả sinh động phong cảnh thiên nhiên còn nguyên giá trị trên thân gỗ ở những bộ phận chính trong kết cấu gỗ ở đình. Đình Bình An chứa đựng nhiều tư liệu, di sản Hán, Nôm thể hiện trên hoành phi, liên đối và nhiều di sản văn hoá vật chất khác. Đình còn lưu giữ một tấm bia đá cẩm thạch khắc ghi lại những sự kiện quan trọng trong quá trình dựng đình như: chọn địa cuộc, thời gian thi công, sự đóng góp công của giá trị ngôi đình, lễ lạc thành và một phần lịch sử làng Bình An. Đây là tấm bia đá lớn có chiều cao 1,40m, chiều rộng 0,60m là tấm bia duy nhất còn lại trong các ngôi đình ở Bình Thuận.

Đến nay đình Bình An là ngôi đình lớn và đẹp, tiêu biểu cho lối kiến trúc nghệ thuật dân gian ở Bình Thuận. Đình Bình An đã được nhà nước xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia 1996.

***Đình làng Đức Nghĩa, Bình Thuận**

Đình làng Đức Nghĩa có dạng kiến trúc giống như đình làng Đức Thắng, cổ lầu là nơi tập trung phần trang trí nghệ thuật đặc sắc nhất trong tổng thể đình làng. Ở đây nghệ nhân xưa đã dùng nghệ thuật ghép mảnh sứ, sành để tạo nên hình tượng "Tứ linh", những phần dưới của mái hạ, các bờ nóc, bờ quyết cũng được trang trí nghệ thuật làm ngôi đình vừa cổ kính vừa trang nghiêm.

Nhà thờ Tiền hiền, Hậu hiền cũng có lối kiến trúc như đình chính nhưng chiều dài có phần kéo ra hơn. Đây là đặc trưng của kiến trúc đình làng nửa sau thế kỷ XIX ở Bình Thuận,...

Nội thất của đình làng Đức Nghĩa, nhất là ở phần trang trí nghệ thuật chạm khắc bên trong đình chính với hệ thống bao lam bằng gỗ, như bức rèm nhủ xuống các khám thờ sống động bởi những dây leo, hoa lá, chim muông từ những chạm khắc của người thợ xưa. Nghệ thuật trang trí đình làng Đức Nghĩa cả ngoại thất và nội thất phối hợp với nhau tạo nên những đường nét kiến trúc cổ hài hoà và đạt đến đỉnh cao so với một số ngôi đình trong thời kỳ này.

Nội dung thờ phụng bên trong như một kho tàng lưu trữ hàng trăm hiện vật quý như hoành phi, liên đối, khám thờ đã được chạm trổ công phu và được lưu truyền qua nhiều thế hệ đến ngày nay.

Tiền hiền của làng đang thờ tại đình gồm các ông Nguyễn Văn Bàng, Trần Văn Kim, Lê Văn Hanh, Nguyễn Văn Thạnh là những đại diện cho các họ có công khai khẩn lập làng, dựng đình mà tên tuổi của họ đã được dân làng trân trọng khắc ghi trong bài vị thờ ở đình.

Đình làng Đức Nghĩa còn lưu giữ nhiều di sản văn hoá Hán Nôm, trong đó có đề cập đến ruộng đất của làng, đến lịch sử văn hóa đầu thế kỷ XIX, nguồn gốc dân cư ở làng... quan trọng nhất trong số đó có 13 sắc phong của các đời vua Triều Nguyễn ban tặng cho Thành Hoàng làng cùng các vị thần khác, kể cả nữ thần Thiên Yana Diễn Ngọc Phi của người Chăm.

Các nghi thức cúng tế chính ở đình làng vào dịp tế Xuân từ 14-16 tháng giêng âm lịch và tế Thu từ 14-16 tháng 8 âm lịch.

Đình làng Đức Nghĩa đã được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 1991, là một trong những ngôi đình cổ trong danh sách các ngôi đình cổ ở Việt Nam.

### *Di tích lịch sử trường Dục Thanh, Bình Thuận

Trường Dục Thanh xây dựng năm 1907 (cùng năm xây dựng với trường Đông Kinh Nghĩa Thục) tọa lạc trên địa bàn làng Thành Đức nay là số 39 đường Trưng Nhị, phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết để hưởng ứng phong trào Duy Tân do cụ Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng khởi xướng. Trường do các cụ Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Quý Anh (hai người con của nhà văn, nhà thơ Nguyễn Thông) thành lập. Mục tiêu của phong trào Duy Tân và của trường là mở mang dân trí, thức dậy ý thức dân

tộc, nòi giống. Đây là trường tư thục có nội dung giảng dạy tiến bộ nhất ở Bình Thuận lúc bấy giờ.

Ngôi trường xưa Bác dạy, theo thời gian đã bị hư hỏng từ lâu. Nhưng trong số học sinh thầy Thành dạy năm xưa vẫn còn 4 cụ sống. Đó là bác sĩ Nguyễn Quý Phầu, bác sĩ Nguyễn Kim Chi, cụ Từ Trường Phùng, cụ Nguyễn Đăng Lâu. Sau ngày quê hương được giải phóng, nguyện vọng của nhân dân là muốn phục chế lại ngôi trường Dục Thanh xưa để tỏ lòng biết ơn Bác Hồ kính yêu và giáo dục truyền thống yêu nước cho các thế hệ hiện nay và mai sau.

Nhờ những ký ức, kỷ niệm của các cụ, vị trí ngôi trường và những thành phần kiến trúc nội ngoại thất được hình thành qua các bản vẽ và được dựng lại từ những năm 1978-1980.

Ngoạ Du Sào là ngôi nhà được xây dựng vào năm 1880 của cụ Nguyễn Thông. Vào những năm cuối đời, cụ Nguyễn Thông ở tại căn nhà này ngâm thơ bình văn và luận bàn công việc với các sĩ phu yêu nước. Lúc ở trường Dục Thanh, thầy Thành đọc sách, soạn bài ở Ngoạ Du Sào. Ngôi nhà này cũng được tu bổ lại, hiện vật bên trong bị xáo trộn và mất mát khá nhiều. Cây khế, giếng nước gắn bó với cuộc đời làm thầy của Bác Hồ ở Dục Thanh nên nó cũng là điểm chính trong khu di tích.

Những hiện vật gốc từ thời thầy Thành dạy học đến nay vẫn còn lưu giữ lại: Một bộ trường kỷ, một bộ ván, chiếc án thư, một chiếc tủ đứng, tráp văn thự, nghiên mài mực, 3 chiếc ly nhỏ, 1 chiếc khay. Tất cả đều cũ kỹ nhưng được cất giữ bảo quản tốt. Đó là những kỷ vật thiêng liêng

gắn liền với thời gian và lịch sử của những ngày dạy học ngắn ngủi ở Phan Thiết của thầy giáo Nguyễn Tất Thành.

Bên cạnh khu di tích, Nhà trưng bày về cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác Hồ cũng được xây dựng và khánh thành năm 1986. Di tích Dục Thanh được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng Di tích lịch sử quốc gia năm 1986.

***Di tích lịch sử đình làng Đức Thắng, Bình Thuận**

Đình làng Đức Thắng khi mới khởi dựng nằm trung tâm xã Đức Thắng thuộc phủ Hàm Thuận nay là phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết.

Đình làng Đức Thắng được xây dựng từ những năm đầu thế kỷ XIX lúc đó chỉ là nhà tranh vách đất để làm nơi thờ Thành Hoàng làng và nơi hội họp của hội đồng kỳ mục. Mãi đến năm 1811 mới xây dựng kiên cố và bề thế, năm Đinh Mùi 1811 khởi công nhưng vì đây là ngôi đình có quy mô lớn nhất lúc bấy giờ ở Phan Thiết nên mãi đến năm 1847 mới hoàn chỉnh, kể cả các công trình phụ. Tài liệu ở đình Đức Thắng ghi việc xây dựng đình làng Đức Thắng từ Tân Sửu chí Đinh Mùi.

Đình Đức Thắng xây dựng theo lối kiến trúc dân gian Tứ trụ tức là dùng bốn cây cột đình lớn làm cột chính, từ đây toả ra và liên kết với hết thảy các kết cấu kiến trúc bằng gỗ khác. Các công trình của đình chính, nhà võ ca, nhà thờ Tiền hiền, Hậu hiền hợp thành một tổng thể kiến trúc rộng lớn và liên kết chặt chẽ với nhau.

Ngoại thất đình đều được trang trí nghệ thuật bằng kỹ thuật đắp nổi và ghép mảnh sành tạo nên nhiều tác phẩm chặm khắc đẹp phù hợp với tín ngưỡng dân gian ở đình.

Riêng phần cổ lầu trên đình chính là nơi tập trung các tác phẩm trang trí nghệ thuật, đắp nổi những bức tranh dân gian, cảnh thiên nhiên muông thú và các điển tích xưa.

Nội thất đình bài trí nhiều khám thờ, hai bên treo các câu liễn, bên trên đặt những tấm hoành, dọc theo khám thờ nhiều bao lam gỗ được nghệ nhân xưa dùng kỹ thuật chạm lộng để thể hiện đề tài, tạo nên nhiều hình thức tượng, phong cảnh thiên nhiên sinh động. Những tác phẩm điêu khắc bằng gỗ này phần lớn có niên đại từ thời các vua Triều Nguyễn, trong đó một số có từ thời Tự Đức.

Nhà thờ Tiền Hiền là nơi bài trí nhiều hoành phi cỡ lớn, những câu liễn với những bài thơ ghép mảnh xà cừ, tất cả những bàn thờ đều chạm trổ điêu khắc thể hiện hình tượng Tứ linh. Tiền hiền của đình làng Đức Thắng có thờ nhiều người nhưng tiêu biểu là ông Trần Chất mà trong dân gian còn ghi lại sự tích và lòng can đảm của ông. Vì bảo vệ quyền lợi của dân làng Đức Thắng, ông đã chặn xe ngựa của Tả quân Lê Văn Duyệt trên đường đi kinh lý phía Nam để xin xây cầu, đặt chợ. Vì bị dừng xe vô cớ, Tả quân Lê Văn Duyệt ra lệnh chém đầu ông tại chỗ. Sau khi về đến Huế, xem lại tờ sớ của ông, Lê Văn Duyệt mới lấy làm hối hận và xin vua ban cho ông là Tiền hiền của làng Đức Thắng và ra lệnh thờ phụng.

Đình làng Đức Thắng hiện còn lưu giữ nhiều sắc phong do các vua Triều Nguyễn ban tặng, đến nay còn rất tốt. Xét về tổng thể kiến trúc, đình làng Đức Thắng là ngôi đình có quy mô đồ sộ vào loại nhất ở phủ Hàm Thuận thời bấy giờ và cả khu vực Phan Thiết ngày nay. Là một trong những ngôi đình có tên trong danh sách những ngôi đình cổ của

Việt Nam. Từ xưa đến nay đình làng Đức Thắng vẫn tổ chức đều đặn các nghi lễ tế Xuân vào ngày 15-16 tháng 2 âm lịch và tế Thu vào ngày 16 tháng 9 âm lịch hàng năm.

Đình làng Đức Thắng đã được xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 1991.

### *Đình làng Phú Hội, Bình Thuận

Đình làng Phú Hội được xây dựng vào những năm đầu thế kỷ XIX và mấy chục năm sau đó, hoàn chỉnh dần nhiều công trình khác trong tổng thể kiến trúc và kết thúc quá trình xây dựng vào năm Thiệu trị thứ 7. Hiện nay đình thuộc làng Phú Hội, xã Hàm Hiệp, huyện Hàm Thuận Bắc, cách thành phố Phan Thiết 7km về hướng tây.

Đình Phú Hội có bố cục mặt bằng rộng lớn, kiến trúc chặt chẽ, các công trình kiến trúc đều được bố trí vào các vị trí có ý nghĩa tiền, hậu, tả, hữu, thượng, hạ rất nhất quán. Đình chính thờ Thành Hoàng làng, tiếp đến Tiền hiền, võ ca, nhà nhóm, tiền đường, hậu cát, nhà bếp, cổng tam quan, nhà khách. Phía trước đình làng là ao sen, cầu gỗ dẫn vào đình với một diện tích rộng nhất trong các đình làng của phủ Hàm Thuận lúc bấy giờ.

Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đây là địa bàn ác liệt nhất là vùng tranh chấp giữa ta và địch, đã từng bị địch phá một số công trình kiến trúc của đình làng để làm đồn bót. Sau ngày giải phóng hầu như chỉ còn những phần chính của đình thờ thần, nhà thờ Tiền hiền, nhà nhóm, còn lại đã bị phá huỷ vĩnh viễn.

Đình chính hiện còn giữ được cơ bản những đường nét kiến trúc xưa. Đặc điểm nổi bật về kiến trúc ở đình làng

Phú Hội là ở các vì kèo được gác lên nhau, nối dài, trong dân gian gọi là hệ thống kèo nối, vừa uyển chuyển vừa chắc chắn lại vừa có nét mỹ thuật làm nhẹ đi tầm nhìn. Đây là trường hợp sử dụng hệ thống kèo nối trong các ngôi đình ở trong khu vực. Những nóc nhà trong tổng thể đình không theo một khuôn khổ nhất định, mỗi nóc một khác. Đây cũng có thể coi là lối kiến trúc phức tạp và sáng tạo vận dụng ở đình Phú Hội mà trong dân gian ít có.

Đình Phú Hội hiện còn giữ lại 5 sắc phong do các đời vua triều Nguyễn phong tặng cho các vị thần được thờ ở đình làng. Trong hai cuộc chiến tranh ác liệt, dân làng vẫn giữ được nguyên vẹn cả 5 sắc phong, bởi vậy nhân dân ở đây coi như vật bảo thiêng liêng của làng và giữ gìn hết sức cẩn thận như một cố gắng bảo vệ truyền thống. Đình làng Phú Hội có giá trị hơn khi hiện nay nó là ngôi đình cổ duy nhất còn lại trên đất huyện Hàm Thuận.

Đình Phú Hội đã được xếp hạng Di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia năm 1995.

### *Đình làng Xuân An, Bình Thuận

Đình làng Xuân An được kiến tạo vào năm 1794 và hoàn thành vào những năm sau đó. Đình tọa lạc ở thôn Xuân An, thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Đình làng Xuân An là một tổng thể bao gồm nhiều kiến trúc: Đình chính thờ thần, đình thờ Tiền hiền, Hậu hiền, nhà tiền vãng, nhà nhóm và cổng tam quan. Hơn 300 năm trước, trong trào lưu di dân từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung vào phương Nam dưới sự điều hành của các

chúa Nguyễn, một bộ phận dân cư dừng lại lấy vùng đất này định cư lâu dài. Sau khi công cuộc khẩn hoang đã hoàn tất và cuộc sống của nhân dân đã ổn định, đình làng được xây dựng theo truyền thống của người Việt để thờ Thành Hoàng làng, các bậc tiền bối có công xây dựng xóm làng, góp công của dựng đình làng.

Đình làng Xuân An là một trong những ngôi đình cổ có quy mô rộng lớn và có lối kiến trúc nghệ thuật độc đáo. Đình thờ thần bao gồm 48 cột lớn bằng những loại gỗ đặc biệt, chia ngôi đình thành 7 gian 2 chái, đình có kiểu kiến trúc "nhà kép", trên một nền nhà có 2 bộ khung nhà, nhà trước và nhà sau liền nhau và nối với nhau bằng hệ thống trần thừa lưu làm cho ngôi đình rộng hơn. Mái đình lợp ngói âm dương, hai đầu hơi cao lên, ở giữa trũng xuống. Mái nhà chia làm 2 mảng mái thượng và mái hạ. Tất cả các bộ phận kết cấu kiến trúc ở đình như đầu kèo đầu cột, con đội (cột trốn)... đều được chạm trổ tinh xảo, tạo nên những tác phẩm trang trí nghệ thuật phức tạp. Ở đây có sự kết hợp hài hoà giữa kết cấu kiến trúc và trang trí mỹ thuật, vừa có công năng chịu lực, vừa có tác dụng thẩm mỹ rất cao. Đó là giá trị chính của những người thợ xây dựng đình để lại đến ngày nay.

Nội thất đình chia thành nhiều khu vực, trung tâm thờ Thành Hoàng làng, hai bên thờ tả ban, hữu ban và những bậc tiền bối có công xây dựng xóm làng. Điều đặc biệt ở trong ngôi đình làng Xuân An là bên cạnh khám thờ thần còn có khám thờ nữ thần Thiên Yana Diễn Ngọc Phi là nữ thần người Chăm. Trong mỗi khám thờ đều trang trí nghệ thuật điêu khắc, hệ thống hoành phi, bao lam, liễn đối sơn son thếp vàng và thành vọng viền xung quanh do kỹ thuật

chạm lọng tạo nên. Ở đình làng Xuân An còn có nhiều câu đối, hoành phi khắc bằng chữ triện, câu đối với nhiều giá trị mang tính nhân văn, khuyên dạy mọi người hãy luôn nhớ về cội nguồn, gốc rễ.

Trong đình còn giữ chiếc Đại hồng chung cổ có niên đại từ thời vua Tự Đức năm thứ 2 (Kỷ Dậu 1849) và 8 sắc phong do các triều vua Nguyễn ban tặng cho các vị thần được thờ ở đình và giao cho chính quyền địa phương bảo quản và thờ phụng. Theo truyền thống và phong tục tập quán của người Việt ở đây, hàng năm nhân dân thực hiện nghi lễ tế Xuân vào 16-17 tháng 2 âm lịch và tế Thu vào 16-17 tháng 8 âm lịch.

Đình làng Xuân An đã được Nhà nước xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia năm 1993.

### *Đình làng Xuân Hội, Bình Thuận

Đình làng Xuân Hội kiến tạo vào năm 1803 và hoàn chỉnh vào một thời gian sau đó. Đình được xây dựng trên vị trí cao ráo, thuận lợi và đảm bảo các yếu tố về phong thủy địa lý, đình xoay mặt về hướng nam, trước đó là khúc quanh của sông Lũy.

Đầu thế kỷ XIX đình Xuân Hội được hoàn tất và đây là một trong những ngôi đình cổ đồ sộ nhất của tỉnh thành Bình Thuận cũ. Đình bao gồm 9 nóc: đình thờ thần, đình thờ Tiền hiền, Hậu hiền, nhà thanh minh, nhà nhóm, nhà khách, nhà ống, nhà âm công, nhà trù và cổng tam quan. Ngoài ra còn có những kiến trúc phụ: Cổng tiền, án phong, vòng thành, cổng hậu, cột cờ. Đình Xuân Hội có kiểu kiến trúc nhà kép, dân gian gọi là "Trùng thiềm điệp ốc" là lối

kiến trúc cổ truyền được xây dựng để thờ phụng thần thánh, không dùng làm nhà ở.

Ngoại thất của đình Xuân Hội trên nóc gắn 2 con rồng đắp nổi bằng kỹ thuật dân gian, mảnh sứ, trên bờ nóc, bờ quyết cũng được gắn hình tượng giao long làm cho nóc đình vừa đẹp, vừa tăng tính oai nghiêm.

Nội thất đình sử dụng nguyên liệu là các loại gỗ quý, hệ thống các hàng cột chính được chú trọng, đây là những cột trụ lớn, từ đây liên kết với hệ thống kèo, quyết, kèo đâm, trính, xà ngang tỏa rộng ra toàn bộ ngôi đình tạo thành một khối liên kết vững chắc để nâng đỡ bộ mái bên trên. Tất cả các chi tiết kiến trúc đều được chạm trổ, trang trí nghệ thuật, đặc biệt là những cột trốn chạm khắc công phu tạo nên hình tượng hổ phù sắc nét.

Đình chính nối với Tiền đường là nóc nhà trước bằng hệ thống trần thừa lưu, kiến trúc này làm cho ngôi đình rộng rãi hơn, cao hơn, tránh được sự nặng nề của phần mái. Nội thất đình bài trí 10 khám thờ bằng gỗ, đã được chạm khắc, trang trí nghệ thuật, sơn son thếp vàng, nổi lên với hình "Tứ linh": Long, lân, quy, phụng. Trên các khám thờ còn trang trí nhiều loại hoành phi, liễn đối cổ khắc bằng chữ Hán, nội dung ca ngợi công đức các bậc tiền bối của làng, trong đó có những bức hoành, khám thờ có niên đại từ ngày tạo dựng đình.

Nhà thờ Tiền hiền, Hậu hiền có diện tích tương đối rộng với 36 cột chia thành 5 gian thờ. Tiền hiền của làng là ông Lê Thái người có công lớn trong việc khai khẩn lập làng và dựng đình. Nhìn tổng thể nội dung thờ phụng trong đình Xuân Hội, thực sự đây là một bảo tàng truyền

thống của một ngôi làng cổ của người Việt, với đầy đủ những gì liên quan đến đời sống văn hoá tinh thần, tín ngưỡng dân gian. Đồng thời ở đây còn lưu giữ nhiều di sản văn hoá và tư liệu quý của nhiều thế hệ trước, trong đó có cả một số hiện vật của người Chăm gởi gắm thờ phụng ở đây, 12 điệu sắc thần của các Triều Nguyễn ban tặng cho các vị thần ở đình làng Xuân Hội.

Đình Xuân Hội đã trải qua một số lần tu bổ, nhưng về cơ bản vẫn giữ nguyên được giá trị kiến trúc ban đầu và nội dung thờ phụng, di sản văn hoá bên trong vẫn được bảo tồn trọn vẹn. Nhà nước đã xếp hạng đình Xuân Hội là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 1995.

### *Dinh Thầy Thím, Bình Thuận

Dinh Thầy Thím toạ lạc giữa khu rừng già, có tên là rừng dầu Bàu Cát thuộc xã Tân hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Tương truyền trong dân gian: Dưới triều vua Tự Đức, có hai vợ chồng đạo sĩ quê ở làng La Qua, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Đạo sĩ là người giàu tài đức, hay giúp đỡ người nghèo khó, căm ghét bọn quan lại hay ức hiếp dân lành, chống lại chế độ đương thời, nên bị triều đình Tự Đức kết tội gây rối, mưu toan bạo loạn và chịu hình phạt "Tam ban triều diễn". Trước lúc bị hình phạt này, đạo sĩ đã biến dải lụa điều thành rồng bay về phương Nam. Hai vợ chồng dừng chân ở làng Tam Tân ngày ngày bốc thuốc chữa bệnh cho dân và đốn củi kiếm sống qua ngày. Tài đức của đạo sĩ nổi tiếng khắp vùng, từ đó dân làng hay gọi vợ chồng đạo sĩ bằng cái tên thân mật "Thầy, Thím".

Đến đời Thành Thái thứ 18 năm Bính Ngọ (1906) nhà vua đã xem xét lại công đức của Thầy Thím nên quyết định xoá án và ban sắc phong "Chí Đức Tiên sinh, Chí Đức Nương nương tôn Thần" .

Để tỏ lòng tôn kính và biết ơn công lao Thầy Thím, dân làng đã lập dinh tại địa điểm ngày nay để tôn thờ. Nhân dân quanh vùng coi Thầy Thím như vị Thành Hoàng biểu hiện cho nhiều tính cách đáng quý đó là tài đức, tính cần cù, miệt mài lao động, lòng nhân ái với người nghèo khổ.

Dinh Thầy Thím được kiến tạo lại quy mô từ năm Kỷ Mão (1879). Hiện nay trên thanh xà cò của dinh còn dòng chữ Hán khắc chìm "Kỷ Mão niên thập nhị quạt nhị thập ngũ nhật kiến tạo" kiến tạo ngày 25 tháng 12 năm Kỷ Mão. Dinh Thầy Thím có dạng kiến trúc như một ngôi đình làng bao gồm nhiều công trình: Chính điện, nhà thờ Tiền hiền, nhà võ ca. Trong khám thờ chính ở Chánh điện còn hai bài vị thờ Thầy Thím và nhiều bức hoành ca ngợi công đức Thầy Thím. Cách dinh Thầy Thím chừng 5km là khu vực mộ Thầy Thím. Ở đây 4 ngôi mộ đắp bằng cát trắng rất lớn, theo dân gian hai ngôi mộ của Thầy Thím và 2 ngôi mộ của đệ tử Thầy. Ngày nào cũng có du khách đến viếng mộ với lòng thành kính.

Hơn 100 năm qua dinh Thầy Thím trở thành nơi để nhân dân chiêm bái, những năm gần đây là khu danh lam thắng cảnh và du lịch kết hợp với núi rừng xung quanh, bãi biển, đồi dương. Hàng năm nhân dân khắp nơi đến viếng mộ, thăm dinh nhưng đông nhất vẫn là giỗ Thầy ngày 5 tháng giêng âm lịch và tế Thu của dinh từ ngày 14-16 tháng 9 âm lịch.

Dinh Thầy Thím được bộ Văn Hoá - Thông tin xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật năm 1997.

### *Di tích lịch sử chùa Từ Quang, Phú Yên

Chùa sắc tứ Từ Quang được xây dựng từ năm 1797 nằm trên một triền đồi toàn đá trắng nên còn được gọi là chùa Bạch Thạch (Đá Trắng) thuộc thôn Cần Lương, xã An Dân, huyện Tuy An, cách trung tâm thành phố Tuy Hoà khoảng 35km về phía bắc, cách quốc lộ 1A khoảng 500m. Chùa ở độ cao gần 100m so với mặt nước biển. Lưng chùa hướng về phía bắc dựa vào dãy núi Xuân Đài. Mặt trước chùa hướng về phía nam, nhìn ra con sông Cái (sông Ngân Sơn) và sông Nhân Mỹ. Đứng ở sân chùa nhìn bao quát một vùng sông, núi xanh biếc thật tuyệt vời.

Tổng diện tích đất chùa khoảng 5.000$m^2$. Phía tây là nơi xây dựng tháp thờ các vị hoà thượng khai sáng và trụ trì ở chùa Từ Quang. Khởi thuỷ là Hoà thượng Pháp Chuyên tự Luật Truyền hiệu Diệu Nghiêm phái Lâm Tế đời thứ 36. Về mặt bề thế, vào thời kỳ đó, chùa Từ Quang được xếp vào loại lớn nhất nhì trong tỉnh. Và năm Thành Thái nguyên niên được vua ban sắc tứ cho ngôi chùa này. Sau nhiều lần trùng tu, chùa Từ Quang đẹp hơn, uy nghiêm tráng lệ hơn. Đến đời sư trụ trì Thiện Tu, ngôi chùa được kiến trúc theo lối cổ lầu tráng lệ.

Chùa Từ Quang, phía bắc tựa vào dãy núi Xuân Đài, ba mặt còn lại là triền núi thoải về hướng đông, phía nam trước mặt chùa là con sông Ngân Sơn và Phú Mỹ bao bọc. Những buổi chiều ánh sáng phản chiếu mặt nước biếc dòng sông và dãy núi đá trắng trong khoảnh khắc trời mây sông núi liền một màu trông rất thơ mộng.

Vườn chùa có 8 ngôi tháp xây dựng trên khu đất rộng ở phía tây ngôi chùa. Trong số đó có một ngôi thật đồ sộ, những ngôi khác nhỏ hơn. Duy có điều bia hiệu của mộ tháp đã bị hư hỏng theo thời gian không còn đọc được chữ khắc. Riêng ngôi tháp của Đại sư Thiện Tu vừa viên tịch được xây theo kiểu mẫu những mộ tháp của phái Đại thừa; dáng tháp có nhiều vòng tròn lớn nhỏ chồng lên nhau trông như những vòng hào quang của Phật pháp.

Xung quanh chùa là vườn xoài rất nổi tiếng, đã đi vào thơ ca Phú Yên như là một sản phẩm rất đặc biệt "Xoài Đá Trắng, sắn phường Lụa". Dưới triều đình nhà Nguyễn, hàng năm đến vụ xoài người ta thu hoạch chuyển về kinh dâng vua, nên xoài Đá Trắng có tên là "Xoài Ngự" "Xoài Tiến" và được mang hiệu là "Bạch Thạch yêm ba".

Chùa Đá Trắng được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử - văn hoá cấp quốc gia năm 1997.

### *Di tích lịch sử nơi thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Phú Yên

Địa điểm này thuộc thôn Phước Long, xã Xuân Long (nay là thôn Long Bình, thị trấn La Hai) huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

Từ khi thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược đất nước ta, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Phú Yên đã liên tục đứng lên đấu tranh để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Tiêu biểu trong thời kỳ này ở Phú Yên là các cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Lê Thành Phương, Hà Duy Tiên, Nguyễn Hào Sự, Võ Trứ, Trần Cao Vân... và nhiều tổ chức yêu nước đã ra đời, trong đó tổ chức Việt Nam

thanh niên cách mạng đồng chí Hội thành lập đã góp phần vào việc khơi dậy lòng yêu nước trong quần chúng nhân dân, đặc biệt là giác ngộ tầng lớp thanh niên trí thức theo khuynh hướng cộng sản. Ở Phú Yên, chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên được thành lập với 8 đồng chí vào ngày 5 tháng 10 năm 1930, đây chính là nòng cốt cho hoạt động cách mạng của nhân dân địa phương. Chi bộ Đảng đã nhanh chóng tập hợp, giác ngộ nhiều quần chúng yêu nước vào Đảng, phát triển tổ chức cơ sở Đảng rộng khắp, lãnh đạo phát triển phong trào cách mạng trong cả tỉnh.

Năm 1997, địa điểm thành lập chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Phú Yên đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia.

***Di tích lịch sử vụ thảm sát Ngân Sơn - Chí Thạnh, Phú Yên**

Ngân Sơn - Chí Thạnh là một làng quê có nhiều nghề tiểu thủ công nghiệp nổi tiếng. Sự yên ả của làng quê đã bị đập tan khi quân Mỹ - Diệm gây nên vụ thảm sát Ngân Sơn - Chí Thạnh.

Ngày 7 tháng 9 năm 1954, quân Mỹ - Diệm đã vi phạm Hiệp định Giơ-ne-vơ, bọn lính đã đàn áp, cướp bóc, phá phách của cải của người dân vô tội. Nhân dân ở đây đã vùng lên đấu tranh và bị chúng dùng súng xả một cách dã man làm chết 64 người và làm bị thương 78 người. Sự kiện đẫm máu này là một bằng chứng tố cáo tội ác dã man của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm. Người dân Ngân Sơn - Chí Thạnh nói riêng và nhân dân Phú Yên nói chung mãi mãi không quên những địa danh đã trở

thành di tích lịch sử. Để tưởng nhớ tinh thần đấu tranh và hy sinh anh dũng của nhân dân Ngân Sơn - Chí Thạnh vì hoà bình, độc lập của Tổ quốc, chính quyền địa phương đã xây dựng một tượng đài tưởng niệm tại trung tâm thị trấn Chí Thạnh.

Địa điểm vụ thảm sát Ngân Sơn - Chí Thạnh đã được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia.

### *Di tích lịch sử Đường số 5, Phú Yên

Đường số 5 (nay gọi là ĐT 645), con đường liên tỉnh Phú Yên - Đắc Lắc, chạy theo trục Đông - Tây, nối quốc lộ 1A với quốc lộ 14, đoạn qua huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên dài trên 60km.

Mùa xuân năm 1975, quân và dân ta đã đồng loạt tấn công vào các sào huyệt của địch ở Tây Nguyên: Buôn Ma Thuột, Kon Tum, Pleiku. Ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn bị thất thủ ở Tây Nguyên đã chọn đường số 7 (nay là quốc lộ 25) và đoạn cuối đường số 5 (nay là ĐT 645) tổ chức cuộc rút chạy chiến lược về cố thủ vùng đồng bằng duyên hải miền Trung. Nắm được ý đồ của địch, nhận Chỉ thị của Khu uỷ Khu 5, quân và dân Phú Yên đã triển khai lực lượng phối hợp với bộ đội chủ lực chặn đánh quyết liệt trong 7 ngày đêm và đã lập nên chiến công vang dội trên đường số 5. Tại đây, hàng nghìn xe quân sự các loại của địch bị bắn cháy, hàng vạn quân ngụy Sài Gòn bị tiêu diệt và ý đồ chiến lược của ngụy quyền Sài Gòn bị phá sản hoàn toàn. Chiến thắng đường 5 ở Phú Yên đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Năm 1997, Bộ Văn hoá - Thông tin đã công nhận Chiến thắng đường số 5 là Di tích lịch sử cấp quốc gia.

***Núi Nhạn - sông Đà, Phú Yên**

Là cụm thắng cảnh đã để lại nhiều ấn tượng với du khách khi đặt chân đến Phú Yên. Núi Nhạn nằm bên bờ bắc sông Đà Rằng, thuộc địa phận phường 1, thành phố Tuy Hòa. Núi Nhạn còn có tên gọi khác là "Núi Bảo Tháp" hoặc "Tháp Dinh". Đứng ở độ cao 64m trên đỉnh Núi Nhạn, du khách có thể bao quát một vùng non nước Phú Yên với toàn cảnh thành phố Tuy Hoà, làng hoa Bình Ngọc, núi Đá Bia, Biển Đông, hai chiếc cầu đường sắt và đường bộ dài 1.100m bắc song song qua sông Đà Rằng. Trên đỉnh Núi Nhạn có Tháp Chàm cổ kính, còn có tên gọi là Tháp Nhạn được người Chiêm Thành xây dựng vào khoảng thế kỷ XI. Tháp có cấu trúc khối hình chóp vuông vững chắc cao 25m, gồm tất cả 4 tầng thu nhỏ dần khi lên cao.

Hàng năm vào dịp lễ, Tết, trên núi Nhạn có tổ chức nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, vui chơi giải trí... Đặc biệt vào rằm tháng giêng âm lịch hàng năm, nơi đây diễn ra đêm thơ Nguyên tiêu thu hút đông đảo văn nghệ sĩ và du khách gần xa.

Ngày nay, cụm thắng cảnh "Núi Nhạn - Sông Đà" đã trở thành biểu tượng của Phú Yên và Tháp Nhạn đã được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là Di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp quốc gia.

***Mộ và Đền thờ Lê Thành Phương, Phú Yên**

Di tích nằm dưới chân đèo Quán Cau thuộc thôn Mỹ Phú, xã An Hiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Lê Thành

Phương là một chí sĩ yêu nước thuộc phong trào Cần Vương chống Pháp năm 1885. Ông là người đứng lên chiêu mộ khoảng 1.000 nghĩa quân chống Pháp, vây chiếm thành Phú Yên và làm chủ thành trong nhiều ngày. Sau đó ông bị giặc Pháp bắt và hành hình ngày 28 tháng giêng năm Đinh Hợi (1887) tại làng Bình Hoà, huyện Tuy An. Để ghi nhớ công lao và sự hy sinh cao cả của ông, nhân dân địa phương đã lập đền thờ ông vào năm 1971. Hàng năm vào ngày giỗ của ông, nhân dân địa phương tổ chức lễ hội dâng hương, tổ chức nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ tại đền để tưởng nhớ đến ông. Lễ hội đã thu hút hàng ngàn khách phương xa đến tìm hiểu, tham quan. Đây là một trong những địa điểm có ý nghĩa giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống yêu nước sâu sắc.

Mộ và đền thờ Lê Thành Phương được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia.

### *Di tích Vũng Rô, Phú Yên

Vũng Rô là một trong những vịnh đẹp nổi tiếng không chỉ của Phú Yên mà là của cả khu vực ven biển miền Trung. Vũng Rô tiếp giáp với vịnh Vân Phong - Đại Lãnh của tỉnh Khánh Hoà đang được Nhà nước đầu tư xây dựng thành Khu Du lịch tổng hợp của quốc gia. Vũng Rô rộng 1.640ha mặt nước, được các dãy núi cao Đèo Cả, Đá Bia, Hòn Bà che chắn cả 3 hướng bắc, đông, tây. Phía nam là cửa biển có đảo Hòn Nưa cao 105m như một pháo đài canh gác cho tàu bè ra vào.

Ven bờ Vũng Rô có nhiều bãi cát vừa và nhỏ, một số bãi có thể hình thành những khu nghỉ ngơi, tắm biển tuyệt đẹp như: Bãi Chùa, Bãi Bàng, Bãi Lau... Trong lòng biển của Vũng Rô có nhiều loài hải sản trú ngụ, dưới đáy biển là

những rạn san hô màu... rất hấp dẫn cho các loại hình du lịch câu cá, bơi, lặn.

Đá Bia - Vũng Rô - Đèo Cả là một địa chỉ đỏ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân Phú Yên.

Từ năm 1964 đến đầu năm 1965, Vũng Rô đã tiếp nhận 4 chuyến tàu Không Số chở vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng từ miền Bắc vào cho chiến trường Phú Yên, Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Với những thành tích trong chiến tranh, Vũng Rô được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia.

***Di tích thành An Thổ, Phú Yên**

Thành An Thổ nằm ở khu vực hạ lưu sông Cái, đây là vùng đất màu mỡ do phù sa bồi đắp, là địa bàn có dân cư sinh sống từ rất lâu đời. Thành An Thổ bắt đầu xây dựng vào năm 1832 và hoàn thành khoảng năm 1836. Sau khi xây dựng xong, thành An Thổ trở thành trung tâm hành chính của chính quyền phong kiến ở Phú Yên. Sau năm 1885, thực dân Pháp đặt nền thống trị lên toàn lãnh thổ nước ta, tiếp sau đó chúng cho đặt chức Công sứ tại các tỉnh miền Trung. Toà Công sứ Pháp ở Phú Yên được đặt tại Vũng Lắm, bên bờ vịnh Xuân Đài, cách thành An Thổ khoảng 10km về phía bắc. Vì vậy, năm 1888, lỵ sở của Phú Yên dời từ thành An Thổ ra Vũng Lắm để gần toà Công sứ Pháp, nhưng chỉ ở đây trong khoảng 1 năm, sau đó lại chuyển về thành An Thổ. Đến năm 1899, lỵ sở Phú Yên lại dời từ An Thổ về đóng tại thôn Long Bình, nay thuộc thị trấn Sông Cầu.

Sau năm 1899, khi lỵ sở Phú Yên chuyển hẳn ra Sông Cầu, thành An Thổ tiếp tục đảm nhận vai trò là phủ lỵ của phủ Tuy An. Đến khoảng năm 1939, phủ lỵ Tuy An chuyển đến vị trí khác.

Trong thời gian từ 1901 đến 1906, ông Trần Văn Phổ là phụ thân đồng chí Trần Phú, đến giữ chức Giáo thụ tại Tuy An. Ông đã đưa cả gia đình đến nơi làm việc sinh sống và đồng chí Trần Phú đã chào đời ở phủ lỵ Tuy An.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, đến nay thành An Thổ chỉ còn lại những dấu tích mờ nhạt. Những dấu tích kiến trúc ở trong thành An Thổ còn lại rất ít ỏi. Phần lớn diện tích thành An Thổ hiện nay là khu dân cư, các công trình công cộng và đất canh tác. Những công trình phụ trợ xung quanh khu vực thành An Thổ nay cũng chỉ còn tồn tại dưới dạng phế tích. Thành An Thổ cũng như nhiều đô thị cổ khác ở Việt Nam khi không còn giữ vai trò là trung tâm hành chính thì nhanh chóng từ đô thị biến thành một làng quê. Nhưng đằng sau sự thanh bình của làng quê ấy vẫn ẩn chứa nhiều dấu ấn về lịch sử, văn hoá của một vùng đất mà chỉ khi tiến hành khảo cứu thì những giá trị ấy mới dần sáng tỏ.

Đi trên những con đường của An Thổ hôm nay, ta cảm nhận sự thanh bình trong từng ngôi nhà, từng góc làng, nhịp sống đang căng tràn trên vùng quê này. Ở đó người dân An Thổ nói riêng, Phú Yên nói chung biết rằng, càng tự hào hơn về thành An Thổ xưa, càng biết trân trọng giữ gìn An Thổ cho hôm nay và mai sau.

Năm 2008, thành An Thổ được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

***Văn Miếu Diên Khánh, Khánh Hòa**

Đây là một quần thể kiến trúc được xây để thờ Đức Khổng Tử, người khai sáng đạo Nho ở Trung Quốc, và vẫn được người đời tụng xưng là "Vạn thế sư biểu", đồng thời nhằm ghi nhận công lao của những người có tài, học giỏi, đã được đỗ đạt. Năm 1803, vua Gia Long ra chỉ dụ lập Văn Miếu, hiện nay Văn Miếu thuộc thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà. Cùng với sự thay đổi của thời gian, khu Văn Miếu đã trải qua bốn lần tu bổ vào các năm 1892, 1904, 1941, 1959, nhưng vẫn giữ được nét kiến trúc ban đầu. Hiện tại, Văn Miếu chỉ còn giữ được 2 tấm bia đá thời Tự Đức 11 (1858) giúp ta hiểu biết hơn về lịch sử, văn hoá, sinh hoạt của nhân dân Khánh Hoà và quá trình hoàn thiện khu Văn Miếu năm 1854. Ngoài ra còn có một bài minh ở Bái Đường nói rõ hơn về sự đỗ đạt của các vị văn võ, khoa bảng, hào mục, chức sắc và các học sinh địa phương từ đầu triều Nguyễn đến thời Tự Đức. Với bề dày lịch sử, khu Văn Miếu mang giá trị to lớn về quá trình học tập, tiếp nhận tri thức và biểu hiện sự tôn sư trọng đạo làm phong phú thêm kho tàng di sản văn hoá dân tộc.

***Tháp Bà Ponagar, Khánh Hòa**

Khu di tích tọa lạc tại phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang. Di tích Tháp Bà (hay còn gọi là tháp Ponagar) ở Nha Trang là một trong những khu đền tháp Chămpa, được xây dựng từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ thứ XII. Do nhiều nguyên nhân đã làm cho di tích bị mất mát nhiều, hiện ở đây chỉ còn 5 công trình, bao gồm 1 kiến trúc tiền đình (mandapha) và 4 ngôi đền tháp còn bảo lưu được những đặc điểm khá tiêu biểu về các phong cách nghệ thuật kiến trúc đền tháp

Chămpa. Hiện nay, khu di tích này là địa điểm tham quan du lịch văn hóa tiêu biểu và nổi tiếng nhất ở tỉnh Khánh Hòa. Du khách đến đây vừa được tận hưởng những làn gió biển trong lành; đồng thời lại có thể tận mắt chiêm ngưỡng tài năng sáng tạo, óc thẩm mỹ tinh tế của các nghệ nhân Chăm đã được thể hiện trong từng công trình kiến trúc, những tác phẩm nghệ thuật cùng với kho tàng bi ký đồ sộ... đã từng tồn tại cả một tiến trình lịch sử rất dài.

### *Am Chúa, Khánh Hòa

Am Chúa được xây dựng trên một ngọn núi có tên là núi Đại An (hoặc núi Dưa), thuộc xã Diên Điền, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Am Chúa nằm lưng chừng núi Đại An, tại đây thờ Thiên Yana Thánh Mẫu, một vị phúc thần rất được kính trọng ở Khánh Hòa. Theo sự tích được ghi lại trong một tấm bia đá từ năm 1856 ở Tháp Bà, Am Chúa được coi là nơi phát tích của bà lúc ấu thơ sống với cha mẹ nuôi, còn Tháp Bà Nha Trang là nơi thờ bà khi đã hiển thánh. Bởi vậy, ngay từ đầu triều Nguyễn, Thiên Yana đã được sắc phong là Hồng Nhơn Phổ Tế Linh ứng Thượng Đẳng Thần và tại Am Chúa mỗi khi tế lễ thường được tổ chức theo nghi lễ quốc lễ do quan đầu tỉnh làm chủ tế. Lễ hội Am Chúa được tổ chức vào khoảng thời gian từ ngày 20 đến 23 tháng 3 âm lịch hàng năm.

### *Bảo tàng tỉnh Khánh Hòa

Bảo tàng nằm tại 16 Trần Phú, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tại đây hiện đang bảo quản gần 10.000 hiện vật gốc, hơn 5.000 tư liệu hình ảnh thuộc về các thời

kỳ lịch sử khác nhau, trong đó có nhiều hiện vật thuộc loại quý hiếm.

Bảo tàng đã sưu tập được nhiều hiện vật tiêu biểu như sưu tập rìu đá, đồ trang sức bằng đá thuộc văn hóa Xóm Cồn (cách ngày nay khoảng 3.500 năm); trống đồng Nha Trang (niên đại cách đây 2.000 năm); điêu khắc đá Chămpa (thế kỷ IX đến thế kỷ XIV); tiền cổ (từ thế kỷ IX đến thế kỷ XVIII); đồ gốm thương mại (từ thế kỷ IX đến thế kỷ XVIII); sưu tập vũ khí trong thời kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ;...

Hệ thống trưng bày đang giới thiệu các chuyên đề: các văn hóa cổ ở Khánh Hòa; truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa giai đoạn 1930-2002; thân thế và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969); chuyên đề các Bà mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Khánh Hòa.

Mỗi năm bảo tàng tỉnh Khánh Hòa đón tiếp số lượng lớn khách tham quan trong nước và quốc tế, đồng thời đã xuất bản nhiều công trình nghiên cứu có giá trị như bộ sách nghiên cứu nhiều tập: Khánh Hòa, diện mạo văn hóa một vùng đất, Văn hóa Xóm Cồn,... được giới khoa học trong nước đánh giá cao.

### *Di tích Đình Tấn Lộc, Ninh Thuận

Đình Tấn Lộc có tên thường gọi là đình Dinh Thủy thuộc thôn Tấn Lộc, phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Đình được xây dựng ở đầu làng.

Theo các cụ già trong làng thì vào năm Minh Mạng thứ 11 (1830) sau khi ông Phan Văn Nghi xin thành lập làng

Tấn Lộc thuộc tổng Kinh Dinh, phủ Ninh Thuận thì đình Tấn Lộc (lúc bấy giờ có tên là đình Dinh Thủy) mới được dựng ở cuối làng bằng các vật liệu tranh tre đơn giản. Đến năm 1853, đời vua Tự Đức, đình Dinh Thủy mới được dời về địa điểm hiện nay. Đình thờ Thành Hoàng, Thiên Yana và Chưởng Thái giám Bạch Mã.

Theo tục lệ của tiền nhân lưu lại, hàng năm thôn Tấn Lộc tổ chức tại đình làng làm đại lễ theo Xuân kỳ vào tháng 2 âm lịch và làm trung lễ theo thông lệ vào tháng 8 âm lịch. Mỗi đợt tế được chia làm ba phần, với những nghi thức rất trang trọng, từ lễ Khai sắc, đến lễ kỵ Tiền hiền và lễ tế tại Chánh điện.

Đình Tấn Lộc phường Tấn Tài đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật năm 2005

***Di tích miếu Xóm Bánh, Ninh Thuận**

Miếu có tên tự là Thanh Sơn Miếu, tên thường gọi là miếu Xóm Bánh, thuộc khu phố 4, phường Đài Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Miếu Xóm Bánh được tạo dựng từ thời Tự Đức là một ngôi miếu nhỏ, đến thời Thành Thái thứ 14 dời đến địa điểm hiện nay và xây dựng với quy mô lớn còn giữ nguyên vẹn đến bây giờ. Thiên Yana Diễn Phi Ngọc là vị thần được thờ chính ở miếu Xóm Bánh. Miếu nằm trong khu vực đông dân cư nhưng được xây dựng trên khu đất khá rộng đến 4.629m$^2$. Toàn bộ kiến trúc được bao quanh bởi một tường thành xây bằng đá, vữa vôi, chừa hai cổng đi vào khu vực miếu.

Miếu Xóm Bánh được hình thành và phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của cư dân địa phương. Quy mô xây dựng của ngôi miếu khá bề thế. Trong miếu có nhiều mảng chạm khắc gỗ với nhiều đề tài tứ linh, bát bữu, hoa lá, chim thú,... cùng với các dải hoa dây, hoa lá tập trung ở các khám thờ, hương án, trên các hoành phi, câu đối,... thể hiện tài khéo léo của những đôi tay người thợ ngày xưa.

Hàng năm, vào rằm tháng giêng, tháng 7 và tháng 10, miếu Xóm Bánh tiến hành lễ cúng Thượng nguyên, Trung nguyên và Hạ nguyên. Vào ngày 25 tháng chạp âm lịch cúng đưa chư thần về trời. 30 tháng chạp âm lịch cúng rước chư thần về miếu đón năm mới. Lễ Kỳ yên là lễ lớn nhất trong năm, cầu thần phù hộ cho nhân dân cơm no, áo ấm. Lễ diễn ra vào tiết Thanh Minh.

Miếu Xóm Bánh được Bộ Văn Hóa - Thông tin công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật năm 2002.

### *Núi Cà Đú, Ninh Thuận

Một địa danh lịch sử nằm giữa vùng đồng bằng rộng lớn thuộc huyện Ninh Hải có độ cao 300m. Càng lên cao núi Cà Đú càng thoáng mát bởi cấu trúc của các hang động. Từ đây có thể nhìn bao quát khu du lịch biển Ninh Chữ, cánh đồng muối Phương Cựu, đầm Vua, đồng lúa vàng của huyện Ninh Hải và xa xa là hòn núi Đá Chồng. Với những tảng đá chồng chất lên nhau và nhiều hang động, ngõ ngách nên núi Cà Đú khá hiểm trở. Chính nhờ địa thế này, từ những ngày đầu của phong trào Cần Vương, nghĩa quân đã chọn núi Cà Đú làm căn cứ chống Pháp. Cũng từ đây, các đội

trinh sát, các đơn vị vũ trang và cán bộ cách mạng suốt những năm tháng kháng chiến chống Mỹ đã bám trụ gây dựng cơ sở, tổ chức trừ gian, diệt tề.

Chính nơi đây đã tạo nên những trận đánh huyền thoại xuất quỷ nhập thần của lực lượng kháng chiến. Chứng tích ấy, sau hơn một phần tư thế kỷ vẫn còn lưu lại trong ký ức của nhân dân Ninh Thuận.

Chính ý nghĩa lịch sử cách mạng trong suốt hai cuộc kháng chiến giành độc lập và giải phóng dân tộc, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận có quyết định công nhận núi Cà Đú là Di tích lịch sử cách mạng của tỉnh.

***Di tích lịch sử CK19, Khánh Hòa**

Nằm dưới chân núi Chúa thuộc xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, là nơi in đậm dấu tích lịch sử của một thời hào hùng chống xâm lược. Căn cứ này lấy tên là CK19 vì được thành lập vào ngày 19 tháng 8 năm 1946. Căn cứ CK19 tồn tại trong thời kỳ chống Pháp, đến chống Mỹ và cho đến ngày hoàn toàn giải phóng. Đây là một trong những nơi trú ẩn của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Khánh Hòa để chỉ đạo chiến tranh, hiện nay vẫn còn những di tích để lại như hầm hào, bếp Hoàng Cầm. Bờ biển ở đây là nơi tập kết vũ khí và quân trang từ miền Bắc chi viện cho chiến trường miền Nam. Đại đội trưởng phụ trách CK19 đầu tiên là Thái Chu Lương. Sau khi hy sinh, đại đội được vinh dự mang tên anh "Đại đội Thái Chu Lương". Chính quyền và nhân dân địa phương mong muốn được khôi phục và tôn tạo khu di tích này để giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ mai sau.

***Đình Vạn Phước, Ninh Thuận**

Được xây dựng năm 1848, tại thôn Vạn Phước, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Có thể nói lịch sử đình Vạn Phước gắn liền với quá trình thành lập làng. Đối với người dân ở đây, ngôi đình không chỉ là không gian thu hẹp của làng quê, nơi diễn ra các cuộc họp quan trọng, mà còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa. Hàng năm, cứ đến ngày mồng 10 tháng 3 âm lịch, người dân Vạn Phước khắp nơi về dự hội làng để tưởng nhớ các bậc tiền nhân đã có công khai hoang mở đất.

Đình làng Vạn Phước còn là một công trình kiến trúc điêu khắc có giá trị cao so với các đình làng khác trong tỉnh. Những nét chạm khắc tinh xảo với đề tài tứ linh: long, lân, quy, phụng trên các điện mái, kèo cột, rường xà, trang thờ,... đã thể hiện được tài năng của nhiều thế hệ. Cách trang trí của đình làng Vạn Phước mang đậm nét văn hoá đời Nguyễn. Những ghế án, sắc phong của các đời vua Tự Đức, Khải Định vẫn còn được lưu giữ đến ngày nay. Dưới thời Pháp thuộc, đình Vạn Phước gắn liền với những hoạt động đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân Ninh Thuận.

Năm 1999, Bộ Văn hoá - Thông tin đã có quyết định công nhận đình Vạn Phước là Di tích lịch sử văn hoá quốc gia.

***Đình Văn Sơn, Ninh Thuận**

Được xây dựng năm 1829 tại làng Văn Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Đình được xây dựng trên một khu đất rộng, cửa hướng về phía nam, trước mặt có hồ sen hình bán nguyệt, xa dần hướng sau lưng là

ngọn núi Cà Đú, hai bên là đồng ruộng. Vị trí này đã tạo thêm cho ngôi đình dáng vẻ uy nghi và một lối kiến trúc độc đáo. Toàn bộ kiến trúc đình Văn Sơn liên hoàn với nhau tạo thành một công trình khép kín. Chính điều này, khi bước chân vào đình, du khách cảm nhận được không khí trang nghiêm, đầm ấm, gần gũi. Hiện đình Văn Sơn còn lưu giữ ly ngà, chén ngọc và bảy sắc phong của các đời vua Tự Đức, Đồng Khánh, Khải Định, Duy Tân...

Đối với người dân thôn Văn Sơn, ngôi đình không chỉ là một công trình kiến trúc nghệ thuật đã đứng vững trước sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh và thời gian mà còn là nơi gắn liền với đời sống tâm linh, nơi tổ chức các sinh hoạt văn hoá của làng quê. Ngày hội đình làng hàng năm được tổ chức vào mồng 10 tháng 2 âm lịch.

## V. DANH LAM THẮNG CẢNH

### *Bà Nà - Núi Chúa, Đà Nẵng

Bà Nà - Núi Chúa là một dãy núi thuộc huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, cao 1.487m so với mực nước biển. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 17 đến 20$^0$C.

Ở Bà Nà, du khách sẽ cảm nhận được bốn mùa riêng biệt trong một ngày: sáng - xuân, trưa - hạ, chiều - thu, tối - đông và khác với Đà Lạt là không bị ẩm ướt vì các cơn mưa nhỏ. Đặc biệt khi cơn mưa xuất hiện, chúng ta được xem mưa rơi xung quanh sườn núi mà phần đỉnh vẫn luôn khô ráo, vẫn trời mây quang tạnh, không khí thoáng đãng mát

mẻ. So với Tam Đảo, Đà Lạt, Bà Nà có ưu thế hơn về tầm nhìn toàn cảnh. Từ trên những đỉnh núi, du khách có thể bao quát cả một không gian mênh mông: biển cả, thành phố Đà Nẵng, những cánh đồng lúa xanh tận chân trời...

Trong khi nhiệt độ từ tháng 5 đến tháng 8 là những tháng nóng nhất ở ven biển miền Trung thường lên tới $32^0$C thì ở đây chỉ có $17^0$C đến $20^0$C, cao nhất từ $22^0$C - $25^0$C. Còn ban đêm xuống tới $15^0$C, tương đương với nhiệt độ trung bình về mùa đông ở miền Bắc. Khí hậu ôn hòa, suối chảy róc rách, rừng cây xào xạc làm cho nơi đây có thể sánh với những vùng nghỉ mát như Tam Đảo, Đà Lạt... Bà Nà còn có giá trị là khu bảo tồn thiên nhiên với 544 loài thực vật bậc cao, 256 loài động vật, trong đó có 6 loài cây và 44 loài động vật quý hiếm được ghi trong sách đỏ Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế.

Lên Bà Nà, du khách sẽ cảm nhận được cái cảm giác như đi lạc trong mây và sương khói. Cảm xúc của mỗi người khi lên nơi này có thể khác nhau tùy thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng giữa vùng nhiệt đới gió mùa này mà chọn một nơi như Bà Nà làm nơi nghỉ dưỡng thì khó có nơi nào bằng...

Với những ưu thế vượt trội đó, từ những năm đầu thế kỉ XX người Pháp đã chọn Bà Nà là nơi nghỉ mát và xây dựng nơi đây hàng trăm biệt thự, lâu đài... Thiên tai, địch họa hơn nửa thế kỉ qua đã làm mất đi dấu tích các lâu đài, nhà nghỉ cổ xưa... nhưng vẫn còn đó sự hào phóng của thiên nhiên với những cánh rừng nguyên sinh và một vùng khí hậu ôn hòa mát mẻ với muôn ngàn âm thanh xào xạc của đồi thông hòa quyện cùng khúc nhạc róc rách của những con suối tràn lên trên thành đá hoa cương, rồi lặng lẽ lẩn khuất sau những cánh rừng xanh ngắt.

Hiện nay, một số biệt thự tại khu du lịch Bà Nà đã được trùng tu lại với đầy đủ các tiện nghi và dịch vụ hiện đại sẵn sàng phục vụ du khách. Nhiều khu biệt thự của Nhà nước cũng như của tư nhân đã được xây dựng tại đây, đủ sức đáp ứng được nhu cầu tham quan, nghỉ mát của du khách. Đặc biệt, hệ thống cáp treo hiện đại sẽ đưa quý khách từ đồi Vọng Nguyệt, ẩn hiện trong mây và băng qua khu rừng nguyên sinh bên dưới để đến trung tâm khu du lịch Bà Nà.

Bà Nà - nơi hội tụ vẻ mông lung, lãng mạn của tạo vật, chút hoài cảm gạch ngói rêu phong của thời gian và sự tham dự có ý thức của con người vào cái đẹp. Từ trên đỉnh Bà Nà nhìn về Đà Nẵng, con người như cảm thấy mình thoát khỏi những xô bồ thường nhật, tận hưởng được những hạnh phúc bình thản... những thứ mà cuộc sống náo nhiệt thị thành không bao giờ có được.

Dưới chân núi Bà Nà, suối Mơ là điểm du lịch rất đông khách, nhất là vào mùa hè. Ở đây có thác Tóc Tiên 9 tầng, thác này gọi là thác Tóc Tiên bởi vì đứng từ phía dưới chân thác nhìn lên thác như một mái tóc của một nàng tiên. Phong cảnh kết hợp giữa núi rừng bao la với những dòng nước trắng xóa, mát mẻ giúp cho chúng ta quên ngay đi những mệt mỏi của đời thường để tận hưởng những giây phút thư giãn.

### *Bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng

Sơn Trà là một đặc ân mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng cho Đà Nẵng. Đứng bất cứ ở đâu trên đất Đà Nẵng đều có thể nhìn thấy ngọn núi này. Trong dáng nhoài vươn ra biển, Sơn Trà là một bức bình phong khổng lồ che chắn bão giông cho thành phố.

Nằm cách trung tâm thành phố 10km về phía đông bắc, bán đảo Sơn Trà với độ cao 693m so với mực nước biển; giống hình một cây nấm, đầu nấm là núi Sơn Trà và thân nấm là bãi cát bồi, lắng đọng, tạo nên những bãi cát vàng đẹp. Đây còn là một khu bảo tồn thiên nhiên đa dạng và phong phú, được bảo vệ theo chế độ rừng cấm quốc gia, nổi tiếng là nơi có thảm thực vật đặc sắc với nhiều loại thú rừng quý hiếm như hươu, nai, khỉ, vượn, đười ươi, voọc chà vá, gà mặt đỏ... cảnh vật thiên nhiên nơi đây rất quyến rũ; dân gian đồn rằng các vị tiên từ trên trời thường chọn bãi cát nơi đây để giáng trần, ca múa, đánh cờ với nhau... nên còn có tên là Tiên Sa.

Trên đỉnh Sơn Trà, du khách có thể vừa tận hưởng không khí mát dịu, trong lành của biển và núi, vừa phóng tầm mắt ra xa ngắm toàn cảnh thành phố Đà Nẵng, Ngũ Hành Sơn, rặng Bà Nà - Núi Chúa...

Và cũng tại đây, du khách có thể đến thăm con suối Đá thơ mộng bên chân núi, hòa mình vào dòng nước mát lạnh của biển, ngắm nhìn những bãi cát vòng quanh bán đảo sạch sẽ và mịn màng, nước triều đều đặn lên xuống hàng triệu năm bào mòn và lau sạch bóng những tảng đá chồng chất ven bờ, dừng chân tại Bãi Bụt yên tĩnh với những khu nhà nhỏ xinh xắn để nghe sóng vỗ hoặc dõi theo cánh bay của những con chim yến đã đi làm tổ hướng về các bờ đá chênh vênh.

Và ngay dưới chân núi, với những bãi san hô tuyệt đẹp, đầy màu sắc sẽ là nơi lý tưởng để phát triển các loại hình du lịch lặn.

Với mục đích đưa bán đảo tuyệt đẹp này phục vụ ngày một nhiều hơn cho du lịch, chính quyền thành phố đã tiến

hành quy hoạch lại khu vực này với nhiều khu du lịch mới đã và đang được xây dựng như: Bãi Rạng, Bãi Nồm, Bãi Nam... dọc con đường lớn ven theo sườn núi. Tại đây, sẽ mọc lên những khu nghỉ dưỡng cao cấp và hàng ngàn biệt thự sang trọng để chúng ta có dịp đắm mình vào một không gian của trời, mây, non, nước đan xen hòa quyện.

Hùng vĩ mà lãng mạn, phóng khoáng mà tươi đẹp, một ngày ở Sơn Trà ta sẽ được chìm đắm trong vẻ huy hoàng bình minh và sự lặng lẽ hoàng hôn của một vùng bán đảo sơn thủy hữu tình.

### *Các bãi biển đẹp của Đà Nẵng

Đà Nẵng có chiều dài bờ biển 30km, nổi tiếng với nhiều bãi biển đẹp nằm rải rác từ Bắc đến Nam như Nam Ô, Xuân Thiều, Thanh Bình, Tiên Sa, Sơn Trà, Mỹ Khê, Bắc Mỹ An, Non Nước... trong đó có những bãi tắm đã được du khách thập phương biết đến như những địa điểm nghỉ ngơi, thư giãn, tắm biển lý tưởng nhất trong khu vực.

Biển Đà Nẵng có độ sóng nhỏ, nước êm, nước trong xanh bốn mùa, không bị ô nhiễm. Độ mặn vào khoảng 60%, độ an toàn cao. Một số nơi có nhiều san hô, nguồn động thực vật ven bờ và dưới bờ biển phong phú. Điều đặc biệt là hầu hết các bãi tắm đều gần trung tâm thành phố, đường sá thuận lợi; có thể đi đến bằng nhiều loại phương tiện khác nhau. Nước biển ấm, ít sóng nên khách có thể tắm gần như quanh năm; nhưng thích hợp nhất là mùa hè, khoảng từ tháng 5 đến tháng 8 dương lịch. Các bãi tắm đều có khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, và nhiều dịch vụ phong phú, tạo điều kiện thuận lợi cho du khách tắm biển

vui chơi giải trí và thư giãn trên bãi biển. Hầu hết các bãi biển đều có thể phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ du khách như: câu cá, lướt ván, lặn, du thuyền.

***Đèo Hải Vân, Đà Nẵng**

Trên con đường xuyên Việt từ Bắc vào Nam, Hải Vân luôn luôn là một địa danh ấn tượng. Đây là đèo cao nhất trong các đèo ở Việt Nam (khoảng 500m so với mực nước biển), đầy hiểm trở và cũng là đỉnh núi cuối cùng của một mạch Trường Sơn đâm ngang ra biển.

Ngay trên đỉnh đèo, dấu vết tiền nhân vẫn còn để lại: những cửa đèo và thành lũy đắp ngang. Cửa trông về phủ Thừa Thiên đề ba chữ: Hải Vân Quan, cửa trông xuống Quảng Nam đề Thiên hạ đệ nhất hùng quan (đây là từ đề tặng của vua Lê Thánh Tông khi dừng chân ngắm cảnh nơi này). Thật vậy, từ Nam chí Bắc, không có nơi nào đèo cao chênh vênh, cảnh đẹp mang nét riêng như Hải Vân. Đường đèo quanh co, khúc khuỷu men theo triền núi, uốn lượn như dải lụa vắt ngang giữa trời mây. Chỉ căn cứ vào tên gọi cũng đủ hình dung Hải Vân là thế giới của gió và mây. Gió như đàn ngựa giong ruổi dặm trường, mây như từ trên trời tuôn xuống. Bước chân người đến đây như lạc vào cõi nào khác lạ, huyền ảo khói sương. Cao Bá Quát cũng đã phải sững sờ: Nhất bích ngưng vi giới, Trùng vân nhiễu tác thành (Biếc một dải làm mốc, Mây muôn trùng dựng thành). Cũng từ đây, vào những ngày đẹp trời, du khách có thể thấy rõ toàn cảnh thành phố Đà Nẵng, cảng Tiên Sa - bán đảo Sơn Trà, cù lao Chàm... và những bãi cát vàng chạy dài ôm lấy mặt nước bao la trong xanh của biển.

Những gì thiên nhiên ban tặng, qua thời gian và qua bàn tay con người, sẽ trở thành những giá trị nhân văn. Đến Hải Vân là đến với nơi giao thoa giữa hai vùng đất, làm thỏa chí chiếm lĩnh đỉnh cao, hòa mình trong âm vọng sử thi của bao dấu chân người Việt xưa đi mở cõi.

### *Thắng cảnh Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Ngũ Hành Sơn một không gian huyền ảo, thơ mộng, chùa chiền và hang động, cây cỏ và tiếng chuông chùa, sóng vỗ và những dằng dặc nghìn trùng... cách không xa trung tâm thành phố, Ngũ Hành Sơn từ lâu đã thật sự là một cõi nghỉ ngơi lý tưởng dành cho du khách.

Gần 200 năm trước, vua Minh Mạng đã từng đến đây. Ông đã tự mình đặt tên cho núi, cho các hang động, chùa chiền. Không ai biết những cái tên như Ngũ Hành Sơn, Huyền Không, Hóa Nghiêm, Lăng Hư, Tàng Chân, Vân Nguyệt, Thiên Long... đã làm nhà vua phải suy nghĩ hết biết bao nhiêu thời gian. Nhưng có một điều chắc chắn rằng, giữa những lo toan quốc kế dân sinh, trong tâm hồn của nhà vua, cảnh trí Ngũ Hành Sơn đã chiếm một phần quan trọng như sự tự hào về một miền đất tươi đẹp.

Nơi đây, các dấu ấn văn hoá lịch sử còn in đậm trên mỗi công trình chùa, tháp đầu thế kỷ XIX, trên mỗi tác phẩm điêu khắc Chàm của thế kỷ XIV, XV. Những bút tích thi ca thời Lê, Trần còn in dấu trên các vách đá rêu phong trong các hang động. Những di tích văn hoá lịch sử như mộ mẹ tướng quân Trần Quang Diệu, đền thờ công chúa Ngọc Lan (em gái vua Minh Mạng), bút tích sắc phong quốc tự còn lưu giữ tại chùa Tam Thai của triều Nguyễn,

đến các di tích lịch sử đấu tranh cách mạng như Địa đạo núi Đá Chồng, hang Bà Tho, núi Kim Sơn, hang Âm Phủ,... Tất cả chứng minh hùng hồn về một Ngũ Hành Sơn huyền thoại, về một vùng đất địa linh nhân kiệt đầy chất sử thi.

Cũng như nhiều địa danh khác, những ngọn núi này bao bọc quanh mình nó rất nhiều những huyền thoại khác nhau. Không gian thơ mộng của cảnh trí và vẻ bãng lãng cổ tích của những câu chuyện cổ đã mang lại cho Ngũ Hành Sơn cái ý vị mà ít nơi nào có được. Trong tư duy triết học của Trung Hoa, Ngũ hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ là những yếu tố cấu thành vũ trụ. Con số 5 là con số cực kỳ quan trọng trong tư duy và trong đời sống phương Đông. Nhìn như thế, trong sự trùng hợp ngẫu nhiên, 5 ngọn Kim Sơn, Mộc Sơn, Thủy Sơn, Hỏa Sơn, Thổ Sơn tự trong mình nó đã hàm chứa những vẻ mang nét kỳ bí dị thường.

Cũng tại nơi đây, các hang động, cảnh quan tự nhiên và hệ thống chùa chiền vừa ngẫu nhiên, vừa có ý thức đã tạo ra một vẻ đẹp hài hòa, có cái quyến rũ, hấp dẫn nhưng cũng có những ý tứ, kín đáo, che giấu niềm cảm xúc bất ngờ trong suốt cuộc hành trình tham quan của du khách.

Vào những ngày hè, thử hình dung ta cùng bạn bè cất bước trên 108 bậc đá dẫn lên ngọn Thủy Sơn, ngồi nơi Vọng Giang đài nhìn con sông Trường Giang chảy xanh biếc trong hoàng hôn, hoặc đứng trên Vọng Hải đài dõi nhìn bãi cát cắt dọc theo con sóng. Buổi chiều người thành phố đổ xô ra biển, từng tốp ngư dân nhẫn nại đẩy thuyền thúng ra khơi, phía sau là những con đường đầy lá mục dẫn về các động, bên trong những ngôi chùa, mùi nhang trầm lặng lẽ tỏa hương... Một ngày ở Ngũ Hành Sơn như thế cho ta thêm yêu cuộc sống nhiều hơn.

*** Suối Tiên, Quảng Nam**

Suối Tiên, nằm ở thôn 1, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Đây có thể được xem là một trong những điểm du lịch khá lý tưởng bởi cảnh đẹp và không khí trong lành của một vùng quê mến khách ở miền trung du.

Theo truyền thuyết dân gian cho rằng, trước kia suối Tiên nằm ẩn mình trong những rừng cây cao và những dây leo chằng chịt, những loại dây này đan nhau, có những nơi thắt thành những chiếc vòng vắt quanh qua suối, quanh năm mặt đất chưa bao giờ nhận lấy ánh sáng của mặt trời và mặt trăng. Thường vào những đêm trăng sáng, những tiên ông có đến đây ngồi trên những chiếc vòng ấy hoặc những phiến đá cùng nhau đánh cờ. Thế rồi một hôm có một người tiều phu, cũng là người thích chơi cờ, tình cờ đến xem các tiên ông ngồi đánh cờ bên dòng thác, nước chảy trắng xoá xuống một cái ao trong xanh. Khi xem xong ván cờ, người tiều phu liền đứng dậy, xách gùi vào rừng kiếm củi, nhưng nhìn lại thì thấy những dụng cụ của mình đã mục nát tự bao giờ, trên đầu tóc đã điểm bạc và trên trán có khắc dòng chữ "một ngày non tiên". Sau này người ta gọi đó là ao Tiên và con suối có thác chảy gọi là suối Tiên.

Suối Tiên có một hệ thống suối gồm tất cả khoảng 14 con thác, có độ cao từ thác thứ nhất đến thác thứ 14 khoảng 400m; mỗi thác có một vẻ đẹp riêng. Vào những ngày hè, hay những đêm trăng sáng du khách có dịp đến đây ngắm nhìn những dòng thác chảy in vào những đám cây rừng và trên nền trời xanh, du khách có thể hình dung như chốn bồng lai; đặc biệt trong con thác thứ ba có một cái ao trong mát, mà có tên là ao Tiên, chính là điểm tắm lý tưởng nhất.

### * Khe Lim, Quảng Nam

Khe Lim nằm ở địa phận xã Đại Hồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; cách thị trấn Ái Nghĩa khoảng 20km về phía tây nam. Khe Lim bắt nguồn từ khe chảy qua nhiều địa phận có nhiều cây lim (gỗ lim).

Theo dân gian thì vùng Lộc Vĩnh có nhiều khe, suối, với nhiều tên gọi khác nhau, có thể theo nhiều địa danh hoặc do truyền thuyết mà khe có tên gọi khe Lim bắt nguồn từ khe chảy qua nhiều địa phận có nhiều cây lim (gỗ lim) hoặc bắt nguồn từ một dòng chảy lớn.

Khe Lim được bắt nguồn từ núi Am Thông, nằm trên đỉnh Hio-Hiu có độ cao 882m so với mặt biển, có dòng nước cao ngất đổ xuống tạo thành nhiều tầng, bậc, chảy qua địa phận của hai thôn: thôn 8 và thôn Đông Phước gặp sông Cái, sông Vàng, từ đây hoà cùng sông Vu Gia xuôi về cửa Đại.

Khe Lim đẹp không chỉ riêng ngọn nước từ trên cao đổ xuống mà cả toàn cảnh của nó nữa. Hai bên bờ suối là những cánh rừng nguyên sinh yên ả, thảm động thực vật phong phú bao la xanh thẳm, quanh năm có nhiều hoa, lan rừng toả ngát mùi hương, cùng dãy Hio-Hiu sừng sững ở phía nam, tạo nên một vẻ đẹp thơ mộng hữu tình.

Khe Lim, vào những ngày lễ, ngày nghỉ cuối tuần hay mùa xuân thường được nhiều du khách đến thăm quan thắng cảnh. Đây có thể xem là một điểm du lịch lý tưởng cho một vùng trung du lý tưởng của Đại Lộc và Quảng Nam.

### * Hòn Kẽm Đá Dừng, Quảng Nam

Hòn Kẽm Đá Dừng, trước đây thuộc về hai xã Quế Phước và Quế Lâm, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, nay

là ranh giới huyện Quế Sơn và Hiệp Đức. Đây là một trong những thắng cảnh thiên nhiên khá lý tưởng của tỉnh Quảng Nam.

Hòn Kẽm Đá Dừng cũng như con sông Thu Bồn chảy qua nó, đều gắn liền với nhiều truyền thuyết xa xưa. Dòng sông Thu Bồn thơ mộng chảy qua nhiều cụm núi đá, trong đó có Hòn Kẽm Đá Dừng như hai ngọn núi đá nhô ra, tắm mình trên sông nước, để rồi theo dòng chảy của thời gian, Hòn Kẽm Đá Dừng như được bàn tay của tạo hoá nắn nót thành những hình nét kỳ bí, ẩn mình trên những phiến đá, hoà quyện với thiên nhiên: cây rừng, sương mù, nắng ấm. Để rồi cùng những ngọn núi chung quanh như: núi Chúa, núi Cà Tang... tạo nên một bức tranh "sơn thuỷ hữu tình" trên dòng sông Thu thơ mộng. Vì thế mà từ bao đời nay đã lưu truyền câu ca dao:

*"Ngó lên Hòn Kẽm Đá Dừng,*
*Thương cha nhớ mẹ quá chừng bạn ơi"*

Đến với Hòn Kẽm Đá Dừng ngược dòng sông Thu từ Cửa Đại-Hội An hay đến từ sông Hàn - Đà Nẵng, sẽ là một cuộc du thuyền khá thú vị, trên dòng sông nước dài khoảng 30-40km, hoặc từ trung tâm thị xã Tam Kỳ, bằng ô tô, theo quốc lộ 1A về hướng bắc, đến ngã ba Hương An, rẽ trái về hướng tây nam khoảng 40km, du khách sẽ đến Hòn Kẽm Đá Dừng.

### * Hồ Giang Thơm, Quảng Nam

Hồ Giang Thơm hay còn gọi là Xen Thơm, là một danh thắng thuộc thôn 9, xã Tam Mỹ, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, được kiến tạo bởi những dải đá nổi, chìm

chạy dài gần 1km, ở đầu nguồn có một con suối nhỏ, có độ cao tương đối đổ xuống, tạo ra những thác nước rì rào.

Ngay dưới chân những thác nước, suối tạo thành những vũng nhỏ, ở đây nước luôn trong veo, từ trên nhìn xuống, mọi cảnh vật đều như thu nhỏ lại trong một tấm gương soi dưới làn nước. Tất cả đều hoà quyện cùng với những áng mây và sương trời, tạo thành bức tranh sơn thủy hữu tình, mà mỗi một du khách khi đặt chân đến đây đều phải ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, thần bí, nhưng đầy chất trữ tình mà thiên nhiên đã ban tặng cho hồ Giang Thơm; thêm vào đó khí hậu của Giang Thơm rất thích hợp cho những du khách trong những ngày hè nóng bức.

Khu vực Giang Thơm có 3 hồ nước, phân cách nhau bằng những hòn đá lồi và cao; ở đây có một tảng đá rộng, dựa sát vào vách núi, nơi khách tham quan có thể dừng lại để nghỉ ngơi, ngắm cảnh, thả hồn theo tiếng suối reo, sau những giờ thả bộ cùng thắng cảnh. Suốt dọc con suối là những triền đá nhấp nhô, lởm chởm, hấp dẫn những du khách tìm cảm giác lạ đến đầu nguồn con suối.

Với những gì hiện có, Giang Thơm thật sự trở thành một nơi tham quan, nghỉ dưỡng lý tưởng cho du khách và người dân trong vùng.

### * Cù lao Chàm, Quảng Nam

Cù lao Chàm cách thị xã Hội An 35km về phía Biển Đông, gồm 7 hòn đảo: hòn Lao (hòn Ông), hòn Khô Mẹ, hòn Khô Con, hòn Tai, hòn Dài, hòn Lá, hòn Mồ.

Các nhà khảo cổ cho rằng cách đây 3.000 năm, cù lao Chàm đã có cư dân sinh sống, 1.000 năm trước đã có sự giao

lưu buôn bán với nước ngoài. Trên đảo còn có một số di tích cổ như chùa Hải Tạng được xây dựng năm 1758 thờ Phật, miếu thờ Thần Yến Sào (năm 1843), giếng nước cổ của người Chăm. Cù lao Chàm còn có nhiều cảnh đẹp thơ mộng, những bãi tắm cát trắng hoang sơ với nước biển xanh: bãi Ông, bãi Bìm, bãi Chồng, bãi Bậc; cùng các địa danh gợi trí tò mò: suối Tình, cầu Mơ, suối Ông; nơi du khách nghỉ ngơi thư giãn hay săn thú, câu cá, câu mực trên biển. Đến đây du khách cũng có dịp xem những tổ yến bám trên các vách đá chênh vênh. Cù lao Chàm còn nổi tiếng với hải sản quý như mực, tôm hùm, vây cá, bào ngư, cá hồng, cá mú, trứng vích, yến sào... những vật lưu niệm hấp dẫn như ngọc trai, ốc xà cừ, đồi mồi, san hô...

*** Bàng Than - vũng An Hoà, Quảng Nam**

Vũng An Hòa thuộc huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, đây là một thắng cảnh độc đáo của vùng đất phía nam Quảng Nam.

Vượt qua vùng cát trắng Chu Lai, với những hàng dương chạy dọc bờ biển đến bến phà qua Trường Giang, ta sẽ nhìn thấy cảng Kỳ Hà nhộn nhịp ghe thuyền, thấp thoáng xa xa là ngọn hải đăng đêm đêm soi đường cho tàu biển.

Dọc theo bờ biển Tam Hải khoảng 4km, ta sẽ đến vùng đất mũi An Hoà. Có lẽ hình ảnh đầu tiên đầy ấn tượng đập vào mắt du khách là một hòn đảo nhỏ gọi là hòn Dứa, cách không xa bờ biển án ngự lối vào vũng An Hoà, vào buổi chiều, hòn đảo rực lên một màu đỏ của đất bazan và màu xanh lục của thảo mộc, nổi bật lên giữa vùng biển xanh biêng biếc với từng đợt sóng nhấp nhô vào bờ đá, làm tung lên những bọt nước trắng xoá như hoa biển.

Mỗi dải đá đen tuyền lấp lánh như than đá trải dài trên bờ cát, bao quanh mũi An Hoà khoảng 3km, đó là Bàng Than (hay Bàn Than). Từng là lớp đá xếp chồng lên nhau, đó là những phiến thạch có nguồn gốc trầm tích biển. Nước và sóng biển xâm thực vào dải đá tạo thành những hình thù lạ mắt, kết hợp với những vân đá trở thành những tác phẩm điêu khắc độc đáo của tạo hoá.

Trên mũi An Hoà có hai bãi biển, đó là: Bãi Bắc (ở phía bắc), và bãi Nồm (ở phía nam). Trên bãi Nồm có hai mỏm dài nhỏ nhô ra ngoài biển, được nhân dân địa phương gọi là Ông Đụn và Bà Che, giống như hòn non bộ được thiên nhiên tạo ra để tô điểm cho Bàng Than. Từ Ông Đụn và Bà Che nhìn ra biển là một đảo nhỏ gọi là hòn Mang, ngoài hòn Mang một khoảng không xa là hòn Dứa; giữa hòn Mang và hòn Dứa có giăng đa Lão Hố với dải san hô ngầm nằm ở độ sâu khoảng 3m, xa xa về phía nam có hòn Châm ngầm gần đảo Lý Sơn của Quảng Ngãi. Từ bãi Nồm, chúng ta có thể đi ghe ra hòn Mang và hòn Dứa, ở đây dưới làn biển xanh trong, ta có thể nhìn thấy một rặng san hô trắng tinh với đàn cá đủ màu sắc bơi lội trong nước...

### *Thiên Ấn niêm hà và Long Đầu hý thủy, Quảng Ngãi

Nằm ở tả ngạn sông Trà Khúc, về phía bắc tỉnh lỵ Quảng Ngãi, núi Thiên Ấn chỉ cao hơn 100m, giống một cái triện (ấn), nhìn phía nào cũng thấy núi có hình thang cân. Núi chỉ cách đầu cầu Trà Khúc chừng 2km về hướng đông, nay thuộc thị trấn Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh. Đỉnh núi bằng phẳng, có một khoảng cây cổ thụ bao bọc ngôi chùa cổ, tương truyền được xây dựng từ thời vua Lê và qua

nhiều lần trùng tu, còn lại di tích cửa tam quan rêu phong cổ kính. Trong khuôn viên vườn chùa có 7 "viên mộ" của các vị sư tổ trụ trì chùa, có giếng nước sâu gọi là giếng Phật, có quả chuông cổ gọi là chuông thần. Ngoài khuôn viên nhà chùa, trên khoảng đất thoáng đãng phía tây có phần mộ của chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, người đã gắn bó máu thịt với đất Quảng Ngãi thuở bình sinh.

Đường lên Thiên Ấn hình xoắn ốc, quanh sườn núi cỏ tranh mọc nhiều. Đứng bên hữu ngạn sông Trà nhìn qua, ta có cảm giác như ngọn núi nằm ngay trên mặt sông Trà, nên được người xưa gọi là Thiên Ấn niêm hà (ấn trời đóng trên sông) với niềm tin thiêng liêng vào một vùng đất địa linh sinh nhân kiệt. Xưa Thiên Ấn được xem là đệ nhất thắng cảnh của Quảng Ngãi, chùa Thiên Ấn được xem là một trong những ngôi chùa nổi tiếng cả miền Trung. Năm Minh Mạng thứ 11, núi được liệt hạng danh sơn và ghi vào tự điển, có sắc phong "Thiên Ấn Tự".

Từ trên đỉnh núi Thiên Ấn, tầm mắt có thể thu về một khoảng không gian bao la: xung quanh là những làng mạc, ruộng đồng ngát xanh, dòng Trà Khúc uốn lượn duyên dáng, tây là dãy Trường Sơn hùng vĩ, đông là mặt biển bao la... Đỉnh núi gợi cho khách tham quan cái cảm giác thoát tục, thanh khiết, như thủ khoa Phạm Trình xưa kia đã viết:

"*Sông bên góc núi đưa dòng biếc*
*Biển sát chân trời bủa sóng xanh*
*Giếng Phật mạch sâu mùi nước ngọt*
*Chuông thần đêm vắng giọng đưa thanh*"

Đầu năm 1990, Bộ Văn hóa - Thông tin đã xếp hạng Thiên Ấn là một thắng cảnh của đất nước, bao gồm phần

mộ chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng. Không xa Thiên Ấn, sát quốc lộ 1A và ngay cạnh phía bắc cầu Trà Khúc là núi Long Đầu, từ phía đông bắc một dãy đồi thấp mấp mô chạy dài đến đây thì nhô cao lên và đâm vào vực sông Trà Khúc. Vào mùa lũ, nước cuộn xoáy nơi vực sông, người xưa hình dung như là đầu rồng đang giỡn nước, nên gọi là Long Đầu hý thủy. Đồng thời Long Đầu hý thủy còn gắn với câu chuyện vua Nam Chiếu chống Cao Biền. Để tạo nên vẻ đẹp của Thiên Ấn niêm hà và Long Đầu hý thủy phải kể đến con sông Trà Khúc. Từ xưa Cao Bá Quát đã ghé qua đây từng ca ngợi sông Trà với những vần thơ tuyệt diệu:

*"...Bãi uốn sông như sầu quặn khúc*

*Tôi chìm, gió tựa - rượu hơi say..."*

Trước đây, Thiên Ấn, Long Đầu, sông Trà Khúc với những guồng xe nước, những chiếc thuyền buồm, thuyền chài trên sông, làng mạc ven bờ... đã tạo thành một bức tranh sơn thủy hữu tình nằm ngay ở mé bắc tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Ngày nay bờ xe nước không còn, Long Đầu đã trở thành hình ảnh trong quá khứ. Thắng cảnh này đã phần nào mất đi vẻ đẹp vốn có.

***Những cảnh đẹp ở vùng Sa Kỳ - Cổ Lũy, Quảng Ngãi**

Từ Thiên Ấn, Long Đầu xuôi về hướng đông chừng 15km, ta sẽ bắt gặp những cảnh đẹp từ Sa Kỳ đến Cổ Lũy, thuộc vùng Mỹ Khê.

Bờ biển Mỹ Khê dài trên 10km, có 3 cảnh đẹp: Cổ Lũy cô thôn, Thạch cơ điếu tẩu, An Hải sa bàn.

Bờ biển Sa Kỳ - Cổ Lũy có hình cong lưỡi liềm, nước biển ngắt xanh, bãi cát vàng sạch sẽ, có rừng phi lao rì rào

quanh năm, không khí trong lành, là nơi tham quan, nghỉ mát và tắm biển rất tốt.

Thôn Cổ Lũy thuộc xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh là một mảnh đất rợp mát bóng dừa, vây bọc bởi sông nước và biển cả. Mặt sau thôn là sông Kinh, có rừng dừa nước xanh tốt, là căn cứ bất khả xâm phạm của đội du kích Tịnh Khê trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Vào những chiều sương khói mờ ảo, hoàng hôn vây phủ, từ trong đất liền nhìn ra, Cổ Lũy như bị tách biệt, gợi cảm giác cô liêu, nên được gọi là "cô thôn".

Từ Cổ Lũy đi theo hướng đông bắc tới cửa Sa Kỳ có mỏm núi cao thuộc xã Tịnh Kỳ. Thôn An Kỳ, An Vĩnh của xã Tịnh Kỳ, huyện Sơn Tịnh hợp với thôn An Hải thuộc xã Bình Châu, huyện Bình Sơn thành vùng Ba làng An nổi tiếng trong kháng chiến chống Mỹ. Tại mỏm An Vĩnh có nhiều phiến đá hình thoi xếp thẳng hàng như có bàn tay vô hình nào sắp đặt, dựng thành vách đá cao. Ở đây có một hang đá lộ thiên, sóng biển dội vào, nước trong hang sủi bọt như đang sôi lên, nên được gọi là Hầm Rượu. Lại có những vết lõm xuống mặt đá, hình dạng như dấu bàn chân, nên gọi là "bàn chân khổng lồ". Đứng chơi vơi ngoài mép nước là một tảng đá nhô cao, được gọi là "Thạch cơ điếu tẩu" (Ông câu trên ghềnh đá).

Đất Tịnh Kỳ nằm sát cửa Sa Kỳ, đối diện đảo Lý Sơn, có đường biển nối liền với đảo. Tịnh Kỳ vừa nổi tiếng với nghề làm mắm (muối Xuân An, mắm Tịnh Kỳ) vừa là một làng ven biển thơ mộng.

Là một cửa biển được xây dựng thành cảng, một vùng nước rộng soi bóng những đồi thông, mỏm núi, làng chài... Sa Kỳ là một bức tranh hoành tráng và mỹ lệ. Ở bờ bắc

cửa biển có một bãi cát xoay tròn bốn phía và lõm xuống ở giữa, được gọi là "An Hải sa bàn" (mâm cát An Hải).

Vào giữa thế kỷ XIX, Trương Đăng Quế - một đại thần triều Nguyễn, lúc về già về sống ở quê, có một câu nói đầy lòng tự hào: "Nhất Huế, nhì đây Cổ Lũy cô thôn". Người Pháp đã so sánh Mỹ Khê với những bờ biển chan hòa ánh nắng đẹp đẽ của họ ở miền nam nước Pháp. Các phi công và ký giả Mỹ cũng thừa nhận vùng bờ biển Sa Kỳ - Cổ Lũy là "một trong những bờ biển đẹp của Việt Nam". Vùng biển này còn có khu chứng tích Sơn Mỹ nổi tiếng.

Cảnh đẹp Sa Kỳ - Cổ Lũy là một điểm tham quan du lịch lý tưởng cho khách du lịch.

*** Sa Huỳnh, Quảng Ngãi**

Sa Huỳnh nằm ở cực nam tỉnh Quảng Ngãi, thuộc huyện Đức Phổ, cách thị xã tỉnh lỵ 60km. Sa Huỳnh là bãi biển đẹp, nổi tiếng là vựa muối quan trọng ở miền Trung. Bãi biển Sa Huỳnh nằm sát quốc lộ 1A, ở km 985, có ga xe lửa Sa Huỳnh, cho nên từ Hà Nội vào hay từ Thành phố Hồ Chí Minh ra, du khách có thể dừng chân ghé lại đây rất thuận lợi. Địa danh Sa Huỳnh phải viết cho đúng là Sa Hoàng, có nghĩa là cát vàng. Thật vậy, màu cát ở đây không trắng như ở nơi khác mà lại có màu vàng óng ánh thật đẹp. Sở dĩ, phải viết thành Sa Huỳnh, vì chữ "Hoàng" trùng tên Chúa Nguyễn Hoàng thời Nguyễn sơ.

Bến cá Sa Huỳnh, bãi biển Sa Huỳnh chạy dài cong cong hình lưỡi liềm. Đáy biển thoải, không có bãi đá ngầm, có thể là những bãi tắm lý tưởng đối với du khách đến đây nghỉ hè, vui chơi và tắm biển. Ngoài ra, Sa Huỳnh còn có

thắng cảnh ghềnh đá Châu Me, Đảo Khỉ... thu hút du khách vào các ngày nghỉ cuối tuần và các ngày lễ tết. Để phục vụ khách du lịch, ngành du lịch Quảng Ngãi đầu tư xây dựng các khu dịch vụ cho khách tham quan.

Từ lâu, Sa Huỳnh được biết đến như là di chỉ khảo cổ học với "Văn hóa Sa Huỳnh". Đầu thế kỷ XX, các nhà khảo cổ học người Pháp như Vinet, Labare, Colani đã phát hiện ở Sa Huỳnh hàng loạt mộ chum và nhiều hiện vật tiêu biểu cho nền văn hóa cổ xưa bị chìm khuất dưới lòng đất qua thời gian dài lịch sử. Các kết quả khai quật được nghiên cứu và kết luận, dải đất từ Đèo Ngang cho đến Đồng Nai (Nam Bộ) lên cả Tây Nguyên, từ sơ kỳ đồng thau cho đến sơ kỳ sắt đá nơi hiện diện một nền văn hóa độc đáo của nhân loại và được định danh bằng khái niệm "Văn hóa Sa Huỳnh". Những gò Ma Vương, gò Điều Gà,... là những nơi có nhiều dấu tích của nền văn hóa Chămpa, từ lâu đã thu hút nhiều du khách đến tham quan và nghiên cứu.

### *Làng An Hải, Quảng Ngãi

Làng An Hải ngày nay là xã An Hải, huyện đảo Lý Sơn, là một làng quê còn lưu giữ được nhiều giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của người Việt trong quá trình di cư vào phía nam khai phá định cư. Qua thư tịch và phả hệ của một vài dòng họ tiền hiền ở An Hải cho biết, làng An Hải được người Việt khai phá định cư vào đầu thế kỷ XVII (khoảng năm 1602) khi 7 vị tiền hiền ở vùng An Hải (nay thuộc xã Bình Châu, huyện Bình Sơn) ra đảo khai hoang lập nghiệp, định cư lâu dài. Trải hơn 400 năm khai phá và xây dựng quê hương, làng An Hải đã không ngừng bồi đắp,

giữ gìn truyền thống, tạo nên một làng còn nhiều giá trị văn hóa truyền thống khá đặc sắc ở Quảng Ngãi.

Theo những gì các cụ già cao tuổi kể lại thì làng An Hải ngày nay không khác ngày xưa mấy. Vẫn những tòa dinh miếu cổ xưa được phân bố đều khắp trong làng, những xóm nhà chìm khuất dưới rặng dừa xanh ngút ngàn được che chắn bởi dãy núi Thới Lới hùng vĩ, tạo nên một làng quê yên bình và cổ kính. Điều hết sức đặc biệt là do các vị tiền hiền là những cư dân nông nghiệp ra đảo lập nghiệp nên qua bao đời người dân An Hải vẫn coi trọng nghề làm nông nghiệp trồng hành tỏi, nên những hoạt động văn hóa tín ngưỡng biểu hiện rất rõ nét tính chất của những cư dân nông nghiệp.

Làng An Hải không những được biết đến bởi các sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, lễ hội truyền thống sôi động và hấp dẫn mà còn được biết đến bởi hệ thống di tích đình, đền, chùa, dinh miếu được phân bố khắp làng như: Dinh Tam Tòa thờ tam phủ, Dinh Bà thờ thần Thiên Yana, lăng Ông thờ thần Nam Hải (cá Ông), dinh Bà chúa Vàng, chùa Từ Quang, miếu Thần Nông nhưng quan trọng và có giá trị hơn cả là cụm di tích kiến trúc ngôi đình làng và nhà thờ tiền hiền cùng với miếu Thành Hoàng làng. Quần thể kiến trúc đình làng An Hải là một di tích kiến trúc hết sức có giá trị trong việc nghiên cứu tín ngưỡng của người Việt xưa ở An Hải nói riêng và Lý Sơn nói chung, cũng chính tại đây là nơi diễn ra những sinh hoạt lễ hội chính hàng năm của nhân dân làng An Hải.

Làng An Hải không những nổi tiếng với những giá trị văn hóa truyền thống biểu hiện qua các hoạt động sinh

hoạt tín ngưỡng, hội hè mà còn nổi tiếng với những thắng cảnh thiên nhiên có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái của huyện Lý Sơn. Được hình thành do quá trình phun trào nham thạch của các núi lửa, rồi sự xâm thực của biển vào các vách núi trong thời kỳ biển tiến đã tạo nên ở Lý Sơn những cảnh đẹp hết sức kỳ thú. Đặc biệt tại làng An Hải có nhiều cảnh đẹp mà bất cứ một du khách nào khi đặt chân đến cũng phải khen ngợi.

*Thắng cảnh chùa Hang - Hang Câu* (di tích được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng Di tích quốc gia năm 1995): Nằm ở phía đông bắc của núi Thới Lới, trên bờ biển đẹp, chùa có tên là Thiên Khổng Thạch Tự, là kết quả của sự xâm thực của sóng biển vào núi Thới Lới tạo nên một hang động lớn ăn sâu vào núi và có dạng như hàm ếch rộng chừng 480m$^2$. Vòm hang cao phẳng lỳ và cong như một cánh cung, nên từ thời người Việt ra đảo định cư họ đã biết tận dụng hang động này để tạo ra một ngôi chùa đẹp để thờ Phật và phủ lên nó những sự tích, truyền thuyết để tạo thêm vẻ đẹp huyền ảo cho thắng cảnh. Trong hang rất kín gió và yên tĩnh, vì hang sâu so với mặt đất ngoài hang chừng 3m. Nên khi bước vào hang hơi lạnh của hang động làm cho người rất dễ chịu và có cảm giác thanh thản lạ thường. Hiện nay tại chùa Hang là nơi sinh hoạt tín ngưỡng chính của các tín đồ đạo Phật của huyện Lý Sơn.

*Thắng cảnh vũng Mù Cu*, nằm ở phía đông của làng An Hải. Vũng Mù Cu có diện tích tương đối rộng, là nơi neo đậu thuyền của ngư dân trong làng, được tạo thành giữa cồn cát che chắn phía tây và hòn Mù Cu phía nam cách bờ chừng 1km. Vẻ đẹp của thắng cảnh vũng Mù Cu được tô điểm bởi

bờ vũng cong như cánh võng với những dãy nhà thấp thoáng dưới rặng dừa xanh ngát và cây phong ba tỏa bóng, che chắn vươn cành ra biển. Trên bờ vũng Mù Cu còn tồn tại nhiều di tích lịch sử và kiến trúc tín ngưỡng như: Nhà Pha - nơi giam giữ những người cộng sản ở Lý Sơn và cây đèn biển (đèn pha) cao 50m được xây dựng từ thời Pháp thuộc, đêm đêm chiếu sáng dẫn đường cho tàu thuyền qua lại trên biển. Cách nhà Pha chừng 1km, gần cồn cát chắn sóng tự nhiên của vũng phía tây là dinh thờ cá Ông (Đông Hải lăng) được xây dựng vào năm 1823 để thờ cá Ông của ngư dân trong làng và cách lăng Đông Hải về hướng đông chừng 500m là lăng thờ thần Thiên Yana. Sự kết hợp giữa vẻ đẹp thiên nhiên độc đáo với một số di tích có giá trị lịch sử - văn hóa tại vũng Mù Cu đã tạo nên một thắng cảnh đẹp, thơ mộng, tô điểm thêm vẻ đẹp cho làng quê An Hải.

*Thắng cảnh hang Cò*, thuộc xóm Tây, xã An Hải, được tạo nên bởi sự xâm thực của biển vào thềm lục địa, tạo nên những hang động nhỏ để loại cò cư trú nên người dân thường gọi là hang Cò. Hang Cò đẹp bởi những bàn than đá nhấp nhô dưới sóng biển chỉ cách bờ vài chục mét. Những bàn than đá nhìn xa tựa như một con cua đá nổi lên mặt biển và tiến vào bờ. Đối diện bàn than đá trên bờ là dinh Tam Tòa thờ tam phủ, thần Bạch Mã thái giám và thờ thuyền đua của xóm. Dinh có kiến trúc hình chữ nhị, được xây bằng đá và vôi tam hợp trên diện tích khá rộng. Xung quanh lăng còn nhiều cây sợp và cây phong ba, thân cây to lớn, tỏa bóng mát bao trùm cả dinh thờ.

*Thắng cảnh suối Chình*, đây là dòng suối cổ bắt nguồn từ lòng núi Thới Lới theo đường uốn lượn chảy ra biển, dài

khoảng 1km. Suối Chình là nơi phát hiện di chỉ khảo cổ học về vết tích cư trú của cư dân cổ của người Sa Huỳnh trên đảo. Hiện nay dòng suối đã tắt nhưng nhìn thấy rất rõ mảng màu xanh của lòng suối uốn lượn từ chân núi Thới Lới ra đến tận mép bờ biển khá đẹp.

Làng An Hải qua bao đời tụ cư sinh sống của cư dân Việt từ vùng Bắc Bộ vào Quảng Ngãi và tiến ra đảo Lý Sơn đã lưu giữ nhiều giá trị văn hóa cổ truyền của người Việt. Những giá trị văn hóa còn lưu giữ tại làng An Hải ngày nay còn được tăng thêm giá trị khi người Việt ở làng An Hải xưa đã biết tiếp thu chọn lọc vốn văn hóa của người Chămpa để phục vụ cuộc sống mưu sinh tại vùng đất mới, làm phong phú thêm vốn văn hóa của mình. Điều đó minh chứng cho sự đan xen, hòa hợp nhau giữa 2 nền văn hóa Chămpa - Đại Việt một cách nhuần nhuyễn tại một làng quê hải đảo.

### *Thắng cảnh Hầm Hô, Bình Định

Hầm Hô thuộc địa phận thôn Phú Mỹ trước đây thuộc xã Bình Phú, nay thuộc xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Hầm Hô là nơi gặp gỡ của hai nhánh sông Đồng Hưu và sông Cát đổ vào sông Phú Phong. Thắng cảnh là cả một khúc sông dài gần 3km, hai bên bờ là những khối đá trập trùng, chỗ thì dựng đứng như thành vách, nơi thì chồng chất lên nhau thành đống, lại có đoạn đá nhọn lởm chởm như những thanh gươm, cùng với những lùm cây xanh mướt. Cây cối mọc lâu ngày, rễ rủ như tóc xõa, soi bóng xuống mặt nước lung linh, nơi từng đàn cá đang tung tăng bơi lội. Sông Hầm Hô có tiếng là nhiều cá, nhất là về mùa

lũ. Cá từ khắp nơi kéo về từng bầy trông đặc cả nước. Cá lội ngược dòng bị thác nước hất tung trở lại trông như thể cá bay. Dân gian truyền rằng, hàng năm Long Vương tổ chức kì thi cho cá tại thác Hầm Hô, con nào vượt qua được sẽ hóa rồng, nên cá từ sông Kôn dồn cả về đây để thử vận may. Có lẽ do điển tích này mà thác Hầm Hô còn có tên chữ là Vũ Môn, còn dân gian thì gọi là thác Cá Bay.

Thế nhưng, cảnh đẹp đích thực của Hầm Hô khiến cho du khách viếng thăm phải sửng sốt về sự tạo hóa của thiên nhiên ngay dưới lòng sông. Với chiều rộng trên dưới 30m, lòng sông chi chít những trụ đá hoa cương thiên hình vạn trạng. Vào mùa thu nước cạn, những ngày trời trong xanh, khi những tia nắng ban mai rọi xuống, những khối đá hoa cương ánh lên muôn màu, lóng lánh, rực rỡ như ngàn vạn viên kim cương khoe mình trên làn nước trong xanh. Hình dáng thật kỳ dị của những trụ đá đã chấp cánh cho trí tưởng tượng của bao thế hệ cư dân nơi đây. Hòn lớn, hòn nhỏ, khối vuông, khối tròn, có những cụm nhìn tựa đàn voi đang tắm, có những dãy trông như thể bày ngựa đang phi. Lại có tảng chẳng khác gì một con cá sấu khổng lồ đang há miệng săn mồi và rồi biết bao hình dạng giống như người, như thú, như vật dụng thường ngày... Tất cả trưng bày ngẫu nhiên, ngoạn mục đến mức có lẽ không một họa sĩ, một nhà điêu khắc tài danh nào có thể tạo dựng nổi.

Nằm giữa lòng sông có một phiến đá với những nét ngang dọc, rêu phủ lờ mờ, tương truyền là nơi các vị tiên chơi cờ nên gọi là Bàn Cờ Tiên. Cạnh bàn cờ có hòn đá nước chảy xuyên qua, rồi ùn lên trông như sôi ùng ục, Người đời gọi đó là hòn Vò Rượu.

Nếu có dịp du ngoạn bằng thuyền đi dọc sông, du khách có cảm giác như đang lạc vào một thế giới huyền ảo của thiên nhiên, như đi vào thế giới thần thoại. Vượt qua bờ đập, đi ngược dòng một đoạn sẽ gặp một vách đá dựng đứng như tường thành với cái tên dân gian Hòn Đá Thành. Trên vách đá rêu phủ xanh rì, từng chùm rễ cây leo rủ xuống trông hệt như một bức tường thành cổ kính. Bên trái thành có một bãi đá chồng chất lên nhau. Liên tưởng như có một người khổng lồ đổ cả một thúng đá xuống lòng sông, dân trong vùng gọi đây là khúc sông Trời Lấp. Qua khác sông này, ngược tiếp dòng sông sẽ trông thấy hai bên nhiều khối đá lô nhô, hòn cao hòn thấp với rất nhiều hình dáng khác nhau. Bên những hòn đá quây tụ vào nhau là những vũng nước sâu có tên vũng Cá Rói. Vào mùa cạn nước trong vũng vẫn đầy, từng đàn cá rói từ khắp nơi về đây, khi có mồi ăn, chúng xông vào tranh giành xâu xé, ngồi trên bờ xem không chán mắt. Tiếp một đoạn nữa, có một khối đá giống như một con cá sấu lớn nằm ngang giữa lòng sông, chắn dòng nước chảy xiết làm bọt trắng tung trắng xóa, nên có tục danh là hòn Trào. Từ đây không thể đi thuyền được nữa. Muốn đi tiếp vào trong, phải đi bộ đi men theo bờ. Càng đi càng thấy lòng sông hẹp lại nhưng cảnh vật lại càng kỳ thú. Bất chợt từ trên bờ nhìn xuống, ta có cảm giác như không phải là dòng sông mà trước mắt có cả một đàn cừu trắng đang nô giỡn trên thảo nguyên. Ngược về phía thượng nguồn, độ dốc càng lớn, nước chảy càng mạnh. Từng đoạn, từng đoạn chia khúc thành những thác nhỏ, nước chảy ầm ầm dội vào vách núi, cảnh vật càng thêm huyền ảo. Trong rừng rộn ràng tiếng chim hót,

hương rừng ngào ngạt, dịu thơm hòa quyện vào nhau tạo thành một thiên nhiên mang đầy vẻ hoang sơ.

Dường như mọi sự miêu tả bằng giấy mực đều không thể lột tả hết được vẻ đẹp của Hầm Hô. Hơn thế, đến đây du khách không chỉ được thưởng ngoạn cảnh đẹp kì ảo của thiên nhiên mà còn có dịp sống lại những ngày tháng hào hùng của lịch sử. Chính tại nơi đây, hơn hai trăm năm về trước vị danh tướng Võ Văn Dũng đã rèn quân luyện võ để rồi sau đó hợp lực với các thủ lĩnh Tây Sơn phất cờ khởi nghĩa.

### *Suối khoáng nóng Hội Vân, Bình Định

Suối khoáng nóng Hội Vân thuộc địa phận thôn Hội Vân, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Suối này bắt nguồn từ vùng núi thấp phía bắc, đến thôn Hội Vân nước chảy vào một hồ nhỏ rộng chừng 400m$^2$, sâu hơn 1m. Đáy hồ là những tảng đá lởm chởm xen kẽ nhau. Từ đó mạch nước nóng phun lên ùng ục, khói tỏa nghi ngút giống như một chảo nước đang sôi. Hồ nằm lọt giữa một thung lũng cát mênh mông, xung quanh có núi non vây bọc. Chếch xa xa về phía đông bắc là dãy núi Bà hùng vĩ. Vào những ngày lạnh trời, nhất là vào lúc sớm mai, hơi nước bốc lên tụ lại thành những làn khói mây mờ mờ làm cho cảnh vật trở nên huyền ảo. Khi trời nắng nóng, sương mù tan biến trả lại cho mặt nước một khoảng không trong vắt, có thể nhìn thấu những vòi nước phun lên từ đáy, giống như những con rồng đang giỡn đùa giữa dòng nước. Quanh miệng hồ là những dải cát trắng mịn làm thành một bãi phơi nắng lý tưởng.

Là một danh thắng du khách có thể đến chiêm ngưỡng, thưởng ngoạn cảnh đẹp, nghỉ ngơi giải trí, Hội Vân còn nổi

tiếng và hấp dẫn khách tới từ mọi miền nhờ nguồn nước khoáng thiên nhiên giàu khả năng trị liệu đối với nhiều loại bệnh khác nhau. Khả năng chữa trị một số bệnh của suối khoáng Hội Vân, thực ra cũng không phải là điều gì huyền bí. Từ thời Pháp thuộc, các nhà chuyên môn đã đến đây nghiên cứu, khảo sát. Trong vòng mấy chục năm qua, các nhà khoa học Việt Nam cũng đã tiến hành nhiều cuộc khảo nghiệm và đi tới những kết luận khoa học về khả năng trị liệu của nước suối Hội Vân. Trong khoảng thời gian 1920 đến 1957 đã xuất hiện nhiều bài báo của tác giả Madrole, D.Sallet, Flendel và H.Fontaine công bố các kết quả nghiên cứu về thành phần của nước khoáng có nhiệt độ dao động từ 70-80$^0$C, vô trùng, chứa khoáng 20 chất khoáng có ích với nồng độ thích hợp, có tác dụng tốt cho việc chữa bệnh. Từ năm 1978 một nhà điều dưỡng đã được xây dựng và tiếp tục được nâng cấp để phục vụ những du khách và những người tới đây chữa bệnh.

### *Ghềnh Ráng - Bãi tắm Hoàng Hậu, Bình Định

Từ lâu bãi biển Quy Nhơn được coi là một thắng cảnh đẹp với bãi cát mịn vàng óng cùng những cảnh vật hữu tình do thiên nhiên bài trí và con người tu tạo. Ghềnh Ráng là một trong những tác phẩm thiên tạo. Đó là một quần thể sơn thạch chạy sát tới biển, dấu vết tận cùng về phía đông của dãy núi Xuân Vân trùng điệp nằm cách trung tâm thành phố chừng 2km về phía nam.

Nơi đây đá chất ngổn ngang, tạo thành hang, thành rạn, thành ghềnh, quanh năm giỡn đùa cùng sóng biển. Bãi đá này có tên là Nhạn Châu (Bãi Nhạn). Có lẽ vì đây là nơi

chim nhạn thường kéo đến tìm mồi, từng đàn, từng đàn đông đúc nên có tên như thế. Còn tên Ghềnh Ráng thì tên này do những người đi biển đặt ra. Qua những nơi nhiều ghềnh, lắm rạn, người ta phải tìm cách đổ bớt gió trong buồm ra cho thuyền đi chậm lại. Thao tác trong nghề đi biển gọi là ráng. Đi ngang qua Nhạn Châu, người ta phải thường làm như thế. Lâu dần thành tên, vùng này được gọi là Ghềnh Ráng. Từ đỉnh Ghềnh Ráng có thể phóng tầm mắt nhìn rộng cả bốn bề. Phía nam như một bức tranh sơn thủy hữu tình với những dải núi xanh dựng thành từng lớp, nơi cao, nơi thấp chạy dọc theo ven biển chạy dọc đến tận Quy Hòa. Hướng về phương bắc, lướt mắt qua dải cát vàng mịn óng, thành phố Quy Nhơn hiện lên với đường phố dọc ngang, nhà cửa san sát. Xoay lưng vào động cát phía tây, quay mặt ra hướng đông là biển cả bao la một màu xanh biếc. Hướng đông bắc là bán đảo Phương Mai án ngữ cửa Thị Nại như một tấm bình phong khổng lồ.

Từ xa xưa những người dân biển đã coi hòn đảo này như một tiêu mốc để định hướng đi. Sau này một ngọn hải đăng đã được xây dựng trên đó. Đi dọc theo con đường đất uốn lượn theo triền núi, du khách có dịp chiêm ngưỡng những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc kỳ dị mà tạo hóa đã tạc ra. Trên một phiến đá lớn có một bức phù điêu hình mặt người. Lại có khối sơn thạch được mưa gió và thời gian mài gọt trông tựa đầu một con sư tử lớn đang chồm ra Biển Đông, có trụ dáng hình đá Vọng Phu. Đặc biệt, ở đây có hai khối đá lớn chồng xếp lên nhau trông rất chênh vênh được gọi là Hòn Chồng. Thoạt nhìn khối đá lớn như thể muốn rơi, vậy mà trải qua bao năm tháng nó vẫn đứng vững. Từ Hòn Chồng đi về hướng bắc dọc theo bờ

đá ven biển sẽ gặp những hang động hùng hiểm, kỳ bí do đá nằm chồng chất lên nhau tạo thành. Đi thêm chút nữa chợt thấy cảnh kỳ lạ, cả một bãi rộng chừng hơn 40m$^2$ la liệt đá xanh hình tròn, mặt nhẵn như quả trứng. Vì vậy bãi đá này có tên là Bãi Đá Trứng. Nơi đây cũng được người dân gắn liền với nhiều truyền thuyết thần tiên.

Bảo Đại - vị hoàng đế cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam, đã chọn Ghềnh Ráng để lập một hoàng cung. Năm 1927, ông đã cho xây dựng một tòa biệt thự ba tầng cùng những công trình phục vụ cho cuộc sống đế vương trong những khi đi kinh lí và nghỉ ngơi, thưởng ngoạn cảnh đẹp ở Bình Định. Tòa biệt thự này đã bị tàn phá trong chiến tranh, nay chỉ còn lại phế tích. Cũng vì sự hiện diện của hành cung này mà khu vực có hai giếng nước ngọt thiên tạo gần Bãi Đá Trứng còn có tên là bãi tắm Hoàng Hậu.

Ghềnh Ráng còn nổi tiếng thêm nhờ tài danh của thi sĩ Hàn Mạc Tử. Do mắc phải chứng bệnh hiểm nghèo, ông đã phải sống những năm tháng cuối đời trong trại phong Quy Hòa. Tâm trạng đầy đau thương và giông bão lại được tiếp thêm cảm hứng từ cảnh thiên nhiên siêu thực ông đã viết lên những áng thơ bất hủ để lại cho đời. Hàn Mạc Tử qua đời khi còn quá trẻ, lúc nhà thơ mới vừa 28 tuổi. Để thỏa nguyện mong ước của thi sĩ lúc sinh thời, năm 1969, gia đình và thân hữu đã đưa thi hài Hàn Mạc Tử về táng ở Ghềnh Ráng. Ngôi mộ trang nhã được xây cất trên một gò cao, lưng dựa vào núi, mặt quay ra biển là nơi mà ai ai dù chỉ một lần đặt chân đến Ghềnh Ráng cũng đều ghé thăm. Đó không chỉ đơn thuần là một kiến trúc xinh đẹp ở vào vị trí đắc địa của một danh thắng mà hơn thế là nơi tưởng niệm một danh nhân.

***Đầm Thị Nại - Bán đảo Phương Mai, Bình Định**

Phía Đông Bắc Quy Nhơn là đầm lớn chạy dài mười cây số, bề rộng tới gần 4km. Đầm này đã từng có thời gian mang tên chữ là Hải Hạc Đàm, nhưng trong dân gian thì từ lâu vẫn gọi là đầm Thị Nại.

Thị Nại là đầm lớn nhất của Bình Định. Các nhánh của sông Kôn, sông Hà Thanh đều chảy về đây. Phù sa bồi tụ dần theo năm tháng khiến cho đầm mỗi ngày một đầy thêm. Khi thủy triều lên thì mặt đầm nước mênh mông, vào những hôm trời gió, sóng dập dờn như mặt biển. Nhưng lúc thủy triều xuống, nước rút cạn để trơ lòng đầm, sình lầy lai láng. Cảnh quan như vậy nên trong sách cổ nơi đây mới có tên đầm Biển Cạn.

Mỗi buổi ban mai, trước khi mặt trời nhô lên khỏi dãy Triều Châu, mặt đầm mờ mờ, huyền ảo như chốn thần tiên. Đầm Thị Nại nổi tiếng là nhiều cá và cá ngon, nhất là cá nục. Có hai loại cá nục: nục vọng và nục gai. Cá nhiều ăn không hết, người ta phơi khô, làm mắm. Làm muối, nấu mắm là nghề truyền thống có từ lâu đời của cư dân sống quanh đầm. Ai đã vào Bình Định hẳn không quên hương vị nước mắm Gò Bồi, thứ mắm làm cá nục Thị Nại.

Nước đầm thông với biển bằng một cửa hẹp có tên cửa Giã. Thông thường cửa này vẫn được gọi là cửa Thị Nại. Cửa được tạo bởi Mũi Rùa bên bờ phía Tây và ghềnh Hổ thuộc dãy núi Phương Mai bên bờ Đông, trong thế "thủy khẩu giao nha". Theo quan niệm phong thủy, đó là một hình thế đẹp.

Nằm về phía đông đầm Thị Nại, như một tấm bình phong khổng lồ án ngữ phía biển cho thành phố Quy

Nhơn, bán đảo Phương Mai là đoạn cuối cùng của dải núi Triều Châu. Đây là một vùng núi thấp có nhiều đoạn nhấp nhô. Cao hơn cả hòn Chớp Vung, hòn Mai, hòn Diệp Chữ... Tận cùng phía nam của bán đảo là một mũi nhọn hình mũi mác với nhiều hốc đá hiểm trở, chim yến thường kéo về làm tổ. Dân trong vùng thương gọi đây bằng hai cái tên Mũi Mác và Mũi Yến. Dãy núi phía tây bắc Mũi Mác có một nhánh nhỏ, nhọn sắc như nanh cọp, chĩa về phía tây, tục gọi ghềnh Hổ, trong các sách cổ gọi là Hổ Ky. Nằm kẹp giữa hai dải núi này là một động cát, trên có bàu nước ngọt khá lớn. Bán đảo Phương Mai được nối với dãy Triều Châu bằng một dải núi dài chừng hai cây số, bề ngang chỉ hẹp độ nửa cây có tên Eo Vược. Bán đảo Phương Mai núi giăng hiểm trở, nhưng xen vào các vách đá và ở dìa chân núi có những thung lũng và những khoảng trống để hình thành các điểm dân cư, tụ tập chủ yếu thành ba xã Nhơn Lý, Nhơn Hội, Nhơn Hải và một phần phường Hảo Cảng. Dân ở đây sống bằng nghề biển và nghề nông, quanh năm chài lưới và làm ruộng.

Do địa thế hùng hiểm, bán đảo Phương Mai còn giấu mình những di tích kỳ bí. Hiện còn những ngôi chùa tên dân gian là chùa Phật Lồi. Chùa ở Hải Giang, xã Nhơn Hải. Trong chùa hiện có thờ một pho tượng bằng đá sa thạch, cao bằng hình người, sau lưng có bốn chữ Phạn, dân quen gọi là chữ bùa. Theo lời kể của dân địa phương thì người ta đã tìm thấy pho tượng này ở mé bàu nước ngọt, dưới chân núi Phương Mai, rồi đem về thờ ở đây.

Đầm Thị Nại - Bán đảo Phương Mai là một điểm du lịch khá hấp dẫn ở Bình Định.

***Núi Bà - Hòn Vọng phu, Bình Định**

Ở vào phía nam đầm Đạm Thủy, nằm trọn trên địa phận huyện Phù Cát, chiếm một diện tích ước chừng trên bốn chục cây số vuông, sừng sững một quần thể núi non mà từ bao đời nay được gọi là danh sơn của Bình Định - Núi Bà (Bà Sơn).

Quần thể núi Bà có tới trên sáu chục ngọn cao, thấp khác nhau, trong đó nổi bật lên hòn Hang Rái ở phía đông bắc, hòn Hèo ở phía đông nam và đỉnh cao nhất, tới gần 900m, là hòn Chuông (Chung sơn) ở phía tây. Nhìn từ xa, hòn Chuông tương đối bằng phẳng, giống như một cái chiêng đồng úp sấp mà núm chiêng chính là hòn Chuông. Có lẽ bởi dáng núi như vậy mà người xưa đã đặt tên chữ cho núi Bà là Phô Chinh đại sơn (nghĩa là núi lớn bày chiêng).

Quần thể núi Bà trùng trùng, điệp điện trông xa như liền mạch, kết khối, nhưng tới gần thì thấy xen giữa các sơn khối nhấp nhô là những thung lũng cây cối tốt tươi, bốn mùa được tưới mát bởi hàng chục khe, suối từ trong nguồn chảy ra. Dân trong vùng cư ngụ, làm ăn sinh sống trong các thung lũng này. Do vị thế hiểm trở, đường đi tới các thung lũng và qua lại giữa các thôn ấp phải vượt qua những đèo lởm chởm đá tai mèo với những cái tên đèo nhỏ ở phía bắc, đèo lớn (hay còn gọi là đèo Tố Mộ) ở phía nam, đèo Mũi Đá Giăng ở phía đông... Núi cao án ngữ gió biển khiến cho những động cát phía đông dồn lại, lâu ngày nổi lên thành truông, vun lên thành gò.

Núi Bà uy nghi, huyền diệu với bao điều kỳ bí mà mỗi nơi chốn, mỗi cái tên đều có một sự tích. Ở địa phận thôn Chánh Oai, trên ngọn núi cao, có hai khối đá, một cao, một

thấp trông tựa hình người. Từ phía biển nhìn vào giống như một người đàn bà tay dắt đứa con đang ngóng nhìn ra phía xa. Dân địa phương gọi đó là hòn Vọng Phu. Tác phẩm như có hồn của tạo hóa đã khiến con người phải động lòng. Khối đá xanh đứng hoài dưới nắng mưa, thi gan cùng năm tháng đã trở thành biểu tượng cho lòng chung thủy của nghĩa vợ chồng trong tâm thức dân gian. Có lẽ chẳng mấy ai tin vào tính xác thực của sự tích huyền thoại này, nhưng nó cứ được truyền từ đời này sang đời khác như một lời nhắc nhở và gửi gắm vào đó sự cảm phục đức thủy chung, một phẩm hạnh của người phụ nữ Việt Nam.

***Đảo Yến Quy Nhơn, Bình Định**

Gọi là "đảo" nhưng thực ra xứ sở của loài chim yến nằm trên địa phận bán đảo Phương Mai. Dãy Triều Châu ăn ra biển, trải dài chừng 15km, tạo thành những ngọn núi nhấp nhô, trùng điệp với tên gọi thật ngộ nghĩnh: Hòn Mai, hòn Chóp Vung, núi Cột Cờ, Núi Đen... và trong số đó, ngọn núi án ngữ phía nam mang tên Hòn Yến. Cứ mỗi mùa xuân đến, tiết trời ấm áp, chim yến rủ nhau từng đàn đông nghịt đến đây làm tổ. Chính vì vậy mũi đất tận cùng của bán đảo cũng được gọi là Mũi Yến. Thiên nhiên nơi đây vừa tạo một bức tranh thủy mặc tuyệt đẹp vừa ban tặng cho con người một kho báu mà không phải nơi nào cũng có. Đó là yến sào (tổ chim yến) - một đặc sản cao cấp được cả thế giới yêu chuộng.

Đảo Yến là một cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, hấp dẫn bởi những hang động thiên tạo có tuổi hàng vạn năm với những vòm đá có nơi cao tới hàng trăm mét. Lòng hang

động hiểm trở, cheo leo là nơi thích hợp cho loài chim yến đến làm tổ. Trên đảo Yến có tất cả 30 hang lớn nhỏ, tập trung chủ yếu ở hai xã Nhơn Hải và Nhơn Lý. Trong mỗi hang nhỏ như hang Rừng Cao, hang Dơi, hang Ba Nghé, hang Cạn, hang Hẹp, hang Hầm Xe, hang Phanh,... hàng năm cũng có thể thu được từ 100 đến 300 tổ yến. Còn những hang lớn như hang Cả, hang Đôi Trong, hang Đôi Ngoài, hang Hích, hang Sức Khỏe, hang Nghìm, hang Khô, hang Cân, hang Cỏ,... đặc biệt là những hang có cửa quay về hướng đông hoặc đông nam, thoáng mát, trần hang có nguồn nước ngọt rịn nhỏ qua khe đá, bên dưới là sóng biển dập dềnh, hàng năm có thể thu được từ 14 - 15 ngàn tổ.

Nếu có dịp đến đảo Yến vào mùa xuân, ta sẽ thấy từng đàn chim yến bay rợp trời, gọi nhau ríu rít. Mặc dù sống theo bầy đàn như vậy chim yến lại là loài sống từng đôi với nhau không hề nhầm lẫn. Các tài liệu của các nhà nghiên cứu, trên đảo Yến Quy Nhơn chủ yếu có hai loài: Yến cỏ và yến sào. Yến cỏ thân hình lớn hơn yến sào, làm tổ bằng cỏ, rác lấy từ các mỏm núi. Yến sào mới là loài chim quý. Loài yến này có thân hình nhỏ như chim sẻ nhưng bay rất khỏe. Chúng kiếm ăn bằng cách vừa bay vừa đớp mồi trên biển. Người ta nói loài yến sào có thể bay 10 giờ liên tục không nghỉ. Chúng làm tổ không bằng cây cỏ mà dùng chính nước bọt của mình. Mỗi ngày một ít, chim yến tự tiết ra nước bọt, kéo thành sợi, quây lại làm tổ. Sau một thời gian, tổ yến khô đi trông giống như những chiếc vành tai gắn chặt vào trần hang vách đá. Khi hoàn thành tổ vừa đủ để nằm lọt thân mình, yến bắt đầu sinh sản.

Đến với đảo Yến, du khách không những chiêm ngưỡng cảnh quan ngoạn mục bên ngoài, nếu có dịp vào sâu trong

hang, khách còn có dịp dắm mình trong khung cảnh hoành tráng, kỳ vĩ do thiên nhiên tạo nên. Trên các vách đá, xen lẫn những giọt nước tí tách rơi là những chấm trắng li ti tựa như một bầu trời đầy sao của những đêm hè, các tổ yến đan khít vào nhau thành chuỗi dài, đâu đó các chú yến đang xòe cánh hà hơi ấm cho con, thỉnh thoảng lại nghe tiếng chim con chíp chiu đòi mẹ mớm mồi. Tiếng sóng, tiếng nước rơi, tiếng vỗ cánh, tiếng chim yến kêu... tất cả hòa nguyện vào nhau tạo một âm hưởng kỳ lạ khiến cho ta như lạc bước vào chốn thiên cung.

Đảo Yến có những di tích lịch sử văn hóa từ thời Chămpa qua triều Tây Sơn đến nhà Nguyễn sau này. Đến đảo Yến du khách sẽ có dịp đến thăm chùa Phật Lồi, nơi có pho tượng Chàm huyền bí, được chiêm ngưỡng núi Tam Tòa với những di tích liên quan đến Uy Minh vương La Nhật Quang thời Lý và các chiến binh Tây Sơn thế kỷ XVII. Thấy tận mắt pháo đài Hổ Ky với những lỗ đặt súng thần công, dấu tích còn sót lại của những công trình phòng thủ bờ biển được các bậc tiền nhân dựng lên.

Như một bức tranh nghệ thuật hoàn mỹ với những dáng vẻ thiên nhiên đẹp, đảo Yến là nơi hấp dẫn du khách nếu có dịp đến thăm thành phố Quy Nhơn.

### *Linh Quang Tự, Bình Thuận

Linh Quang Tự là ngôi chùa cổ nhất ở huyện đảo Phú Quý và cũng là một trong những ngôi chùa cổ ở Bình Thuận, toạ lạc trên ngọn đồi tà xã Tam Thanh, huyện đảo Phú Quý.

Qua nhiều thế hệ nhà sư trụ trì với nhiều lần tu bổ, tôn tạo, ngôi chùa được biến đổi dần cả về diện tích của các

công trình kiến trúc và trang trí nghệ thuật để phù hợp với quá trình phát triển của đảo cùng với sự gia tăng dân cư. Đến cuối thế kỷ XVIII chùa bị cháy và gần như toàn bộ di sản trong chùa bị tiêu huỷ, chỉ còn lại hàng chục pho tượng cổ bằng đồng, đất nung. Sau đó chùa tiếp tục được xây lại trên nền cũ với tổng kiến trúc lạ, đẹp bao gồm: chính điện nhà Tiền hiền, võ ca, có dạng hình chữ Đinh, chính điện và nhà Tổ ở dãy giữa. Những phần chính thờ phụng ở chùa được sắp đặt theo quy cách tiền Phật hậu Tổ và phong cách thờ dân gian khác ở tất cả các khám thờ.

Linh Quang Tự là một công trình văn hoá lâu đời có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống tinh thần của nhân dân huyện đảo. Ở đây danh lam với thắng cảnh là một, vườn chùa cùng với chùa đóng vai trò quan trọng đưa kiến trúc Phật giáo hoà nhập với thiên nhiên tạo cho ngôi chùa cổ nét gần gũi, thân quen mà không biệt lập. Từ trong những vòm cây dày bóng, mái chùa với đầu đao, đuôi rắn vút cong thấp thoáng. Giữa biển khơi nhìn về đảo, ngôi chùa nổi lên như một toà lâu đài cổ kính.

Linh Quang Tự còn lưu giữ nhiều văn tự cổ nói đến sự hình thành dân cư trên đảo, là nơi bảo tồn cổ tích nhiều di sản văn hoá, sưu tập các pho tượng cổ quý. Có những pho tượng cổ lớn gắn liền với những huyền thoại trên đảo trong các thế kỷ trước. Chiếc Đại hồng chung ở chùa là quà tặng của chùa Trà Bang (Ninh Thuận) có niên đại ở cuối thế kỷ XVIII. Trong số những cổ tự lưu giữ ở chùa còn có 5 bức sắc phong do các vua Tự Đức, Đồng Khánh, Duy Tân và Khải Định của Triều Nguyễn ban tặng hiện được cất giữ tại chùa. Hàng năm khi có những nghi lễ trọng đại nhà chùa phải làm lễ thỉnh sắc mới đưa xuống.

Danh lam thắng cảnh Linh Quang Tự đã được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng thắng cảnh quốc gia năm 1996

### *Lầu Ông Hoàng, Bình Thuận

Lầu Ông Hoàng bao gồm một quần thể đồi núi, sông biển, chùa tháp tạo thành khu danh lam thắng cảnh nổi lên với ngọn núi Cố tương đối cao và 4 ngọn đồi nhấp nhô sát biển, đẹp nhất là núi Cố, đồi Bà Nài, cửa sông Phú Hài và bờ biển cùng với những làng chài xưa cách Phan Thiết 7km về hướng đông bắc.

Năm 1911 một ông hoàng người Pháp là công tước De Montpensier từ Pháp sang du lịch, săn bắn ở những ngọn đồi lân cận, thấy phong cảnh sơn thủy đẹp ở đây đã khiến ông nảy ra ý định mua đất và xây dựng biệt thự, cũng để có nơi nghỉ ngơi trong các kỳ săn bắn và du lịch sau này. Nguyện vọng của ông đã được nhà cầm quyền Pháp ở Bình Thuận (công sứ Garnier) đồng ý bán quả đồi Bà Nài.

Ngày 21 tháng 2 năm 1911 biệt thự được khởi công xây dựng và gần 1 năm sau đó hoàn chỉnh, với diện tích rộng 536m$^2$ chia thành 13 phòng. Khu biệt thự được xây dựng cách nhóm đền tháp Chăm Pôshanư gần 100m về phía Nam. Trong quá trình vận chuyển vật liệu lên xây dựng khu biệt thự, người Pháp đã làm hỏng tường thành phía trước cửa chính của tháp. Đây là biệt thự đẹp, đầy đủ tiện nghi, ban đêm có máy phát điện, dưới biệt thự có nhiều hầm ngầm chứa nước mưa đủ cho những người trong biệt thự dùng trong 1 năm, được coi là hiện đại nhất Bình Thuận lúc bấy giờ. Từ đó trở đi nhân dân Phan Thiết quen gọi khu vực này là đồi "Lầu Ông Hoàng" để chỉ ngọn đồi có khu biệt thự to đẹp do công tước De Montpensier xây dựng.

Tháng 7 năm 1917 công tước De Montpensier bán lại cho chủ khách sạn người Pháp Prasetts... Sau khi có Lầu Ông Hoàng một người Pháp tên Bell đã xây dựng Hotel Ngọc Lâm ở quả đồi bên cạnh để phục vụ người Pháp. Vài chục năm sau thi sĩ Hàn Mạc Tử đã đến địa danh này và đã để lại nhiều kỷ niệm khiến cho Lầu Ông Hoàng càng có ý nghĩa. Trong kháng chiến chống Pháp biệt thự này đã bị tiêu hủy, ngày nay chỉ còn lại toàn bộ nền móng, hầm ngầm chứa nước và những ký ức trong người dân Phan Thiết.

Cũng tại Lầu Ông Hoàng quân Pháp xây dựng ở đây một hệ thống đồn bót với nhiều lô cốt bê tông cốt thép chắc chắn để khống chế khu vực thị xã Phan Thiết. Ngày 14 tháng 6 năm 1947, nơi đây đã diễn ra trận đánh tuyệt vời của một tiểu đội thuộc đơn vị Hoàng Hoa Thám do đồng chí Nguyễn Minh Châu chỉ huy diệt nhiều địch, thu nhiều súng đạn các loại, trong đó có một khẩu đại liên Vitke, một súng trung liên Bren và nhiều chiến lợi phẩm khác từ đó nhân dân ta quen gọi là chiến thắng Lầu Ông Hoàng. Hiện nay Lầu Ông Hoàng là một quần thể du lịch hấp dẫn bao gồm: nhóm tháp Chàm cổ, bên cạnh tháp có chùa Bửu Sơn cổ kính, dưới chân đồi là bờ biển, cửa sông Phú Hài, núi Cố nơi có mộ của nhà thơ Nguyễn Thông... Tất cả hợp thành một quần thể di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh ở Phan Thiết.

### *Hòn Bà, Bình Thuận

Hòn Bà là một hòn đảo nhô cao lên giữa biển, cách bờ biển Lagi huyện Hàm Tân gần 2km về hướng đông.

Hòn Bà là ngọn núi trẻ, trên núi có nhiều cây cổ thụ lớn. Nửa đầu thế kỷ XVII người Chăm đã dựng lên một ngôi đền

để thờ nữ thần Thiên Yana - vị thần thiêng liêng của vương quốc Chămpa cổ. Cũng từ đây hòn đảo có tên là Hòn Bà. Ngôi đền thờ có kết cấu kiến trúc và trang trí nghệ thuật giống như ngôi miếu của người Việt cùng thời. Trong ngôi đền thờ, tượng nữ thần Thiên Yana bằng đá, được các nghệ nhân Chăm tạc từ một khối đá nguyên tại chỗ. Việc thờ tượng Bà ở trên đỉnh Hòn Bà thể hiện sự tôn vinh của người Chăm với nữ thần. Mặt khác ở những thế kỷ trước đây, nghề biển là nghề chính thu hút đông đảo ngư dân Chăm ven bờ mà dấu vết của những làng ngư cổ vẫn còn. Do vậy, việc thờ tượng nữ thần ở đây cũng là sự cầu mong cho nữ thần phù hộ, cứu nạn cho họ trên biển. Hàng năm người Chăm ở các nơi thường đến đây làm lễ cầu mưa và các nghi lễ tôn giáo khác.

Trong kháng chiến chống Pháp, quân Pháp ngăn cấm không cho dân làng đến đảo thờ cúng và việc đi lại khó khăn hơn cũng làm cho người Chăm dần dần lãng quên đi ngôi đền. Mãi đến năm 1969 ngư dân ở Hàm Tân đã đóng góp tiền của xây dựng lại ngôi đền mới trên nền ngôi đền cổ. Người Việt xây đền thờ nữ thần Thiên Yana của người Chăm nhưng thực hiện các nghi lễ trong đền lại theo phương thức riêng và phong tục truyền thống của người Việt. Ở đây luôn có một số người bảo vệ và chăm sóc ngôi đền. Lễ hội ở đây là ngày giỗ nữ thần Thiên Yana mà nhân nhân địa phương ở đây gọi là ngày Vía Bà. Nghi lễ được tổ chức vào ngày 23 tháng 3 âm lịch hàng năm. Vào ngày này nhân dân ở khắp nơi ra đảo rất đông bằng phương tiện ghe thuyền, trong số đó có rất đông người Chăm ở Hàm Tân và các nơi khác đến viếng bà.

Hòn Bà người ta biết đến và ngưỡng mộ không phải chỉ bằng ngôi đền cổ mà ở đây là hòn đảo cheo leo giữa biển

hấp dẫn mọi người bằng chính cảnh đẹp của nó cộng với sự hùng vĩ mênh mông của biển cả và đối dương bên trong bờ càng làm cho phong cảnh ở đây đẹp thêm.

### * Hải đăng Khe Gà, Bình Thuận

Hải đăng Khe Gà được xây dựng trên đỉnh đảo Khe Gà, đảo có diện tích 5ha ở vùng biển xã Tân Thành, trước thuộc huyện Hàm Tân, nay thuộc huyện Hàm Thuận Nam, cách Phan Thiết khoảng 30km về phía đông nam.

Hải đăng Khe Gà do một người Pháp tên là Chnavat kỹ sư thiết kế, xây dựng để hướng dẫn tàu thuyền qua lại, khởi công từ tháng 2 năm 1897, đến cuối năm 1898 mới khánh thành, đến nay vẫn còn một tấm đá hoa cương lớn đặt ngay trước cửa vào hải đăng khắc số 1899. Hải đăng Khe Gà chính thức hoạt động vào năm 1900.

Trong lịch sử hàng hải ở khu vực này, có rất nhiều thuyền buôn qua lại bị đắm do không xác định được toạ độ, vị trí bởi Mũi Khe Gà được coi là một vị trí cực kỳ hiểm yếu của vùng biển từ Phan Rang đi Vũng Tàu. Do vị trí hiểm yếu của vùng biển này, và để đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng của quân đội Pháp cũng như tàu buôn của nước ngoài qua đây, người Pháp đã nghiên cứu cho xây dựng ngọn Hải đăng Khe Gà. Trong thời gian xây dựng rất nhiều người chết do tai nạn, hiện nay ở đây vẫn còn nghĩa địa chôn những người chết vì công trình này.

Đảo Khe Gà cách bờ biển 500m, những ngày nước ròng, từ bờ biển có thể lội ra đảo được. Lúc triều cường và có gió đi lại rất vất vả.

Trên đảo, ngọn hải đăng được xây dựng tương đối đồ sộ, có lẽ đây là ngọn hải đăng cao nhất trong nước, xây bằng đá hoa cương, hình bát giác. Đá hoa cương xây ở Hải đăng Khe Gà, chưa biết người Pháp đưa từ đâu đến vì trong khu vực không có loại đá này. Và không phải chỉ là những viên đá bình thường có 4 góc mà tất cả những khối đá hoa cương dùng xây hải đăng đều đã được chạm, khắc thành từng ô, từng hình cạnh cụ thể, khớp với nhau. Nghĩa là gần như có một ngọn tháp bằng đá đã được làm sẵn, khi xây chỉ cần lắp đặt vào đúng thứ tự, góc cạnh từ dưới lên trên và chỉ cần đưa vữa vào là kết dính lại, không cần phải tô, trét sửa chữa. Tháp đèn xây bằng đá cao 35m, độ cao toàn bộ từ tầm ngọn đèn đến mặt biển 65m, kích thước cạnh của tháp (chân tháp) 2,60m. Chiều dày tường tháp từ chân tháp đến độ cao 6m là 1,6m, càng lên cao độ dày càng giảm từ 1,50m và mỏng nhất ở đỉnh tháp là 1m. Trên ngọn tháp có bóng đèn lớn 2.000W làm tín hiệu hướng dẫn tàu bè qua lại.

Ngoài ngọn hải đăng còn có một căn nhà lớn hình vuông mỗi cạnh 40m, dưới nhà là một hầm chứa nước sâu 3m, trước nhà có một giếng gọi là giếng Tiên. Từ dưới mép nước biển đến hải đăng hàng chục bậc tam cấp. Hai hàng hoa sứ dọc theo lối đi và xung quanh chân hải đăng do người Pháp trồng từ cuối thế kỷ trước đến nay còn nguyên, toả bóng mát quanh năm. 184 bậc thang xoáy ốc bằng thép dẫn đến đỉnh hải đăng cùng hàng chục bậc tam cấp dẫn lên đến đỉnh đèn, tất cả đều được đưa từ Pháp sang, kể cả ngọn đèn trên đỉnh, máy phát điện. Hiện nay hòn đảo Khe Gà và ngọn hải đăng đã và đang trở thành điểm du lịch hấp dẫn với du khách. Bởi Hải đăng Khe Gà vừa là thắng cảnh vừa là di tích kiến trúc độc đáo.

***Chùa Ông, Bình Thuận**

Chùa Ông là ngôi chùa cổ nhất và có quy mô lớn nhất của người Hoa ở Bình Thuận, tọa lạc tại phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết.

Tổng thể kiến trúc ở đây từ ngày khởi tạo là một ngôi miếu lớn của người Hoa xây dựng để thờ Quan Công (Quan Thánh đế quân). Sách Đại Nam nhất thống chí tập 12 gọi là "Đền Quan Công" đúng với tên lúc bấy giờ của miếu. Ngay trước cổng vào chùa hiện nay còn tấm biển ghi "Quan Thánh miếu". Hơn nữa nội dung thờ phụng bên trong chỉ thờ tượng Quan Thánh đế quân, cùng những tượng khác chứ không thờ Phật. Vả lại càng không có các nhà sư trụ trì. Thế nhưng trong dân gian từ xưa đến nay cả người Việt và người Hoa đều quen gọi là "Chùa Ông" .

Nằm trên một diện tích khá lớn, chùa có lối kiến trúc và trang trí nghệ thuật đặc trưng của người Hoa, các dãy nhà nối tiếp nhau tạo nên hình chữ Kim. Hệ thống cột, vì kèo chạm khắc rất công phu, sắc nét phần nào giống kỹ thuật chạm khắc trong các ngôi đình của người Việt. Tất cả những cột chính đều có treo câu đối chạm khắc và sơn son thếp vàng lộng lẫy. Nổi lên ở các gian thờ là những bức tranh chạm gỗ, gắn tường mà nội dung miêu tả các điển tích xưa của người Hoa, có niên đại ở thế kỷ XVIII. Nhiều bức hoành lớn được chuyển từ Trung Hoa qua ở thế kỷ XIX. Gần 100 bức hoành và liên đối với các loại có nhiều kích thước khác nhau treo đầy chính điện và nhà thờ Tiền hiền. Đặc biệt là những bức hoành phi đại tự sắc nét với đủ màu sắc, chưa có một di tích nào có số lượng hoành phi nhiều như vậy. Trong đó có một số đưa từ Trung Hoa sang. Tượng Quan Công lớn

bằng gỗ đặt trang trọng ở gian thờ chính điện cùng hàng chục những pho tượng cổ khác. Hệ thống bao lam, bao phủ quanh các khám thờ ở chùa là những tác phẩm điêu khắc bằng gỗ có giá trị về nghệ thuật, chủ đề chạm khắc phong cảnh thiên nhiên, hoa lá, chim chóc sống động.

Chùa Ông hiện nay còn lưu giữ nhiều chiếc chuông cổ có giá trị về lịch sử và nghệ thuật, đúc tại Quảng Đông, Trung Hoa và chuyển sang từ triều đại nhà Thanh. Kiểu cách đúc và vật liệu giống Đại hồng chung của người Việt nhưng trang trí phức tạp hơn và rườm rà hơn trên thân chuông. Chùa Ông là một trong những ngôi chùa có vườn chùa đẹp.

Về lễ hội, trước năm 1975 ở Phan Thiết có lễ hội dân gian lớn nhất là lễ hội "Nghinh Ông" ở Chùa Ông. Năm 1996 lễ hội này được tổ chức lại, đã thu hút hàng chục ngàn người từ khắp nơi. Lễ hội Nghinh Ông được coi là di sản văn hoá phi vật thể của quốc gia do quy mô và các giá trị văn hoá của nó và do sự ngưỡng mộ rộng lớn của cả người Hoa và người Việt. Từ bao đời nay, Chùa Ông là nơi mà ngày Tết cổ truyền của dân tộc, nhân dân lại tụ tập ở đây để cầu cho một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, làm ăn may mắn của mọi người, mọi nhà.

### *Cù lao Câu, Bình Thuận

Cù lao Câu là một hòn đảo trẻ nổi lên giữa biển, cách bờ chừng 9km, có thể đến đảo từ nhiều điểm khác nhau như xã Phước Thể, xã Vĩnh Hảo, xã Bình Thạnh hoặc từ Cà Ná. Tuỳ theo từng bến đi nhưng trung bình ghe máy đi độ 40 phút sẽ đến đảo. Cù lao Câu cách Phan Thiết khoảng 110 km về hướng đông bắc.

Cù lao Câu có chiều dài trên 1.500m và nơi rộng nhất gần 700m, nơi cao nhất hơn 7m. Từ đất liền nhìn ra trông như một chiến hạm lớn. Toàn đảo bao quanh bởi hàng vạn khối đá có nhiều màu sắc và hình thù khác nhau, trông như những đàn thú với nhiều loại lớn nhỏ, thật là kỳ thú khi có điều kiện quan sát kỹ hết đảo.

Theo một số tài liệu nghiên cứu lịch sử - văn hoá xưa có nói đến thì từ rất xa xưa người Chăm đã từng xây dựng ở đây một đền thờ Thánh Mẫu Thiên Yana. Hàng năm tại đền thờ có nhiều nghi thức lễ được tổ chức ở đây, một phần cầu mong cho sự phù hộ của vị thần với những người đi biển và làm ăn trên biển, phần cầu mong cho mưa thuận gió hoà mùa màng tươi tốt. Nhiều nguyên nhân khác nhau tác động đã làm cho đền thờ bị hủy hoại và mất dấu vết cũng như những đền thờ khác của người Chăm cùng thời đã bị hủy hoại chỉ còn lưu lại trong sử sách.

Kế thừa sự tín ngưỡng của người Chăm xưa, người Việt sau khi tiếp quản cù lao Câu đã đóng góp công, của xây dựng tại đảo một đền thờ để thờ thần Nam Hải (cá voi) - vị thần mà theo tín ngưỡng của ngư dân rất linh thiêng và có nhiều lần cứu nguy cho ngư dân làm ăn trên biển bị nạn. Ngôi đền này chưa xác định được hình thành khi nào nhưng phong tục tập quán và sự tín ngưỡng vị thần trong ngôi đền vẫn được giữ gìn, lưu truyền và thờ phụng một cách trang nghiêm từ xưa đến nay.

Lễ cúng lớn nhất ở đền thờ thần Nam Hải trên cù lao Câu là vào dịp rằm và 16 tháng tư âm lịch hàng năm và tổ chức hát chèo bả trạo để tế ngài.

Xung quanh đảo nước trong xanh, khi thủy triều xuống bờ biển làm lộ ra vô vàn vỏ ốc, vỏ sò đẹp làm say mê nhiều du

khách. Quanh đảo có nhiều loại hải sản sinh sống, mà người giỏi nghề biển với dụng cụ đơn giản có thể kiếm được thức ăn tươi. Trên đảo có giếng cạn để lấy nước ít nhưng đó là dạng nước nhỉ nên có thường xuyên - sách xưa gọi là Giếng Tiên.

Hiện nay cù lao Câu được quy hoạch làm khu bảo tồn sinh vật biển, trong tương lai hứa hẹn nhiều triển vọng về du lịch sinh thái.

### *Chùa Phật Quang, Bình Thuận

Chùa Phật Quang xây dựng vào nửa đầu thế kỷ XVIII, tọa lạc ở Phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Khuôn viên của chùa Phật Quang tương đối lớn, bên trong bao gồm một tổng thể kiến trúc, cổng tam quan, chùa Tổ, chánh điện và hệ thống các công trình phụ nối liền giữa chùa Tổ và chánh điện. Mặt chính của chùa quay về hướng nam. Do xây dựng từ lâu đời nên chùa đã hư hỏng, xuống cấp và được tu bổ nhiều lần. Lần tu bổ quy mô gần đây nhất là vào năm Bảo Đại thứ 9 (Giáp Tuất 1934) đợt này tu bổ lại hoàn toàn chùa Tổ và một số hư hỏng của các hạng mục khác. Về kết cấu kiến trúc không có gì đặc biệt so với các ngôi chùa khác cùng thời ở Bình Thuận.

Điểm đặc biệt quan trọng trong ngôi chùa Cổ này là các thế hệ thiền sư ở chùa đã thay nhau đóng góp, giữ gìn bảo quản rất tốt nhiều bộ phận thuộc di sản văn hoá có giá trị. Đó là chiếc Đại hồng chung lớn đúc bằng đồng chạm khắc đẹp, tinh tế và 4 mặt chuông khắc địa danh, lịch sử chùa cũng như niên đại, chuông được đúc vào năm Canh Ngọ 1750 dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Khoát. Một số hiện

vật khác là những bản khắc gỗ tạo nên bộ kinh pháp hoa với 118 bản. Đa phần trong 118 bản khắc cả 2 mặt bằng chữ Hán sắc nét bao gồm 60 vạn lời, trong đó có 7 bản khắc hoạ hình ảnh Đức Phật thuyết pháp. Bộ kinh Pháp Hoa hoàn thành vào năm 1734 mà bản cuối cùng trong 118 bản khắc "Long Đức Tam niên tuế thứ giáp dần tứ nguyệt sơ nhất nhật", tức là hoàn thành vào ngày mùng một tháng tư năm Long Đức thứ 3. Long Đức là hiệu của vua Lê Thuần Tông đời Hậu Lê lên ngôi năm 1732.

Bộ kinh do khất sĩ Ninh Dung và khất sĩ Thiết Huệ hiệu là Khánh Tài chủ trương xin phép khắc. Cũng trong bản khắc cuối cùng của bộ kinh ghi công của 6 người đứng ra quyên góp và cúng tiền, người đứng ra in, nhiều người cúng gạo cơm và ghi cả công của 2 vị thiền sư cùng 12 phật tử khắc trong thời gian 28 năm mới hoàn thành bộ kinh này. Họ phải rất khéo tay và kiên nhẫn mới tạo được tác phẩm có nhiều giá trị và đồ sộ này để lại cho hậu thế. Hiện bộ kinh khắc gỗ đang lưu giữ tại chùa Phật Quang.

Trong số những ngôi chùa cổ ở Bình Thuận, chùa Phật Quang ngoài kiến trúc và nội dung chứa đựng nhiều di sản văn hoá nói chung và văn hoá Phật giáo nói riêng, chùa còn có hoa viên đẹp là nơi thu hút nhiều phật tử và du khách đến tham quan, chiêm bái.

### *Đầm Ô Loan, Phú Yên

Đầm Ô Loan nằm cạnh chân đèo Quán Cau, tiếp giáp các xã An Cư, An Hoà, An Hải, An Hiệp và An Ninh Đông của huyện Tuy An, cách thành phố Tuy Hoà khoảng 25 km về phía bắc theo đường quốc lộ 1A. Đây là đầm nước lợ, có

diện tích tự nhiên khoảng 1.570ha, được bao bọc bởi núi Đồng Cháy, núi Cẩm và cồn An Hải với một lạch nước thông ra biển về phía bắc giữ cho mặt nước trong đầm quanh năm xanh biếc và phẳng lặng. Với thắng cảnh thiên nhiên riêng có của Phú Yên, đầm Ô Loan đã được Bộ Văn hoá - Thông tin công nhận Di tích thắng cảnh cấp quốc gia.

Đầm Ô Loan có nhiều đặc sản ngon nổi tiếng như: Sò huyết và các loại tôm, cua... Qua nhiều thế hệ con người sinh sống nơi đây đã góp phần tô điểm thêm vẻ đẹp của đầm bằng những giá trị văn hoá truyền thống sinh động. Hàng năm cứ vào ngày 7 tháng giêng âm lịch, dòng người từ khắp nơi lại đổ về đầm Ô Loan để tham dự lễ hội đua thuyền truyền thống, thể hiện một nét đẹp trong đời sống văn hoá của cư dân ven biển Phú Yên.

***Khu du lịch Đại Lãnh, Phú Yên**

Đại Lãnh nằm kề ranh giới hai tỉnh Phú Yên - Khánh Hòa, có đèo Cả sừng sững phía bắc, đèo Cổ Mã án ngữ phía nam, dãy núi cao che chắn phía tây, đảo Hòn Nưa như một pháo đài canh gác cho tàu bè ra vào phía đông bắc.

Đây là một vùng thiên nhiên kỳ thú với núi non, biển cả tuyệt đẹp làm sững sờ biết bao du khách. Đại Lãnh có bãi biển rộng và dài với nước biển xanh biếc, lấp loáng ánh mặt trời, thuyền bè hàng trăm chiếc đậu san sát, sắc màu rực rỡ đẹp như tranh vẽ.

Bãi tắm Đại Lãnh thuần khiết bởi một thứ cát trắng mịn, nước trong vắt, độ thoải lớn có thể lội xa bờ mà vẫn yên tâm. Độc đáo hơn là có ngay một nguồn nước ngọt từ chân núi chảy ra, hòa vào biển cả quanh năm mà không cạn. Kề

bãi biển là rừng phi lao xanh tươi gió thổi vi vu hòa cùng tiếng sóng biển ầm ào thành bản nhạc không lời du dương, trầm bổng. Đẹp và lãng mạn nhất khi đến Đại Lãnh có lẽ là lúc đón bình minh trên bãi biển. Mặt trời lên đúng vào khoảng trống giữa hai hòn đảo phía đông. Ánh bình minh chiếu dọi xuống mặt biển như dát vàng thật ấn tượng. Trên biển tàu thuyền tấp nập ra vào, sống động, nhộn nhịp.

Khu du lịch Đại Lãnh với những nhà nghỉ, nhà hàng thủy tạ nép mình dưới những tán phi lao tươi xanh rất thơ mộng, chiếc cầu gỗ duyên dáng nối với khu du lịch, những chiếc lều bằng tranh xếp thành hàng dài cho du khách nghỉ ngơi khi hóng mát, tắm biển. Nơi đây thích hợp với các loại hình du lịch: tắm biển, câu cá, leo núi, khám phá bí mật của các đảo, dã ngoại, thể thao, nghỉ dưỡng... Hơn nữa ở đây cũng có rất nhiều hải sản tôm, cá, mực... du khách có thể thưởng thức những món ăn ngon và hấp dẫn.

### *Ghềnh Đá Đĩa, Phú Yên

Ghềnh Đá Đĩa, một vùng núi non kỳ thú ở vịnh Xuân Đài, thuộc thôn 6, xã An Ninh Đông, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Vừa đến bãi biển, từ xa du khách đã trông thấy hàng hàng, lớp lớp những tảng đá hình ngũ giác xếp đều, lớp nọ sát lớp kia giống như một tổ ong khổng lồ. Càng đến gần du khách càng ngạc nhiên trước những khối đá thiên tạo gồm đá nằm, đá ngồi, đá dựng chênh vênh nhô lên giữa biển khơi giống như một kho báu kỳ vĩ. Giữa trời nước bao la, từ trên đỉnh ghềnh, du khách sẽ cảm nhận được tiếng sóng thì thầm trước sự trầm mặc vô ngôn của những khối đá màu xám, màu đen tuyền, ngâm mình dưới dòng nước xanh thẫm, có

nơi nửa chìm nửa nổi giống như những chú hải cẩu đang đùa giỡn với sóng. Ấn tượng nhất là những phiến đá xếp đều lên nhau như chồng bát đĩa, trải dài ra khơi như có một bàn tay nhiệm mầu nào đó sắp xếp an bài. Giữa các ghềnh đá có một khoảng trũng, mặt nước trong xanh rất dễ nhận ra những loài cá nhỏ bơi lội tung tăng trông thật hấp dẫn. Đây chính là nơi các nghệ sĩ nhiếp ảnh, các họa sĩ hóa thân vẻ đẹp tuyệt vời của đá vào tác phẩm mình.

Bên cạnh ghềnh Đá Đĩa là khu vực Bãi Bàng với những tảng đá màu vàng óng ánh nằm dưới những tán bàng sum sê cành lá. Phía bên này làng chài là những hàng dừa xanh cao vút, nghiêng mình, chứng tỏ một sức sống mãnh liệt qua nhiều cơn phong ba, bão tố. Nơi đây, chúng ta có thể lắng nghe tiếng gió vi vu hòa lẫn tiếng sóng rì rào mà lòng cảm thấy lâng lâng thoát tục. Ngoài khơi, cả một vùng biển trời lúc nào cũng lung linh, huyền ảo và trữ tình với những chiếc thuyền chài nhấp nhô trên sóng nước.

Năm 1998, ghềnh Đá Đĩa đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng thắng cảnh quốc gia nhờ cảnh quan đẹp, nhất là bãi biển thơ mộng và khí hậu trong lành tạo nên sức hút mạnh mẽ đối với du khách.

### *Suối nước khoáng Lạc Sanh, Phú Yên

Suối nước khoáng Lạc Sanh thuộc thôn Lạc Đạo, xã Sơn Thành, huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên.

Nguồn nước khoáng phun lên từ lòng đất có độ nóng trên $50^0$C, hàm lượng khoáng chất thích hợp cho giải khát, tắm, chữa bệnh. Xung quanh suối là những cánh rừng dầu rộng trên 70ha. Nhìn về phía tây là rừng tự nhiên và

những dãy núi trùng điệp, đỉnh cao là hòn Nhọn. Đến đây, du khách có thể tắm nước nóng, bùn khoáng hoặc đắm mình trong dòng nước mát của sông Chống Gậy.

Với lợi thế địa hình bằng phẳng, kết hợp với núi, rừng, sông... suối nước khoáng Lạc Sanh có tiềm năng rất lớn để phát triển loại hình du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng, chữa bệnh.

***Bãi biển Từ Nham, Phú Yên**

Bãi biển Từ Nham thuộc xã Xuân Thịnh, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Ấn tượng đầu tiên đối với du khách là cảnh những đồi cát trập trùng, mỗi đồi cát với một vẻ đẹp riêng luôn biến dạng theo thời gian tạo thành những hình thù kỳ lạ.

Đứng trên những đồi cát cao nhìn xuống, bãi biển Từ Nham giống như hình hai cánh cung lớn ôm lấy Vũng Quan và Vũng Mo O với mặt nước xanh thăm thẳm. Ẩn dưới rặng phi lao cao vút sát chân núi Mũi Ông Diên còn có một làng chài nhỏ, du khách có thể thả bộ đến đây để thưởng thức những món ăn hải sản tươi ngon nhất, mới được ngư dân đánh bắt từ biển lên.

Với những tiềm năng du lịch do thiên nhiên ban tặng, bãi biển Từ Nham có nhiều thuận lợi để đầu tư thành một khu nghỉ dưỡng biển lý tưởng trong tương lai.

***Khu du lịch sinh thái Bãi Bàu, Phú Yên**

Là điểm du lịch biển lý tưởng nằm dọc theo tuyến đường Quy Nhơn - Sông Cầu (quốc lộ 1D), thuộc địa phận xã Xuân Hải (phía đông bắc huyện Sông Cầu), cách thành phố Quy Nhơn khoảng 20km. Nơi đây cảnh quan thiên nhiên hữu tình, có dãy núi cao ôm lấy bờ cát trắng mịn và

sạch, hình thành vòng cung hướng nhìn ra biển và hòn Cù lao Xanh tạo thành bãi tắm đẹp, bờ biển có độ dốc thoai thoải dần ra xa, nước biển trong xanh lặng sóng, khí hậu mát mẻ, trong lành. Đây là địa chỉ thích hợp cho khách du lịch nghỉ ngơi cuối tuần, nghỉ lễ và khách vào Nam ra Bắc, là điểm lý tưởng cho các hoạt động nghỉ ngơi, vui chơi, cắm trại, dã ngoại, tắm biển... và thưởng thức những món ăn đặc sản biển như: tôm, cua, ghẹ, ốc, cá, mực...

***Suối nước khoáng Triêm Đức, Phú Yên**

Suối nước khoáng Triêm Đức thuộc thôn Triêm Đức, xã Xuân Quang II, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Dòng sông trong xanh chảy đến đây tạo thành một vực sâu xanh ngắt. Dòng nước nóng trên $70^0$C từ trong ghềnh đá chảy ra đổ xuống vực sông, người dân ở đây gọi là Vực Lò. Dọc theo bờ vực là ghềnh đá granit với một khoảng rừng xanh tạo nên phong cảnh sơn thuỷ rất ngoạn mục. Đến đây du khách sẽ được tắm sông, tắm nước nóng, bùn khoáng hoặc ngâm chân trong dòng nước khoáng thiên nhiên để phục hồi sức khoẻ, vừa ngắm cảnh thiên nhiên kỳ vĩ của sông, suối và núi rừng. Ngày nay, suối nước khoáng nóng Triêm Đức đã trở thành điểm vui chơi giải trí, tham quan, nghỉ mát của du khách vào những ngày nghỉ lễ, nghỉ cuối tuần.

***Chùa Long Sơn, Khánh Hòa**

Chùa Long Sơn nằm ngay trong nội thành Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, dưới chân Hòn Trại Thủy. Chùa được khai sơn vào cuối thế kỷ XIX và được xây dựng mới vào năm 1940 với nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc mang đậm dấu ấn thời hiện đại.

Chùa được cất trên một khu đất cao, thoáng mát, cây cối xanh tươi, gần kề ngay đường giao thông và khu phố đông đúc mà vẫn giữ được vẻ thâm u, tĩnh mịch, uy nghiêm, huyền bí, cao siêu nơi cửa Phật nhờ có sự phối hợp tuyệt vời giữa công trình kiến trúc với cảnh quan thiên nhiên và những phần tạo dựng do con người.

Điện Phật được bài trí tôn nghiêm, án chính thờ đức Phật Thích Ca, hai bên có phù điêu Bồ tát Quan Thế Âm và Bồ tát Đại Thế Chí. Chính điện rộng, có một tượng Phật Tổ bằng đồng đang ngồi thuyết pháp, cao 1,6m, nặng 700kg. Bên trái chùa có đường lên núi Trại Thủy. Tại đây, có pho tượng đức Phật Thích Ca do Thượng tọa Thích Đức Minh xây dựng. Phật tọa trên đài cao, đường kính đài sen khoảng 10m, thân Phật cao khoảng 10m, tư thế tọa thiền uy nghi giữa bầu trời. Đồng thời trên đường đi chúng ta cũng được chiêm ngưỡng tháp chuông với quả Đại hồng chung cao 2,2m, nặng 1.500kg do phật tử tại Huế tặng năm 2002.

Đây là một trong những ngôi chùa vào loại lớn và cũng ở vào một địa thế trang nghiêm, đẹp trong các ngôi chùa còn lại ở Khánh Hòa đến nay và cũng là một trong những thắng cảnh nổi tiếng của Nha Trang.

### *Làng cổ Phú Vinh, Khánh Hòa

Làng cổ Phú Vinh thuộc xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Làng có lịch sử trên 200 năm và còn lưu lại trong lòng mình khá nhiều ngôi nhà cổ, mang đậm nét miền Trung.

Hiện nay, làng cổ Phú Vinh có 6 ngôi nhà cổ được chọn làm điểm thăm quan đều nằm trên trục đường vòng cung của xã Vĩnh Thạnh. Trong đó, phải nói đến ngôi nhà cổ gần

như nguyên trạng của ông Nguyễn Xuân Hải (64 tuổi). Ngôi nhà này đã trải qua sáu đời nhưng gần như chưa hề sửa chữa lần nào. Nhà cổ của ông Hải khá độc đáo ở chỗ nằm lọt trong một khu vườn trên 4.000m$^2$. Nhà được xây dựng ba gian, năm chái nối liền nhau và có 36 cột gỗ. Đặc biệt là không khí nhà cổ xưa còn nguyên tại nơi này với những câu liễn xa xưa, thậm chí cả bàn thờ, tủ thờ và cột kèo hay vật dụng gia đình. Ngói âm dương trên mái cũng đã có tuổi đời trên 200 năm và trước sân nhà vẫn còn thềm gạch với những viên gạch cổ được lát cách đây 6 đời người.

Bước chân vào ngôi nhà cổ còn giữ trọn vẹn quá khứ này khách có cảm giác rất thú vị vì không chạm vào bất cứ một thứ gì giả tạo. Bên cạnh đó, vườn cây ăn trái với rất nhiều loại cây trái được trồng như chôm chôm, sầu riêng, nhãn, mít, ổi, mãng cầu. Khu vườn của ông Hải còn có hai cây mai 100 tuổi. Nếu đến vào mùa xuân sẽ thấy hai cây mai nở rực thắm hoa vàng.

Đến với làng cổ Phú Vinh, du khách sẽ được đi xe ngựa thăm làng nghề. Cả Nha Trang gần như chỉ ở Vĩnh Thạnh là còn xe ngựa. Khách sẽ tận hưởng đúng cảm giác leo lên một chiếc xe ngựa cũ kỹ. Vó ngựa khoan thai bước trên đường đưa khách đến nơi dệt chiếu truyền thống, nơi se nhang. Có khi cho khách bước chân qua chiếc cầu gỗ để khách biết thế nào là chông chênh sông nước.

Đến làng cổ Phú Vinh du khách sẽ có một cuộc hành trình êm ái trong nhà cổ, giữa mùi rơm rạ, mùi cây cỏ trộn tiếng gà, tiếng trâu kêu. Nơi đây vắng bóng xe cộ và những âm thanh ồn ã đô thị và chẳng có bóng dáng nhà cao tầng. Khái niệm hàng rào bằng hoa dâm bụt càng khiến cho nhiều khách nước ngoài ngạc nhiên, đó là một nét mang đậm tính chất miền quê Việt Nam.

### *Các bãi tắm được yêu thích ở tỉnh Khánh Hòa

*Bãi Trũ* nằm trên đảo Hòn Tre thuộc phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Đây là một trong những bãi tắm tự nhiên vào loại lý tưởng của tỉnh Khánh Hòa, đặc biệt là độ tinh khiết của nước biển, của bờ cát cùng môi trường xung quanh. Bãi tắm trên đảo nhưng sóng thường không lớn vì hướng về đất liền, phía sau là núi Hòn Tre như bức tường thành sừng sững ngăn sóng gió đại dương. Cách bãi tắm chính dành cho du khách không xa có một xóm chài nhỏ nằm khiêm nhường dưới chân núi, khách có thể thăm và tìm hiểu về phong tục làng chài, thưởng thức những trái dừa, hoa quả tươi ngay trên đảo.

*Bãi Dài* là một bãi tắm mới được nhắc nhiều đến trong thời gian gần đây. Bãi Dài thuộc xã Cam Hải Đông, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa trở nên sôi động giống như nàng công chúa được đánh thức sau bao năm ngủ yên. Khu vực bãi biển Bãi Dài chỉ dài chừng 1km, tính từ chân núi đến eo biển kế tiếp. Bãi cát ở đây mịn và rất sạch. Những ngày biển êm, triều rút xa, biển lộ ra cả một vùng cát rộng mênh mông (vì thế nơi này có tên gọi là Bãi Dài). Bạn sẽ cảm thấy thích thú khi gặp những chú còng biển nhỏ, xinh xinh nô đùa với nhau trên cát mà chẳng hề sợ người. Bãi tắm ở đây cạn, an toàn cho du khách, kể cả những người không biết bơi. Thú tắm biển ở Bãi Dài khác với thú tắm biển ở Nha Trang, vì bạn có cảm giác như biển ở đây gần như chưa có ai đến, và trong mênh mông sóng, bạn cảm nhận được tiếng vỗ của sóng - tiếng "thở" của biển.

*Vịnh Vân Phong*, là vịnh nước sâu tự nhiên còn rất nguyên sơ nên được nhiều du khách nước ngoài biết đến, trong đó Đầm Môn là điểm dừng chân đầu tiên trong quần

thể du lịch sinh thái biển ở vịnh. Lợi thế Đầm Môn là cách bờ không xa lắm, chỉ cần lặn sâu độ 4-5m là đã có thể bắt gặp những rạn san hô, những hang động "kỳ bí" muôn vẻ, muôn màu. Nơi đây có hơn 350 loài san hô quý hiếm và gần 300 loài tôm cá, là ngư trường hấp dẫn các nhà khoa học tham quan, nghiên cứu về biển.

Ngoài cảnh núi non, biển nước hữu tình, vịnh Vân Phong còn có những bãi cát thơ mộng, đẹp không thua gì Mũi Né, dài hàng chục cây số từ đèo Cổ Mã đến hòn Gốm, hình thành nên những bãi tắm tự nhiên như: Bãi Tây, Bãi Lách, Bãi Búa, Bãi Xuân Đừng... Nơi đây còn có làng chài Khải Lương là điểm cực đông của nước ta, là nơi đầu tiên trong cả nước nhìn thấy mặt trời mọc sớm nhất mỗi ngày.

***Suối Tiên, Khánh Hòa**

Suối Tiên nằm cách thành phố Nha Trang khoảng 25km theo hướng tây nam, đẹp, hoang sơ và kỳ ảo. Suối bắt nguồn từ khu vực Hòn Bà, một ngọn núi cao hơn 800m. Sau khi chảy quanh co trong các hẻm núi và thung lũng cao, trước khi chảy xuống vùng đồng bằng xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, suối gặp một đập đá thiên nhiên chắn ngang, dòng chảy tách thành hai nhánh: Một chảy theo hướng bắc mang nước tưới cho cánh đồng, một tràn lên nền đá cứng hướng đông, nhập vào suối Dầu để chảy ra sông Cái.

Muốn khám phá vẻ đẹp của suối Tiên, du khách phải leo qua những khối đá toàn một màu đen xám với nhiều hình thù kỳ thú để lên cao ngược dòng suối. Đá ở đây muôn hình vạn trạng được nước suối theo thời gian mài nhẵn rất ấn tượng. Càng lên tới khu vực thượng nguồn, suối Tiên càng quyến rũ bởi vẻ đẹp hoang dã của nó. Nơi

đây có nhiều thác nhỏ, nhiều hồ nhỏ. Chung quanh là những hang động được gọi là động Tiên. Suối Tiên được bao bọc bởi màu xanh bất tận của rừng. Ánh mặt trời xuyên qua kẽ lá giội xuống phản chiếu một sắc màu rất sống động. Bên ngoài đang tiết hè oi bức, ngột ngạt nhưng ở đây thật mát mẻ, dễ chịu. Thật thú vị khi đắm mình trong dòng suối mát lành, nước trong ngần có thể nhìn thấy tận đáy hoặc ngả lưng trên những tảng đá to, bằng phẳng và mát lạnh. Đây là vùng do nhà bác học nổi tiếng Yersin khám phá, được ví như Đà Lạt thứ hai.

Cảnh quan suối Tiên thật đẹp, không khí mát mẻ, trong lành, hương hoa rừng thoang thoảng. Nơi đây gắn liền với huyền thoại: Các nàng tiên thường rời chốn thiên đình xuống đây tắm mát; nơi kia các tiên ông đánh cờ, quân cờ còn rải rác - một thú tiêu khiển tao nhã giữa khung cảnh hữu tình. Hiện ở đây còn in dấu chân của "ông khổng lồ" từ đâu tới và mải mê ngắm các nàng tiên nên sơ ý trợt chân, té ngã. Chân ấn sâu vào đá để lại vết, còn tay bấu vào đá vỡ thành nhiều mảnh, có mảnh văng đến tận cửa biển tạo nên thắng cảnh Hòn Chồng, Hòn Vợ ở Nha Trang...

Suối Tiên là danh lam thắng cảnh có sức cuốn hút du khách xa gần. Đặc biệt là đối với những đôi bạn muốn có những phút giây yên bình, thoải mái lánh xa nơi ồn ào, náo nhiệt của phố phường, để cùng nhau tìm về chốn thiên nhiên tiên cảnh.

***Biển và bãi tắm, Ninh Thuận**

*Bãi biển Ninh Chữ - Bình Sơn* nằm cách trung tâm thành phố Phan Rang - Tháp Chàm 6km về phía đông. Đây là một trong chín bãi tắm đẹp của Việt Nam, có chiều

dài 10km, bờ biển bằng phẳng hình vòng cung, cát trắng mịn, nước trong xanh, không khí trong lành quanh năm sóng vỗ rì rào... Xung quanh có rừng dương xanh ngút ngàn, Đầm Nại giàu tôm, cá, mực, núi Đá Chồng, núi Tân An, núi Cà Đú với những tảng đá lớn nhỏ xếp chồng lên nhau tạo thành một quần thể thiên nhiên hài hòa, hữu tình, khí hậu mát mẻ, nắng ấm quanh năm... Khách du lịch đến đây có thể tắm biển, leo núi, thăm chùa, đình cổ ở núi Đá Chồng, xa hơn nữa có thể du lịch dã ngoại ở Vĩnh Hy, săn bắt ở suối nước ngọt, đi canô, mô tô nước quanh bờ biển Ninh Chữ, Đầm Nại, đến Hòn Thiên.

*Bãi biển Tuấn Tú*, nằm phía sau làng văn hóa Tuấn Tú, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Biển nơi đây mênh mông nhưng khi đến đó con người cảm thấy thật gần gũi, thân thiện và an toàn. Với những dải cát trắng lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời, cùng với dòng nước trong xanh, mát rượi,... biển Tuấn Tú rất thích hợp cho việc tắm biển, nghỉ ngơi rất an toàn cho khách du lịch. Xung quanh biển còn có một quần thể thiên nhiên hài hòa khác, đó là động cát thơ mộng Tuấn Tú, thác Đá Sối ngày đêm đổ những dòng nước mát từ trên độ cao 12m xuống tung bọt trắng xóa tạo nên nét độc đáo riêng của bãi tắm nơi này.

*Bãi biển Từ Thiện*, nằm ở phía bắc Mũi Dinh, thuộc địa bàn huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Biển Từ Thiện có đặc thù riêng so với các bãi biển khác, nơi đây nước biển trong xanh, sóng yên, biển lặng mênh mông. Với những ưu điểm này nên biển Từ Thiện là nơi tắm biển lý tưởng, nhất là đối với người già, trẻ nhỏ và người khuyết tật. Ngoài việc tắm, ở đây còn có thể tổ chức nhiều hoạt động thể thao, vui chơi giải trí như lướt ván, bơi thuyền,...

*Bãi biển Phước Dinh*, chỉ với 5km chiều dài, bờ cát mịn, phía xa xa là những đồi cát cao, nằm liền kề khu dân cư cùng rừng dương xanh mát, bãi biển Phước Dinh của huyện Ninh Phước thật sự hấp dẫn du khách. Với độ dốc lớn và sóng to, biển Phước Dinh có thể phát triển các hoạt động du lịch thể thao biển như lướt ván, lướt sóng, lặn...

*Bãi tắm Cà Ná*, hành trình trên quốc lộ 1A, khi đến đoạn giáp ranh Bình Thuận - Ninh Thuận, biển Cà Ná hiện ra bát ngát, bao la được mệnh danh là "nàng công chúa ngủ quên". Biển xanh, cát trắng, ghềnh đá, núi non... cộng với các tuyến đường giao thông uốn lượn qua các eo biển, tạo cho Cà Ná một cảnh quan đầy ngoạn mục với khí hậu nắng ấm quanh năm. Cà Ná có đủ loại hình du lịch leo núi, khám phá những danh lam, di tích còn giữ nguyên nét hoang sơ, du lịch biển, hải đảo... Nước biển Cà Ná xanh thẳm, có độ mặn cao hơn các vùng khác từ 3-40 lần, chỉ cần từ bờ lội ra khơi chừng 20m, với độ sâu chỉ khoảng 1-1,5m, du khách có thể thỏa sức ngắm các rạn san hô rất đẹp ẩn sau tầng nước. Bãi tắm trải dài xa hút, cát trắng tinh anh, sạch sẽ. Những ghềnh đá hoa cương điểm xuyến thêm nét đẹp đặc trưng của Cà Ná. Chính những ghềnh đá này tạo nên nhiều hang động kỳ bí như: hang Ông Phật, ghềnh Ông Nồng, giếng Đục...

*Bãi biển Cà Tiên* nằm gần tận cùng phía bắc tỉnh Ninh Thuận, thuộc địa bàn huyện Ninh Hải. Bãi biển Cà Tiên có chiều dài 3,8km là một trong những bãi biển đẹp vì sự hoang sơ của nó. Bãi biển có bờ cát trắng mịn, ven bờ độ dốc không lớn, có những hàng dừa xanh ngắt vươn mình ra biển rộng. Vào mùa khô, ở đây có sóng rất to, thuận lợi cho hoạt động du lịch thể thao lướt sóng... Mặt khác, điều kiện khí hậu biển Cà Tiên còn cho phép tổ chức các hoạt động du lịch quanh năm tại đây.

***Vườn quốc gia Núi Chúa, Ninh Thuận**

Nằm phía đông bắc tỉnh Ninh Thuận, cách thành phố Phan Rang - Tháp Chàm chừng 20km, vườn quốc gia Núi Chúa có tài nguyên rừng rất phong phú, đa dạng với diện tích rừng nguyên sinh khoảng 29.865ha. Núi Chúa có độ cao 1.040m so với mặt biển, nơi có 1.265 loài thực vật bậc cao, đặc hữu quý hiếm; 306 loài động vật hoang dã, có nhiều loài được ghi vào sách đỏ thế giới như: chà vá chân đen, gấu ngựa, gấu chó, beo lửa...

Đến núi Chúa, du khách có thể khám phá nhiều điều thú vị của vườn quốc gia đang được bảo tồn. "Hồ Treo" trên vách núi đá, là một địa chỉ được nhiều du khách tìm đến. Mặt hồ có đường kính 70 - 80m, nước trong xanh quanh năm, là nơi sinh trưởng của nhiều giống động, thực vật. Len lỏi trên sườn núi cao là những dòng suối chảy xiết, tung bọt nước trắng xoá: suối Đông Nha, Kiền Kiền, thác Đá Thao... là những thắng cảnh đẹp như trong truyện cổ tích, nằm giữa những vách núi đá với nhiều thác nước chảy mạnh hoặc làn nước lặng lờ, trong xanh, mát lạnh. Đặc biệt, nơi đây được thiên nhiên điểm tô các khối đá hoa cương lộng lẫy, đồ sộ quanh năm được dòng nước đánh bóng, là nơi lý tưởng cho du khách dừng chân ngắm cảnh đẹp thần tiên.

Dưới đáy biển trong vườn quốc gia Núi Chúa là các rạn san hô đa dạng sắc màu. Tàu đáy kính của các công ty du lịch sẽ đưa du khách ngắm san hô và động vật biển qua các ô kính. Vườn quốc gia Núi Chúa còn có Bãi Hõm - nơi có 4 trong 5 loài rùa biển thường lên bờ sinh sản, được xếp vào danh sách động vật quý hiếm của vùng biển Đông Nam Á.

## Phần thứ hai

# VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG NAM TRUNG BỘ

# I. PHONG TỤC, LỄ HỘI ĐẶC SẮC

## *Lễ hội Cầu Ngư, Đà Nẵng

Đã từ bao đời nay, lễ hội cá Ông (còn được gọi là lễ tế cá Voi) là lễ hội lớn nhất của ngư dân thành phố Đà Nẵng. Thờ phụng cá Ông ở đây không chỉ được xem là sự tôn kính thần linh mà còn gắn liền với sự hưng thịnh của cả làng. Cá Ông là tiếng gọi tôn kính của ngư dân dành riêng cho cá voi, theo truyền thuyết đây là loài cá thường giúp họ vượt qua tai nạn khi lênh đênh trên biển cả. Mỗi khi có cá voi bị nạn dạt vào bờ biển (ngư dân gọi là Ông lụy, người đầu tiên phát hiện sẽ đứng ra làm trưởng nam, đảm trách nhiệm vụ lo tống táng cá Ông chu đáo. Hàng năm, thường là sau khi ăn Tết xong, ngư dân tổ chức lễ tế cá Ông lồng ghép dưới hình thức lễ hội Cầu Ngư và lễ ra quân đánh bắt vụ cá năm. Tại Đà Nẵng, lễ hội Cầu Ngư được tổ chức ở những vùng ven biển như Mân Thái, Thọ Quang, Thanh Lộc Đán, Xuân Hà, Hòa Hiệp...

Lễ hội được diễn ra trong hai ngày vào trung tuần tháng 3 âm lịch. Ngày đầu thiết lễ tiên thường, ngày sau là lễ tế chính thức. Trong ngày lễ, bàn thờ được trang hoàng hết sức rực rỡ, trang nghiêm. Các nhà đều đặt bàn hương án bày đồ lễ cúng. Trên mỗi tàu thuyền đều chăng đèn kết hoa. Làng chọn ra một ban nghi lễ gồm các cụ cao niên, hiền đức, có uy tín với bạn chài và không bị mắc tang chế. Vị chánh bái dâng đồ tế lễ (không được dùng hải sản) và đọc văn tế nói lên lòng

biết ơn của dân làng đối với công đức cá Ông và cầu mong mùa đánh bắt bội thu, thuyền bè đi khơi về lộng an toàn.

Rạng sáng ngày hôm sau, dân làng đánh trống làm lễ rước trên biển. Có nơi còn tổ chức lễ rước Ông từ làng này qua làng khác để bày tỏ sự đoàn kết giữa các vạn chài. Tất cả tàu thuyền ra khơi đến một vị trí đã định trước và vị chánh tế tổ chức "xin keo". Đó là lễ cá Ông chứng dám lòng thành của ngư dân ngoài biển. Vào nửa đêm hôm đó, dân làng làm lễ chánh tế bao gồm lễ khai mõ, đội học trò dâng hương. Về phần hội, tuỳ điều kiện, mỗi địa phương có một hình thức tổ chức riêng, nhưng cũng đều là các trò chơi dân gian vùng biển: lắc thúng, đua thuyền, bơi lội, kéo co, đá bóng... Về văn nghệ, ngoài hát tuồng, hát hò khoan, còn có một hình thức múa hát đặc trưng của lễ hội Cầu Ngư là múa hát bả trạo (bả: nắm, trạo: chèo đò) diễn tả tinh thần đoàn kết giữa các thành viên trong một con thuyền, vượt qua sóng to gió cả, mang về một mùa bội thu cho ngư dân.

Lễ hội Cầu Ngư bày tỏ khát vọng được bình yên trong cuộc sống của ngư dân, những con người luôn phải đối mặt với nhiều bất trắc khi lênh đênh trên biển cả.

### *Lễ hội làng Hòa Mỹ, Đà Nẵng

Địa danh Hoà Mỹ nay là khối phố Hoà Mỹ, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Lễ hội đình làng diễn ra hàng năm vào ngày 12 tháng 1 âm lịch hàng năm, nhằm nhắc nhở tinh thần "uống nước nhớ nguồn" trong con cháu các tộc họ, kiểm điểm những việc đã làm được trong một năm và định hướng những việc sẽ thực hiện trong năm đến. Do hoàn cảnh chiến tranh, việc tổ

chức lễ hội bị gián đoạn một tới gian dài, mãi đến năm 1994 mới được khôi phục trở lại.

Lễ hội đình làng Hoà Mỹ diễn ra trong một ngày rưỡi. Phần lễ theo nghi thức cổ truyền gồm lễ vọng và lễ hội kỵ chính thức. Phần hội có nhiều nội dung phong phú, truyền thống và hiện đại đan quyện vào nhau, tạo nên nét rất riêng cho lễ hội. Mở đầu phần hội bao giờ cũng là giải chạy việt dã truyền thống, thu hút đông đảo nông dân, thanh - thiếu niên, nam nữ học sinh tham gia. Trong khi người trẻ tuổi thì cắm hoa, thi làm bánh thì người cao tuổi biểu diễn thể dục dưỡng sinh, vui chơi bài chòi.

Khán giả bao giờ cũng thật đông quanh các trò chơi dân gian như kéo co, đập om... bởi cái không khí rất hội hè của lễ hội. Các tổ dân phố, các gia tộc, các đoàn thể có dịp ngồi lại bên nhau trong buổi sinh hoạt giao lưu văn hoá, trao đổi những kinh nghiệm về nếp sống đẹp trong đời thường để cùng giúp nhau tiến bộ. Các trích đoạn hát tuồng đan xen vào các tiết mục ca múa nhạc kịch của chương trình văn nghệ lễ hội cũng là một cách kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại.

Lễ hội đình làng giữa một khu phố như Hoà Mỹ là một nét rất rất riêng trong đời sống văn hoá của người dân Đà Nẵng.

### *Lễ hội Quán Thế Âm, Đà Nẵng

Lễ hội Quán Thế Âm được tổ chức hàng năm tại khu du lịch Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Lần đầu tiên được tổ chức vào năm 1960, nhân ngày khánh thành tượng Bồ tát Quán Thế Âm ở động Hoa Nghiêm thuộc ngọn Thuỷ

Sơn, phía tây Ngũ Hành Sơn. Hai năm sau, lễ hội được tổ chức nhân dịp khánh thành chùa Quan Âm ở động Quan Âm, là nơi phát hiện một khối thạch nhũ có hình tượng Phật Bà Quán Thế Âm. Sau đó, vì nhiều lý do, lễ hội không được tổ chức trong một thời gian khá dài. Mãi đến ngày vía đức Phật Bà Quan Thế Âm vào năm 1991, lễ hội Quán Thế Âm mới được khôi phục trở lại. Từ đó, hàng năm, cứ đến ngày 19 tháng 2 âm lịch, lễ hội lại được tổ chức với một tầm vóc, quy mô ngày càng lớn và nội dung ngày càng phong phú hơn. Lễ hội Quán Thế Âm diễn ra trong 3 ngày, bao gồm hai phần: lễ và hội.

- Phần lễ: Mang màu sắc lễ nghi Phật giáo bao gồm: *Lễ rước ánh sáng*, nghi lễ rước ánh sáng thường tổ chức vào tối ngày 18, gồm rước đuốc, rước kiệu, múa lân, múa rồng để cầu mong ánh sáng soi đường cho chúng sinh, mà trong Phật giáo ánh sáng đồng nghĩa với trí tuệ, trí tuệ sáng thì tấm lòng, đạo đức trong sáng, sẽ làm nhiều việc thiện; *Lễ khai kinh*, lễ được tổ chức vào sáng sớm ngày 19, đây là lễ cầu nguyện cho quốc thái dân an, chúng sinh an lạc; *Lễ trai đàn chẩn tế*, lễ này cũng được tổ chức vào sáng ngày 19 để cầu siêu, cúng chúng sinh, thường trước đó đồng bào phật tử gửi danh sách những người thân của mình đã mất đến chùa để làm lễ cầu siêu. Trong lễ này phải mời người có giới phẩm đứng ra làm lễ; *Lễ thuyết giảng về Bồ tát Quán Thế Âm và dân tộc*, lễ cúng được tổ chức vào sáng ngày 19, ngợi ca lòng từ bi bác ái của đức Phật Bồ tát Quán Thế Âm và cầu nguyện cho dân tộc an bình, thịnh vượng; *Lễ rước tượng Quán Thế Âm*, lễ này tổ chức vào khoảng 10 giờ sáng ngày 19, sau các nghi lễ trên, bốn người khiêng kiệu trên có tượng Phật Bà đi trước, và đồng bào phật tử đi sau, kiệu

được khiêng từ trên chùa và đi xuống chiếc thuyền đậu trên sông Cầu Biện (nhánh của sông Cổ Cò), sau đó cho thuyền chạy vòng quanh sông Cổ Cò. Lễ này nhằm cầu nguyện cho đồng bào, chúng sinh đi biển, đi làm ăn trên sông nước được thuận lợi bình an. Ngoài các nghi lễ trên, còn có lễ tế xuân (cúng sơn thủy, thổ thần) để cầu quốc thái dân an. Lễ thường được tổ chức vào đêm ngày 18. Trong ngày lễ này các bô lão của các phường Hòa Hải, Hòa Quý khăn áo chỉnh tề, tay cầm cờ lọng, đuốc, lồng đèn, có đội nhạc cổ và chiêng trống đi theo. Sau khi làm lễ và đọc văn tế, đoàn bô lão sẽ dẫn đầu đoàn rước cộ xuống bờ sông Cầu Biện để mở hội hoa đăng, rồi từ chùa Quán Thế Âm đi quanh các khu phố qua các làng đá mỹ nghệ Non Nước, xuống khu du lịch Non Nước và trở về lại lễ đài với lộ trình dài hơn 2km.

- Phần hội: Diễn ra sôi nổi với nhiều hoạt động văn hoá thể thao mang đậm bản sắc dân tộc xen lẫn với hiện đại như hội hoá trang, hát dân ca, thi cờ, nhạc, họa, điêu khắc, múa tứ linh, thả đèn trên sông, hát tuồng... các hoạt động văn hóa như triển lãm thư pháp và tranh thủy mặc, hội thi thuyết minh về danh thắng Ngũ Hành Sơn, hội thi nấu ăn chay...

Nhờ vào vị thế sơn thủy hữu tình, các nội dung phong phú của lễ hội đã thu hút khá đông khách hành hương cùng khách du lịch trong và ngoài nước đến với phía tây thắng tích Ngũ Hành Sơn. Trên sân bãi, diễn ra trò chơi kéo co truyền thống. Ngoài phía sông Cổ Cò, vang tiếng hò reo của khách tham gia hội đua thuyền, hội đua thúng lắc. Khi đêm xuống, lễ hội càng lộng lẫy, hoành tráng với nhiều thanh âm và màu sắc. Sau khi Truyền thuyết Ngũ Hành Sơn được diễn xong ở sân khấu chính, các đội hình rước đuốc, rước cộ bắt đầu được diễu hành qua các đường

phố chính của Ngũ Hành Sơn. Dưới sông, các cư sĩ chùa Quán Thế Âm thả hoa đăng, gửi lời cầu nguyện cho ánh sáng trí tuệ được trường tồn như dòng nước. Với nhiều hoạt động văn hóa - thể thao mang đậm tính dân tộc, lễ hội Quán Thế Âm tuy mang màu sắc tôn giáo nhưng lại đi sâu vào tự tình dân tộc, góp phần phục hồi và phát huy bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam.

Lễ hội Quán Thế Âm là một lời cầu nguyện cho quốc thái dân an, cho mưa hòa gió thuận; là dịp để mọi người, mọi giới chan hòa trong không khí hội hè, soi mình vào bản sắc văn hóa dân tộc để ngày một sống đẹp hơn.

*** Hội rước Thần Nông, Quảng Nam**

Diễn ra vào ngày mùng 1 tháng 3 âm lịch hàng năm tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Là hội của trẻ chăn trâu, lễ rước và cầu Thần Nông cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt.

Lễ Thần Nông tức là lễ tế vua Thần Nông để cầu mong được mùa và nghề nông phát đạt. Trên các quyển lịch cổ hàng năm, người ta thường vẽ một mục đồng dắt một con trâu. Mục đồng tức là vua Thần Nông, còn con trâu tượng trưng cho nghề nông. Hình mục đồng cũng như con trâu thay đổi hàng năm tùy theo sự ước đoán của Khâm Thiên giám về mùa màng năm đó sẽ tốt hay xấu. Năm nào được coi là được mùa, Thần Nông có giày dép chỉnh tề, còn năm nào mùa màng bị coi là kém, Thần Nông có vẻ như vội vàng hấp tấp nên chỉ đi giày một chân. Con trâu được đổi màu tùy theo hành của mỗi năm, nó có thể có một trong 5 màu vàng, đen, trắng, xanh, đỏ đúng với các hành Thổ,

Thủy, Kim, Mộc, Hỏa. Lễ rước Mục Đồng - lễ hội dành cho trẻ chăn trâu - ngày xưa được tổ chức ở làng Phong Lệ, Hòa Châu, Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Chuyện kể rằng, làng Phong Lệ xưa có một cồn cỏ. Ngày nọ, có người xua đàn vịt lên cồn, chân vịt bỗng dính chặt xuống đất như có bàn tay ai đó níu lại. Cho là có thần linh giáng hạ nên chẳng ai dám bén mảng đến cồn. Từ đó cồn có tên là cồn Thần. Một hôm, có đàn trâu trong làng chạy lạc đến cồn, đám trẻ chăn trâu đến tìm nhưng không hề hấn gì cả. Từ đó có tiếng đồn là cồn Thần chỉ cho các trẻ chăn trâu đến gần mà thôi. Xóm Cồn về sau được gọi là xóm Đồng, làm nơi tụ tập của các mục đồng trong làng.

Câu chuyện lạ lùng ấy, sau nhiều thế hệ dần dần hình thành một lễ hội dành riêng cho các trẻ chăn trâu, gọi là lễ rước Mục đồng. Từ hạ tuần tháng ba âm lịch, khi vụ mùa đã hoàn tất là lúc các công việc sắp đặt cho lễ hội bắt đầu. Để phục vụ cho lễ rước, ngoài việc cắt cử các chức sắc lo việc tế lễ, dân làng Phong Lệ phải chuẩn bị cho một cỗ kiệu hai đòn khiêng có giăng hoa, kết trái tươm tất và phân công cho bốn mục đồng khỏe mạnh khăn đóng, áo dài giữ phần khiêng kiệu. Ngoài cờ nhỏ của mục đồng, còn có cờ lớn của 13 tộc họ ngày đó. Cờ lớn cán bằng tre dài khoảng 5m, có khoan lỗ đút cây ngang qua để treo các con giống, nào là tứ linh (long, lân, quy, phụng), tứ nghệ (sĩ, nông, công, thương). Nhưng nhiều nhất vẫn là các dụng cụ sản xuất nông nghiệp như cày, bừa, cuốc, xẻng, giần, nia... Chuẩn bị đâu vào đó, chiều 29 tháng 3 âm lịch làm lễ Dạo đồng. Đây là lúc con cháu sinh sống ở các nơi xa kéo về đông đủ. Mục đồng cầm cờ dạo quanh các cánh đồng tỏ ý cầu cho được mùa. Sáng

ngày 30, chính thức diễn ra lễ rước. Lễ bắt đầu vào sáng tinh mơ ngay giữa đình thần. Sau khi hương khói, khấn lễ, Trùm Mục (người cai quản các mục đồng) lễ phục tươm tất trịnh trọng tiến vào hậu tẩm khấn vái, cung kính thỉnh bài vị thần nông nâng cao ngang mày rồi quỳ xuống đặt vào trong kiệu. Kiệu rước được bài trí như kiệu rước thần, cỡ 80x100cm, nóc kiệu có 4 mái, rèm kiệu được giăng hoa kết đèn rực rỡ, do 4 mục đồng khiêng. Đoàn người cờ xí xếp hàng đâu vào đấy, chiêng trống lại gióng giã vang lên; tất cả mục đồng hướng vào chánh điện đồng loạt chắp tay vái ba cái rồi đám rước dài lượt thượt đi qua đường làng, hướng về cồn Thần, trong tiếng nhạc rộn rã của phường bát âm và cờ xí rợp trời. Đến cồn Thần, kiệu thần hạ xuống. Trùm Mục quỳ trên chiếc chiếu hoa, ngửa mặt lên trời lầm rầm khấn giữa 2 hàng đuốc chập chờn hư ảo. Sau một hồi lâu khấn vái, Trùm Mục gieo 2 đồng tiền vào cái đĩa con trước mặt: một sấp, một ngửa. Thế là thần đã giáng! Một hồi sênh nổi lên, tiếp đó là ba hồi chiêng trống. Rồi, trống cơm, phường bát âm cùng tấu những âm điệu rộn rã chào mừng. Sau 3 tiếng sênh làm hiệu, Trùm Mục dõng dạc xướng: "Chúng Mục đồng Phong Lệ tạ! Xin cho tốt lúa, tốt gieo, vũ thuận, phong điều! Đồng reo một tiếng"... Đoàn Mục đồng reo vang trời và cầm cờ nối đuôi theo vị Trùm Mục chạy tới, chạy lui, quanh đi, quẩn lại chung quanh tảng đá trắng giữa cồn thần. Một lúc sau, đám rước rồng rắn quay trở lại đình thần trong tâm niệm tôn kính là trên kiệu đã có vị thần thiêng liêng của mình. Trời vừa sáng, đám rước về đến đình làng. Sau đó là lễ đặt bài vị và lễ dâng vật cúng của dân làng.

Trong lễ, mọi người ai ai cũng giữ sự cung kính trước đám mục đồng. Lễ vật xôi gà được bày trên chiếu hoa trải khắp ba gian đình, ai nấy đều hoan hỉ vì tin rằng lòng thành của mình đã được thần mục chứng giám; và ngày mai, đồng ruộng sẽ tốt tươi. Thời phong kiến, hàng năm đều có tục tế và rước Thần Nông tại triều đình cũng như ở các địa phương.

### * Lễ hội bà Thu Bồn, Quảng Nam

Lễ hội này diễn ra vào mùng 10 đến 12 tháng 2 âm lịch hàng năm tại xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên (Quảng Nam). Đây là lễ hội mang đậm bản sắc văn hoá và lớn vào bậc nhất của Quảng Nam được tổ chức vào dịp 12 tháng 2 âm lịch hàng năm.

Chuyện kể rằng, bà là công chúa vua Mây, khi bị giặc bao vây kinh thành, nhà vua và công chúa cưỡi ngựa chạy lên Phường Rạng bị ngã ngựa chết. Thi thể công chúa trôi về làng Thu Bồn, dân trong làng đã vớt thi thể bà đem chôn. Năm đó làng Thu Bồn có bệnh dịch đậu mùa, bà linh ứng cho thuốc cứu người thoát dịch.

Cũng có truyền thuyết cho rằng, bà là nữ tướng Chăm, khi chiến đấu bị bao vây đến chết, xác bà trôi về làng Thu Bồn. Năm đó làng Thu Bồn hạn hán, mất mùa, nhân dân đói khổ cơ hàn, bà linh ứng về giúp dân chống đói, mùa màng tốt tươi, mưa thuận gió hoà.

Năm nay Lễ hội bà Thu Bồn ngoài phần lễ với các nghi thức rước ánh sáng, lễ rước nước, lễ cộ bà,... cầu quốc thái dân an, phần hội đặc sắc với các tiết mục văn nghệ múa Chăm, diễn kịch truyền thuyết bà Thu Bồn (còn gọi là mẹ Thu Bồn), hát bài chòi, ẩm thực, đua thuyền và đêm thơ,

nhạc giao lưu giữa các văn nghệ sĩ, nhà báo và du khách gần xa về tham dự lễ hội...

### *Lễ hội đua thuyền Tịnh Long, Quảng Ngãi

Tịnh Long là một xã nằm ven sông Trà Khúc, thuộc huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, xưa gọi là làng Sung Tích. Hiện xã bao gồm 4 thôn An Lộc, An Đạo, Gia Hoà và Tăng Long.

Theo thông lệ, cứ hai năm một lần, lễ hội đua thuyền truyền thống Tịnh Long lại được tổ chức nhằm ngày mùng 5 và mùng 6 tháng giêng âm lịch. Tham dự giải bơi là 4 đội đại diện cho 4 thôn trong xã. Từ đầu tháng chạp âm lịch, công việc chuẩn bị cho lễ hội đã được tiến hành, các thôn phải tiến hành bầu các ban chuyên trách như đời sống, vận động, ban đua thuyền, lễ nghi khánh tiết, ban ghe thuyền... nhằm vận động mọi nguồn lực cho lễ hội. Các ban này chịu sự giám sát của một trưởng ban điều hành chung của thôn mà người ta thường gọi là "Ông" giám sát.

Ngoài sự chuẩn bị về nhân sự cho đội đua, thuyền đua cũng đóng vai trò quan trọng cho chiến thắng của các thôn. Thuyền đua ở Tịnh Long xưa là loại thuyền đua làm bằng tre mê nan dài, được trang trí đẹp mắt và thường có khoảng 8 đôi chèo và hai lái mũi và đuôi thuyền. Ngày nay, người ta làm bằng đuya-ra có mũi nhọn và cao, được vẽ trang trí đẹp, bắt mắt. Mỗi thuyền đua thường dài khoảng 11m và có thể chứa được khoảng từ 14 đến 16 người (tức là 7 đôi dầm chèo và một dầm lái mũi, một lái phía cuối thuyền). So với nhiều thuyền đua khác như ở Lý Sơn, Sa Cần, Tư Nghĩa..., thuyền đua ở Tịnh Long có nhiều cải tiến về kiểu dáng và chất liệu nhằm lướt hiệu quả hơn.

Ngày thường, thuyền đua, mà dân nơi đây thường gọi một cách thành kính là Ông, hay Bà, được đặt trang nghiêm tại các miếu của từng thôn, chỉ khi đến ngày lễ hội mới được hạ xuống, trước khi đem ra phải cúng lễ rất cẩn thận. Việc cúng lễ trước khi đưa thuyền vào hội được gọi là lễ Tấn giang, lễ này được được chọn ngày giờ tiến hành rất cẩn thận, phụ thuộc vào tuổi của ông chủ ghe (người được chọn làm đội trưởng đội đua năm ấy).

Có thể nói các công việc chuẩn bị cho lễ hội từ lựa chọn người vào đội đua, đội tế lễ, công việc luyện tập, tổng duyệt,... cho đến những ngày đua là một quá trình chuẩn bị lâu dài của cả một thôn. Đòi hỏi mọi người phải đồng lòng đoàn kết, hy vọng chung sức mang chiến thắng cho đội đua của thôn mình.

Sáng hôm chính hội, tại các miếu của từng thôn, trai tráng tham gia cuộc đua tập trung ăn uống lấy sức chuẩn bị cho vòng đua đầu tiên. Ăn uống xong, dân bơi tập trung lại để nhận trang phục. Trang phục đua thuyền ở Tịnh Long là loại trang phục truyền thống được nhân dân bảo tồn và lưu giữ cho đến ngày nay. Theo các cụ cao tuổi trong làng, trang phục đua phải có khả năng phô diễn sức mạnh của những tay đà công thủy thủ, thể hiện được tính nghi lễ và tái hiện theo lối truyền thống cổ xưa. Các "dân bơi" có khăn chít đầu, dải thắt lưng, mỗi thôn một màu xanh, đỏ, tím, vàng như xưa kia khiến hội đua mang không khí của những năm trước Cách mạng tháng Tám.

Sau đó đội bơi cùng với đội tế và nhân dân trong thôn cùng với trống, cờ quạt tổ chức thành một đoàn rước đưa thuyền đua về một khoảng đất rộng trước ủy ban để làm

các thủ tục trước khi vào cuộc đua, có thôn đoàn rước còn được dẫn đầu bởi một nhóm múa lân thật vui mắt. Trước đây, việc rước này được tổ chức rất long trọng và náo nhiệt, và địa điểm rước các thuyền đua về tham gia giải bơi là đình Sông Tích, ngôi đình làng mà hiện chỉ còn là một phế tích. Hiện đình đã không còn, nên việc rước cũng mất đi tính thiêng liêng vốn có của nó.

Cùng với tiếng trống giục, cờ phất là tiếng reo hò vang dậy suốt dọc bờ sông để cổ vũ cho những đội đua. Người dân nơi đây tin rằng những thuyền đua thắng cuộc thì việc làm ăn trong năm sẽ được khấm khá, phát đạt và gặp nhiều may mắn.

Các công việc điều hành cuộc đua được diễn ra tại Thuỷ tọa, một nơi trông giống như một sân khấu nổi được ghép lại từ 4 chiếc thuyền được làm từ vài hôm trước, xung quanh được trang trí bằng cờ phướn đẹp mắt. Thuỷ tọa được cắm neo đối diện với cọc tiêu rốn, là nơi tổ chức lễ khai mạc, trao cờ lưu niệm và tiến hành bốc thăm theo vị trí cọc tiêu đã cắm trên sông và điều hành toàn bộ cuộc đua.

Trưa ngày mùng 5 Tết, Thủy tọa được bốn đội đua rước về trường đua theo bài bơi "hầu loan". Trên bờ là tiếng reo hò cổ vũ của hàng vạn nhân dân khắp vùng càng làm cho trường đua sôi nổi ngay từ những phút đầu tiên. Trường đua có tổng diện tích khoảng 40.000m$^2$, được giới hạn bằng 3 tiêu dọc có chiều dài 500m và 4 tiêu ngang, mỗi tiêu cách nhau 20m. Hàng tiêu rốn là điểm xuất phát đồng thời cũng là điểm về đích. Mỗi thuyền đua phải bơi 6 đôi 12 chiếc (tức 6 vòng) và đua trong hai ngày, chia thành 4 hiệp. Tổng cộng hai ngày đua sẽ phân giải cho bốn đội.

Xung quanh trường đua là những thuyền của người dân xen nhau chật cứng để cổ vũ cho cuộc đua.

Sau 3 hồi trống giục, bốn chiếc thuyền đua băng băng lao mình rẽ sóng trong tiếng hò reo cổ vũ của hàng ngàn khán giả. Có những nhóm người còn lội xuống sông đến gần đường đua reo hò, vẫy cờ, té nước mát cho dân bơi. Tiếng trống thúc giục, tiếng người hò reo, cờ phất vang động cả một khúc sông. Những chàng trai là dân bơi ở Tịnh Long thì chuyện thắng thua có lẽ không quan trọng, nhưng ai cũng cố gắng bơi cho đều nhịp, hoà sức mạnh của mình vào sức mạnh của đồng đội, để cho thuyền của mình sẽ là chiếc thuyền bơi đẹp nhất và nhanh nhất.

Hội đua thuyền Tịnh Long đã có từ thời xa xưa, qua thời gian, hội vẫn được nhân dân địa phương gìn giữ và phát triển. Đây không chỉ là một trò chơi thể thao để biểu dương sức mạnh, hay vui chơi giải trí, mà còn là một loại hình văn hóa, tín ngưỡng chứa đựng ý nghĩa nhân văn của cha ông để lại như cầu nắng, cầu mưa, cầu an, cầu mùa, cầu cho quốc thái dân an, người yên vật thịnh. Ngày nay, vì nhiều lẽ khác nhau, các nghi lễ tuy đã bị giản lược, nhưng lễ hội đua thuyền thì vẫn mãi là nỗi mong chờ của người dân Tịnh Long và vùng lân cận mỗi khi tết đến xuân về.

***Lễ hội đua thuyền Gò Bồi, Bình Định**

Đến hẹn lại lên, sau phiên chợ Gò, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định mỗi năm chỉ nhóm họp một lần vào mùng Một Tết Nguyên đán, thì mùng Hai Tết tại sông Gò Bồi, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định lại sôi nổi diễn ra cuộc tranh tài của ngư dân các xã khu đông huyện qua hội đua thuyền truyền thống, thu hút hàng ngàn

khách du xuân tham gia cổ vũ. Đây là hai hoạt động vui xuân, đón tết đặc trưng của huyện Tuy Phước được tổ chức hàng năm và trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của nhân dân huyện Tuy Phước trong ba ngày Tết.

Sông Gò Bồi nằm trong hệ thống sông Kôn, bắt nguồn từ 2 nhánh sông Tân An và sông Gò Chàm hợp thành, chảy qua địa phận Gò Bồi thuộc xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, rồi đổ ra đầm Thị Nại. Trước 1957, Gò Bồi là vùng đất phồn thịnh "trên bến, dưới thuyền", mực nước sông rất sâu nên ghe thuyền ở tận trong Nam, ngoài Bắc thường xuyên ghé vào đây mua bán trao đổi hàng hóa. Chợ Gò Bồi bấy giờ rất sầm uất... Chiến tranh tàn phá, Phước Hòa như các xã khu đông khác của Tuy Phước, cảng thị dần hoang tàn đổ nát. Chiến thắng lịch sử mùa xuân 1975 đưa đất nước thống nhất, giang sơn thu về một mối, qua hơn 30 năm xây dựng và phát triển, đến nay Gò Bồi đã từng bước thay da đổi thịt phồn thịnh như xưa - là trung tâm kinh tế giao lưu mua bán của 7 xã vùng đông bắc Tuy Phước và các xã phía đông của huyện Phù Cát, huyện lộ Gò Bồi - Bình Định. Hiện nay, khu kinh tế Nhơn Hội bước đầu đi vào hoạt động, góp phần tạo nên diện mạo mới cho Gò Bồi.

Hàng năm, cứ vào ngày mùng Hai Tết Nguyên đán, trên sông Gò Bồi (vùng trung tâm chợ) lại nhộn nhịp, huyên náo hẳn lên bởi hàng ngàn người vừa khách thập phương vừa dân bản địa tập trung trên cầu, dưới bến hò reo cổ vũ cho hội đua thuyền truyền thống diễn ra trên sông. Vận động viên tham dự là những ngư dân trẻ, khỏe được tuyển chọn ở 4 xã khu đông của Tuy Phước (Phước Thuận, Phước Sơn, Phước Hòa và Phước Thắng). Mỗi xã một đoàn từ 20 đến 25 vận động viên tham gia các loại hình: Đua thuyền tập thể, đua

sõng câu, thi bơi lội và thi bắt vịt trên nước. Thi bơi lội diễn ra đầu tiên với cự ly 1.500m đối với nam, 1.000m đối với nữ; đua sõng câu 4 lượt với 8 vận động viên cự ly 1.500m; cuối cùng sôi động nhất vẫn là đua thuyền tập thể. Mỗi đội 11 vận động viên (gồm 1 chỉ huy và cũng là người cầm lái giỏi, và 10 tay chèo) với 2 vòng đua, cự ly 1.500m. Thuyền tham gia đua được làm công phu với thiết kế đầu rồng, trang trí nhiều hoa văn đẹp mắt được chuẩn bị trước đó hàng tháng và do tập thể cả xã đầu tư - bởi chiếc thuyền đua là đại diện bộ mặt địa phương. Khi có lệnh phất, 4 thuyền rồng của 4 xã xuất phát cũng là lúc tiếng cổ vũ, tiếng hò reo, tiếng trống thúc giục làm sôi động cả vùng sông nước.

Hội đua thuyền ở đây có từ xa xưa, gắn bó mật thiết với cư dân ven đầm Thị Nại - nó khơi dậy truyền thống quê hương vùng sông nước trong đánh giặc ngoại xâm. Ngày nay, hội đua thuyền tôi luyện sức dẻo dai phục vụ đánh bắt cũng như nuôi trồng thủy sản của ngư dân trong vùng... Mặt khác, đây cũng là hoạt động tinh thần thể hiện nét văn hóa đặc trưng của người dân biển. Ngoài ra còn có thêm các chương trình ca, múa nhạc, ngâm thơ,... làm phong phú thêm cho hội.

Hội đua thuyền trên sông Gò Bồi và phiên chợ Gò Trường Úc là nét văn hóa đặc trưng trong dịp xuân về, Tết đến của người dân miền đất cuối nguồn sông Kôn này.

### *Lễ hội Đống Đa, Bình Định

Hàng năm, mỗi lần xuân về tết đến, nhân dân đất võ đều tưng bừng tham dự hội Đống Đa vào ngày mồng 4 và mồng 5 Tết để kỷ niệm trận thắng Ngọc Hồi - Đống Đa của Hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ tại xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Lễ hội Đống Đa ở đây là lễ hội lớn nhất nước để tưởng nhớ các thủ lĩnh của phong trào Tây Sơn, đặc biệt là người anh hùng áo vải Quang Trung và kỷ niệm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, đánh thắng 29 vạn quân Thanh xâm lược. Lễ hội được tổ chức long trọng, đông vui vào ngày mồng 5 tháng giêng âm lịch hàng năm. Ngoài nghi lễ truyền thống, lễ hội còn tổ chức nhiều hoạt động văn hóa dân gian như biểu diễn võ thuật Tây Sơn, trống trận Tây Sơn, đua thuyền, trò chơi dân gian, hát tuồng... tái diễn lại trận đánh lịch sử với những y phục, voi trận như ngày xưa vua Quang Trung ra trận... thu hút hàng vạn người từ khắp mọi miền đất nước tham dự.

Chương trình lễ Đống Đa diễn ra từ trưa mồng 4 Tết vì chiều hôm đó các nghi lễ cổ truyền đã được tổ chức tại điện Tây Sơn. Lễ tế rất long trọng, cả khu vực rộng lớn, cờ lọng, nghi trượng rợp trời, chiêng trống rền vang... Người xem như cảm thấy lòng mình hòa nhập vào hồn thiêng sông núi địa linh nhân kiệt. Sáng sớm hôm sau kịp chen chân đến khu vực hành lễ. Chương trình lễ ngày mồng 5 tuy có thay đổi hằng năm nhưng các mục chính thì năm nào cũng có, đó là diễn văn ôn lại lịch sử Tây Sơn với cuộc đại phá quân Thanh, biểu diễn võ thuật, trống trận Tây Sơn và thao diễn trận pháp. Tiết mục võ thuật Tây Sơn được các võ sĩ, nghệ nhân biểu diễn các bài quyền như "Lão mai độc thọ", hay các bài roi như "Tấn nhất ô du"... được người xem tán thưởng nhiệt liệt.

Tiết mục nhạc võ Tây Sơn là môn nghệ thuật độc đáo của tỉnh Bình Định, người biểu diễn vừa phải có tâm hồn nghệ sĩ, vừa là bậc võ sĩ siêu đẳng và luyện đôi tay thần diệu để tác dụng lên lòng trống, vành trống và thân trống bằng cả hai bàn tay, cổ tay, khuỷu tay, cánh tay, tiếp xúc

vào một bộ trống gồm 12 chiếc lớn nhỏ khác nhau gọi là "Song thủ đả thập nhị cổ", tạo nên những âm thanh hùng tráng khác lạ khiến người xem như bị lôi cuốn, thúc giục. Tiết mục biểu diễn chiến trận Đống Đa lại càng hào hứng và hấp dẫn hơn nữa, được tổ chức trên địa thế quy mô, dàn dựng công phu, tập dượt chu đáo, có cả ngàn người thao diễn với cờ xí, chiêng trống, sắc phục, đồn lũy... y như thật, có năm còn có bốn, năm con voi trận tham gia.

### *Lễ hội Cầu Ngư, Bình Định

Lễ hội Cầu Ngư là một loại hình lễ hội dân gian gắn liền với cuộc sống của ngư dân miền ven biển từ Quảng Bình đến Nam Bộ. Ở Bình Định, lễ hội Cầu Ngư có hầu hết các vùng ven biển của các huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn. Lễ hội gắn liền với tục thờ cúng cá voi với nhiều truyền thuyết còn ghi đậm nét trong dân gian.

Lăng Nam Hải, đó là lăng cá voi (cá Ông) do ngư dân ở các vạn chài lập ra để thờ phụng. Ngư dân kể rằng nhiều lần gặp mưa bão ở ngoài khơi, thường hay có cá voi cứu nạn. Cá coi áp tựa lưng vào mạn thuyền đánh cá làm cho thuyền khỏi bị sóng gió lật đổ và chính cá voi cũng khỏi bị sóng gió đẩy vào ghềnh đá mắc cạn. Ngư dân xem đây là sự che chở của Nam Hải thần ngư.

Từ sự cứu nạn lớn lao của cá voi, nên loài cá này đã trở thành vị Thần ngư Nam Hải. Hễ dân vạn chài thấy cá voi "lụy" (vì bị mắc cạn lâu ngày hoặc đến lúc bệnh) là tập trung toàn dân vạn chài trong làng (đầm) để tiến hành lễ an táng cá voi. Sau ba năm an táng, ngư dân làm lễ di hài cốt về lăng Nam Hải của làng.

Ở Bình Định có lễ lăng Nam Hải làng Hưng Lương, xã đảo Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn là một trong những lăng có từ lâu đời hơn cả. Các bảo vật còn lưu giữ tại lăng là 6 sắc phong của triều Nguyễn tặng. Điều đó nói lên ở vạn chài Hưng Lương có lễ hội cầu ngư đã hình thành khá lâu đời, lăng Nam Hải của làng là một di tích có thể khẳng định niên đại ra đời muộn nhất là cuối thời vua Gia Long. Lễ hội cầu ngư ở lăng Nam Hải xã đảo Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn diễn ra vào ngày 10 tháng 5 âm lịch hàng năm.

Lễ hội Cầu Ngư lăng Nam Hải làng Hưng Lương, lễ chính là tế Nam Hải Ngọc Lân. Thông qua tế lễ ngư dân bày tỏ niềm kính tín, chiêm tượng thần linh, đồng thời gửi gắm ước nguyện thiêng liêng là cầu mùa bội thu và cầu an cho vạn chài. Nghi lễ tế cá Ông tương tự nghi thức tế Thành Hoàng. Bởi vậy có nhà nghiên cứu gọi cá Ông là Thành Hoàng vạn chài. Nhân sự thực hiện cuộc tế là một ban khánh tiết do vạn chài cử ra, gồm các bậc cao niên đức độ, gia đình trọn vẹn, hòa thuận và không bị vướng tang. Người đứng chánh tế phải tập quỳ, tập lạy hàng tháng trước đó và phải ăn chay, dọn mình sạch sẽ ba ngày trước lễ tế. Khi tế lễ thần nếu lạy sai cũng sẽ bị vạn chài bắt vạ.

Theo thông lệ, lễ hội được diễn ra trong thời gian 3 ngày đêm. Ngày đầu tiên diễn ra nghi thức lễ cúng trần thiết bài vị, rồi tiến hành nghi lễ nghinh thần, lễ an thần; ngày thứ hai diễn ra nghi thức đại lễ tế thần. Phần hội gồm có: chèo bả trạo, hội xây chầu hát bội, hát dân ca và các trò chơi dân gian của ngư dân miền biển, được diễn ra vào ngày thứ ba và có sự đan xen trong thời gian hành lễ ở ngày đầu tiên và ngày thứ hai.

Nghi thức lễ đầu tiên, có nơi còn gọi lễ vọng, được bắt đầu từ sáng sớm với mục đích cáo giỗ và cầu xin thần Nam Hải báo ứng cho vạn chài điềm lành dữ trong năm. Lễ được cử hành trang nghiêm, dâng đủ ba tuần rượu và đọc văn cúng. Bản văn cúng ca ngợi công đức của cá Ông trong việc giúp đỡ các vạn chài.

Nghi thức lễ nghinh thần, có nơi còn gọi là nghinh ông Sanh (tức Đông Hải Ngọc Lân), có lăng thực hiện lễ nghinh thần cả dưới biển lẫn trên bờ (nghinh thủy lục), được di chuyển về ngự tại điện lăng để chứng lễ tế thần Nam Hải. Sau đó là lễ di thỉnh chư vị tiền hiền vãn ngự các nơi trong vạn chài về lăng cùng phụ hưởng.

Tiếp đến là lễ tế cô hồn tại sân lăng Nam Hải với các lễ vật tồm: bát cháo thánh (cháo hoa), bát gạo, muối, trầu cau, rượu cùng hương đăng, đồ vàng mã. Khởi sự tế, vị chánh bái gõ ba hồi mõ sau đó dâng tuần rượu đọc văn tế. Nội dung văn tế cô hồn biểu hiện sự thương yêu cho những kẻ bất hạnh và tình cảm cộng đồng nhân ái dành cho những kiếp người khốn khổ đã khuất. Tế xong, vật tế lễ được tung ra khắp nơi để thí thực cô hồn.

Lễ thánh tế (đại lễ nghinh thần) được tiến hành vào lúc nửa đêm ngày thứ hai bước sang sáng ngày thứ ba. Thức cúng gồm đầu heo, hoa quả, bánh trái (không bao giờ dùng đồ hải sản). Phần tế đủ nghi thức lễ lục cúng, đọc văn tế ca ngợi công đức của thần, cầu xin cho thần ban cho vạn chài mùa bội thu, thuyền ra khơi xuôi chèo mát mái, khi trở về tôm cá đầy ghe. Sau đó ngư dân làm lễ xuống thuyền mở màn cho một vụ mùa đánh bắt cá.

Lễ xây chầu hát bả trạo là nghi thức bắt buộc, mở màn cho buổi hát án, trở thành một lệ không thể thiếu. Hát bả trạo là một bộ phận nghi lễ, thể hiện diễn xướng tổng hòa nhiều yếu tố hát và múa với đạo cụ là mái chèo. Đội hình trình diễn bao gồm các con trạo (tay chèo) dưới sự chỉ huy của các tổng mũi, tổng thương, tổng lái và tổng khậu. Tất cả được xếp theo hình một chiếc thuyền rồng - thuyền linh để đưa hồn cá Ông phiêu diêu miền cực lạc. Nội dung xuyên suốt là tạ ơn và ca ngợi đức cá Ông, xin thần ban cho vạn chài cuộc sống bình an, no đủ.

Đan xen với phần nghi lễ là phần hội gồm các sinh hoạt dân gian truyền thống, đặc trưng của các ngư dân làm nghề biển. Có hình thức sinh hoạt văn hóa vừa thuộc lễ vừa thuộc hội như hát bả trạo, lại có những hình thức hoàn toàn thuộc về hội, là sự giải trí, giải tỏa, tạo không khí vui vẻ, náo nức trong làng trước khi bước vào một vụ mùa mới như hò đối đáp trên thuyền, hô bài chòi, tổ chức hát bộ trong đêm, thi đua ghe, lắc thúng vào ban ngày...

Gắn với tín ngưỡng thờ cúng cá Ông, lễ hội cầu ngư góp phần giải tỏa, điều tiết đời sống tâm lý, tinh thần của cá nhân và cộng đồng ngư dân. Quanh năm bận rộn với việc đi biển cùng bao khó khăn, vất vả. Lễ hội là dịp để ngư dân thư giãn, tạo lập thế cân bằng trong đời sống tinh thần sau một năm đánh bắt vất vả, cực nhọc. Các sinh hoạt văn hóa trong lễ hội đã đem lại niềm vui, sự hưng phấn cho ngư dân, tạo tâm thế vững tin vào vụ mùa đánh bắt mới. Mặt khác, đây còn là dịp để cộng đồng tri ân với thần linh, với thế hệ tiền nhân đi trước, những người có công trong việc phát triển nghề cá, đồng thời là dịp hội ngộ bằng hữu xóm làng.

***Hội xuân chợ Gò, Bình Định**

Hội xuân chợ Gò diễn ra vào ngày mùng 1 tháng 1 âm lịch hàng năm, thuộc thôn Phong Thạnh, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Theo phong tục thì mỗi năm chợ chỉ họp hai phiên vào ngày mùng 2 và mùng 3 Tết âm lịch. Chợ họp trên một gò đất cao dưới chân núi Hàm Long bên bờ sông Hà Thành đổ ra đầm Thị Nại vì vậy mà gọi là chợ Gò. Điều kỳ thú ở đây là du khách đi hội chợ bị cuốn hút không chỉ bởi cảnh đẹp mà còn do được dự những sinh hoạt văn hóa độc đáo mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc. Người đi hội chợ mua bán lấy may không mặc cả, không cò kè bớt một thêm hai như chợ hàng hoá ta thường thấy. Trong khi hầu hết các chợ tết quê nơi khác nay đã vắng bóng hình ảnh ông đồ già viết, bán câu đối trên giấy đỏ thắm thì ở chợ Gò tục viết, bán câu đối Tết vẫn còn nguyên vẹn. Những chiếc chiếu hoa được trải ra lối cổng chợ cùng các cụ già râu tóc bạc phơ quần thâm, khăn xếp, thảo những nét chữ kỳ tài diệu bút trên giấy đỏ. Người xem, người mua đều trầm trồ khen ngợi vẻ đẹp của nét chữ, ý hay thâm thuý của câu đối. Ở đây, nghệ thuật chơi chữ và viết chữ đủ cả bốn lối: Triện (vuông), lệ (nghiêng), chân (rõ ràng), thảo (viết thoáng) là sở trường của những nhà nho, ông đồ văn hay chữ tốt. Nhưng lối viết câu đối thảo vẫn được nhiều người ưa thích nhất. Mỗi một vế đối như một bức tranh nghệ thuật độc đáo. Ai "chơi chợ" cũng muốn có một câu đối về treo trong nhà để đón xuân phù hợp với hoàn cảnh, ước nguyện của gia đình. Người muốn lúa tốt bội thu lợn đàn, gà bầy, kẻ mong con cháu đi xa được bình an, đỗ đạt cao kỳ thi tới. Vì thế hội chợ có muôn vàn câu đối khác nhau,

không câu nào giống câu nào. Câu đối được nhiều người tâm đắc nhất là: "*Hiếu tử tôn từ vạn đại như kiến, Tổ tông công đức bách tuế bất niên*". Dịch: "*Văn hóa ngàn năm rèn bản sắc, Giống nòi muôn thuở đúc tài năng*". Nếu ở Bắc Bộ, hội cờ xuân thường diễn ra ở sân đình thì ở đây hội cờ lại diễn ra ngay tại chợ. Các tay cờ hoàn toàn mang tính giải trí thuần tuý. Song như thế không có nghĩa là nước cờ thấp. Họ lên xe, xuống pháo như thần kém gì các tay cờ gạo cội trong làng cờ người Việt. Hội chợ Gò diễn ra tuy ngắn ngủi nhưng ý nghĩa rất lớn vì nó tạo ra không khí vui tươi thoải mái sau một năm miệt mài lao động vất vả và đi vào ký ức người dân nơi đây như một mảng tâm hồn tươi sáng và tìm về với bản sắc dân tộc, tìm về với cội nguồn của chính mình.

### *Lễ hội Cầu Ngư, Bình Thuận

Năm nào cũng vậy, bắt đầu từ ngày 20 tháng 6 âm lịch hàng năm, tại Vạn Thủy Tú (Bình Thuận đều tổ chức Lễ hội Cầu Ngư. Lễ Cầu Ngư mang đậm các yếu tố văn hóa dân gian, vừa thực hiện trên bờ, vừa thực hiện trên mặt biển, kết hợp nhiều hoạt động lễ nghi đa dạng và các loại hình văn nghệ dân gian đặc sắc.

Lễ hội Cầu Ngư tại Vạn Thủy Tú, từ khi mở đầu đến kết thúc, lễ hội đều theo một chương trình nghiêm ngặt bao gồm nhiều lễ nghi. Bắt đầu bằng nghi thức Lễ rước Lệnh Ông Sanh, hàng chục chiếc thuyền trong đoàn khởi hành mang theo kiệu, lễ vật, cờ lộng, hương án, chiêng trống, các ngư lão mặc áo dài khăn đóng, thanh niên mặc trang phục lễ hội truyền thống... Đoàn chèo bả trạo diễn xướng cảnh đánh bắt, tiếng trống giục giã, tiếng dô hò sôi động cả một vùng biển.

Bên cạnh đó là phần hội với chèo bả trạo, hát bội đan xen trong lễ, các trò chơi dân gian của ngư dân miền biển như hát bài chòi, đua thuyền, lắc thúng giữa các vạn với nhau, lễ phóng đăng trên biển, lễ thả thuyền cúng các linh hồn đã khuất trên biển, lễ phóng sanh, lễ phá cộ, bao hàm cả hai yếu tố: lễ và hội phối hợp. Trong đó, lễ rước thần Nam Hải là lễ nghi quan trọng nhất mang tính cộng đồng rõ nét, mở đầu cho hàng chục lễ nghi nối tiếp theo. Nội dung của lễ rước thần Nam Hải là lễ chính và là điểm nhấn của lễ Cầu Ngư. Đoàn rước gồm nhiều người tham gia, trong đó có đoàn lễ, đoàn nhạc lễ, đoàn chèo bả trạo, các nhà sư, đủ các loại trang phục... Đặc biệt là hàng chục chiếc thuyền lớn được trang bị cờ quạt và đông đảo người tham gia cùng các điệu hò chèo bả trạo diễn ra một giờ để nghinh Thần trên biển gây ấn tượng lớn và xúc cảm cho người xem.

Lễ hội Cầu Ngư là sinh hoạt mang đậm nét văn hóa vùng biển, tưng bừng nhất của ngư dân và những người có cuộc sống gắn liền với biển. Người miền biển quanh năm lao động trên biển miệt mài, vui chơi thư giãn trong những ngày lễ hội, tạ ơn biển cả và chúc nhau những điều tốt lành để rồi mang theo niềm tin may mắn, thắng lợi vào vụ mùa, lại bắt đầu những chuyến ra khơi. Họ thành kính với thần linh và sống rất thật lòng.

### *Lễ hội Katê của người Chăm Bình Thuận

Vào những ngày đầu tháng 10 dương lịch hàng năm (khoảng mùng 3 tháng 6 theo lịch Chăm) lễ hội Katê của đồng bào Chăm thường được tổ chức tại tháp Pô Sah Inư. Đây là lễ hội truyền thống quan trọng nhất trong cộng

đồng người Chăm theo đạo Bàlamôn để tưởng nhớ tổ tiên và cầu mong mưa thuận, gió hòa, mùa màng thuận lợi.

Katê là lễ tết tưởng nhớ thần linh, các anh hùng, tổ tiên, các vị vua có công với nước đã được thần thánh hóa như: PôKlông Giarai, Pôrômê,... Đây cũng là dịp để người dân hành hương, tổ chức gặp mặt, thăm viếng và thờ phụng tổ tiên. Trong lễ hội thường có các nghi thức như lễ dâng cúng và rước thần, đội mũ, mặc áo và tắm cho tượng. Cuối buổi lễ là lúc mọi người ngâm thơ, chơi nhạc, hưởng lộc và tham gia nhiều trò chơi giải trí khác.

Chương trình lễ hội do các chức sắc tôn giáo người Chăm trực tiếp điều hành theo đúng nghi thức nguyên gốc và phong tục tập quán truyền thống vốn có của cộng đồng người Chăm. Vào ngày đầu tiên của lễ hội các chức sắc tôn giáo và đồng bào Chăm thực hiện nghi thức rước kiệu và y phục của nữ thần Pô Sah Inư với đoàn lễ gồm các chức sắc tôn giáo, đội múa và đội nhạc cụ dân gian Chăm nghinh, rước kiệu trang phục nữ thần Pô Sah Inư. Bên cạnh phần lễ, còn có các hội thi gói các loại bánh theo tập tục dân gian như: bánh tét, bánh gan tay, bánh gừng,... Ngày tiếp theo diễn ra nghi lễ chào mừng lễ hội Katê với sự tham gia của các đại biểu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, du khách tham quan du lịch và người dân địa phương. Sau nghi lễ chào mừng, các chức sắc tôn giáo hướng dẫn thực hiện nghi thức nghinh, thỉnh và rước lễ phục Bà lên tháp Pô Sah Inư (tháp chính). Các chức sắc tôn giáo thực hiện nghi lễ mở cửa tháp, lễ tắm bệ thờ Linga-Yoni, lễ mặc y phục, đại lễ trước tháp chính (tháp A) của nhóm đền tháp Pô Sah Inư.

Riêng phần hội gồm các hoạt động như: nghệ nhân trình diễn tay nghề dệt thổ cẩm và nghề gốm truyền thống dân tộc

Chăm, tổ chức trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm phục vụ khách tham quan, du lịch tại tháp Pô Sah Inư. Tùy theo số lượng và nhu cầu khách tham gia, Ban tổ chức sẽ có các hình thức tổ chức các trò chơi dân gian phù hợp như: kéo co, đẩy gậy, đội nước vượt chướng ngại vật... diễn ra trong khuôn viên tháp Pô Sah Inư. Ngoài ra, lễ hội còn có giao lưu văn nghệ dân gian giữa các xã, các đơn vị trong địa bàn...

Lễ hội Katê của người Chăm Bình Thuận được tổ chức tại các lăng tẩm, đền miếu và gia đình đồng bào Chăm ở khắp các Plây (làng) trong tỉnh. Đến với lễ hội Katê, mọi người sẽ được thưởng thức âm hưởng rộn ràng mang tính lễ nhạc của dân tộc Chăm với trống Baranưng, kèn Saranai được các nghệ nhân biểu diễn với tất cả lòng thành kính và say mê. Các thiếu nữ Chăm xinh đẹp duyên dáng trong các điệu múa quạt truyền thống làm say đắm lòng người...

***Lễ hội tỉnh Phú Yên**

*Lễ Cầu Ngư,* cũng như nhiều địa phương khác trên dải đất miền Trung, từ xa xưa, Phú Yên đã có bộ phận cư dân gắn với nghề biển. Cùng với những nỗ lực chinh phục biển khơi, con người cũng luôn thể hiện sự thành kính trước sự huyền bí của biển cả. Trong tâm thức của ngư dân, tín ngưỡng thờ cá voi được hình thành và phát triển thành các lễ hội với những nét văn hóa độc đáo.

Ngày tổ chức lễ Cầu Ngư tại các làng biển của Phú Yên mỗi nơi một khác, song hầu hết các lễ cúng được tập trung vào hai mùa xuân và thu. Mùa xuân rộ nhất vào cuối tháng giêng, đầu tháng hai âm lịch, thời điểm mở đầu vụ cá. Mùa thu rộ nhất là vào mùng 10 tháng tám âm lịch, thời điểm kết thúc vụ cá hàng năm, lúc ngư dân bắt đầu "thuyền treo

neo gác, để xem hát tuồng". Trong lễ cầu ngư, ngoài các nghi thức tế lễ thể hiện sự tôn nghiêm của ngư dân đối với một con vật đã trở thành linh thiêng, còn có nhiều hình thức hội ca hát, diễn trò rất vui nhộn như: hát khai diên (hát dâng cúng thần linh), múa siêu và hát bả trạo. Múa siêu có 5 bài gồm Xuân thiên, Lôi phong, Bể đồng, Lan mã và Múa chúc (còn gọi là chèo bả trạo). Bả trạo có nghĩa là nắm chắc tay chèo, tên gọi này gắn liền với động tác diễn xướng. Công tác sưu tầm, nghiên cứu cho thấy ở Phú Yên có nhiều vạn chài còn lưu giữ bài bả trạo. Tuy rằng mỗi bản bả trạo có những đoạn, lời văn khác nhau, song hầu hết đều mang bố cục chung là mở đầu ra khơi, tiếp đến đánh bắt cá, nghỉ ngơi, bão tố, chống bão tố và an bình.

*Lễ hội đầm Ô Loan*, đây thực chất là loại hình của lễ hội Cầu Ngư, được tổ chức tại đầm Ô Loan vào mùng 7 tháng giêng âm lịch hàng năm. Phần lễ với nghi thức cúng cá Ông trên đầm của các ngư dân, phần hội là các trò chơi dân gian trên mặt đầm như: hát tuồng, đua thuyền chài, bơi lội, đua thuyền thúng,... Từ năm 1991, Sở Văn hoá - Thông tin Phú Yên và Sở Thể dục - Thể thao Phú Yên đã phối hợp với xã An Cư và thôn Phú Tân (huyện Tuy An) đưa lễ hội truyền thống này thành một lễ hội của tỉnh, thu hút hàng vạn người tham gia.

*Hội đánh bài chòi*, vào mùa xuân, nhất là dịp Tết Nguyên đán, người dân các làng ở Hòa An, Hòa Trị (huyện Phú Hòa); Long Thủy, An Chấn (Tuy An); Hòa Tân, Hòa Thành, Hòa Vinh (huyện Tuy Hòa trước đây) và thành phố Tuy Hòa vẫn thường tổ chức lễ hội đánh bài chòi. Người dân nơi đây thường cắt 9 hoặc 11 chòi (được làm bằng các vật liệu như tranh, tre, nứa, lá) chia thành 2 bên, mỗi chòi

cao 2 đến 3m, rộng đủ vài ba người ngồi và một chòi ở giữa dành cho các quan chức địa phương.

Bộ bài chòi là bộ tam cúc cải tiến, bao gồm 33 lá bài, với những tên gọi được chuyển nôm na như: nhứt nọc, nhì nghèo, ông ầm, thằng bí, lá liễu,... vẽ trên giấy dán vào thẻ tre. Mỗi thẻ tre có ba con bài không trùng lặp nhau. Trong cuộc chơi bài có sự kết hợp với lối diễn xướng rất độc đáo. Đây là lễ hội mang đậm chất dân gian của vùng Nam Trung Bộ từ trang phục truyền thống, các chòi được dựng lên, đến các nhạc cụ dân tộc như: nhị, đàn cò, mõ,... Nhiều người cho rằng: đánh bài chòi gợi lại hình ảnh của những người Phú Yên thời mở đất. Khi đó, để tránh ác thú, xua đuổi chim muông phá hoại mùa màng, người ta phải cất chòi canh, rồi từ các chòi canh đó tổ chức trò chơi dân gian đánh bài chòi.

*Lễ hội đập Đồng Cam*, bắt đầu từ sau ngày tách tỉnh Phú Yên (ngày 1 tháng 7 năm 1989), cứ đến ngày mùng 8 tháng giêng âm lịch, nhân dân Phú Yên lại đến đập Đồng Cam để dâng hương tưởng niệm những người nông dân đã ngã xuống trong thời kỳ xây dựng đập Đồng Cam; từ đó phát triển dần thành ngày hội văn hóa, thu hút nhiều đối tượng tham gia với lòng tôn kính và biết ơn.

*Hội thơ trên núi Nhạn*, tại thành phố Tuy Hòa, vào rằm tháng giêng âm lịch hàng năm, những người yêu thơ tỉnh Phú Yên lại tổ chức đêm thơ trên núi Nhạn. Trong không gian khoáng đạt của ánh trăng đêm rằm, trước vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên, người yêu thơ được hòa mình vào không gian thơ. Đặc biệt, đêm thơ trên núi Nhạn đã tạo được hình thức sinh hoạt mang tính cộng đồng, khởi thủy cho việc hình thành ngày hội thơ hàng năm của người yêu thích thơ trong cả nước. Đây là hoạt động sinh hoạt

văn hóa đặc sắc của Phú Yên, mang đậm cốt cách "Thượng sơn thi hứng" của các bậc "tao nhân, mặc khách" thời xưa.

Bên cạnh những lễ hội dân gian, trong những năm gần đây, Phú Yên còn xuất hiện các loại hình lễ hội lịch sử, cách mạng. Trong nỗ lực xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, ngành văn hóa - thông tin Phú Yên đã có định hướng khôi phục các loại hình lễ hội truyền thống kết hợp với các lễ hội lịch sử, danh nhân nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng với nhiều sáng tạo trong phần hội, tạo được sự hấp dẫn đối với nhân dân. Tiêu biểu là lễ hội đền Lê Thành Phương (huyện Tuy An), lễ hội đền Lương Văn Chánh (thành phố Tuy Hòa).

Có thể nhận thấy điều ấy qua sự đa dạng của các loại hình lễ hội của Phú Yên. Đó là minh chứng sắc nét về vùng đất giàu truyền thống, đồng thời phản ánh sự phong phú trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây. Phát huy những tinh hoa còn lưu truyền lại, tỉnh Phú Yên hôm nay đang nỗ lực khơi dậy bản sắc văn hóa độc đáo nhằm gìn giữ và phát triển trong giai đoạn mới, cùng với cả nước phấn đấu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

### *Lễ hội Tháp Bà, Khánh Hòa

Lễ hội diễn ra tại khu di tích Tháp Ponagar, thành phố Nha Trang từ ngày 20 đến 23 tháng 3 âm lịch hàng năm.

Đây là lễ hội lớn nhất trong khu vực để tưởng niệm nữ thần Mẹ Xứ Sở. Theo truyền thuyết, Bà Mẹ Xứ Sở là người có công tạo lập xứ sở, duy trì nòi giống, tìm ra cây lúa, dạy dân trồng trọt... Nghi lễ có 2 phần chính: Lễ thay y (ngày 20 tháng 3), sẽ gồm tháo bỏ xiêm y, mũ miện cũ, tắm rửa tượng

nữ thần bằng nước lá thơm và thay xiêm y, mũ miện mới; Lễ cầu cúng (ngày 23 tháng 3) được tiến hành rất tôn nghiêm ca ngợi công đức Mẹ Xứ Sở và cầu mong cho dân sống yên bình, ấm no và hạnh phúc; Sau phần lễ là phần hội chủ yếu là múa bóng (điệu múa có động tác uốn người, ưỡn hông như các vũ nữ Chămpa có ở phù điêu tại khu di tích Tháp Bà), múa dâng bông và hát bộ diễn các tích tuồng cổ trước ngôi đền chính. Trước đây còn kèm theo các cuộc đua thuyền thúng dưới chân tháp. Lễ hội Tháp Bà không chỉ thu hút đông đảo bà con người Việt, người Chăm ở Nha Trang, Khánh Hoà mà nhiều người ở khắp nơi trong nước cũng nô nức kéo về dự hội.

### *Lễ hội Đền Hùng, Khánh Hòa

Lễ hội diễn ra tại đền Hùng Vương, đường Ngô Gia Tự, thành phố Nha Trang vào ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm.

*"Dù ai đi ngược về xuôi.*

*Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba".*

Đền Hùng gắn liền với lịch sử huyền thoại của tổ tiên nước Việt: Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ sinh trăm trứng, nở thành trăm con, 50 con theo cha xuống biển, 50 con theo mẹ lên núi. Người con cả ở lại nối ngôi cha và truyền được 18 đời Vua Hùng. Hòa chung cùng không khí ngày giỗ Tổ Hùng Vương của cả nước, tại Khánh Hoà, lễ hội được tổ chức trang trọng hàng năm vào ngày 10 tháng 3 âm lịch tại đền Hùng Vương. Đền Hùng Vương được xây dựng trong 3 năm từ 1971 đến 1974 thì hoàn thành. Lễ hội được tiến hành bằng những nghi lễ dâng hương, dâng hoa uy nghiêm, thành kính với sự tham dự của lãnh đạo tỉnh, các sở, ban ngành, đoàn thể, đại diện các tôn giáo, đông đảo nhân dân và các cháu học sinh

trong tỉnh. Nghi thức trang trọng, độc đáo thể hiện truyền thống tốt đẹp cao quý của dân tộc "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây", "chim có tổ, người có tông".

***Lễ hội tỉnh Ninh Thuận**

Tỉnh Ninh Thuận có rất nhiều lễ hội khác nhau, song đậm nét nhất vẫn là các lễ hội của đồng bào dân tộc Chăm: lễ hội Rija Nưga, lễ hội Katê (lễ tưởng niệm đấng Cha),... của người Kinh: lễ hội Cầu Ngư, lễ cúng nghinh Ông Sanh Thủy lục,... là nơi hội tụ, phô diễn sắc thái văn hóa, trang phục truyền thống và các giá trị văn hoá dân gian khác của đồng bào Chăm.

*Lễ hội Katê (lễ tưởng niệm đấng Cha),* là lễ hội dân gian đặc sắc nhất trong kho tàng văn hoá của người Chăm, là tấm gương phản chiếu sinh hoạt của cộng đồng, nơi hội tụ những giá trị tinh hoa văn hoá của cả dân tộc. Do đó, lễ hội không những gắn với đền tháp cổ kính mà còn gắn với một phần khác của văn hoá dân gian như: đồ cúng tế, y phục, nhạc cụ, những bài thánh ca ca ngợi các vị vua hiền có công với dân, với nước và kể về công việc mùa màng, vườn ruộng. Lễ hội Katê diễn ra từ ngày mùng 1 đến mùng 3 tháng 7 âm lịch hàng năm bao gồm: ngày thứ nhất là lễ đón rước y phục của nữ thần Pô Nưgar ở thôn Hữu Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Đây là lễ đón rước y phục của Nữ thần Pô Nưgar - Thần Mẹ Xứ Sở của người Chăm gắn liền với nhiều huyền thoại, truyền thuyết. Chính Nữ thần Pô Nưgar là thủy tổ của người Chăm, dạy người Chăm làm lúa, trồng bông dệt vải và sinh hoạt lễ hội như ngày nay. Lễ diễn ra tại ngôi Đền thờ (Danok) trong làng. Nơi đây, sẽ diễn các cuộc đón rước, trao báu vật của Nữ thần Pô Nưgar và giao

lưu văn hóa giữa người Chăm và người Raglai; Ngày thứ hai lễ hội Katê ở tháp PôKlông Grai, để tưởng niệm vua PôKlông Garai (1151 - 1205), vị vua có công với dân, với nước, được người dân suy tôn thành Thần thủy lợi. Nơi này vì thế đã trở thành trung tâm thu hút cộng đồng người Chăm Ninh Thuận trong ngày hội Katê hàng năm; Ngày thứ ba lễ hội Katê làng Chăm Mỹ Nghiệp thuộc thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Theo truyền thuyết, đây là nơi sinh ra vị vua Chăm Pô Klông Garai. Trong ngày lễ hội Katê, làng Chăm Mỹ Nghiệp tổ chức lễ dâng cúng thần làng, tổ sư nghề dệt và tổ tiên. Ngoài ra, còn tổ chức nhiều trò chơi như: thi dệt vải, đội nước, đá bóng, văn nghệ... Đây thực sự là hội làng hấp dẫn trong ngày lễ hội Katê ở các làng Chăm Ninh Thuận.

*Lễ hội Ramưwan*, là một lễ hội có giá trị văn hóa độc đáo của người Chăm Bình Thuận. Lễ hội Ramưwan của người Chăm có nhiều giai đoạn. Mỗi giai đoạn lại gắn với một nghi lễ riêng. Chính thức lễ hội này gồm có những giai đoạn: thứ nhất là lễ Kinh Hội đầu năm (người Chăm còn gọi là Sút Amư Răm); thứ hai là Kinh Hội xoay vòng (Sút Yâng); thứ ba là nghi lễ tảo mộ; thứ tư là tháng ăn chay Ramưwan (không gọi là Ramadan như người Chăm Hồi giáo mới) và cuối cùng là Tết ra (Và Har).

## II. LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

### *Làng bánh khô mè Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Bánh khô là đặc sắc của vùng đất Quảng Nam - Đà Nẵng, nhưng có lẽ bánh khô mè sản xuất tại làng Cẩm Lệ

là nổi tiếng thơm ngon hơn cả. Cẩm Lệ ở ngoại ô, cách Đà Nẵng 6km về hướng Nam, nay thuộc phường Khuê Trung, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Làng có nhiều lò làm bánh khô mè, trong đó người đi "tiên phong" là bà Huỳnh Thị Điểu, tên thường gọi là bà Liễu. Bánh khô mè mang nhận hiệu Bà Liễu ngày nay khá nổi tiếng trên thị trường.

Bánh khô mè được làm từ bột gạo, bột nếp, đường kính, gừng, và mè. Bột gạo pha với bột nếp được cho vào khuôn, hấp cách thủy, nướng khô, tẩm đường, tẩm mè... bánh tẩm bằng nếp rang gọi là bánh khô nổ, tẩm bằng mè thì gọi là bánh khô mè. Bánh ngon có ruột xốp dòn, đường dẻo, mè rang đủ độ chín thơm, lúc bẻ đường kéo thành sợi tơ vàng mảnh. Bánh khô mè thường được dâng cúng ông bà tổ tiên trong những ngày giỗ tết.

Hiện nay bánh được sản xuất và tiêu thụ quanh năm cả trong nước và ngoài nước.

### *Làng chiếu Cẩm Nê, Đà Nẵng

Cách trung tâm thành phố Đà Nẵng 14km về phía Tây Nam, làng chiếu Cẩm Nê thuộc xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Nơi đây từ lâu đã nổi tiếng với các loại chiếu hoa truyền thống. Chiếu hoa Cẩm Nê đã từng được hiện diện ở nội triều các vua nhà Nguyễn; những nghệ nhân Cẩm Nê xưa cũng đã từng được các triều đại vua sắc phong, ban thưởng.

Theo lời những vị cao niên của địa phương, nghề chiếu Cẩm Nê có nguồn gốc từ Hoằng Hóa, Thanh Hóa; truyền vào miền Nam khoảng từ thế kỉ XV. Từ đó đến nay, trải qua bao thăng trầm, thử thách bởi chiến tranh ly tán, có

lúc bị cạnh tranh dữ dội do các loại chiếu nilông ngoại nhập, chiếu hoa Cẩm Nê vẫn tồn tại.

Bằng những nguyên liệu đơn giản như lát (cói), đay và với một khung dệt kết cấu tinh tế, mỹ thuật, nghệ nhân làng Cẩm Nê đã cung cấp cho khắp nơi trong Nam, ngoài Bắc những tấm chiếu hoa đủ cỡ với những hoa văn trang trí đẹp. Ưu điểm của chiếu hoa Cẩm Nê là dày hơn, bền hơn, nằm êm lưng hơn so với chiếu của các địa phương khác. Đặc biệt mùa hè nóng bức, nằm trên chiếu Cẩm Nê sẽ cảm được cái mát lạnh, và vào mùa đông chiếu tỏa ra hơi ấm cùng với mùi hương đồng cỏ nội thơm dịu.

Ngoài làng chiếu hoa Cẩm Nê nằm bên con sông Yên thơ mộng, quanh vùng còn có làng nghề nong rổ Yến Nê, làng nón La Bông nổi tiếng.

### *Làng đá Non Nước, Đà Nẵng

Có lẽ không ai đến Ngũ Hành Sơn mà không ghé thăm làng mỹ nghệ Non Nước. Đó là một nơi sản xuất đồ mỹ nghệ bằng đá cẩm thạch nổi tiếng khắp cả nước và cả nước ngoài.

Theo một số nghệ nhân lớn tuổi của làng cho biết làng nghề đã có một lịch sử hàng ba, bốn trăm năm trước. Một vài tấm bia hiện tồn tại ở những ngôi chùa cổ trên đất Quảng Nam đã khẳng định điều đó. Hiện nay, ngay tại thắng cảnh Ngũ Hành Sơn nổi tiếng vẫn còn nhà thờ Thạch nghệ tổ sư, và hàng năm vào ngày mồng 6 tháng giêng, các hoạt động giỗ tổ đã diễn ra khá quy mô ở tại làng này.

Một vài vườn tượng tựa lưng vào núi, và vì thế nhờ cảnh quan bên ngoài, họ đã tổ chức một cách rất khéo léo tổng thể không gian nghệ thuật cho vườn tượng của mình.

Du khách chắc chắn sẽ rất thú vị và ngạc nhiên trước các tác phẩm bằng đá được trưng bày nơi đây. Những bức tượng trau chuốt, các con vật sinh động, những thức quà nhỏ nhắn, tinh xảo... thuộc những mô tip truyền thống và cả hiện đại nơi đây theo chân khách du lịch đã từng có mặt ở hầu hết khắp nơi trên thế giới.

Từ đất đá vô cảm, người nghệ nhân làng mỹ nghệ Hòa Hải đã thổi vào đó tâm hồn của con người. Dĩ nhiên quá trình này diễn ra ở nhiều công đoạn, và có cả những công đoạn vất vả, nhọc nhằn vô cùng. Niềm hạnh phúc trước một tác phẩm đã thành hình, thái độ ngưỡng mộ của người thưởng thức, và cả những khoản lợi thu được từ công việc đã giúp cho người dân làng nghề mỹ nghệ này ngày càng gắn bó với công việc của mình.

### *Làng nước mắm Nam Ô, Đà Nẵng

Không như những vùng làm nước mắm khác ở Việt Nam, làng cá Nam Ô (Đà Nẵng) chỉ chế biến nước mắm từ cá cơm than. Muối cá từ khoảng tháng ba âm lịch bằng thứ muối Cà Ná hạt to để đã vài năm, gần Tết Nguyên đán thì dùng được. Nước mắm Nam Ô có màu đỏ sậm, tỏa mùi thơm đầy hấp dẫn.

Nam Ô là làng đánh cá nhỏ, nằm ngay trên quốc lộ 1, ở đây có loại nước nắm ngon nổi tiếng. Loại cá làm nước mắm Nam Ô ngon nhất là cá cơm than đánh bắt vào tháng ba. Nước mắm Nam Ô ngon một phần là nhờ chọn thứ muối Cà Ná hạt to để lâu vài ba năm. Muối mang về đổ trên nền xi măng sạch, khô ráo, để từ năm đến bảy ngày cho chảy hết chất nước đắng, sau đó cho vào chum, vại cất vài năm trước khi đem làm.

Cá cơm than được lựa chọn kỹ là loại cá tươi, không to quá hoặc nhỏ quá. Khi muối, không cần rửa lại, vì trước khi lên bờ, cá đã được rửa bằng nước biển. Nếu rửa bằng nước ngọt sẽ làm cá mất ngon, để lâu sẽ bị thối. Những thùng, chum, vại muối phải làm bằng gỗ bằng lăng hoặc gỗ mít, mới đúng cách. Khi trộn cá chú ý, sao cho cá thấm muối thật đều, không bị nát, xếp từ từ từng lượt vào chum vại, đựng cá muối. Phía trên cùng đặt một lần vỉ đan bằng tre, hoặc mo cau khô gài lại. Đậy nắp thật kín, đưa vào phòng tối, khô ráo, sạch sẽ, kín gió, giữ nhiệt độ vừa phải, khoảng sáu, bảy tháng trộn cá muối lại. Khi nào lớp vỉ chèn xuất hiện lớp men mầu trắng thì tháo vỉ, vớt lớp men ấy ra. Cá muối vào tháng ba, gần Tết âm lịch bắt đầu lọc mắm, nhẹ tay lấy vỉ chèn ra, trộn đều mắm và dùng vải mịn để lọc mắm. Nước mắm chảy từ từ, có mầu đỏ sậm như mầu cánh gián, mùi thơm tỏa ra đầy hấp dẫn.

Nhiều làng lân cận Nam Ô cũng chế biến loại nước mắm này, nhưng không thành công. Theo những gia đình có truyền thống chế nước mắm Nam Ô thì việc chế biến phải có bí quyết và đòi hỏi công phu, chỉ sơ ý là nước mắm mất ngon.

### *Nghề làm rượu tà vạt, Đà Nẵng

Đây là một loại rượu của dân tộc Cơ Tu ở thôn Phú Túc, xã Hoà Phú, Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Cây tà vạt (tên gọi của đồng bào dân tộc Cơ Tu) mà người Kinh còn gọi là cây đoát. Cây tà vạt mọc tập trung thành từng cụm ở các triền núi thấp, gần khe, hố... nơi đất có độ ẩm cao. Nhìn chung thân cây giống như cây dừa ở đồng bằng, rễ chùm, thân to, khoẻ, có nhiều đốt dày, bẹ lớn, lá thưa.

Ngày trước người ta dùng lá tà vạt để lợp nhà nhưng cái đặc sắc và hấp dẫn nhất của cây tà vạt là làm "Buoh tà vạt"- rượu tà vạt. Đó là loại rượu lấy chất dịch thơm, ngọt từ buồng trái của cây tà vạt, cho lên men, uống rất thơm ngon và bổ dưỡng, rượu có vị ngọt, đắng nhẹ, khay khay làm tê tê đầu lưỡi, là loại rượu "khai vị" rất tuyệt vời và không thể thiếu được trong gia đình, lễ hội, ngày Tết của đồng bào dân tộc Cơ Tu. Nhưng muốn làm rượu tà vạt thì không đơn giản. Trước tiên, người ta vào rừng, chọn những cụm tà vạt sống ở gần khe, hố, chọn những cây to, mập mạp để "lấy rượu". Sau khi phát dọn quanh các gốc tà vạt đã chọn, tuỳ theo cây cao thấp, người ta làm một cái thang bằng cây và dây rừng từ gốc lên đến các buồng trái. "Tiến trình" sản xuất rượu tà vạt cũng không kém phần gian nan và đầy tính nghệ thuật. Thường thường, mỗi cây tà vạt cho bốn, năm buồng, nhưng chỉ chọn lấy "nước" có một buồng có trái vừa, thích hợp. Lý tưởng nhất là trái cỡ trái cau là cho nhiều nước và phẩm chất tốt nhất. Cứ 3 ngày một lần, người ta leo lên nơi gần buồng, dùng dùi cui - đẽo bằng cây rừng - đập nhẹ chung quanh cuống của buồng trái mà mình đã chọn. Mỗi lần đập khoảng một vài giờ. Sau 4 hoặc 5 lần đập, tiến hành cắt ngang cuống buồng trái. Sau đó dùng cọng cây môn nước giã dập và bịt ngay đầu mới cắt, bên ngoài bọc bằng lá rừng và buộc lại. Động tác này gọi là "nhử nước". Tuỳ theo cây, có thể nhử ba hoặc bốn lần mới ra nước, theo dõi khi thấy nơi mặt vết cắt, có nhỏ giọt nhanh, đều thì gạt bỏ lớp "chất nhử" và treo một cái can 10 lít để hứng. Có thể dùng ống nhựa, lồ ô, giang... để dẫn nước vào can. Chất nước này, lúc vừa chảy ra thì hơi trong, thơm và ngọt rất hấp dẫn với các côn trùng như kiến, ong... nên người ta phải bịt, che lại.

Để dung dịch này lên men, dùng vỏ cây chuồn (một loại cây chắc, nặng), dần cho mềm rồi cho vào rượu theo liều lượng thích hợp. Tuỳ theo khẩu vị, phong tục, tập quán từng vùng, từng bản mà người ta đưa vỏ cây chuồn vào nhiều hay ít. Muốn rượu có nồng độ cao hơn, vị đắng, thì cho vỏ chuồn nhiều và ngược lại. Khi rượu đã xúc tác tốt với men thì có màu đục, trắng. Trung bình - thời điểm rượu chảy nhiều nhất - mỗi ngày đêm cho ra từ 5 đến 10 lít rượu/1 cây. Cứ mỗi ngày, hai lần, sáng và chiều người ta đi lấy rượu. Thông thường, mỗi người quản lý một cụm từ 5 đến 10 cây tà vạt. "Rượu tà vạt" cho rượu rất lâu, có thể đến hai, ba tháng mới hết. Càng về sau, cây càng hết chảy dần, trung bình mỗi cây tà vạt lấy được trên dưới 300 lít rượu. Tà vạt ra hoa, có trái hầu như quanh năm, nên rượu tà vạt có thể "sản xuất" quanh năm.

### * Làng chiếu Bàn Thạch, Quảng Nam

Làng nghề thuộc xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Từ thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên đi về hướng đông khoảng 5km, du khách sẽ bắt gặp những bãi đay xanh tốt nằm dọc hai bờ hữu ngạn con sông Thu Bồn. Đây là nguồn nguyên liệu chính của làng nghề dệt chiếu Bàn Thạch. Từ sợi đay đơn sơ nhưng qua bàn tay khéo léo, tài hoa của những người phụ nữ Bàn Thạch đã trở thành những chiếc chiếu trắng, chiếu hoa, chiếu trổ, chiếu bông, chiếu nổi... rực rỡ, mịn và bền chắc, được thị trường trong nước ưa chuộng.

Khác với các làng nghề dệt chiếu khác, thường dệt chiếu trắng rồi in khuôn hoa lá, hình ảnh lên nền chiếu, chiếu hoa ở Bàn Thạch thực sự là một "bức tranh hài hòa về màu

sắc" của những "họa sĩ nông dân". Để hình ảnh, màu sắc sảo và ít phai, phải mất khá nhiều công đoạn. Trước tiên là chọn sợi lác về nhuộm phẩm với đủ loại màu xanh, đỏ, tím, vàng... Để màu nhuộm chính xác, khó phai thì phải nấu phẩm lên, nhúng từng chùm nhỏ vào, tùy theo độ đậm nhạt mà có thể nhúng 2-3 lần trở lên. Lác nhuộm phẩm xong phải phơi cho đủ nắng, không quá gắt vì dễ giòn gãy, cũng không quá dịu vì dễ ẩm mốc. Lác dùng để dệt phải ửng màu xanh, dệt xong đem phơi sẽ cho ra màu trắng sáng. Sợi lác còn dài, không chắp nối thì sẽ cho ra những chiếc chiếu mịn, giá có thể cao hơn rất nhiều. Loại cây để làm go (khổ) và thoi dệt chiếu thường là cây cau già vì có độ bền, nhẹ và thẳng. Để dệt một chiếc thường cần có hai người: một người giữ go, một người cầm thoi.

Tùy theo hình dáng hoa văn mà người dệt sẽ điều khiển mặt cửi chạm nổi âm dương, mắc cửi đơn hoặc kép cho phù hợp. Bàn tay phải khéo léo điều khiển sợi đay lúc nâng lên, lúc chìm xuống, cải ba, cải hai,... để cho ra các hình hoa văn thật ăn khớp nhau. Thường người mua tìm đến tận nhà để đặt dệt những mẫu chiếu theo ý mình, chẳng hạn chiếu hoa có chữ song hỷ, màu tươi sáng dành cho những vợ chồng mới cưới. Chiếu có chữ thọ, màu sắc trang nhã dùng để trải tại các đình thờ, trong việc cúng kính,...

Vài ba năm trở lại đây, khi các loại chiếu trúc, chiếu nhựa hoa của Trung Quốc lan tràn tại Việt Nam, những tưởng làng nghề dệt chiếu cũng dần tàn lụi. Nhưng theo người dân làng thì thị trường của họ vẫn ổn định, có "phân khúc" rõ ràng. Theo những người dân làm nghề cho biết nằm chiếu dệt thủ công vừa rẻ, vừa bền, vẫn bảo đảm độ thoáng mát, chiếu Bàn Thạch luôn đạt được sự hài hòa trong màu sắc, sự sắp xếp hoa

văn, hình ảnh (có thể là hoa lá, chim muông, hoặc chữ thọ, song hỷ,...) có thể linh động theo yêu cầu của người đặt hàng. Điểm yếu duy nhất của chiếu tại làng nghề là khó gập lại nhỏ để đóng vào hộp mang đi xa. Thế nhưng hiện nay người dân đang tìm tòi và cải tiến phần nào.

Khi du lịch phát triển, các hãng lữ hành và huyện Duy Xuyên đã có kế hoạch đầu tư, khôi phục và đưa làng chiếu Bàn Thạch vào địa chỉ tham quan của du khách trong các tour du lịch. Người dân làng nghề cũng ý thức rất rõ lợi ích từ các tour du lịch mang lại nên ngày càng đầu tư vào mẫu mã, chất lượng sản phẩm để chào bán du khách.

### *Làng dệt Mã Châu, Quảng Nam

*"Mã Châu con gái mỹ miều*
*Sớm mai dệt lụa, buổi chiều ươm tơ"*

Làng nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa Mã Châu thuộc thôn Châu Hiệp, thị trấn Nam Phước, tỉnh Quảng Nam. Dưới bóng cây đa nghìn tuổi còn hiện diện mái đình Mã Châu cổ kính là nơi thờ cúng vị tổ nghề dệt của làng.

Theo lời kể của người dân Mã Châu thì từ thế kỷ XVI-XVIII, những bậc tiền nhân khai khẩn đã sớm nhận ra đất xứ Quảng rất phù hợp với nghề trồng dâu, nuôi tằm và làng dệt lụa Mã Châu đã được lập nên từ đó. Trải qua bao biến động của thời cuộc, thăng trầm của lịch sử, nghề dệt vẫn được truyền lưu giữ từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, người thợ Mã Châu đã dệt nên những tấm vải xi-ta, may quân trang cho bộ đội. Tuy nhiên, chiến tranh cũng làm cho người dân phải lang bạt khắp nơi, nghề dệt truyền thống của làng bị đình đốn.

Sau ngày miền giải phóng, đất Châu Hiệp lại bạt ngàn xanh tốt những nương dâu, tiếng thoi dệt vải rộn ràng lách cách vang lên. Nhưng khi phải đối mặt với cơn bão của nền kinh tế thị trường, nghề dệt Mã Châu có lúc đứng trước nguy cơ bị tàn lụi. Song nhờ lòng yêu nghề của người dân, sự quan tâm của chính quyền, làng dệt Mã Châu đã không bị mất đi mà trái lại ngày càng phát triển. Nếu như trước đây, cả làng chỉ có khoảng 100 khung cửi gỗ thô sơ đạp bằng chân chuyên sản xuất vải màn, băng y tế thì nay đã có gần 3.000 máy dệt các loại, trong đó có máy bán tự động và tự động. Làng đã sản xuất được những mặt hàng vải cô-tông, ka-tê có chất lượng cao. Phần lớn số hộ trong làng sống bằng nghề này.

Với vị trí giao thông thuận lợi, nằm trên con đường kết nối hai di sản văn hóa thế giới là Hội An và Mỹ Sơn, Mã Châu sẽ là điểm đến hấp dẫn trong lộ trình du lịch của du khách trong và ngoài nước. Đây chính là cơ hội để người dân làng nghề Mã Châu tự giới thiệu với du khách bốn phương về thương hiệu vải lụa có hàng trăm năm tuổi của quê hương mình.

### *Làng đúc đồng Phước Kiều, Quảng Nam

Từ xa xưa làng đúc đồng Phước Kiều nổi tiếng bởi công nghệ chế tác, tạo ra nhiều chủng loại sản phẩm phục vụ cho nhu cầu tế lễ, thờ cúng, hội hè và các vật dụng sử dụng trong gia đình. Các loại sản phẩm thường có như: chiêng đồng, mõ, phèn la, lư hương, chân đèn, bình cổ,... và còn có cả một số dụng cụ bằng đồng khác.

Các vua chúa thời Nguyễn đã mời các nghệ nhân của làng về kinh đô Huế để đúc tiền cùng các tác phẩm nghệ thuật trang trí hay đồ gia dụng. Những năm 90 của thế kỷ

trước, do tình hình biến động của thị trường, các cơ sở sản xuất chưa kịp đổi mới, nghề đúc đồng Phước Kiều bị mai một. Dân Phước Kiều, người chuyển nghề, người đi làm thuê cho các địa phương khác.

Sản phẩm đúc đồng Phước Kiều đã có mặt ở nhiều nơi trên cả nước với đặc trưng truyền thống không nơi nào có được. Đúc đồng thủ công có rất nhiều công đoạn như làm khuôn, pha chế kim loại, thử tiếng... nhưng khó nhất vẫn là khâu pha chế kim loại. Đây là bí quyết và kinh nghiệm làng nghề. Khâu này quyết định phần lớn đến âm thanh của các loại chuông, chiêng, tạ... Chính vì thế những sản phẩm nơi đây có âm thanh hay mà ít nơi nào có được. Tỉnh Quảng Nam đang cố gắng để phát triển làng nghề gắn liền với du lịch. Một dự án khai thác tuyến du lịch đường sông qua làng nghề Phước Kiều để du khách có thể tận mắt chứng kiến cảnh đúc đồng thủ công và mua sắm các sản phẩm của làng nghề đang được tỉnh triển khai.

### *Làng mộc Kim Bồng, Hội An, Quảng Nam

Nhắc đến nghề mộc ở Hội An người ta không thể không nhắc đến làng mộc Kim Bồng. Làng mộc Kim Bồng nằm ở xã Cẩm Kim đối diện khu phố cổ Hội An, bên kia bờ con sông Hoài. Nghệ nhân làng mộc Kim Bồng từng tự hào với việc cha ông họ đã được vua chúa nhà Nguyễn mời ra kinh đô xây dựng và tôn tạo các công trình thành quách, lăng tẩm.

Nghề mộc Kim Bồng được hình thành từ thế kỷ XV bởi những người Việt đầu tiên ở đồng bằng Bắc Bộ và vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh vào khai khẩn vùng đất Cẩm Kim - Hội An thời bấy giờ. Cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII nghề mộc Kim Bồng bắt đầu phát triển nhờ sự phồn thịnh của thương

cảng Hội An. Đến thế kỷ XVIII, nghề mộc Kim Bồng đã phát triển mạnh mẽ và thịnh đạt thành làng nghề với ba nhóm nghề rõ rệt: nghề mộc xây dựng các công trình kiến trúc đô thị, nghề mộc dân dụng và nghề đóng tàu thuyền mộc.

Ngày nay, dấu ấn mộc Kim Bồng còn thể hiện rõ nét trên các ngôi nhà cổ, chùa, hội quán, nhà thờ tộc ở Hội An với những đường nét chạm trổ tinh vi, đẹp mắt. Cũng như ngày xưa, mộc Kim Bồng chuyên về xây dựng nhà cửa và đóng tàu. Cùng với sự phát triển du lịch, một bộ phận nghệ nhân mộc Kim Bồng chuyển sang làm mộc mỹ nghệ để phục vụ khách du lịch. Đó là các loại tượng gỗ và đồ dùng phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày.

Gỗ để làm tượng trước tiên phải được phơi khô để tránh cho tượng bị nứt nẻ sau này. Sau đó gỗ sẽ được cưa theo hình dáng và kích thước tương ứng với sản phẩm cần làm. Đối với loại tượng có kích thước lớn thì người thợ ghép nhiều khúc gỗ lại với nhau đó là dùng bột gỗ để trít các khe hở. Tiếp theo là giai đoạn tạo dáng. Người thợ dùng đục đẽo để tạo dáng tổng quát của tượng sau đó sẽ đi dần vào các chi tiết như tay chân, mắt, mũi, miệng... Cuối cùng là giai đoạn đánh bóng tượng. Tượng sau khi được đánh bóng trông sẽ đẹp mắt hơn nhờ vào mặt gỗ nhẵn thín sạch sẽ, nổi rõ từng vân gỗ.

Các nhân vật được tạc tượng thường là một nhân vật thuộc tín ngưỡng dân gian như: Quan Công, Phúc Lộc Thọ, Đạt ma sư tổ, Thập bát la hán, Bồ tát Di lặc...

### *Làng trống Lâm Yên, Quảng Nam

Lâm Yên là vùng tứ châu của bốn địa giới gộp lại: Lâm Tây, Lâm An, Lâm Đại, Lâm Trung nay là ấp Nam, xã Đại Minh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Nghề làm trống ở

Lâm Yên là nghề phụ nhưng những sản phẩm của họ làm ra rất được khách ưa chuộng.

Không ai biết nghề làm trống ở Lâm Yên có từ bao giờ. Từ bao đời nay khi đến những mùa lễ hội: "Cử chinh cổ" người dân Đại Lộc nói riêng và vùng lân cận Điện Bàn, Duy Xuyên... thường nhắc đến câu ca: "Trống Lâm Yên, chiêng Phước Kiều".

Hiện tại ấp Nam (Lâm Yên) có một gia tộc họ Phan đã có trên 7 đời làm trống. Vào thời điểm của những năm đầu Trịnh - Nguyễn phân tranh ông Phan Công Thiên từ Hải Dương theo đoàn ngoài cư dân vào khai phá miệt vườn ở Quảng Nam. Ông dừng chân ở Lâm Yên (Đại Minh - Đại Lộc ngày nay) và sau đó duy trì được nghề truyền thống của tổ tiên dòng họ Phan và làng trống Lâm Yên tồn tại cho đến hôm nay.

Quy trình làm thành một chiếc trống (trống chầu, trống lịch, trống lân, trống chiên, trống chùa...) người thợ làm trống phải qua nhiều công đoạn khác nhau. Đầu tiên là làm dăm trống và dăm trống ở đây được chọn phải là gỗ mít. Gỗ mít được phơi khô và được người thợ bỏ mực, cưa xẻ theo chiều cong của dăm tuỳ theo kích thước của trống mà độ cong của dăm khác nhau. Dăm trống được bào nhẵn, tre được vót tròn nhọn làm niềng trống, dọn miệng phẳng. Thứ đến là da trâu mua về căng ra phơi cho khô, cắt mặt ngâm vào nước lạnh từ 2 đến 3 ngày, vớt ra thuộc mỏng. Sau đó đặt lên bịt vào đóng chốt thành mặt trống. Làm xong công đoạn này người thợ phải bào sạch mặt, láng ngoài rồi bắt niềng cố định cho trống.

Nghề làm trống đòi hỏi ở người thợ tính cần cù nhẫn nại, chịu khó và khéo tay khi bắt đầu đến khi hoàn thành

sản phẩm. Mỗi chiếc trống làm ra đều có quy cách và kích cỡ nhất định theo từng loại: trống chầu, trống chiên, trống chùa... Nếu chiếc trống có kích thước trung bình (đường kính mặt trống từ 20-50cm) thì người thợ mất thời gian từ 2 đến 4 ngày. Mỗi sản phẩm làm ra đòi hỏi rất cao: chất liệu phải đảm bảo độ bền, độ vang của trống, dăm trống (thân trống) phải bằng gỗ mít và mặt trống phải bằng da trâu chứ không phải bằng bất kỳ chất liệu khác.

Hàng năm không phải mùa nào nghề trống ở Lâm Yên cũng đắt khách mà phải chờ vào tháng 3 (thanh minh) và tháng 8 âm lịch. Hai tháng này có nhiều lễ cúng tế có nhiều người đến đặt trống thì người thợ Lâm Yên mới có điều kiện và thời gian để làm trống.

Xã hội ngày một phát triển, trong đó có đáp ứng về nhu cầu tinh thần, nhu cầu văn hoá thể hiện qua các hình thức lễ hội, nghệ thuật... thì không thể thiếu bởi tiếng trống chầu, trống lệnh hay trống chùa. Chắc chắn nghề làm trống Lâm Yên, Đại Minh, Đại Lộc, Quảng Nam sẽ được duy trì và không ngừng phát triển.

### *Nghề dệt thổ cẩm của người Cơ Tu, Quảng Nam

Tuy chưa phát triển với quy mô làng nghề, nhưng dệt thổ cẩm đã trở thành một nghề truyền thống, mang đậm bản sắc văn hoá Cơ Tu.

Với bàn tay khéo léo và sự cần mẫn, kiên trì, người phụ nữ Cơ Tu đã biến những thứ nguyên liệu cây nhà lá vườn thành những tấm đắp (tuốc), khố (cha lan), váy (doáh)... với nhiều họa tiết, màu sắc lộng lẫy và độc đáo. Các công đoạn dệt thổ cẩm hoàn toàn được thực hiện bằng phương pháp thủ công, từ khâu trồng nguyên liệu (đay, gai, bông) đến

khâu kéo sợi, nhuộm màu, thêu dệt và bố trí hoa văn. Riêng với công đoạn dệt thổ cẩm, để thực hiện hoàn chỉnh một sản phẩm, người phụ nữ Cơ Tu phải làm việc cật lực trong nhiều ngày liền, thậm chí phải mất hơn một tháng.

Nghề dệt thổ cẩm hiện còn lưu truyền tại hầu hết các làng đồng bào Cơ Tu, nhưng tập trung nhiều nhất là làng TaBhing. Tại đây, du khách sẽ rất thích thú khi được những người phụ nữ Cơ Tu ân cần chỉ dẫn từng động tác dệt thổ cẩm với những chiếc khung dệt đơn giản làm từ các thanh gỗ, thanh tre, thanh nứa kết hợp lại.

### * Làng gốm Thanh Hà, Quảng Nam

Có nguồn gốc Thanh Hoá, làng gốm Thanh Hà được hình thành từ cuối thế kỷ XV và phát triển mạnh cùng với cảng thị Hội An trong các thế kỷ kế tiếp. Sản phẩm gốm Thanh Hà được làm từ nguồn nguyên liệu chính là đất sét bởi những bàn tay điêu luyện của nghệ nhân và kỹ thuật truyền thống của làng nghề. Sản phẩm chủ yếu là các đồ dùng phục vụ đời sống sinh hoạt hằng ngày như chén, bát, chum, vại, bình hoa, chậu cảnh, hình thù các con giống,... mang nhiều kiểu dáng, màu sắc rất phong phú và đặc biệt nhẹ hơn so với các sản phẩm cùng loại của những địa phương khác.

Cho đến nay, làng gốm Thanh Hà vẫn tồn tại và hoạt động sản xuất thủ công với phương tiện và kỹ thuật truyền thống. Chính vì thế làng gốm Thanh Hà trở thành một bảo tàng sống, một nguồn tư liệu quý giá cho các nhà khoa học tìm hiểu, nghiên cứu về nghề gốm cổ truyền của Việt Nam nói riêng cũng như của vùng Đông Nam Á nói chung.

Làng gốm Thanh Hà nằm ngay bên bờ sông Thu Bồn, thuộc địa bàn xã Cẩm Hà - thị xã Hội An. Đến thăm làng,

ngoài việc thả sức lựa chọn các sản phẩm lưu niệm bằng gốm, du khách còn được tận mắt chứng kiến những thao tác điêu luyện từ những bàn tay tài hoa của các nghệ nhân làng nghề này.

***Làng dệt thổ cẩm của người H'rê ở Ba Tơ, Quảng Ngãi**

Không chỉ nổi tiếng là mảnh đất anh hùng đã đi vào sử sách, làng người H'rê thuộc huyện Ba Tơ (Quảng Ngãi) còn được biết đến là một mảnh đất đẹp và thơ với núi sông hùng vĩ, thiên nhiên tươi đẹp; các làn điệu dân ca, ca chọi nổi tiếng, các nhạc cụ độc đáo, nghề đan lát, cấu trúc nhà sàn... Đặc biệt, trong những dịp cúng mừng năm mới, hội làng, lễ cưới của người H'rê, ngoài cồng chiêng, rượu cần thì không thể thiếu những trang phục truyền thống được làm từ thổ cẩm.

Người H'rê có nghề truyền thống là dệt thổ cẩm với những nét độc đáo riêng từ nguyên liệu, hoa văn đến màu sắc sản phẩm. Trước kia, nguyên liệu để dệt thổ cẩm người ta lấy từ cây bông đem về phơi nắng cho cánh nở bung, sau đó đánh tơi xốp rồi kéo thành sợi. Điểm nổi bật dễ nhận thấy ở những bộ trang phục của người H'rê là thường có hai màu đen và đỏ. Nét này cũng dễ hiểu bởi người H'rê vốn rất ưa hai loại màu sắc đó. Theo người già ở đây những gì họ thích, đã thành biểu tượng thì luôn được đưa vào những thứ gắn bó mật thiết với cuộc sống hàng ngày. Hoa văn được thể hiện trên những tấm thổ cẩm của người H'rê rất đa dạng phong phú. Đó là hoa văn biểu hiện sự gần gũi với con người như mây trời, sông suối, núi rừng, nương rẫy, hàng rào... ở những tấm choàng, tấm địu trẻ nhỏ, váy phụ nữ... hoa văn có mô típ hình học như hình

thoi, hình quả trám, hình chữ nhật, hình vuông... tạo thành những ô nối tiếp nhau; hoặc hoa văn đường thẳng, đường lượn sóng... tạo nên hình dáng cách điệu con sông, con suối; hay hoa văn có hình giống các loài vật như mỏ gà, mũi tên bay, tổ ong, da rắn, da trăn, lá cây... Nghệ thuật dệt hoa văn này độc đáo ở chỗ là phương pháp kỹ thuật dệt cài hoa văn, chứ không phải là những đường thêu bằng chỉ màu trên nền vải như một số tộc người anh em khác. Các họa tiết hoa văn của người H'rê rất khiêm nhường, lặng lẽ, các gam màu hòa sắc chung với các màu khác, không rực rỡ.

Để dệt một tấm thổ cẩm hoàn chỉnh, người thợ thủ công phải tốn thời gian khoảng nửa tháng, có khi lâu hơn tùy theo kích thước của tấm thổ cẩm, nhưng trước sự xâm nhập của các loại vải đang thịnh hành trên thị trường thì công làm ra một tấm vải như thế không thể lợi nhiều về kinh tế. Tuy vậy, việc dệt vải thổ cẩm đó như một cách "giữ lửa cho làng" vậy.

Những năm gần đây, sự giao thương giữa miền xuôi với miền ngược mở ra, người H'rê bắt đầu quen với kiểu ăn mặc mới, dần bỏ sắc phục truyền thống và ăn mặc như người miền xuôi. Nghề dệt thổ cẩm truyền thống cũng từ đó mai một dần.

Tuy nhiên nhằm hỗ trợ việc bảo tồn các di sản văn hoá phi vật thể có nguy cơ mai một, một dự án duy trì nghề dệt thổ cẩm cho làng Teng được Quỹ Hỗ trợ bảo tồn nghệ thuật văn hoá dân gian đang được triển khai tại đây. Hiện tại, trên 30 nghệ nhân của làng đang mở lớp truyền nghề cho gần 100 thiếu nữ. Những khung cửi bắt đầu rộn lên âm thanh của ngày mùa. Không còn cảnh lặn lội vào rừng

tìm cây cho màu để nhuộm vải hoặc phải trồng bông như ông bà của họ, các thiếu nữ H'rê chỉ mất một giờ đi xe máy là có trong tay các nguyên liệu cần cho một vuông vải thổ cẩm. Có điều, các bà, các mẹ vẫn phải đứng bên họ trong suốt nhiều tháng trời thì thổ cẩm làng Teng mới giữ đúng thương hiệu của mình. Huyện đang chú trọng khôi phục các làng nghề truyền thống. Mục tiêu của các chương trình quảng bá trên là nghề dệt thổ cẩm của làng Teng tiếp tục duy trì và phát triển, phấn đấu tăng thu nhập cho mỗi hộ gia đình. Thêm nữa, chính quyền địa phương phối hợp với nhà tài trợ đang khẩn trương mở thêm các điểm trưng bày quảng cáo sản phẩm thổ cẩm H'rê ở các điểm du lịch, khách sạn, nhà hàng để quảng bá sản phẩm truyền thống này. Để làm được điều này, quan trọng là nâng cao chất lượng sản phẩm, thiết kế, làm ra nhiều loại sản phẩm đẹp, tiện lợi hấp dẫn, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng.

Hy vọng trong một tương lai không xa, làng Teng, xã Ba Thành, huyện Ba Tơ trở thành điểm du lịch nằm trong tour du lịch phía Nam của tỉnh Quảng Ngãi. Lúc đó, sản phẩm thổ cẩm của làng trở thành hàng lưu niệm mang đậm tính văn hóa, sẽ đứng vững và sớm vươn ra các thị trường. Trong thời gian tới đây, trong những ngôi nhà của bản làng người H'rê sẽ giữ được nguyên vẹn những khung dệt thổ cẩm để làm ra những sản phẩm du lịch độc đáo, níu chân du khách ở lại vùng cao Quảng Ngãi.

### *Làng dệt thổ cẩm Hà Ri, Bình Định

Theo cách truyền thống, khi còn phải tự làm sợi, cứ quãng tháng ba, tháng tư là bà con lên rẫy trồng bông, đến tháng tám, tháng chín thì bông được thu hoạch. Quả bông

đem phơi khô rồi kéo ra và quay thành sợi. Còn với nguyên liệu dệt bằng cây gai thì lấy dao cạo lớp vỏ bên ngoài, đập dẹp, đem phơi khô rồi dùng tay xé nhỏ, xoắn hai, ba sợi lại đem ngâm với nước vo gạo cho sợi kết lại... Thuốc nhuộm là củ, vỏ cây được lấy từ rừng về, đem nấu và vắt lấy nước. Sợi được ngâm vào thuốc, qua một đêm vớt ra, phơi khô sau đó đưa lên sa quay thành từng cuộn theo từng màu sắc riêng biệt. Đó là phần nguyên liệu, còn khung dệt chỉ là một khung gỗ, bộ sa quay để kéo sợi. Để dệt một tấm chăn hay một tấm vải đủ may một bộ áo váy nữ nếu rảnh lúc nào làm lúc nấy phải mất cả tháng trời, còn nếu dệt liên tục thì cũng khoảng bốn đến năm ngày.

Về cách dệt thổ cẩm thì kỹ thuật của người Bana tương đối giống với một số dân tộc khác như Chăm, H'rê. Song về hoa văn, họa tiết trang trí thì có nhiều nét khác nhau. Thổ cẩm của người Bana K'riêm ở Vĩnh Thạnh dùng nhiều họa tiết hoa văn hình học với các đường thẳng, đường cong, hình tam giác. Họa tiết thường là những nét hoa văn li ti chồng lên nhau tạo thành một dải phức hợp quanh một mẫu trang trí chính là ngôi sao tám cánh dệt trên nền trắng. Người Bana chọn màu đen làm màu chủ đạo trong trang phục thổ cẩm kết hợp với các màu đỏ, trắng và điểm một ít màu vàng, xanh non tạo nên ấn tượng mạnh mẽ nhờ sự tương phản. Có thể nói rằng, thổ cẩm của người Bana chính là sự kết tinh văn hoá trong môi trường tự nhiên, xã hội riêng biệt. Nó mang nét đẹp của sự hồn nhiên, thanh khiết. Như đất, như nước, như núi rừng Tây Nguyên.

Ngày nay nghề dệt thổ cẩm có nhiều thuận lợi hơn, nguyên liệu bán sẵn ngoài chợ khá nhiều, những người thợ

dệt thường đi chợ mua chỉ màu và vải may sẵn về dệt. Chỉ màu ngoài chợ có đủ màu sắc, vừa bền đẹp lại vừa rẻ. Người dệt mua chỉ màu về chỉ để dệt hoa văn cạp váy, còn thân váy là vải đen được may nối vào. Thuận lợi là thế, nhưng nhìn một chiếc váy bằng thổ cẩm bây giờ hình như thiếu hẳn độ sâu và vẻ đẹp hồn nhiên của thổ cẩm truyền thống. Số hộ làm nghề dệt thổ cẩm ở Vĩnh Thạch không còn nhiều, các thợ dệt khi có thời gian rảnh rỗi, khi trông nhà, lúc trông con nhỏ, hết việc nhà thì ngồi vào dệt. Có khi một tấm vải áo dệt hàng tháng trời vẫn còn nằm dở dang trên khung cửi. Theo nhiều người hiện còn làm nghề dệt thì lâu nay bà con chỉ dệt tranh thủ lúc công việc nương rẫy, đồng áng đã tạm xong. Việc khôi phục làng nghề là điều đang được thực hiện, bên cạnh cũng cần tạo điều kiện để các cơ sở làm nghề đổi mới hình thức sản phẩm phù hợp thị hiếu thị trường và có các biện pháp thiết thực giải quyết đầu ra cho sản phẩm thì cần nâng cao ý thức bảo tồn một làng nghề truyền thống của người dân. Một phần sản phẩm làm ra là để phục vụ nhu cầu sử dụng của đồng bào Bana trong huyện, tuy nhiên trong tương lai phần lớn sản phẩm thổ cẩm sẽ được tiêu thụ mạnh hơn phục vụ cho khách du lịch, khi tour du lịch sinh thái Quy Nhơn-Tây Sơn-Vĩnh Thạnh được mở rộng.

### *Làng nghề rượu Bàu Đá, Bình Định

Làng rượu Bàu Đá thuộc địa phận thôn Cù Lâm Bắc, xã Nhơn Lộc, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Đây là nơi chế biến ra loại rượu thơm ngon nổi tiếng, sánh ngang với các sản phẩm rượu nổi tiếng khác của Việt Nam. Tại Nhơn

Lộc có khoảng hơn 1.000 hộ nấu rượu trong lúc nông nhàn và vào các ngày lễ tết. Riêng thôn Cù Lâm Bắc có khoảng vài chục hộ sinh sống chủ yếu bằng nghề nấu rượu.

Tương truyền, thuở xưa có một người phụ nữ tên Đấu quê ở huyện Tây Sơn (Bình Định), lấy chồng về làng Bàu Đá và đem theo nghề nấu rượu gia truyền. Để có được rượu ngon, bà đã phải dùng nước đựng trong bàu của gia đình mình để nấu rượu, bởi vậy mà rượu mới thơm ngon và có hương vị rất riêng, khác hẳn các loại rượu khác. Sau khi bà mất, bà đã để lại công thức nấu rượu gia truyền cho người dân trong làng. Để tưởng nhớ công ơn của bà, người dân làng Bàu Đá đã lấy tên bà để đặt tên cho thứ rượu tuyệt hảo này, nhưng để không phạm huý, người ta đã gọi lái sang là Bàu Đá (bà Đấu).

Theo các lão làng có kinh nghiệm lâu năm trong nghề nấu rượu Bàu Đá cho biết, để có một nồi rượu thơm ngon, người ta phải dùng gạo trì để nấu, mỗi mẻ là 5kg gạo, nấu đúng 6 tiếng đồng hồ và chỉ cất được từ 2,5-3l rượu. Và vật dụng làm rượu, người ta sử dụng củ tre có hình cong, ruột đục rỗng để làm ống dẫn rượu từ lò ra chum. Chum đất hứng rượu phải được bịt kín để tránh rượu bay hơi. Trong thời gian nấu, thông thường người ta chỉ để lửa liu riu, tuy nhiên, vẫn phải thường xuyên lắng nghe giọt rượu nhỏ nhanh hay chậm để thêm hay bớt lửa. Chính vì cách nấu cẩn thận này mà rượu Bàu Đá có hương vị rất tinh khiết và đậm đà.

Hiện nay, rượu Bàu Đá Bình Định đã và đang được người tiêu dùng trong tỉnh, trong nước và du khách nước ngoài rất ưa chuộng vì chất lượng rượu không thua kém những sản phẩm rượu nổi tiếng khác như: Rượu làng Vân

(Bắc Giang), rượu Sán Nùng (Lào Cai)... Để sản phẩm rượu Bàu Đá ngày càng nổi tiếng hơn, xã Nhơn Lộc đã đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng, các khu bán đồ lưu niệm phục vụ khách tham quan, đặt biển hướng dẫn đến làng nghề trên quốc lộ 1A, quốc lộ 19 và tỉnh lộ 636B; đồng thời, phát triển làng nghề dưới hình thức làng nghề du lịch sinh thái.

***Làng làm nón, Bình Định**

Ở Bình Định có chiếc nón lá Gò Găng nổi tiếng nhưng vẫn còn thêm một chiếc nón khác rất độc đáo, một sản phẩm ngày xưa chỉ dành cho giới quý tộc, quan binh triều đình, đó là chiếc nón ngựa...

Tên nón ngựa đã nói lên cái riêng biệt của nó. Dẻo dai, bền bỉ như ngựa chăng? Hay là nón để đội lúc cỡi ngựa? Cả hai đều đúng cả. Cùng là họ hàng nhà nón nên chúng hao hao giống nhau, nón Gò Găng như cô gái yểu điệu, nón ngựa như một kẻ đầy quyền uy, cứng cáp và bề thế. Muốn làm nón ngựa người thợ phải trải qua thời gian làm nón ngang vì nón ngựa mang nhiều nét mỹ thuật hơn. Nón ngựa lớn, đường kính gần 50 phân, độ xiên góc nón chừng 120 độ. Lá nón được ép và ủi thật phẳng, bằng cách kéo căng sợi lá trên con lăn bằng đồng hay bằng sắt bóng loáng, đã nung nóng. Lá nón rộng độ một phân xếp theo chiều dọc, lá này cách lá kia 2 ly, hẹp về phía đỉnh.

Trước khi lợp lá, thợ phải tết một lớp lưới sườn toàn bằng cước thơm của tàu. Làm nan nón quả là công phu. Nan vành bằng mút đũa, đánh vòng và kết lại sao cho không thấy mối. Các vành phụ thật nhỏ, nhỏ dần bằng sợi chỉ là đến đỉnh, gần sáu trăm dải lá xếp dày. Mối chỉ ở lá đầu được lá thứ hai che và cứ thế cho đến dải lá cuối cùng.

Cầm chiếc nón, nhìn kỹ, bạn vẫn không tìm ra mối chỉ. Nón ngựa nặng hơn nón ngang, lá màu vàng sẫm. Đó mới là xác nón. Phần quan trọng là trang trí. Bên trong nón được trang trí bằng cách thêu hoa văn, chữ hoặc hoa lá. Thân nón là các họa tiết, thông thường là sách bút, đôi khi là hình chim trĩ, chim công... Họa tiết thay đổi theo phẩm hàm, chức vụ. Chóp nón để trần, trên đỉnh có một chùm chỉ ngũ sắc phất phơ như bông hoa để cho người giàu dùng.

Ngày xưa, từ viên xã trưởng trở lên mới có chụp bằng đồng hay bạc. Chụp được chạm trổ theo phẩm trật. Trên đỉnh là núm hình quả trám nhọn hoắt. Tất cả đều có quy ước sẵn. Quai nón to và dày, bằng lụa hay gấm. Cách buộc quai cũng khác. Giải nón dài độ 1,2m, quàng qua hai quai và thắt một lần ở dưới cằm, phần thừa tòng teng như đeo cà vạt. Có thế quai mới dễ điều chỉnh, nhất là khi đi ngựa. Trông thầy Chánh, cụ Lý cưỡi ngựa đội nón chụp bạc thật là oai. Nón ngựa không bán ở chợ vì đắt giá hơn nón ngang rất nhiều. Người cần nón phải đặt hàng. Nón ngựa rất chắc chắn, công phu và mỹ thuật, đã vang bóng một thời trên quê hương Bình Định. Nón ngựa gần như một sản phẩm mỹ thuật. Ngày nay ít người dùng nên nghề làm nón ngựa không phổ biến lắm.

Nghề làm nón ở Bình Định là nghề làm lúc nông nhàn, nghề truyền thống của nhiều làng quê. Và chiếc nón không đơn giản chỉ là một vật đội đầu che nắng che mưa, nó còn là sản phẩm kết tinh của tính chăm chỉ, sáng tạo, sự khéo léo của người thợ và thể hiện trình độ văn hóa của vùng đất đã sản sinh ra nó. Vì thế nón ngựa Gò Găng, nón lá Bình Định cần được bảo tồn và phát triển, bên cạnh vai trò

là một sản phẩm tiêu dùng, chúng xứng đáng được nâng tầm lên thành một sản phẩm văn hóa.

### *Làng rèn Tây Phương Danh, Bình Định

Phương Danh là một trong bốn làng hình thành thị tứ Đập Đá (nay là thị trấn) huyện An Nhơn, với những dấu ấn đậm nét của các xóm chuyên môn hóa, sinh sống bằng một nghề duy nhất. Bắc Phương Danh chuyên làm nông nghiệp, Nam Phương Danh chuyên làm nghề dệt, Đông Phương Danh chuyên buôn bán, Tây Phương Danh chuyên về nghề rèn. Bốn xóm của làng Phương Danh hình thành nên những nghề trong diễn trình lịch sử một cách tự nhiên theo nhu cầu sinh sống vùng đất Phương Danh trước đây.

Tương truyền, vị tổ làng rèn Phương Danh là Đào Giả Tượng. Ông là người từ miền Bắc vào đây khai hoang lập làng và ngày nay, người dân Phương Danh vẫn chưa tìm ra thủy tổ của làng nghề xuất thân ừ làng quê nào của miền Bắc nước ta. Trên bước đường di cư ông đã mang theo nghề rèn hằng mong lập nghiệp ở vùng đất mới. Những người thợ rèn đầu tiên của Phương Danh đã làm ra con dao, cái cuốc, lưỡi liềm, lưỡi mác, lưỡi cày cho những bàn tay lao động cần cù khai phá vùng đất Cỏ Thơm như sử sách đã ghi lại, một địa danh huấn luyện ngựa của nhà Tây Sơn, kế tiếp là làng ven đô kinh thành Hoàng Đế của triều đại Tây Sơn.

Nghề rèn ở đây cha truyền con nối từ thế hệ này qua thế hệ khác. Hầu như người dân Phương Danh ai cũng có đôi tay khéo léo, sự mẫn cảm với độ nóng của ngọn lửa, cảm nhận được chính xác độ mềm của sắt thép, độ rắn

chắc và sắc bén của những vật dụng. Không một mô hình, không khuôn mẫu, nhưng sản phẩm họ làm ra lại rất phong phú và đa dạng về chủng loại.

Ngày nay, sản phẩm của làng rèn Phương Danh là các loại cuốc, cúp (yết), xẻng, rựa, dao, liềm, rìu, đồ thợ mộc, thợ nề, kéo, lưỡi cày, bẫy chuột, móng ngựa... Các lò rèn đều có sự chuyên môn hóa, mỗi lò chỉ sản xuất một hoặc vài sản phẩm nhất định. Có lò chỉ chuyên sản xuất các loại kéo, hay chỉ chuyên sản xuất rựa và dụng cụ thợ mộc, lò thì lại chuyên sản xuất lưỡi liềm... Một phần do sự chuyên môn hóa nên việc sản xuất ở mỗi lò đều mang tính sản xuất hàng hóa cao, tinh xảo, có bí quyết riêng. Cũng là cây cuốc nhưng đây là cuốc kẹp, kia là cuốc tán, rồi cuốc cỏ đậu, đến cuốc xạc cà phê, cuốc làm rừng cao su, cuốc gốc xoắn chòi mía... rất phong phú về chủng loại. Sản phẩm không những nổi danh một vùng mà lan tỏa cả về các tỉnh Tây Nguyên và miền Nam Trung Bộ. Kỹ thuật rèn đã có nhiều công đoạn thay đổi hẳn theo hướng giảm bớt khó nhọc, giảm bớt công sức lao động của người thợ. Làng rèn không còn dùng bễ tay nữa, thay vào đó là quạt điện, bễ điện, lò than nung sắt thép bằng gạch xây, hàng hóa được bán theo những hợp đồng kinh tế với số lượng lớn. Hơn lúc nào hết, mọi người dân làng rèn truyền thống Phương Danh đều ý thức rằng phải luôn chú trọng giữ chữ tín với bạn hàng trong cơ chế thị trường.

Để nhớ ơn người khai sinh ra nghề rèn trên đất này, hàng năm, người dân Tây Phương Danh đã đồng tâm hợp lực tổ chức một lễ hội gọi là Lễ hội làng rèn, kéo dài suốt 3 ngày kể từ ngày 12 tháng 2 âm lịch. Lễ hội này không những quy tụ những hộ đang hành nghề tại địa phương

mà còn lôi cuốn cả những người đang hành nghề rèn trên toàn tỉnh. Ngoài ra lễ hội còn thu hút sự tham gia của những nghề có liên quan đến nghề rèn như nghề sắt. Về Phương Danh trong những ngày này, khách thăm sẽ được nhìn thấy một vùng quê rạng rỡ với những con đường làng được dọn dẹp phong quang, tất cả mọi căn nhà đều tinh tươm, nam thanh nữ tú với những bộ trang phục đẹp rộn ràng khắp các nẻo đường đi trẩy hội. Và đặc biệt, nhà nào cũng hương khói ấm áp tưởng nhớ cụ tổ của nghề rèn.

### *Làng gốm Gọ, Bình Thuận

Làng nghề gốm Gọ truyền thống tại thôn Bình Đức, xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình, Bình Thuận của đồng bào dân tộc Chăm. Đến đây du khách sẽ được tham quan một nghệ thuật làm gốm theo phương pháp cổ truyền đã có từ hàng trăm năm trước. Cách nung gốm ở đây cũng rất khác biệt với các nơi khác. Lò nung chỉ là một khoảng sân rộng, chất đốt là củi cành, rơm rạ, lá dừa khô... người ta chất những sản phẩm cần nung lên mặt sân, chất rơm rạ, lá dừa khô lên trên rồi nổi lửa đốt, khi lửa tàn thì sản phẩm cũng vừa chín. Để trang trí thêm cho sản phẩm, lúc gốm vừa dỡ ra khỏi lò đang còn nóng người ta dùng nước màu chế từ trái thị vẩy lên sản phẩm, khi khô sẽ tạo thành những đốm sao tròn màu nâu đen trông rất lạ mắt.

Làng gốm Bắc Bình nằm cách trung tâm thành phố Phan Thiết không xa, đến đây du khách không chỉ được thưởng thức nghệ thuật làm gốm cổ truyền mà còn được các nghệ nhân hướng dẫn để có thể tự mình làm ra sản phẩm nên rất thu hút du khách, đông nhất nhất là du khách nước ngoài.

### *Làng đúc đồng Phú Lộc Tây, Khánh Hòa

Cách đây 5 năm, làng đúc đồng Phú Lộc Tây thuộc huyện Diên Khánh (Khánh Hòa) là một làng nghề buồn, bởi gần như những nhà lò không còn thổi lửa do không có khách mua. Tưởng chừng làng nghề đã có trên 100 tuổi nằm nép mình bên dòng sông Cái này sắp bị xoá sổ nhưng giờ đây, có một sự trỗi dậy thật kỳ lạ ở nơi này. Lớp nghệ nhân trẻ tuổi đang phát huy tinh hoa của thế hệ cha ông đi trước áp dụng phương pháp mới trong sản xuất để tạo ra sản phẩm không những giữ được dáng vẻ truyền thống, mà còn sắc sảo hơn.

Có thể nói, linh hồn của một làng nghề chính là các nghệ nhân. Ở Phú Lộc Tây, tinh hoa của nghề đúc đồng đang được truyền lại cho lớp nghệ nhân trẻ. Tại đây những sản phẩm được đúc ra là chân đèn, lư hương, cổ bồng. Những sản phẩm đồng dưới bàn tay của các nghệ nhân như có hồn, đó là cái hồn của sản phẩm. Để làm ra một sản phẩm không phải là điều đơn giản. Tất cả các công đoạn đều tỉ mỉ, kĩ càng từ khâu làm khuôn, nấu đồng, cho đến khâu đổ đồng vào khuôn. Với thế mạnh sáng tạo, nhanh nhậy của giới trẻ, họ đã đưa nhiều cải tiến vào trong các công đoạn sản xuất để tiết kiệm nguyên liệu, sức lực, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Hiện nay, sản phẩm của Phú Lộc Tây tiêu thụ mạnh. Nguyên nhân là đời sống của người dân đã được nâng cao, việc sắm một bộ đồ thờ bằng đồng không còn vượt quá khả năng kinh tế của gia đình. Bên cạnh đó, phải ghi nhận sự sáng tạo của các nghệ nhân, đã biến món đồ

tưởng chừng không có gì cầu kỳ thành một thứ trang trí mỹ thuật trong nhà.

Sự hồi sinh của một làng nghề không những giải quyết được công ăn việc làm cho chính người dân địa phương, mà còn là một nét văn hoá làng quê độc đáo. Riêng với Phú Lộc Tây, đây còn là niềm tự hào của nhiều thế hệ quyết tâm giữ lại nét riêng của mình sau hơn một trăm năm.

### *Làng gốm Bàu Trúc, Ninh Thuận

Làng nghề nằm cách thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (tỉnh Ninh Thuận) khoảng 10km về hướng nam. Theo truyền thuyết của cư dân địa phương, nghề làm gốm do vợ chồng ông tổ Pôklông Chanh dạy cho phụ nữ trong làng từ ngàn xưa được nhân dân duy trì cho đến ngày nay. Để tưởng nhớ công ơn tổ nghề, bà con lập đền thờ Pôklông Chanh ngay trong làng và tế lễ vào dịp lễ hội Katê hàng năm. Bàu Trúc là làng gốm duy nhất ở Việt Nam mà người thợ chỉ dùng bàn tay tài hoa của mình để cho ra đời những sản phẩm đất nung.

Vật liệu đóng một vai trò rất quan trọng trong việc tạo ra một sản phẩm gốm thật sự ở Bàu Trúc là một loại đất sét đặc biệt. Loại đất sét này được lấy từ bờ sông Quao, khi nung rất dẻo và bền. Kỹ năng trộn cát với đất sét cũng rất khác biệt. Lượng cát được trộn vào vật liệu còn phụ thuộc vào công dụng và kích thước của từng loại gốm. Vì thế nên gốm Bầu Trúc hoàn toàn khác so với gốm những nơi khác.

Du khách có thể mua sản phẩm tại làng Bàu Trúc, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

## III. MỘT SỐ MÓN ĂN NỔI TIẾNG

### *Gỏi trứng cá chuồn

Cá chuồn là một loại cá ngon và dễ nấu, có thể nấu canh thơm, rau răm hoặc chiên, kho. Thịt cá thơm, chắc, đậm đà nhưng điều đáng nói ở loại cá này chính là bộ trứng. Để làm được một đĩa gỏi trứng, người ta phải cần tới rất nhiều bộ ruột và phải là ruột đã được phơi khô. Trứng cá trước hết phải luộc chín để ráo. Tôm tươi mua về hấp chín, lột vỏ. Thịt ba chỉ luộc, xắt mỏng. Đậu phộng rang vừa chín tới giã giập. Rồi làm một chén mắm ớt tỏi đường chanh. Rau thơm xắt mỏng. Hành khô phi vàng rộm lên. Chỉ nên trộn khi mọi người đã ngồi hết vào mâm ăn. Có vậy, khi thưởng thức giá trị của món ăn mới được tăng lên. Bỏ ruột cá, trứng cá, thịt, tôm, rau thơm, đậu phộng (nhớ chừa lại một ít) vào chảo rồi rưới nước mắm lên, trộn đều. Nêm nếm sao cho vừa miệng. Sau đó múc ra đĩa lớn rắc đậu phộng lên mặt cùng với hành phi và rau ngò. Đĩa gỏi trứng cá chuồn được bưng lên đặt giữa bàn, cùng ăn với bánh tráng. Bộ ruột cá ăn không chỉ là món "tầm thường", vậy mà khi ăn chung với các thứ khác trong một món có tên là gỏi thì được nâng lên tới mức tuyệt vời. Ruột cá bùi bùi, tôm tươi ngọt lịm, thịt béo. Rau thơm, đậu phộng, hành phi... mỗi loại thơm mỗi kiểu. Tất cả, khi được trộn chung sẽ tạo ra một thứ đặc sản hết sức hấp dẫn.

Đến Đà Nẵng, bạn nhớ tìm gỏi trứng cá chuồn, để thưởng thức vị ngon của nó.

### *Mít non trộn sứa, Đà Nẵng

Khách đến chơi nhà, không cần phải "cao lương mỹ vị", ra vườn hái trái mít non vừa tầm, chọn trái đều đặn,

không sâu, như vậy sẽ ít xơ, ngọt và bùi hơn. Sau khi cắt bỏ phần có cuống khoảng 5 phân, dùng một cây nhọn (nhỏ hơn cán liềm) một đầu đóng vào phần lõi vừa cắt của trái mít, nhằm dễ gọt vỏ. Một tay nắm cọc đã đóng, tay kia gọt vỏ. Sau đó cắt dọc từng miếng nhỏ dày cỡ 3cm, rửa sạch nhựa, lạng bỏ cùi mít và bỏ vào nồi nước sôi. Nếu dùng xắt phay thì xắt lớn, trộn sơ với vài cọng rau thơm như rau húng, rau quế... chấm mắm tôm, mắm nêm, tỏi, ớt ăn thật ngon và bùi. Nếu để trộn thì xắt nhỏ.

Ở quê, có thể lấy một ít tép khô, rửa sạch, để ráo. Cho dầu phụng (thứ thiệt) thêm vào vài tép tỏi đập giập vào xoong, khi dầu đã dậy mùi thơm, bỏ tép vào đảo đều, nêm nước mắm, gia vị... sau đó đổ mít trộn đã xắt nhỏ vào xoong đảo nhiều lần cho đều; rải đậu phụng rang, giã giập, rau thơm lên. Dùng bánh tráng nướng vàng ươm xúc, nhai thơm rôm rốp, đậm hương vị nhà quê.

Ở xứ biển, người ta còn bán hoặc chế biến món mít trộn với sứa, món dân dã nhưng hấp dẫn khó có gì sánh bằng. Dù xa quê, nhưng khi liên tưởng món mít non trộn sứa, thịt heo ba chỉ, tôm... hoặc mít non kho với cá chuồn, thơm lừng cũng râm ran trong miệng.

### *Nộm sứa, Đà Nẵng

Vào những ngày hè nóng bức, du khách có dịp về miền Trung sẽ được thưởng thức món nộm sứa. Đây là món ăn lạ miệng rất thích hợp trong mùa nắng nóng, vừa ngon, vừa mát, lại vừa túi tiền.

Con sứa trông giống như thực vật nhưng lại là động vật thuộc loại xoang trường cùng họ với san hô. Thân sứa trong suốt như thủy tinh, mềm mại như chiếc lá, mang đủ

mầu sắc, từ xanh dương, hồng cho đến tim tím... Sứa chứa 95% nước biển, nếu đem phơi nắng suốt 12 giờ liền trên bãi cát thì toàn thân sứa sẽ mỏng ra như tờ giấy.

Mùa hè là mùa sứa nổi. Từng thảm sứa di động trên mặt biển trông như vườn hoa sặc sỡ. Sứa không có mắt, không có vây, không có tai, không có đuôi và cũng không có xương... thế mà sứa chịu đựng được mọi sóng to gió lớn. Người đi biển gặp thảm sứa, lấy dây buộc lại và dùng thuyền máy kéo lôi vào bờ. Sứa được đưa lên bãi cát và ngư dân dùng dao sắc cắt thân sứa ra làm nhiều mảnh nhỏ.

Sứa đem "rộng" vào những chiếc thúng chai (thúng đan bằng nan tre có trét dầu chai) có chứa nước biển. Người bán sứa thường gánh đôi thúng, bày bán ở các chợ quê, chợ tỉnh. Khi nào có người mua, người bán mới vớt sứa ra và đong bằng chiếc chén đất.

Sứa đem về rửa thật sạch bằng nước lã cho trôi hết cát và rong rêu, sau đó mới vớt ra cho ráo nước.

Muốn làm món nộm bằng sứa tai, người nội trợ phải khéo tay, sứa được người đầu bếp rải lên mặt sứa một lớp gia vị đủ như loại lạc rang giã nhỏ, chuối chát non thái mỏng, xoài xanh băm nhỏ, ớt chín, rau răm, rau húng... thế là có món nộm sứa ngon lành.

Với sứa chân, người sành ăn có thể làm thành món nộm công phu và tốn kém hơn. Đem sứa chân thái nhỏ, rửa bằng nước đun sôi để nguội, sau đó trộn chung với thịt gà luộc hay thịt heo thái mỏng, thêm vào ớt chín, xoài xanh băm nhỏ, trứng luộc, lạc rang giã nhỏ, rau thơm các loại... khiến cho hương vị càng thêm đậm đà, khoái khẩu.

Nộm sứa ăn với cơm hay bánh tráng gạo (bánh đa) nướng chín chấm với nước mắm gừng nhâm nhi với ly rượu hay bia thì tuyệt. Hiện nay, món nộm sứa đang bước vào thực đơn các nhà hàng như một món ăn đặc sản miền biển.

### *Ốc bươu Bàu Nghè, Đà Nẵng

Ở Đà Nẵng, ốc bươu lớn nhất được tìm thấy ở Bàu Nghè thuộc An Ngãi Tây 2, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang. Ốc bươu Bàu Nghè, với dáng vẻ ngoại khổ và hương vị độc đáo, từ lâu xuất hiện trên thị trường ẩm thực như một món ăn đặc sản của thành phố bên sông Hàn.

Buổi sáng sớm, vào khoảng 3-4 giờ, thời điểm ốc trồi lên đi ăn sương, người dân quanh xóm Bàu Nghè ới gọi nhau chèo ghe "đi săn" ốc bươu.

Ốc bươu trông dân dã là thế, nhưng chế biến thành món ăn thì tuyệt hết chỗ chê. Phổ biến nhất là món ốc bươu um. Ốc sau khi ngâm qua nước vo gạo một đêm để sạch các chất nhờn và giảm bớt mùi đồng ruộng, được chùi rêu mốc bám trên mình, rửa sạch lần cuối cùng trước khi chặt đít, đưa vào luộc nhẹ trong ít phút rồi đổ ra cho ráo nước. Trộn đều ốc đã luộc với các loại gia vị như ớt, sả, tiêu, dầu... rồi um nhẹ cho gia vị thấm vào thịt ốc. Bí quyết của món ốc um nằm ở chỗ, nếu luộc hoặc um lâu quá, thịt ốc sẽ co vào sâu trong vỏ, rất khó khăn khi thưởng thức; nhưng nhanh quá, gia vị không kịp thấm vào sẽ làm giảm vị ngon. Cầu kỳ hơn, làm sạch ốc xong, người ta đổ sữa bò vào cho ốc ăn trước khi chế biến. Như thế, lúc khêu ốc ra, những đường xoắn ốc màu trắng sữa nổi bật trên nền đen sẫm, tạo nên một cảm giác rất ngon miệng.

Người dân miền Trung, trong bữa cơm thường nấu món canh ốc, hoặc xào ốc với sả, ớt, nghệ. Có khi um ốc với chuối chát, chuối lùn sống, thêm chút nghệ tươi cho có màu và mùi thơm. Các món ốc um, ốc hấp được dùng kèm với chuối chát, khế, rau thơm... không có khế, ăn với dưa chua. Theo đông y, ốc bươu tính hàn, phải ăn kèm với lá chanh, gừng, sả, ớt... là những thực vật tính nhiệt để vừa trung hòa cho hợp với tỳ vị, vừa khử mùi.

### *Cá bống sông Trà, Quảng Ngãi

Có những món ăn đơn giản đến mức không thể nào đơn giản hơn được nữa, ấy vậy mà nó trở thành đặc sản của một địa phương. Dù đi đâu, xa quê bao lâu người ta vẫn nhớ đến.

Người ta thường bảo: "Cá bống kho tiêu, cá thiều nấu ngọt". Cá bống kho tiêu là món ăn đặc biệt của vùng sông nước Trà Giang. Ngon nhất phải nói đến loại cá bống cát ở sông Trà gọi là "Trà Giang sa ngư". Cá bống cát ở sông Trà có nhiều loại, từ loại cá bống cát nhỏ con, màu vàng nhạt, cỡ bằng ngón tay út cho đến loại cá bống vồ, to con, và loại cá bống mú có thân hình tím sẫm như loại cá mú biển (còn gọi là cá bống than) thịt nhão, không ngon bằng thịt cá bống cát.

Cá bống đem về nhà đánh vảy, chặt hết vây và lấy hết ruột. Xong đem cá bỏ vào chiếc rổ tre có trộn ít muối hột, chà đi xát lại nhiều lần cho sạch hết vảy, rửa cá thật sạch mới đem bỏ vào chiếc tô lớn và ướp nước mắm ngon để độ mươi phút. Bây giờ mới đổ cá vào chiếc "trách đất" đã tráng một lớp mỡ hay dầu ăn đã khử rồi đổ thêm nước mắm ngon vào trách sao cho vừa xăm xắp và đun lửa riu riu cho đến lúc chín. Cuối cùng, mới dùng đũa tre trộn cá cho thật đều, nhớ trộn cho khéo tay để cá khỏi bị nát, rồi rắc tiêu bột và nước

màu lên mặt. Đậy nắp trách cho thật kín để um hơi cho nước màu và tiêu ngấm dần vào cá. Độ chừng năm phút sau mới đưa trách cá xuống lò nhưng nắp vẫn đậy kỹ cho đến bữa cơm mới đem ra dùng. Lúc mở nắp trách, mùi vị thơm nức mũi, dù bụng ta có no cũng khó mà chối từ.

### *Don, Quảng Ngãi

Từ bao đời nay người dân Quảng Ngãi đã biết tận dụng những sản vật sẵn có ở địa phương để chế biến những món ăn độc đáo. Các món đặc sản này bình dị nhưng đậm đà phong vị quê hương, ngon miệng và giàu chất bổ dưỡng. Don là một trong những món ăn rất độc đáo của Quảng Ngãi, nhẹ, mát, bổ, rẻ tiền và hấp dẫn. Con don thuộc họ nhà hến, thân bọc bằng hai nửa vỏ úp nhau nhưng don nhỏ hơn hến và chỉ có ở sông Quảng Ngãi. Người ta đi cào don như cào hến. Nấu don thường theo tỉ lệ một bát don vỏ hai bát nước. Cách đãi don cũng như cách đãi nấu hến. Khi don chín, đãi bỏ vỏ, lấy ruột cho vào nước luộc. Đó là cách ăn một lần chung cả nước lẫn cái. Ruột don ít nhưng nước don thơm ngon, vừa ngọt, vừa thanh.

Ở thị xã Quảng Ngãi có thể gặp don bán khắp nơi, từ các quán sang trọng đến các gánh vỉa hè. Dân sành điệu thường ăn don gánh. Do ở quán, cách nấu bị pha tạp và chủ quán thường hay sử dụng don làm sẵn để vào tủ lạnh. Ngày Tết don bán rất đắt hàng. Người bán thường nấu dễ dãi, đại khái cho kịp khách. Dân ghiền phải đi lùng don gánh. Có du khách từng rất thích thú khi một lần được ăn món don bán ở vỉa hè. Người bán bỏ ra một chồng bánh tráng nướng, một chén tương ớt và một đĩa đậu phộng rang vàng ươm. Người bán hàng múc cho khách một tô nước màu có rắc khá

nhiều hành ngò. Khách đón nhận lấy tô, bỏ tương rắc đậu vào rồi khuấy nhẹ, từ dưới bát nổi lên những lát hành tây xắt mỏng và những con trông giống như con hến nhưng bé thua con hến 2-3 lần. Đấy chính là món don một đặc sản của văn hóa ẩm thực tại thị xã Quảng Ngãi.

Những món ăn ngon cũng được chế biến từ don như canh don, cháo don, gỏi don. Cách ăn ngon và tốn kém hơn là làm món "ruột don xào" với miến, bún, bánh tráng hoặc bánh tây để nhắm với rượu, với bia. Đây cũng là món ăn đãi khách, bạn bè rất đặc biệt, đậm đà hương vị quê hương.

### *Gỏi cá cơm Quảng Ngãi

Ở vùng ven biển Dung Quất (Bình Sơn, Quảng Ngãi), tháng giêng, hai là vào mùa cá cơm, những con tàu mỗi khi ra khơi trở về, lòng khoang đầy ắp cá cơm, làm bến bãi thêm nhộn nhịp.

Cá cơm được chế biến nhiều món: Cá cơm rim với tiêu, ớt để ăn trong các bữa cơm hàng ngày; cá cơm hấp, phơi khô để đem đi xa, dành cho những ngày đông buốt giá và cá cơm để làm mắm. Mắm cá cơm thơm ngon quyến rũ đến lạ kỳ. Bên cạnh đó, gỏi cá cơm, một món tuy dân dã nhưng rất độc đáo.

Gỏi cá cơm là món ăn đơn giản. Muốn làm ngon phải bắt đầu từ khâu chọn lựa cá. Cá đánh về còn tươi roi rói, mầu da ánh lên trắng xanh. Nếu cá to bằng ngón tay út, các bà nội trợ phải vặt đầu, tước thành hai mảnh và bỏ xương. Còn cá nhỏ hơn thì chỉ việc bỏ đầu và ruột nhỏ. Cá rửa sạch và để ráo nước, cho vào nồi đổ ít dấm, bắc lên bếp lửa đun liu riu, nước dấm chỉ được sôi lăn tăn không sôi "bùng" lên, khoảng 15 đến 20 phút đem xuống trút vào rổ

sạch để ráo nước. Nước dấm đun với cá được dùng để chế biến thành nước tương. Một chút bột bánh in làm bằng nếp, dăm trái chuối mốc (chuối Đồng Nai) đã chín nẫu đem giã nhuyễn và trộn vào thứ nước lèo đó bắc lên bếp đun sôi, nêm mắm muối, gia vị là được bát nước tương ngon lành, có hương vị béo, ngọt, bùi, chua... Cá cơm hấp chín cho vào bát to, trộn thêm lạc giã nhỏ cùng các loại gia vị tiêu, hành, vắt thêm chút nước chanh tươi có vị chua chua vào là được món gỏi cá cơm thật hấp dẫn...

Món gỏi cá cơm không thể thiếu đĩa rau sống: rau xà lách, cải tầu ô, cải canh xanh mướt, dăm trái cà chua chín đỏ và đôi ba trái chuối chát được xắt lát mỏng trộn đều... Một gắp rau sống, một hoặc hai gắp gỏi cá cơm tùy ý để vào chiếc bánh tráng mỏng và cuốn lại, chấm nước tương, nếu thích cay dùng thêm tí ớt, tí tỏi và nhấp thêm một chút rượu gạo, để dẫn đường làm cho miếng gỏi cá cơm thêm thi vị. Tất cả các vị ngọt bùi, cay đắng, chua chát... tan vào miếng gỏi cá cơm, một hương vị khiến ta nhớ mãi.

### *Mắm nhum Quảng Ngãi

Nhum sống ở những ghềnh đá ven bờ biển từ Bình Định đến Quảng Ngãi. Thịt nhum có thể kho để ăn cơm, trộn trứng chưng cách thủy.., nhưng ngon nhất là làm mắm. Mắm nhum sền sệt, mầu đỏ đục, thơm lựng, từng là đặc sản tiến vua xưa của người dân Quảng Ngãi.

Nhum là một động vật thuộc loại nhuyễn thể, có họ hàng với trai, sò; sống ở những ghềnh đá ven bờ biển nước ấm, lẫn trong rong rêu.

Khi nhỏ, con nhum tựa trái chôm chôm, mầu đen thẫm. Khi lớn có hình tròn dẹt, đường kính khoảng 8 - 10cm; dày 3

- 4cm. Có thể nhận ra chúng trong đám rong rêu vì thân nhum có nhiều gai, giương ra khỏi lớp vỏ để tự vệ.

Vùng biển có nhiều nhum kép kéo dài từ vĩ tuyến 13 đến vĩ tuyến 17, nhiều nhất là ở các ghềnh đá ven biển và hải đảo gần bờ từ Hoài Nhơn (Bình Định) đến Dung Quất, cù lao Lý Sơn (Quảng Ngãi). Mùa sinh sản của nhum và cũng là mùa đánh bắt chúng, bắt đầu từ tiết xuân phân và kết thúc vào tiết lập thu.

Người tìm nhum lặn theo các ghềnh đá. Khi thấy nhum, họ dùng chiếc móc sắt giật khẽ chúng về phía mình, rồi nhặt bỏ vào bao. Cái khó là không được khua động mạnh, nếu không nhum sẽ "bắn gai" vào tay người rồi bám chặt vào vách đá.

Bắt nhum về, người ta rửa sạch rong rêu rồi dùng một thanh tre mảnh nạo thịt ra khỏi vỏ. Thịt nhum kết thành 5 hoặc 8 múi, mầu hồng phớt, có thể kho để ăn cơm, hoặc trộn vào trứng để chưng cách thủy, tráng chả. Tuy nhiên ngon nhất là đem làm mắm, món mắm nhum độc đáo, đậm đà hương vị biển. Nhum có nhiều loại, nhưng chỉ có "nhum ta" nhỏ, thịt chắc, mầu đỏ thẫm ngả sang đen mới có thể dùng làm mắm. Nhum ta sống nhiều ở ven biển Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) và một ít ở Hoài Nhơn (Bình Định) nên mắm nhum là đặc sản của cư dân hai bên mỏm biển vùng này.

Để làm mắm, người ta cho thịt nhum vào chum sành, rắc một ít muối hạt lên trên, rồi đem vùi vào bếp tro hoặc phơi ngoài nắng từ 10 đến 15 ngày. Mắm nhum chín, sền sệt, mầu đỏ đục như mắm sò Hải Vân, thơm rưng rức. Mặn, chua, ngọt lẫn vào trong hương vị riêng của thịt nhum, tạo thành một thứ mắm đầy quyến rũ. Mắm nhum

ăn với bún tươi rất ngon. Nhưng ngon nhất là chấm thịt heo ba rọi kèm rau sống cuốn bánh tráng.

Sản lượng nhum đánh bắt không nhiều, nhum ta - nguyên liệu để làm mắm - lại càng ít. Người ta làm mắm nhum chỉ để dùng trong gia đình và làm quà cho người thân, bạn bè. Lượng mắm nhum bán ra rất ít ỏi và thường chỉ dành cho khách đã đặt từ trước.

### *Bánh hỏi Bình Định

Là món ăn phổ biến ở Bình Định, người ta ăn sáng, ăn trưa bằng bánh hỏi trừ cơm. Bánh hỏi làm bằng bột gạo, mà phải là gạo cũ mới ngon. Sau một đêm ngâm cho mềm, gạo được đem xay thành bột. Người làm bánh sẽ nhồi bột thành những "vặn" lớn, sau đó cho vào khuôn nhôm. Khuôn nhôm hình trụ, đáy có đục nhiều lỗ nhỏ. Sợi bột sẽ theo lỗ đổ ra thành sợi bánh. Người vắt bánh sẽ trải đều sợi bánh trên những tấm nan tre hình chữ nhật rồi đem hấp chín.

Người làm bánh hỏi chuyên nghiệp một ngày bán cả trăm ký. Bánh được xếp vào giỏ lót lá chuối, có vỉ buồm đậy lại nhưng không được quá kín, bánh sẽ mau chua. Bánh hỏi cũng như bún, không kén món ăn kèm. Nếu muốn đơn giản, có thể chan mắm chanh ớt hoặc mắm cái vào rồi ăn liền. Nhưng thường thì người ta ăn bánh hỏi kèm thịt heo và dưa leo thái mỏng. Cầu kỳ hơn, bạn có thể vào nhà hàng chuyên phục vụ món bánh hỏi ở thị trấn Phù Mỹ, có đến hơn 10 món để bạn chọn lựa: bánh hỏi chả giò, bánh hỏi lòng heo, bánh hỏi thịt nướng, bánh hỏi chạo tôm, bánh hỏi tôm càng, bánh hỏi thịt bò nướng, bánh hỏi bò lụi, bánh hỏi gà lụi... Xem ra thì món bình dân nào vào nhà hàng cũng trở nên "đặc sản" hấp dẫn, phong phú...

Ăn bánh hỏi mà không có lá hẹ thì coi như mất ngon. Người dân Bình Định có thói quen phết lá hẹ lên từng tấm bánh trước khi ăn. Lá hẹ thái nhỏ, xào qua dầu ăn cho thơm. Hương vị chính của món bánh hỏi là do lá hẹ khử dầu tạo nên, vừa thơm vừa bùi mà không cần đến bất kỳ thứ rau thơm nào ăn kèm.

Món bánh hỏi bình dị của quê thế mà có sức níu giữ đến lạ kỳ. Ai đã ăn một lần sẽ không sao quên được vị ngọt thơm của sợi bánh, vị bùi the của lá hẹ, vị béo của dầu, vị chua của mắm chanh, thật hấp dẫn.

### *Cháo hàu Bình Định

Đây là món đặc sản của Bình Định. Mặc dù mỗi người nấu lại có một bí quyết riêng nhưng đặc điểm chung của món cháo hàu là ngọt, bùi, béo khiến ai đã một lần thưởng thức đều không thể nào quên.

Món cháo hàu ở Bình Định lúc nào cũng có, vì con hàu khai thác được quanh năm ở rạn đá cửa sông nước lợ và vùng biển. Cháo chín bưng lên còn nóng hổi, mùi hàu thơm phức. Có nơi dọn cháo từng chén cho mỗi thực khách, nơi khác lại đặt cả tô to giữa bàn, mỗi thực khách tùy sức ăn mà múc vào chén. Món này ăn nóng mới ngon. Thịt hàu mềm, bùi thơm, không dai cứng như một số loại hải sản khác. Người ăn múc từng muỗng cho vào miệng, nuốt đến đâu vị ngọt thấm đến đó. Ăn xong mồ hôi toát ra, khỏe người, thêm sảng khoái.

### *Món thưng Bình Định

Ngày Tết ở đây - dù là thành thị hay nông thôn - nhà nào cũng phải có cho được món thịt thưng. Thịt heo để

thưng, có thể lựa mua phần đùi hoặc là ba chỉ, tùy theo ý thích mỗi nhà. Còn thịt bò thì nên mua phần bắp. Thịt mua về cắt dọc ra thành những miếng vừa phải, bề ngang cỡ vài phân. Cả heo và bò đều phải luộc sơ qua rồi ướp. Nhớ ướp và thưng riêng. Thịt heo thì ướp với hành - tỏi giã, tiêu, nước mắm ngon, xì dầu và chút đường. Thịt bò thì cùng những gia vị nói trên, thêm sả, gừng giã nhỏ. Trong thời gian ướp độ vài tiếng đồng hồ, thỉnh thoảng lật từng miếng thịt một, cho độ thấm được đều nhau. Sau đó bắc chảo lên bếp, đổ dầu vào. Dầu nóng, lần lượt bỏ từng miếng thịt vào và hạ lửa nhỏ. Rồi cứ một chặp lại lật, và múc nước ướp, rưới đều lên những miếng thịt. Cứ như thế cho tới khi nước ướp đã hết và nước ở trong chảo thưng, chỉ còn xâm xấp. Miếng thịt săn lại, vàng ươm và khắp cả nhà sực mùi thơm của "thưng" là được. Những ngày đầu năm mọi người trong gia đình thường đi chúc Tết, đi chơi và tiện lợi biết bao, khi về tới nhà, hâm lại chảo thịt thưng và xắt ra lấy một, hai đĩa. Rồi nhặt một ít xà lách, rau thơm có sẵn và cắt dưa leo, xong nhúng bánh tráng và thưởng thức.

### *Bánh hỏi Phú Long, Bình Thuận

Thật vậy, đến Bình Thuận nếu chưa thưởng thức bánh hỏi Phú Long thì chuyến du lịch xứ biển quả thật chưa trọn vẹn.

Đó là món ăn gồm bánh hỏi, lòng heo, bánh tráng mỏng, rau sống và nước chấm. Bánh hỏi Phú Long mới nhìn qua tưởng đơn giản, nhưng chế biến cũng thật công phu. Để có được bánh hỏi bạn thưởng thức vừa ý, người làm bánh phải chọn thứ gạo tốt, làm ra từng con sợi trắng

tinh, ráo hỏi. Lòng heo, nhất là bao tử phải sạch hết mùi hôi. Miếng dồi bắt mắt, dọn ra dậy mùi hấp dẫn, nhìn qua đã kích thích khẩu vị vô cùng. Bánh hỏi lòng heo thường được dùng trong dịp cưới xin, tiệc tùng hoặc điểm tâm sáng. Khi ăn, cuốn bánh tráng với bánh hỏi lòng heo, kẹp rau sống ở giữa, rồi chấm nước mắm chanh đặc biệt. Hương vị lạ có chất béo ngọt của lòng heo, vị ngọt đượm tí chua của nước chấm quyện với rau sống, khiến người ăn thật khoái khẩu.

Bánh hỏi lòng heo xuất xứ từ xóm Lụa - Phú Long, là một trong những loại ẩm thực độc đáo của Bình Thuận, đã có lâu đời. Bí quyết chế biến được "cha truyền con nối", ngày nay đã thành "lò" sản xuất, chuyên cung cấp cho những tiệm ăn đặc sản trong vùng. Món ẩm thực này du khách có thể thưởng thức ngay trong thành phố biển. Nhưng muốn ăn đúng hương vị quê hương phải đến Phú Long, thực khách sẽ được thưởng thức cái ngon đậm đà của bánh hỏi lòng heo cùng với món nước chấm được pha chấm theo bí quyết riêng.

### *Cá nục nướng lá mướp Bình Thuận

Cá nục ở vùng duyên hải nước ta không hiếm, nơi nào cũng có. Thường là tháng bảy âm lịch hàng năm trở lên, cá nục mới thịt nhiều, nhất là cá nục sồ. Ngoài các món ăn phổ biến như kho, nấu canh chua, hấp cuốn bánh tráng... trong đó món cá nục nướng lá mướp ở Bình Thuận khá hấp dẫn.

Cá nục tươi sống rửa sạch, cắt bỏ đầu, lọc lấy thịt rút xương. Ướp với một ít đường, muối, bột ngọt, tỏi, ớt giã nhỏ, cho thật thấm. Chuẩn bị sẵn lá mướp (lá mướp nào cũng được) nhưng được lá mướp hương thì tốt hơn. Chọn lá

mướp lành lặn không bị sâu đục lỗ chỗ, rửa sạch để ráo nước và lau khô. Trải chồng liền ba lớp lá, rồi đặt thịt cá đã ướp lên gói lại. Cột chặt bằng dây lạt hoặc dây chuối xé nhỏ. Sau đó xếp lên vỉ đem đặt trên bếp than hồng, nướng bằng các phương pháp khác như gas, cồn... đều không ngon. Sau khi cá chín, đem xuống gỡ lá mướp ra, ăn cùng với cơm nóng hoặc bánh tráng nướng kèm rau sống, thật là món ăn rất tuyệt.

### *Cháo cua huỳnh đế Bình Thuận

Cua huỳnh đế là đặc sản của vùng biển Bình Thuận. Cua huỳnh đế có màu đỏ hồng, mai hình vuông, càng và que ngắn. Đặc biệt, đầu cua dài và có nhiều râu...

Cua huỳnh đế có quanh năm nhưng rộ nhất là tháng chạp âm lịch. Đây cũng là thời gian mà cua ngon nhất, to, chắc thịt và gạch cua nở đầy mai. Cua huỳnh đế luộc chấm muối tiêu chanh ăn rất ngon, nhưng ngon nhất phải kể đến món cháo. Cua huỳnh đế rửa sạch cho vào một cái tô lớn rồi đem hấp để giữ nguyên chất ngọt. Sau đó, tách mai ra dùng muỗng nạo hết gạch để vào một tô riêng. Phần càng que được ráy thịt đổ vào tô khác để ướp nước mắm ngon, tiêu hành, bột ngọt... Kế tiếp bắc một chảo dầu lên, phi hành củ cho thơm, nhỏ lửa cho thịt cua vào và đảo đều cho thịt thấm. Khi cháo nhừ cho thịt cua vào và để sôi vài dạo. Đổ tô gạch cua sau cùng. Nêm cho vừa ăn và cho thêm nửa củ hành tây lát mỏng cùng lá hành, ngò xắt nhỏ. Nhấc xuống và cho thêm tiêu vào. Nồi cháo cua huỳnh đế ngon phải có lớp mỡ hành vàng sánh ở trên, lẫn với nước gạch màu đỏ cùng những thớ thịt màu trắng của cua.

### *Cốm hộc Phan Thiết, Bình Thuận

Đây là thứ quà vừa ngon vừa rẻ không chỉ nổi tiếng ở Phan Thiết mà hiện nay nhiều người cũng biết đến đặc sản này. Cốm hộc được làm từ gạo nếp ngon rang nở bung (còn gọi là nổ) và đường, dứa, gừng. Gừng lột vỏ, rửa sạch để ráo nước rồi mang đi giã vừa nát. Trái dứa gọt vỏ, bỏ mắt, xắt từng miếng nhỏ, mỏng. Cho đường lên bếp lửa để thắng, trong khi thắng đường vắt một trái chanh cho vào để khỏi lại đường.

Đường sôi khoảng 2 phút, dùng chiếc đũa thử thấy đường kéo lên thành dây là được. Trước khi nhắc đường xuống, cho gừng và dứa vào, đợi nguội hẳn rồi đổ vào thau nổ, trộn đều khoảng 20-30 phút rồi bắt đầu công đoạn đóng cốm.

Khuôn cốm là những hộc gỗ vuông, hai bề mặt rỗng, có thêm một miếng gỗ rời để khi đóng cốm họ dùng miếng gỗ này ép nổ xuống cho cốm chặt và bằng phẳng. Hộc cốm được chuyền đến tay một người khác cạnh đó. Công việc của người này khá đơn giản, chỉ với một tấm thớt và một con dao. Với động tác nhanh, gọn, họ đặt miếng cốm lên tấm thớt nhỏ, dùng con dao bén gọt bỏ những cốm không đều ở bốn cạnh, để hộc cốm được vuông vức.

Tiếp đến là phần phơi cốm. Từng hộc để đều trong một cái nia tre lớn, đem phơi 1-2 lần nắng cho cốm thật khô. Lúc phơi, họ chuẩn bị những tấm vải mùng để phủ lên các nia, tránh bụi bặm, ruồi nhặng.

Cốm hộc để được khá lâu, 1-3 tháng, khi dùng, lấy dao cắt thành 4 hay 6 miếng, ăn vào mùi vị vẫn thơm ngon như khi mới làm.

### *Mực một nắng nướng Bình Thuận

Mực tươi nướng, còn gọi là mực một nắng nướng là món đặc sản của Bình Thuận. Mực phải chọn những con vừa mang từ biển về còn tươi rói, chỉ phơi sơ qua một nắng. Khi nướng, mực vẫn giữ được độ tươi, thịt trắng thơm và dẻo. Khác với các loại mực khô thông thường, mực một nắng chỉ phơi duy nhất một lần nắng. Việc phơi mực cũng là "kỹ thuật" làm sao để thân ngoài con mực đã ráo hẳn nhưng bên trong thịt mực vẫn còn tươi rói là đạt yêu cầu. Theo những người chuyên nghề câu mực thì họ hàng nhà mực gồm nhiều loại: mực lá, mực ống, mực tuộc, mực ghim... nhưng chỉ có mực lá mới chế biến được món mực một nắng ngon. Vì thế, người câu mực luôn ưu tiên câu mực lá hơn là các loại mực khác.

Mực một nắng cần nướng kỹ trên lửa than liu riu, không để lửa già. Con mực có mầu trắng tinh, khi nướng chín chuyển sang màu vàng. Lửa nướng vừa phải, con mực sẽ chín, cả trong cả ngoài, bay tỏa mùi thơm ngòn ngọt tự nhiên. Nếu để lửa già quá, con mực chỉ cháy vàng bên ngoài, còn bên trong thịt vẫn sống.

Món mực một nắng không chấm với các loại nước chấm nào khác ngoài tương ớt (cũng giống như mực khô nướng). Khi ăn miếng mực ngọt lịm, mềm mềm, thơm phức, hòa quyện với vị cay nồng của tương ớt.

### *Nước mắm Phan Thiết, Bình Thuận

Bình Thuận có nhiều loại hải sản thu hút khách du lịch. Đã đến đây rồi thì không thể không mua về cho gia đình và bạn bè những món quà mang đậm hương vị biển,

đặc biệt là nước mắm. Nước mắm Phan Thiết có hương vị thơm ngon với độ đạm cao và là món nước chấm ngon, tốt cho sức khỏe. Những thương hiệu nước mắm như Mũi Né, Liên Hương, Con Cá Vàng... ngày càng tạo được tín nhiệm cho người tiêu dùng, không những trong nước mà còn vươn xa ra cả thị trường nước ngoài.

***Cá ngừ đại dương, Phú Yên**

Là món ăn ưa chuộng của nhiều nước châu Á, nhất là các nước Nhật Bản, Đài Loan... Phú Yên hàng năm đánh bắt, chế biến thành những món ăn đặc sản của địa phương một phần lớn giành cho xuất khẩu. Thịt cá ngừ đại dương đỏ tươi được thái thành lát mỏng và to, chấm với mù tạc, xì dầu và ăn kèm với các loại rau thơm: Tía tô, húng, cải xanh... đậu lạc rang, bánh tráng nướng. Món này chế biến đơn giản, vừa thích hợp trong những buổi tiệc chiêu đãi tại các nhà hàng, vừa rất tiện lợi cho những buổi liên hoan dã ngoại ngoài trời.

Ngoài ra, mắt cá ngừ đại dương còn là một món ăn có mùi vị độc đáo, rất ngon, rất hiếm, ít nơi có món ăn này. Qúy khách có dịp đến Phú Yên hãy một lần thưởng thức món ăn đặc sản này.

***Bánh xèo, bánh căn Ninh Thuận**

Bánh xèo ở đây có thể ăn no mà không ngán, đậm đà hương vị của biển. Bánh được đổ trong những chiếc khuôn làm bằng đất nung đặt trong một cái lò tròn. Bánh không dùng nhiều dầu để tráng khuôn, lượng bột vừa đủ dày để tạo ra độ giòn mà không mất độ dẻo của bánh, nhân bánh được thêm giá sống và hải sản rất tươi ngon như tôm, mực.

Nước mắm ăn với bánh xèo được pha với ít đậu phộng giã nhuyễn, hơi lạt để có thể cho chiếc bánh vào ngập chén nước mắm mà không bị mặn. Về khuya, trong cái se lạnh của phố biển, thưởng thức món bánh xèo bên bếp lửa hồng quả là ấm tình. Một món ăn khá độc đáo khác là món bánh căn.

Bánh căn gần giống bánh khọt, nhưng làm bằng bột gạo pha nếp, nhân bánh dùng tôm, mực, thịt hay trứng, đậm đà và ngon hơn với chén nước chấm làm từ đậu phụng rang xay nhuyễn, thêm vị chua của me, ngọt của đường, mùi thơm của tỏi phi, hành phi cùng nhiều loại nước chấm khác để tạo ra cảm giác thú vị riêng. Du khách cũng có dịp thưởng thức một số loại bánh làm từ bột gạo gói bằng lá chuối, đặc biệt là bánh gạo tấm và bánh gừng rất nổi tiếng của người Chăm vùng Ninh Thuận.

## MỤC LỤC


| | | Trang |
|---|---|---|
| **Phần thứ nhất** | **ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÁC DI TÍCH, DANH THẮNG NAM TRUNG BỘ** | 7 |
| I | Điều kiện tự nhiên | 9 |
| II | Đặc điểm kinh tế - xã hội | 12 |
| III | Đặc điểm các dân tộc, tôn giáo | 15 |
| IV | Di tích lịch sử | 29 |
| V | Danh lam thắng cảnh | 118 |
| **Phần thứ hai** | **VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG NAM TRUNG BỘ** | 177 |
| I | Phong tục, lễ hội đặc sắc | 179 |
| II | Làng nghề truyền thống | 209 |
| III | Một số món ăn nổi tiếng | 237 |

# NAM TRUNG BỘ

*VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI*


| | |
|---|---|
| Chịu trách nhiệm xuất bản: | PHẠM BÁ TOÀN |
| Chịu trách nhiệm bản thảo: | NGUYỄN DUY TƯỜNG |
| Biên tập: | TRẦN VĂN QUANG |
| Trình bày: | NGUYỄN TRUNG MINH |
| Sửa bản in: | PHẠM THỊ BÍCH NGỌC |
| Bìa: | NGÔ TRỌNG HIỂN |

**NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN**

23 Lý Nam Đế Hà Nội.

ĐT: (04) 38455766; Fax (04) 37471106

**Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

Số 8 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Quận 1

ĐT (069) 667452 - (08) 39111563; Fax: (08) 39111563

**Cơ quan Đại diện tại TP. Cần Thơ:**

Phi trường 31 - đường Cách mạng tháng Tám

ĐT: (069) 629905 - (0710) 3814772. Fax: (0710) 3814772

**Cơ quan Đại diện tại TP. Đà Nẵng:**

Số 15A Duy Tân - Quận Hải Châu

ĐT: (0511) 6250803 - Fax: (0511) 6250803

Bắt đầu in: Quý I - 2010 In xong và nộp lưu chiểu: Quý I - 2010

Khổ sách: 14.5 x 20.5 Số trang: 256

Số xuất bản: 1128-2009/CXB/11 - 259/QĐND

In và đóng sách tại: Công ty CP in vật tư Ba Đình, Thanh Hóa

Số in: 405 Số lượng: 1.050 cuốn

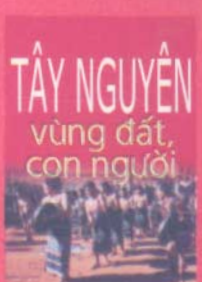

SÁCH ĐƯỢC PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH THĂNG LONG
NHÀ SÁCH THĂNG LONG
2 NGUYỄN THỊ MINH KHAI, QUẬN 01, TP. HỒ CHÍ MINH

101112403

8 935075 919983

Giá: 41.000đ